GIẢI PULITZER 1988
GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1993

THƯƠNG
Beloved

TONI MORRISON

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

LỜI DỊCH GIẢ

Biên dịch cuốn *Thương* (Beloved) của Toni Morrison là một vinh dự cho bất kỳ dịch giả nào. Tác phẩm này, tác phẩm của người phụ nữ Mỹ da đen đầu tiên đoạt giải Nobel Văn chương (1993), đoạt giải Pulitzer Văn chương của Mỹ năm 1988. Đối với tôi, cơ hội này, ngoài vinh dự, đòi hỏi một sự thận trọng sâu xa hơn một dự án dịch thuật thông thường, vì Toni Morrison trong Thương chính là tiếng nói của người phụ nữ da đen nói riêng và của người da đen ở Mỹ nói chung trong thời kỳ khó khăn nhất của người da đen trên đất Mỹ: thời kỳ nô lệ. Về mặt kỹ thuật, cuốn sách dùng những từ ngữ, cách diễn đạt của miền Nam nước Mỹ, của người da đen, và thuộc về khoảng thời gian là bối cảnh cho câu chuyện – hai ba thập niên từ giữa đến gần cuối thế kỷ XIX, trước và sau cuộc Nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam nước Mỹ (1861-1865). Nhưng dịch những từ ngữ ấy cho chính xác và dễ hiểu cho người đọc, dù không đơn giản, vẫn không khó bằng nắm bắt và truyền đạt được những suy nghĩ, tình cảm, những uẩn ức, đau đớn về thể chất cũng như về tinh thần của những người da đen Mỹ sống vào thời đó, đàn ông cũng như đàn bà, trẻ con cũng như người lớn.

Thành công của bản dịch, tôi xin nhờ vào sự phán quyết của người đọc. Riêng bản thân tôi, tôi tin rằng mình đã cố gắng hết sức, trân trọng, cẩn thận hết mức. Nhưng tôi không thể nào hoàn thành công trình này mà không có sự giúp đỡ to lớn của những người tham dự chung trong dự án. Trước hết là Alpha Books đã quyết tâm mang bản dịch của tác phẩm quan trọng này đến tay người đọc. Sau đó, là phần biên tập hết sức cẩn thận và tỉ mỉ, đầu tiên là của người bạn dịch thuật của tôi, anh Phạm Văn, rồi đến của chị Đỗ Kiện Ảnh. Tôi đã học hỏi được rất nhiều qua quá trình biên tập này, về tiếng Việt cũng như tiếng Anh.

Ước vọng của tôi, với việc biên dịch tác phẩm này, là mang lại cho người đọc một câu chuyện hay, một cảm thông với suy nghĩ và tâm tình của các nhân vật trong truyện. Mong rằng bản dịch sẽ mang lại cho người đọc những giờ phút hạnh phúc như tôi đã có khi đọc và dịch *Thương*.

Cuối cùng, tôi cảm ơn Toni Morrison đã trút công sức vào tác phẩm văn chương này và cho chúng ta một khung cửa sổ nho nhỏ, soi vào tim óc của những người da đen sống qua một khúc quanh quan trọng của lịch sử Mỹ: cuộc Nội chiến Nam Bắc và cuộc Giải phóng nô lệ sau đó.

HỒ NHƯ

Người không phải của Ta,

Ta sẽ gọi là Người của Ta;

Người chẳng được thương,

Ta sẽ gọi là Người Thương.

ROMANS 9:25

PHẦN MỘT

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

1

I24 hằn học. Đầy nọc độc trẻ thơ. Những người đàn bà trong nhà biết thế và lũ trẻ cũng biết thế. Đã nhiều năm, mỗi người chịu đựng sự hằn học ấy theo cách riêng của mình, nhưng đến năm 1873, chỉ còn Sethe và con gái Denver là nạn nhân của nó. Bà nội Baby Suggs đã mất, và hai đứa con trai Howard và Buglar đã trốn đi khi chúng mười ba tuổi – khi chỉ nhìn vào gương thôi đã đủ làm nó vỡ tan (dấu hiệu cho Buglar); ngay sau khi hai vết bàn tay nhỏ hiện ra trên mặt chiếc bánh ngọt (thế là xong với Howard). Chúng không đợi để chứng kiến thêm nữa; thêm một nồi đậu đỏ chất đống bốc khói trên sàn nhà; bánh quy giòn bóp vụn và rải dọc theo bệ cửa. Chúng cũng không đợi đến lúc mọi chuyện nguôi ngoai, khi nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng trôi qua mà không điều gì bị xáo trộn. Không. Từng đứa tức thì bỏ đi – ngay khi căn nhà phạm một điều đối với chúng là sự lăng mạ không chịu đựng nổi hay không thể chứng kiến đến lần thứ hai. Trong vòng hai tháng, ngay giữa mùa đông, chúng để mặc bà nội Baby Suggs, mẹ Sethe và em gái Denver tự mình xoay sở trong căn nhà trắng xám ở đường Bluestone. Lúc ấy nhà không có số, vì Cincinnati chưa kéo dài đến chỗ ấy. Thật ra, lúc thằng anh rồi đến đứa em nhồi chăn vào mũ, chụp đôi giày, và lẻn trốn khỏi sự hằn học dữ dội căn nhà dành cho chúng thì Ohio chỉ mới tự nhận là tiểu bang được bảy mươi năm.

Baby Suggs không buồn nhấc đầu dậy. Từ giường bệnh bà nghe chúng đi, nhưng không phải vì vậy mà bà nằm yên. Với bà, chuyện lạ là mãi đến lúc ấy hai thằng cháu mới nhận ra không ngôi nhà nào giống như ngôi nhà trên đường Bluestone. Ở lưng chừng giữa cuộc sống khốn nạn và cái chết ác mó, rời bỏ cuộc đời hay tiếp tục sống bà đều không thiết tha, nói gì đến nỗi sợ của hai thằng cháu đang lẻn đi. Quá khứ của bà cũng giống như hiện tại – chịu không thấu – và vì bà biết rằng cái chết không là gì khác ngoài sự quên lãng, bà dùng chút hơi tàn để suy ngẫm về màu sắc.

“Mang chút màu tím nhạt vào nếu con có. Nếu không, thì mang màu hồng.”

Và Sethe sẽ chiều bà bằng bất cứ cái gì, từ tấm vải cho đến cái lưỡi của chị. Mùa đông ở Ohio đặc biệt gay go nếu người ta khát thèm màu sắc, bầu trời là duy nhất, mà trông mong vào chân trời Cincinnati để tìm niềm vui chính của cuộc đời thì thật là liều lĩnh. Vì vậy, Sethe và Denver, con gái chị, làm hết sức cho bà, với những gì căn nhà cho phép. Họ cùng nhau chống trả lấy lệ những hành vi thái quá của nó; thùng tiểu đêm lật úp, cái vỗ vào sau mông, luồng gió có mùi chua. Vì họ hiểu nguồn căn của nỗi căm giận đó, cũng như họ hiểu nguồn căn của ánh sáng vậy.

Không lâu sau khi hai cậu bé bỏ đi, Baby Suggs chết, không mảy may quan tâm xem cuộc tiễn đưa là dành cho chúng hay cho bà, và ngay sau đó Sethe và Denver quyết định chấm dứt sự quấy nhiễu bằng cách gọi hồn ma đã làm họ khổ cực đến thế. Họ nghĩ có lẽ một cuộc đối thoại, một lần trao đổi quan điểm hay cái gì đó sẽ có ích. Vì vậy họ nắm tay nhau và nói: “Về đây. Về đây. Hồn ơi, về đây!”

Chỉ có tủ chén đĩa tiến lên một bước, còn mọi thứ vẫn im lìm.

“Chắc bà nội Baby cản chị ấy rồi,” Denver nói. Lúc ấy nó mười tuổi và vẫn còn giận Baby Suggs vì bà chết.

Sethe mở mắt. “Mẹ không chắc,” chị nói.

“Vậy tại sao chị ấy không đến?”

“Con đừng quên chị còn nhỏ lắm”, mẹ nó nói. “Chị con chết khi chưa đầy hai tuổi. Nó còn nhỏ quá không hiểu gì. Thậm chí nói còn chưa sõi.”

“Có thể chị ấy không muốn hiểu,” Denver nói.

“Có thể. Nhưng nếu nó chịu đến, mẹ sẽ làm cho nó hiểu.” Sethe buông tay con gái và hai mẹ con đẩy tủ bát đĩa trở lại sát tường. Bên ngoài, một người đánh xe quất cho ngựa chạy nhanh hơn; dân trong vùng ai cũng cảm thấy cần phải làm thế khi đi ngang qua nhà số I24.

“Chị ấy bé xíu mà quyền phép mạnh ghê,” Denver nói.

“Không mạnh hơn tình thương mẹ dành cho nó,” Sethe trả lời, và cảnh tượng ấy lại hiện ra. Hơi lạnh mát dễ chịu của những tấm bia mộ chưa khắc; tấm bia chị nhón chân tựa vào, hai gối chị giang rộng như một nấm mồ. Tấm bia màu hồng như móng tay, lấm tấm những vết lấp lánh. Mười phút, hắn nói, Chị có mười phút tôi làm không công.

Mười phút cho sáu mẫu tự. Thêm mười phút nữa có lẽ chị có luôn chữ “Mến”? Chị không nghĩ ra để hỏi hắn, và chị vẫn băn khoăn không chừng chuyện ấy có thể – rằng mất hai mươi phút, hay cùng lắm nửa tiếng, chị có thể được tất cả, tất cả mấy chữ chị nghe ông mục sư nói trong đám tang (và chắc chắn đấy là tất cả mọi lời đáng nói) sẽ được khắc trên bia mộ của đứa con thơ: Mến Thương[(1)]. Nhưng chị đã có một chữ quan trọng, và chị chấp nhận như thế. Chị nghĩ thế là đủ, động đực với tên thợ khắc giữa những tấm bia mộ, trong

lúc đứa con trai nhỏ của hắn ngó xem, trên mặt nó nỗi giận dữ quá cũ mà sự thèm thuồng lại rất mới. Chắc chắn như vậy là đủ. Đủ để trả lời một ông mục sư nữa, một người chủ trương bãi nô nữa và một thị trấn ngập ngụa trong ghê tởm.

Mong cho linh hồn mình được yên ổn, chị đã quên mất linh hồn kia: linh hồn của đứa bé gái con chị. Ai nghĩ được đứa bé dường ấy lại có thể chất chứa nhiều căm tức như thế? Động đực giữa những tấm bia dưới cái nhìn của đứa con trai tên thợ khắc chữ chưa đủ. Không những chị phải sống đến già trong căn nhà bị đứa bé phẫn nộ vì bị cắt cổ làm cho tê liệt, mà mười phút chị áp mình vào tấm đá màu ban mai có điểm những mảnh sao, hai gối chị mở rộng như nấm mồ, mới dài hơn cuộc đời, sinh động hơn, phập phồng hơn máu đứa bé trơn như dầu đẫm ướt tay chị.

"Mình có thể chuyển nhà," có lần chị đề nghị với mẹ chồng.

"Có ích gì?" Baby Suggs hỏi. "Có căn nhà nào trong xứ sở này không chất đầy đến nóc nỗi buồn phiền của một kẻ da đen đã chết nào đấy. Mình may mắn vì hồn ma này là con nít. Hồn của chồng mẹ trở lại đây thì sao? Hay của chồng con? Đừng nói với mẹ làm gì. Con may mắn. Con còn ba đứa. Ba đứa kéo váy con mà chỉ có một đứa làm trời làm đất từ cõi bên kia. Con phải biết ơn, nghe con. Mẹ có tám đứa con. Đứa nào cũng rời mẹ mà đi. Bốn đứa bị bắt đi, bốn đứa bị đuổi đi, và mẹ đoán tất cả tụi nó ám nhà người ta." Baby Suggs bóp lông mày. "Con đầu lòng của mẹ. Mẹ chỉ còn nhớ được là nó thích cạnh bánh mì cháy. Con thấy có ai hơn được mẹ không? Tám đứa con mà mẹ chỉ nhớ bấy nhiêu."

"Mẹ chỉ tự cho phép mình nhớ bao nhiêu đó," Sethe đã bảo bà, nhưng rồi chính chị chỉ còn có một đứa – một đứa còn sống – hai thằng con trai đã bị đứa con đã chết đuổi đi, và ký ức của chị về Buglar đang phai đi nhanh chóng. Ít nhất Howard có hình dạng cái đầu khó quên. Những chuyện còn lại chị gắng nhớ càng ít càng tốt cho yên thân. Không may là đầu óc chị quỷ quái. Chị có thể đang vội vã, gần như chạy đến vòi bơm nước để rửa chân cho sạch nhựa hoa cúc. Chị không nghĩ đến điều gì khác. Hình ảnh những người đàn ông đến bú chị cũng vô cảm như những dây thần kinh ở chỗ làn da sần sùi như tấm ván giặt trên lưng chị. Cũng không có mùi mực thoang thoảng hay mùi nhựa cây anh đào và vỏ cây sồi làm ván giặt. Không có gì cả. Chỉ có làn gió nhẹ thổi mát khuôn mặt chị khi chị lao đến vòi nước. Và rồi, trong lúc chị chà nhựa hoa cúc bằng nước vòi bơm và mấy tấm giẻ, chị chú tâm vào việc rửa sạch hết nhựa – vào việc chị đã bất cẩn đi tắt qua cánh đồng chỉ để bớt được nửa dặm đường mà không để ý rằng cỏ dại mọc rất cao, cho đến khi cái ngứa lan tận đến hai đầu gối của chị. Rồi có một điều gì đấy. Tia nước tung tóe, cảnh giày tất của chị quăng ngổn ngang trên lối đi, hay con Here Boy đang liếm vũng nước cạnh chân chị, và bất chợt Tổ Ấm trải ra, trải ra, trải ra trước mắt chị, và mặc dù chiếc lá nào của nông trại ấy cũng khiến chị muốn thét lên, nó trải mình ra trong vẻ đẹp không thẹn thùa trước mặt chị. Không bao giờ nó trông ghê gớm như nó thật sự ghê gớm và chị tự hỏi phải chăng địa ngục cũng là một chốn xinh đẹp. Lửa và lưu huỳnh thật đấy, nhưng ẩn giấu trong những lùm cây giăng mắc. Hai cậu bé đu đưa trên những cây sung dâu đẹp nhất thế gian. Chị xấu hổ – vì nhớ lùm cây tuyệt vời rì rào trong gió hơn là nhớ hai thằng bé. Dù chị cố thay đổi, lần nào cây sung dâu cũng thắng bọn trẻ và chị giận ký ức của mình là vì thế.

Khi nhựa hoa cúc đã sạch hết, chị đi vòng ra trước căn nhà, tiện đường nhặt giày tất. Như thể chị đang bị trừng phạt thêm nữa vì trí nhớ tệ hại của mình, Paul D, người đàn ông cuối cùng của Tổ Ấm, đang ngồi trên hàng hiên cách chị chưa đầy mười lăm thước. Dù không thể lẫn khuôn mặt anh với ai khác, chị vẫn nói: "Anh đó ư?"

"Phần sót lại của anh." Anh đứng lên và mỉm cười. "Ngoài chuyện em đang chân trần, em thế nào, cô bé?"

Tiếng cười của chị trẻ trung và thoải mái. "Chân em bị dính bẩn đằng kia. Hoa cúc."

Anh nhăn mặt như đang nếm phải một thìa chất đắng. "Thậm chí anh không muốn nghe đến nó. Anh vẫn ghét đặc cái thứ ấy."

Sethe vo tròn tất và nhét chúng vào túi áo. "Anh vào nhà đi."

"Ngồi ngoài hàng hiên được rồi, Sethe. Ngoài này mát." Anh lại ngồi xuống và nhìn cánh đồng cỏ bên kia đường, biết rằng nỗi háo hức trong anh sẽ lộ ra khẽ khàng.

"Mười tám năm," chị nói nhỏ.

"Mười tám," anh lặp lại. "Anh thề anh đã lang thang suốt từng đó năm. Anh bắt chước em nhé?" Anh hất đầu về phía hai bàn chân chị và bắt đầu tháo dây giày.

"Anh có muốn ngâm chân không? Để em lấy chậu nước cho anh." Chị đến gần anh hơn để vào nhà.

"Thôi. Không thể chăm chút hai bàn chân được. Chúng còn phải lang thang nhiều nữa."

"Anh không được đi ngay, Paul D. Anh ở lại một lát đã."

"Ôi, dù sao anh cũng ở lại đến khi gặp được Baby Suggs chứ. Bà đâu rồi?"

"Mất rồi."

"Chao ơi. Khi nào?"

"Tính ra tám năm, gần chín năm rồi."

"Có khổ sở không? Anh hy vọng bà chết mà không đau đớn."

Sethe lắc đầu. "Êm như nhung. Sống mới là phần khó. Tiếc là anh không gặp được bà. Anh ghé thăm là vì thế à?"

"Cũng có một phần. Còn lại là vì em. Nhưng thật tình bây giờ anh sẽ đi bất cứ nơi đâu. Bất cứ nơi nào người ta cho anh ngồi xuống."

"Trông anh khá đấy."

“Lừa mị của quỷ đó thôi. Anh còn cảm thấy tệ thì nó còn để anh trông khá khẩm.” Anh nhìn chị và chữ “tệ” biến thành nghĩa khác.

Sethe mỉm cười. Họ như vậy đấy – từng như thế đấy. Những người đàn ông Tổ Ấm, trước Halle hay sau Halle, tất cả đối với chị đều có chút tán tỉnh thân tình, tế nhị đến nỗi phải cào lên mới thấy.

Anh vẫn như hồi ở Kentucky, chỉ khác là có thêm tóc và một vẻ mong đợi trong mắt. Da màu hột đào, lưng thẳng. Điều lạ là khuôn mặt lặng lẽ của anh rất dễ cười, hoặc bừng sáng lên, hoặc cảm thông với người khác. Như thể người ta chỉ cần gợi sự chú ý nơi anh là anh cảm được ngay điều họ cảm thấy. Trong chớp mắt, khuôn mặt anh dường như thay đổi – sau vẻ bề ngoài tĩnh lặng ấy là sự linh lợi.

“Em không cần phải hỏi về anh ấy, phải không? Nếu anh biết chuyện gì anh sẽ kể cho em nghe, phải không?” Sethe nhìn xuống chân mình và lại nhìn thấy những cây sung dâu.

“Anh sẽ kể cho em nghe. Dĩ nhiên, anh sẽ kể cho em nghe. Hiện giờ anh không biết gì hơn lúc trước.” Ngoại trừ chuyện thùng đánh bơ, anh nghĩ, và em không cần biết điều ấy. “Chắc em nghĩ anh ấy vẫn còn sống.”

“Không. Em nghĩ anh ấy đã chết. Điều làm cho anh ấy còn sống là vì chưa ai biết chắc đó thôi.”

“Baby Suggs thì sao?”

“Bà cũng nghĩ thế, nhưng nếu nghe theo bà thì con bà đều đã chết cả. Bà nói bà cảm thấy cái chết của mỗi người đúng từng giờ từng phút.”

“Bà nói Halle đi lúc nào?”

“Năm một ngàn tám trăm năm mươi lăm. Ngày con em ra đời.”

“Em sinh nó ra hả? Anh tưởng em không xoay sở được kia.” Anh cười khẽ. “Ai đời bỏ trốn lúc mang thai.”

“Phải vậy thôi. Làm sao chờ được.” Chị cúi đầu và, cũng như anh, nghĩ rằng chuyện chị xoay sở được là điều rất khác thường. Và nếu không có cô gái đi tìm vải nhung, chị sẽ không bao giờ làm nổi.

“Và làm được một mình nữa.” Anh vừa hãnh diện vừa bực mình. Hãnh diện vì chị xoay sở được, bực mình vì chị đã không cần đến Halle hay chính bản thân anh.

“Gần như một mình. Không hẳn một mình. Một cô gái da trắng đã giúp em.”

“Thế thì cô ấy cũng tích phước cho mình nữa. Chúa ban phước cho cô ấy.”

“Anh có thể ở qua đêm, Paul D.”

“Em mời có vẻ không nhiệt tình lắm.”

Sethe liếc nhìn cánh cửa đóng sau vai anh. “Ồ, em thật lòng chứ. Em chỉ mong anh không chê nhà em thôi. Vào nhà đi anh. Nói chuyện với Denver trong khi em nấu món gì đấy cho anh.”

Paul D buộc hai chiếc giày vào nhau, vắt chúng lên vai và bước theo chị qua cánh cửa, thẳng vào một vùng ánh sáng đỏ nhấp nhô gợn sóng làm anh đứng sững lại.

“Em có khách à?” Anh thì thầm, mày nhíu lại.

“Khi có khi không,” Sethe nói.

“Trời ơi,” Anh lùi qua cửa trở lại hàng hiên. “Em có ác quỷ gì ở đây vậy?”

“Không phải ác, chỉ buồn thôi. Coi nào. Anh vào đi.”

Lúc ấy anh mới nhìn kỹ chị. Kỹ hơn lúc chị đi vòng quanh góc nhà trên đôi chân bóng ướt, một tay cầm giày tất, tay kia nhấc váy. Vợ của Halle – người có đôi mắt sắt đá cùng với nghị lực sắt đá. Ở Kentucky anh chưa bao giờ thấy tóc chị. Khuôn mặt chị, dù già hơn mười tám năm trước, khi anh nhìn thấy chị lần cuối, bây giờ ôn hòa hơn. Nhờ mái tóc. Một khuôn mặt tĩnh lặng đến bối rối; đồng tử cùng màu với làn da trên khuôn mặt lặng lẽ thường làm anh nghĩ đến một chiếc mặt nạ được lòng nhân từ khoan cho hai lỗ mắt. Vợ của Halle. Năm nào cũng mang thai, kể cả năm chị ngồi bên đống lửa bảo anh rằng chị sẽ trốn đi. Chị đã gửi ba đứa con cùng với đám trẻ trong đoàn xe da đen sắp vượt sông. Chúng sẽ được để lại chỗ mẹ Halle ở gần Cincinnati. Ngay cả trong căn chòi nhỏ xíu ấy, lúc chị nghiêng người gần lửa đến nỗi người ta có thể ngửi thấy hơi nóng trong áo chị, mắt chị không phản chiếu một tia sáng nào. Chúng thăm thẳm như hai miệng giếng làm anh bối rối khi nhìn vào. Dù đã được khoan lỗ, chúng vẫn cần được che đậy, phủ hàng mi, mang dấu hiệu nào đấy để báo cho người ta biết những gì chứa đựng trong khoảng trống rỗng ấy. Thế nên anh nhìn lửa mà không nhìn chị lúc chị nói cho anh nghe, vì chồng chị không có mặt để kể chuyện. Ông Garner đã chết, vợ ông có cục bướu to như củ khoai lang ở cổ và không nói chuyện được nữa. Chị nghiêng cái bụng bầu sát vào lửa, và nói với anh, Paul D, người đàn ông cuối cùng của Tổ Ấm.

Họ đã từng có sáu người ở nông trại đó. Sethe là phụ nữ duy nhất. Bà Garner, nức nở như một đứa trẻ, đã bán anh trai anh để trả món nợ bà biết ra khi bà vừa trở thành góa phụ. Rồi thầy giáo đến thu xếp mọi chuyện. Nhưng điều hắn làm đã hủy hoại ba người đàn ông Tổ Ấm nữa và lấy đi ánh lấp lánh trong đôi mắt Sethe, để lại hai miệng giếng mở không phản chiếu ánh lửa.

Bây giờ vẻ sắt đá đã trở lại nhưng khuôn mặt, mềm mại hơn nhờ mái tóc, khiến anh tin chị đủ để bước qua cửa nhà chị thẳng vào một vũng sáng đỏ phập phồng.

Chị nói đúng. Ngôi nhà thật buồn rầu. Khi anh bước qua cửa, một làn sóng đau buồn thấm đẫm người anh đến nỗi anh muốn khóc. Khoảng cách đến làn ánh sáng bình thường

xung quanh chiếc bàn dường như xa lắm, nhưng anh vượt qua được – mắt ráo hoảnh và may mắn.

“Em nói bà chết nhẹ nhàng. Êm như nhung,” anh nhắc chị.

“Đấy không phải là Baby Suggs,” chị nói.

“Vậy là ai?”

“Con gái em. Đứa con gái em gửi đi với hai thằng con trai.”

“Nó không còn sống?”

“Không. Đứa con duy nhất còn lại là đứa em mang trong bụng lúc em bỏ trốn. Hai đứa con trai cũng đi rồi. Tụi nó đi ngay trước lúc Baby Suggs mất.”

Paul D nhìn nơi nỗi đau buồn đã thấm đẫm người anh. Màu đỏ đã phai đi, nhưng tiếng khóc than còn vương vất trong không gian.

Có lẽ thế là tốt hơn cả, anh nghĩ. Nếu một gã da đen có chân thì hắn phải sử dụng chúng. Nếu hắn ngồi xuống quá lâu, sẽ có người kiếm ra cách buộc chúng lại. Dù thế... nếu con trai chị đã đi hết...

“Không có người đàn ông nào sao? Em ở đây một mình ư?”

“Em và Denver,” chị nói.

“Em xoay sở được chứ?”

“Em xoay sở được.”

Chị thấy nỗi ngờ vực của anh và tiếp. “Em nấu bếp ở một quán ăn trong thị trấn. Và em lén may vá chút chút.”

Lúc ấy Paul D mỉm cười, nhớ lại chiếc áo đêm động phòng. Khi Sethe đến Tổ Ấm, chị mười ba tuổi, đôi mắt đã cứng cỏi. Chị là món quà đúng lúc cho bà Garner, đã mất Baby Suggs vì những nguyên tắc cao thượng của chồng. Năm người đàn ông Tổ Ấm nhìn cô gái mới và quyết định để cô yên. Họ còn trẻ và không chịu nổi sự thiếu thốn đàn bà đến nỗi họ đã xoay qua mấy con bê. Thế mà họ để cô bé mắt cứng cỏi yên, để cô có thể chọn, mặc dù mỗi người sẵn sàng đập mấy người kia nát như cháo để lấy được cô. Cô mất một năm để chọn – một năm dài khổ cực khi họ trăn trở trên nệm rơm, mòn mỏi mơ về cô. Một năm khao khát, khi cưỡng dâm dường như là món quà duy nhất của cuộc sống. Họ kìm chế được chỉ vì họ là những người đàn ông của Tổ Ấm – những người ông Garner nhắc đến để khoe trong lúc những điền chủ khác lắc đầu cảnh cáo.

“Tụi bay chỉ có lũ con trai,” ông bảo họ. “Trai trẻ, trai già, trai khó chịu, trai sắc sảo. Còn ở Tổ Ấm, mấy đứa da đen của tao đều là đàn ông. Mua tụi nó là thế, nuôi lớn tụi nó là thế.

Đứa nào cũng là đàn ông."

"Xin lỗi à, Garner. Không có thằng da đen nào là đàn ông."

"Nếu tụi bay sợ thì không có." Garner cười toe. "Nhưng nếu tụi bay là đàn ông, tụi bay sẽ muốn bọn da đen của tụi bay cũng là đàn ông."

"Tao không muốn có thằng đàn ông da đen nào quanh quẩn gần vợ tao."

Đấy là phản ứng Garner thích và chờ đợi. "Tao cũng không thích," ông nói. "Tao cũng không thích," và lần nào cũng có một khoảnh khắc im lặng tiếp theo trước khi ông hàng xóm, hay kẻ lạ, hay người bán rong, hay thằng em vợ hay bất kỳ ai đó hiểu ra. Rồi cãi vã dữ dội xảy ra, đôi khi ẩu đả, và Garner về nhà, người bầm dập và hài lòng vì đã chứng tỏ một lần nữa một người Kentucky thực thụ là như thế nào: đủ dữ dằn và khôn khéo để uốn nắn và gọi bọn da đen của mình là đàn ông.

Và họ đã là như thế: Paul D Garner, Paul F Garner, Paul A Garner, Halle Suggs và Sixo, kẻ điên dại. Tất cả đang độ tuổi đôi mươi, không đàn bà, giao hợp với bò, mơ chuyện cưỡng hiếp, trăn trở trên nệm rơm, xoa đùi và đợi con bé mới – con bé thế chỗ Baby Suggs sau khi Halle chuộc bà bằng năm năm làm việc ngày Chủ nhật. Có thể vì thế mà chị chọn anh. Một người đàn ông hai mươi tuổi thương mẹ đến nỗi bỏ mất ngày Sabbath trong năm năm chỉ để thấy bà cuối cùng được nghỉ ngơi chắc phải là một người tốt.

Chị đợi một năm. Và bọn đàn ông cưỡng bức mấy con bò trong lúc đợi cùng chị. Chị chọn Halle và lén tự may một chiếc áo cho đêm động phòng.

"Anh không ở lại một lúc sao? Đâu có ai có thể nói hết mười tám năm trong một ngày."

Trong ánh sáng mờ nơi căn phòng họ đang ngồi, một cầu thang trắng vươn về phía lớp giấy dán tường màu trắng và xanh trên lầu hai. Paul D chỉ thấy được phần phía trên của lớp giấy dán; những chấm vàng lác đác rải giữa những đóa hoa tuyết rơi đầy trên nền giấy màu xanh dương. Màu trắng rạng rỡ của những bậc thang và tay vịn làm anh liếc mãi về phía ấy. Tất cả giác quan trong người anh bảo anh rằng không gian trên cầu thang rất mỏng manh và có bùa phép.Nhưng cô gái bước xuống từ không gian ấy có thân hình tròn trĩnh, làn da màu nâu và khuôn mặt lanh lợi giống như một con búp bê.

Paul D nhìn cô gái rồi nhìn Sethe đang mỉm cười nói, "Denver của em đây rồi. Con à, đây là bác Paul D, từ Tổ Ấm đến."

"Thưa ông D."

"Garner, cháu à, Paul D Garner."

"Vâng."

"Thật mừng được trông thấy cháu. Lần cuối bác gặp mẹ cháu, cháu còn đang đạp phình

bụng áo mẹ.”

“Nó vẫn còn làm thế,” Sethe mỉm cười, “nếu nó vào được.”

Đứng trên bậc thang cuối cùng, Denver đột nhiên cảm thấy háo hức và e thẹn. Lâu lắm rồi không có ai (bà da trắng tốt bụng, mục sư, diễn giả hay nhà báo) ngồi ở bàn của hai mẹ con, giọng nói thông cảm của họ bị nỗi ghê tởm trong mắt họ lật tẩy. Mười hai năm rồi, từ lâu trước khi Baby Suggs mất, không có bất cứ người khách nào và chắc chắn không có bạn bè tới đây. Không có người da đen. Chắc chắn không có người đàn ông da màu hạt phỉ, tóc quá dài và không có cuốn sổ tay, không chì than để vẽ, không trái cam, không câu hỏi. Một người mà mẹ nó muốn nói chuyện cùng và chịu nói chuyện cả khi đang chân trần. Chị có dáng vẻ, và thật sự có cách cư xử giống như một cô gái trẻ thay vì người đàn bà lặng lẽ, oai nghi Denver đã biết suốt cuộc đời mình. Một người không bao giờ nhìn lảng đi khi một người đàn ông bị một con ngựa cái dẫm chết ngay trước quán ăn của Sawyer, và khi một con heo cái bắt đầu ăn lứa con của nó. Mẹ nó cũng không nhìn lảng đi khi hồn ma đứa bé nhấc bổng con Here Boy và quật nó vào tường mạnh đến nỗi hai chân nó gãy lìa và mắt nó lòi ra, đến nỗi nó bị động kinh và tự cắn nát lưỡi của mình. Chị lấy một cái búa, đập con chó bất tỉnh, chùi máu và nước dãi, đẩy con ngươi trở lại vào hốc mắt và bó bột chân nó. Nó hồi phục, câm và loạng choạng, vì con mắt kém hơn là vì đôi chân bị cong, và dù đông hay hạ, mưa hay nắng, không điều gì thuyết phục được nó vào nhà lần nữa.

Bây giờ, người đàn bà đủ tỉnh táo để chữa lành cho một con chó man dại vì đau đớn đang đu đưa hai cổ chân bắt chéo và tránh nhìn thân thể của chính con gái mình. Như thể ánh mắt chị không chứa đựng hết dáng vóc của nó. Cả chị lẫn anh đều không mang giày. Háo hức, e thẹn, bây giờ Denver thấy lẻ loi. Từng ấy sự chia ly: đầu tiên là hai anh, rồi bà nội – đấy là những mất mát kể từ khi không còn lũ trẻ nào chịu chơi trò xoay vòng quanh nó, hay kẹp đầu gối qua lan can hàng hiên nhà nó lộn người xuống. Những điều ấy cũng không quan trọng gì nếu mẹ nó không nhìn lảng đi như bây giờ, khiến Denver mong mỏi, quả thật mong mỏi, một dấu hiệu hằn học của hồn ma đứa bé.

“Con bé xinh thật,” Paul D nói. “Rất xinh. Khuôn mặt dễ thương giống ba nó.”

“Bác biết ba cháu à?”

“Biết chứ. Biết rõ.”

“Phải thế không hở mẹ?” Denver cố giữ cho tình cảm của mình không thay đổi.

“Dĩ nhiên bác biết ba con. Mẹ đã bảo con rồi, bác là người của Tổ Ấm.”

Denver ngồi xuống bậc thang chót. Nó không còn chỗ nào để đi. Họ là một cặp, nói “ba cháu” và “Tổ Ấm” theo cách rõ ràng rằng cả hai là của họ và không phải của nó. Rằng sự thiếu vắng cha nó không phải là sự thiếu vắng của nó. Đã có lúc sự thiếu vắng là của bà nội Baby – đứa con trai được thương tiếc vô cùng vì cha là người chuộc bà nội ra khỏi nơi ấy. Rồi đấy là người chồng vắng mặt của mẹ nó. Bây giờ đấy là người bạn vắng mặt của người lạ

da màu hạt phỉ. Chỉ có những người biết ông ("biết rõ") mới có thể giành lấy sự thiếu vắng ông cho riêng họ. Cũng như chỉ có những người sống ở Tổ Ấm mới có thể nhớ đến chuyện ấy, thì thào tên của nó và đồng thời liếc xéo lẫn nhau. Một lần nữa nó mong mỏi hồn ma đứa trẻ – bây giờ niềm căm giận của đứa bé khiến nó náo nức thay vì làm nó mệt nhoài như mọi khi. Làm nó mệt nhoài.

"Mẹ và cháu có một hồn ma ở đây," nó nói, và câu nói hiệu nghiệm. Họ không còn là một cặp nữa. Mẹ nó thôi đong đưa chân, thôi cư xử như một cô gái mới lớn, và ký ức về Tổ Ấm biến khỏi đôi mắt người đàn ông đã khiến mẹ nó cư xử như một cô gái mới lớn. Anh liếc nhanh lên những bậc thang trắng lấp lánh sau lưng nó.

"Bác có nghe," anh nói. "Nhưng mẹ cháu nói là nó buồn rầu. Không phải là ác độc."

"Thưa không," Denver nói, "không phải là ác độc. Nhưng cũng không phải là buồn rầu."

"Vậy thì là gì?"

"Là bị mắng. Là lẻ loi và bị mắng mỏ."

"Thật sao?" Paul D quay sang Sethe.

"Chuyện lẻ loi thì em không biết. Có thể nó giận dỗi, nhưng em không tin nó cảm thấy lẻ loi khi nó ở bên chúng em từng giờ từng phút."

"Chắc nó muốn đòi em một thứ gì đấy."

Sethe nhún vai. "Nó chỉ là một đứa bé."

"Chị của cháu," Denver nói. "Chị chết trong nhà này."

Paul D gãi gãi râu dưới cằm. "Làm anh nhớ lại cô dâu cụt đầu phía sau Tổ Ấm. Nhớ không Sethe? Cô ta vẫn thường lang thang trong rừng."

"Làm sao em quên được? Làm em sợ..."

"Tại sao ai trốn khỏi Tổ Ấm cũng nói đến nó mãi? Nếu chỗ ấy dễ thương đến thế thì lẽ ra mọi người phải muốn ở lại chứ."

"Con bé, con đang nói với ai đấy?"

Paul D cười. "Đúng, đúng. Nó nói đúng, Sethe. Chỗ ấy không dễ thương và chắc chắn nó không phải là tổ ấm." Anh lắc đầu.

"Nhưng tất cả chúng mình đã cùng ở đấy," Sethe nói. "Cùng với nhau. Dù muốn hay không, mình vẫn nhớ đến." Chị thoáng rùng mình. Một chút gợn trên da, được chị vuốt cho yên ngủ lại. "Denver," chị nói, "đốt lò đi con. Phải đãi bạn ghé ngang mới được."

“Đừng phiền phức vì anh,” Paul D nói.

“Làm bánh mì có phiền gì đâu. Thức ăn còn lại là của em mang từ chỗ làm về. Em nấu nướng từ sáng sớm đến trưa, ít ra em phải mang được bữa tối về nhà.Con có điều gì phản đối không?”

“Nếu bác không phản đối con, con cũng không phản đối bác.”

Lại nữa rồi, Denver nghĩ. Quay lưng lại phía họ, nó xáo củi nhóm lên và suýt nữa làm lửa tắt. “Bác ở lại đêm nay nghe, bác Garner? Bác và mẹ có thể nói chuyện Tổ Ấm hết đêm.”

Sethe bước hai bước về phía bếp lò, nhưng trước khi chị giật cổ áo Denver, cô gái đã cúi xuống và khóc.

“Con làm sao vậy? Mẹ chưa bao giờ thấy con như thế này.”

“Kệ nó đi,” Paul D nói. “Anh là người lạ đối với nó.”

“Chính là thế. Nó không có cớ gì để giở chứng với một người lạ. Con yêu, có chuyện gì vậy? Có phải có chuyện gì đã xảy ra?”

Nhưng Denver run rẩy và nức nở không nói được nên lời. Những giọt lệ nó không nhỏ xuống suốt chín năm làm ướt bộ ngực rất đỗi thiếu nữ.

“Con không chịu được nữa. Con không chịu được nữa.”

“Không chịu được cái gì? Con không chịu được cái gì?”

“Con không thể sống ở đây. Con không biết đi đâu hay làm gì, nhưng con không thể ở đây. Không ai nói chuyện với mình. Không ai ghé ngang. Bọn con trai không thích con. Bọn con gái cũng thế.”

“Ôi con yêu, con yêu.”

“Nó nói cái gì mà không ai nói chuyện với hai mẹ con?” Paul D hỏi.

“Đấy là vì căn nhà. Người ta không… ”

“Không phải. Không phải là căn nhà. Là mình. Là mẹ đó!”

“Denver.”

“Bỏ qua đi, Sethe. Sống trong một căn nhà quỷ ám thực là khó cho một cô gái trẻ. Chuyện ấy thật không dễ.”

“Còn dễ hơn vài chuyện khác.”

“Em nghĩ xem, Sethe. Anh là một người đàn ông trưởng thành, đã thấy hết, làm hết mọi điều, và anh nói với em là chuyện ấy không dễ. Có thể hai người nên dọn đi. Ai là chủ căn nhà này?”

Qua vai Denver, Sethe ném cho Paul D một cái nhìn lạnh giá. “Anh cần biết để làm gì?”

“Họ không để cho em đi sao?”

“Không.”

“Sethe.”

“Không đi. Không rời. Như thế này được rồi.”

“Em muốn nói với anh đứa trẻ này gần phát điên lên là được rồi?”

Có điều gì trong căn nhà trân mình, và trong sự yên lặng nghe ngóng sau đó Sethe nói.

“Em có một cái cây trên lưng và ma ám trong nhà em, và không còn gì khác nữa ngoài đứa con gái em đang ôm trong tay. Em sẽ không chạy nữa – không trốn gì nữa hết. Em sẽ không bao giờ trốn chạy một điều gì khác trên cõi đời này nữa. Em đã trải qua một cuộc hành trình và em đã trả tiền vé, nhưng để em nói anh nghe, Pau D Garner, giá vé quá đắt! Anh có nghe không? Quá đắt. Bây giờ, hoặc là anh ngồi xuống ăn với mẹ con em, hoặc là anh để cho mẹ con em yên.”

Paul D lục túi áo gi-lê đang mặc tìm chiếc túi nhỏ đựng thuốc lá sợi – anh chăm chú vào nút dây buộc túi và thuốc lá bên trong khi Sethe dẫn Denver vào phòng khách thông với căn phòng lớn anh đang ngồi. Anh không có giấy vấn thuốc, vì thế anh vân vê gói thuốc và lắng nghe qua cánh cửa mở tiếng Sethe dỗ yên con gái. Khi trở lại chị tránh cái nhìn của anh và đi thẳng đến chiếc bàn nhỏ bên cạnh bếp lò. Chị quay lưng về phía anh và anh có thể ngắm mái tóc thỏa thích mà không bị khuôn mặt chị làm xao lãng.

“Có cây gì trên lưng em vậy?”

“Hả.” Sethe đặt một cái tô lên bàn và với tay xuống dưới bàn tìm bột mì.

“Cây gì trên lưng em vậy? Có cái gì đang mọc trên lưng em không? Anh không thấy cái gì đang mọc trên lưng em.”

“Anh không thấy thì nó vẫn có ở đấy.”

“Ai nói với em như vậy?”

“Cô gái da trắng. Cô ta gọi nó là cái cây. Em chưa hề và sẽ không bao giờ thấy được nó. Nhưng cô ta nói nó giống như vậy. Một cây anh đào. Có thân, cành và cả lá. Những chiếc lá anh đào bé xíu. Nhưng đấy là mười tám năm về trước. Bây giờ không chừng có thêm trái anh đào nữa.”

Sethe dùng ngón tay trỏ thấm chút nước bọt ở đầu lưỡi. Rất nhanh, chị khẽ chạm tay vào bếp lò. Rồi chị rà những ngón tay qua bột, tẽ ra, nhúm thành những đụn nhỏ để tìm mọt. Không thấy con mọt nào, chị đổ bột nở và muối vào lòng bàn tay khum và ném vào bột. Rồi chị thò tay vào một cái lon và múc nửa nắm tay mỡ. Chị khéo léo bóp bột qua mỡ, rồi nhồi bột trong khi dùng tay trái vẩy nước vào.

"Em đã có sữa," chị nói. "Em đang có thai Denver nhưng em có sữa cho con bé. Khi gửi nó đi với Howard và Buglar em chưa cai sữa cho nó."

Bây giờ chị lấy một cây gỗ cán bột. "Ai cũng ngửi thấy em trước khi nhìn thấy em. Và khi nhìn thấy em họ thấy những giọt sữa trên ngực áo em. Em không làm sao được. Em chỉ biết em phải đem sữa đến cho con gái em. Không ai cho nó bú như em. Không ai cho nó bú kịp, hay ngưng cho nó bú lúc nó đã no mà không biết. Không ai biết nó không ợ được nếu người ta bế dựng nó lên vai, nó chỉ ợ khi nằm trên gối em. Không ai biết điều ấy trừ em và không ai có sữa cho nó trừ em. Em nói với những người đàn bà trong xe ngựa như thế. Em bảo họ thấm nước đường vào miếng vải và cho nó mút, để vài ngày sau khi em đến nó sẽ không quên em. Sữa sẽ đến và em sẽ đến cùng với sữa."

"Đàn ông không biết gì nhiều," Paul D nói, nhét gói thuốc trở lại vào túi áo gi-lê, "nhưng họ biết đứa bé còn bú không thể xa mẹ quá lâu."

"Vậy thì họ cũng biết gửi con đi trong khi ngực căng sữa là như thế nào."

"Mình đang nói chuyện cái cây, Sethe."

"Sau khi em rời anh, mấy thằng con trai đến và lấy sữa của em. Tụi nó đến là vì thế. Tụi nó đè em xuống và lấy sữa của em. Em mách bà Garner. Bà có cái bướu và không nói được nhưng mắt bà chảy lệ. Tụi nó biết là em mách. Thầy giáo bắt một đứa xẻ lưng em ra, và khi lưng em khép lại nó thành một cái cây. Cái cây vẫn còn mọc ở đấy."

"Tụi nó dùng da bò đánh em?"

"Và tụi nó lấy sữa của em."

"Tụi nó đánh em trong lúc em có thai?"

"Và tụi nó lấy sữa của em!"

Những miếng bột hình tròn đầy đặn màu trắng xếp thành hàng trong chảo. Một lần nữa Sethe chạm ngón tay trỏ ướt vào bếp lò. Chị mở cửa bếp lò và đẩy chảo bánh vào. Khi đứng thẳng dậy xa hơi nóng, chị cảm thấy Paul D đằng sau lưng chị và hai bàn tay anh bên dưới ngực chị. Chị đứng thẳng người và biết, nhưng không thể cảm thấy, rằng má anh đang áp vào những cành cây anh đào của chị.

Thậm chí không cần cố gắng, anh đã trở thành mẫu đàn ông có thể bước vào một căn nhà và khiến những người đàn bà khóc. Bởi vì với anh, khi có mặt anh, họ khóc được. Có

điều gì thần thánh trong dáng vẻ của anh. Phụ nữ gặp anh và muốn khóc – để kể với anh rằng ngực họ đau và đầu gối cũng đau. Những người đàn bà mạnh mẽ và khôn ngoan gặp anh và kể cho anh nghe những điều họ chỉ kể cho nhau nghe: rằng rất lâu sau Thay Đổi Cuộc Đời[2], dục vọng của họ đột nhiên trở nên khổng lồ, tham lam, hoang dại hơn lúc họ mười lăm, và nó khiến họ hổ thẹn và buồn bã; rằng họ thầm mong được chết – để dứt bỏ nó – rằng giấc ngủ với họ quý giá hơn bất cứ ngày tỉnh thức nào. Những cô gái trẻ rụt rè đến bên anh và thú nhận hay diễn tả những hồn ma ăn mặc vô cùng đẹp đẽ đã theo họ từ trong giấc mơ. Vì thế, mặc dù anh không hiểu tại sao, anh không ngạc nhiên khi Denver nhỏ lệ vào lửa bếp lò. Hay, mười lăm phút sau, kể cho anh nghe xong về sữa bị lấy cắp, mẹ nó cũng khóc. Anh cúi xuống sau lưng chị, thân hình anh là vòng cung của nhân ái, anh ôm ngực chị trong lòng bàn tay mình. Anh xoa má mình trên lưng chị và nhờ thế biết được nỗi sầu khổ của chị, cội rễ, thân to và những cành chằng chịt của nó. Đưa những ngón tay đến những chiếc móc trên áo chị, dù không thấy hay nghe dấu hiệu nào, anh cũng biết những giọt lệ đang vội đến. Khi thân trên của chiếc áo chị mặc rơi xuống quanh hông chị, và anh thấy lưng chị đã biến thành một hình điêu khắc, như một tác phẩm trang trí quá nồng nàn không thể trưng bày được của một người thợ rèn, anh có thể nghĩ nhưng không thể nói, "Ôi, Chúa ơi, em gái ơi." Và anh sẽ không ngưng cho đến khi anh đã chạm môi vào tất cả những lằn gợn và lá của nó. Sethe không thể cảm thấy gì vì da lưng của chị đã chết từ lâu. Điều chị biết là, cuối cùng, trách nhiệm về bộ ngực của chị đã về tay một người khác.

Có không một chút không gian, chị tự hỏi, một chút thời gian, một cách nào đấy để ngăn chuyện quan trọng xảy ra, để đẩy bận rộn vào góc phòng, để chị chỉ đứng đấy trong một hai phút, thân trần từ bả vai đến eo, trút đi sức nặng của bộ ngực, ngửi thấy một lần nữa mùi sữa bị lấy cắp và khoái cảm nướng bánh mì? Có lẽ chỉ lần này chị có thể đứng thật yên trong lúc nấu bữa ăn – thậm chí không rời bếp lò – và cảm thấy nỗi đau đớn lưng chị đáng lẽ phải cảm thấy. Để tin vào mọi chuyện và nhớ lại mọi chuyện vì có người đàn ông cuối cùng của Tổ Ấm ở đây để đỡ lấy chị nếu chị sụp xuống?

Bếp lò không rung mình khi quen dần với hơi nóng. Denver không động đậy trong phòng bên. Mạch ánh sáng đỏ chưa trở lại và Paul D chưa run rẩy từ năm 1856, năm anh run rẩy tám mươi ba ngày liền. Bị giam và xiềng lại, tay anh run đến nỗi anh không thể hút thuốc hay gãi cho ra trò. Bây giờ anh lại run rẩy nhưng lần này là ở đôi chân. Phải mất một lúc anh mới nhận ra chân anh không run vì lo lắng, mà vì ván sàn nhà đang rung. Không những sàn nhà đang xô đẩy và nghiến ken két, mà chính căn nhà đang chao đảo. Sethe tuột xuống sàn và cố mặc áo lại. Trong lúc đó Denver từ phòng khách nhào đến, bò lăn trên sàn như thể nó đang giữ cho căn nhà đứng vững trên mặt đất, nỗi hoảng hốt trong mắt, một nụ cười mơ hồ trên môi.

"Trời đánh! Thôi đi!" Paul D hét lên, ngã xuống và với tay tìm chỗ tựa. "Để chỗ này yên! Cút đi!" Một cái bàn xô về phía anh và anh chụp chân bàn. Anh tìm cách đứng lên nghiêng nghiêng về một góc và nắm hai chân bàn, nhấc lên và vung nó vòng quanh, đập vỡ tất cả mọi thứ, hét lại với căn nhà đang gầm thét. "Mày muốn đánh nhau, thì cứ việc! Trời đánh! Không có mày thì mẹ mày cũng đủ chuyện rồi. Đủ chuyện rồi!"

Cơn chấn động dịu lại, căn nhà chỉ thỉnh thoảng lắc lư, nhưng Paul D tiếp tục vung cái bàn vòng quanh cho đến khi tất cả im lặng như tờ. Mồ hôi toát ra và hơi thở hổn hển, anh dựa vào tường, chỗ tủ bát đĩa đứng trước kia. Sethe vẫn co ro cạnh bếp lò, ghì chặt đôi giày chị giữ được vào ngực. Ba người, Sethe, Denver, và Paul D, thở cùng một nhịp, như một người mệt nhọc. Một hơi thở khác cũng mệt mỏi như thế.

Hồn ma đi mất rồi. Trong sự yên lặng, Denver thẩn thơ đi đến bếp lò. Nó phủ tro lên lửa và kéo chảo bánh ra khỏi lò. Tủ mứt đổ ngửa ra, những lọ mứt nằm một đống trong góc ngăn dưới cùng. Nó lấy ra một hũ mứt, và khi nhìn quanh tìm cái đĩa nó thấy một nửa cái đĩa vỡ ở cạnh cửa. Nó mang những thứ này ra bậc thềm hàng hiên và ngồi xuống.

Hai người kia đã lên gác. Họ nhón chân bước nhẹ lên những bậc thang trắng, để nó lại bên dưới. Nó nậy dây thép trên nắp hũ rồi mở nắp hũ ra. Ở dưới cái nắp là miếng vải và dưới miếng vải là một lớp sáp mỏng. Nó lấy tất cả ra và tìm cách đổ mứt ra một bên của cái đĩa vỡ. Nó lấy một cái bánh và bỏ phần trên đã cháy đen đi. Khói cuộn tròn lên từ phần trắng mềm phía trong chiếc bánh.

Nó nhớ hai anh. Howard và Buglar bây giờ hai mươi hai và hai mươi ba tuổi. Mặc dù cả hai tử tế với nó trong thời gian hồn ma không quấy rối và cho nó hết phần đầu giường, nó vẫn nhớ chuyện trước kia: nỗi vui thích chúng cảm thấy khi ngồi túm tụm trên những bậc thang trắng – nó ngồi giữa hai gối của Howard hay Buglar – trong lúc chúng bịa chuyện "phù thủy – chết đi!" với những cách giết phù thủy hiệu nghiệm. Và Baby Suggs kể cho nó hết chuyện này đến chuyện kia trong phòng khách. Nó thơm mùi vỏ cây vào ban ngày và có mùi lá vào ban đêm, vì không chịu ngủ trong căn phòng cũ của nó sau khi hai anh bỏ trốn.

Bây giờ, mẹ nó đang ở trên lầu với người đàn ông đã đuổi đi bầu bạn duy nhất còn lại của nó. Denver chấm bánh mì vào mứt. Nó ăn chậm rãi, đúng mực, khốn khổ.

2

Không hẳn vội vã, nhưng không để mất thời gian, Sethe và Paul D leo lên những bậc thang trắng. Choáng ngợp vì đã hết sức may mắn tìm được nhà chị và chị ở nhà, cũng như vì chắc chắn sẽ được ân ái với chị, Paul D buông đi ký ức của hai mươi lăm năm qua. Trước anh một bậc thang là người thay thế Baby Suggs, cô gái mới họ từng mơ đến ban đêm và vì cô mà giao hợp với bò lúc rạng đông trong khi chờ cô chọn. Hôn sắt uốn trên lưng chị không thôi đã đủ làm cho căn nhà rung chuyển, đã khiến anh phải đập căn nhà ra từng mảnh. Bây giờ anh sẽ làm hơn nữa.

Chị dẫn anh đến đầu cầu thang, nơi ánh sáng từ bầu trời rọi thẳng xuống vì cửa sổ tầng hai không nằm trên tường mà ở trên trần dốc của ngôi nhà. Chị dẫn anh vào một trong hai phòng, thầm mong anh không phiền lòng vì chị không sẵn sàng; vì cho dù chị nhớ nỗi thèm muốn là cái gì, chị đã quên mất nó ra sao; cái ghì siết và nỗi bất lực trong hai bàn tay; thị giác lòa đi cho đến khi đôi mắt chỉ còn nhìn thấy những chỗ để nằm xuống, và tất cả mọi thứ khác – nắm cửa, dây buộc, móc áo, nỗi u buồn co ro trong xó, và thời gian đang trôi qua – chỉ là vật chướng ngại.

Họ chưa cởi xong quần áo, mọi chuyện đã xong xuôi. Nửa người trần truồng và thở gấp, họ nằm bên nhau, giận nhau và giận khung cửa sổ sáng trên trần nhà. Giấc mơ của anh về chị đã xưa quá, cũ quá rồi. Nỗi thiếu thốn của chị là không có giấc mơ nào của riêng chị. Giờ đây họ hối tiếc và quá ngượng ngùng không thể nào trò chuyện.

Sethe nằm ngửa, đầu quay đi hướng khác. Từ khóe mắt, Paul D nhìn thấy và không thích hình dáng khuôn ngực của chị, vẻ tròn xẹp và chảy xệ anh chắc chắn không cần đến trong đời, mặc dù ở dưới lầu anh đã ôm lấy ngực chị như thể đấy là phần đắt giá nhất của chính mình. Mê trận sắt uốn mà anh đã xem xét tỉ mỉ như kẻ đào vàng vọc tay vào đất quặng, thật ra chỉ là một cụm sẹo ghê tởm. Không phải cái cây như chị nói. Có thể nó có hình dáng cái cây, nhưng nó hoàn toàn không giống những cái cây anh biết vì cây cối trông niềm nở; chúng là thứ người ta có thể tin cậy và gần gũi, nói chuyện cùng nếu người ta muốn, như anh thường làm hồi xưa lúc anh ăn trưa trên cánh đồng của Tổ Ấm. Anh luôn luôn ăn bữa trưa ở cùng một chỗ nếu anh có thể, và chọn chỗ không phải là dễ vì Tổ Ấm có nhiều cây đẹp hơn mọi nông trại xung quanh. Anh gọi cây anh chọn là Anh Em, và ngồi dưới gốc của nó, đôi khi một mình, đôi khi với Halle hoặc với những Paul khác, nhưng thường là với Sixo, lúc ấy còn nói tiếng Anh và chưa trở nên điên dại. Da màu chàm và lưỡi đỏ chói, Sixo thí nghiệm nướng khoai tây qua đêm, gắng biết chính xác khi nào phải đặt đá nóng bốc khói vào lỗ, xếp khoai tây bên trên và phủ bằng cành cây để đến lúc họ nghỉ ăn trưa, buộc mấy con thú, rời cánh đồng đến Anh Em, khoai tây sẽ chín đến mức tuyệt hảo. Nó có thể dậy lúc nửa đêm, ra tận ngoài ấy, bắt đầu phủ đất lên trong ánh sao; hay liền sau bữa ăn nó sẽ làm đá nguội bớt và xếp khoai để ăn ngày hôm sau lên trên. Nó chưa bao giờ làm được đúng cách, nhưng họ vẫn ăn những củ khoai chưa chín, quá chín, khô queo hay còn sống, cười, nhổ ra và cho nó lời khuyên.

Thời gian không trôi qua theo cách Sixo nghĩ, cho nên dĩ nhiên nó không bao giờ làm được đúng cách. Có lần nó tính toán đến từng phút cho một chuyến đi ba mươi dặm để gặp một người đàn bà. Nó khởi hành vào ngày thứ Bảy khi mặt trăng ở chỗ nó muốn, đến căn nhà gỗ của cô ta trước giờ lễ nhà thờ ngày Chủ nhật và chỉ có đủ thời gian chào hỏi trước khi phải trở về để kịp giờ gọi ra đồng sáng thứ Hai. Nó lội bộ mười bảy giờ, ngồi xuống một giờ, quay lại và lội bộ mười bảy giờ nữa. Cả ngày Halle và mấy anh em Paul che giấu vẻ mệt mỏi của Sixo để ông Garner không biết. Hôm đó họ không ăn củ khoai tây nào, khoai ngọt hay khoai trắng. Nằm sóng soài cạnh Anh Em, giấu đi chiếc lưỡi đỏ chói, khuôn mặt màu chàm khép kín, Sixo ngủ như chết đến sau bữa ăn tối. Đấy mới là đàn ông, và đấy mới là cái cây. Chính anh đang nằm trong giường và cái "cây" nằm cạnh anh không sao sánh bằng.

Paul D nhìn qua cửa sổ phía trên hai chân và kê hai tay gối đầu. Một khuỷu tay chạm phớt qua vai Sethe. Lớp vải chạm vào làn da làm chị giật mình. Chị đã quên anh chưa cởi áo sơ mi. Đồ chó, chị nghĩ, và rồi nhớ ra chị đã không cho anh đủ thời gian để cởi áo. Hay cho chính chị thời gian để cởi váy lót, mặc dù chị đã bắt đầu cởi trang phục từ trước khi chị thấy anh trên hàng hiên, giày tất của chị đã ở trong tay chị và chị không hề mang chúng trở lại; anh đã nhìn hai bàn chân trần ướt của chị và muốn bắt chước; khi chị đứng dậy nấu ăn anh đã cởi áo chị thêm nữa; xét cho cùng, họ đã bắt đầu cởi áo nhanh đến thế, thì lẽ ra bây giờ họ phải hoàn toàn lõa thể. Nhưng có lẽ như Baby Suggs thường nói, đàn ông chỉ là thế thôi, không hơn không kém. Họ khuyến khích bạn đặt chút sức nặng của bạn vào tay họ và lúc bạn vừa cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu, thì họ vạch vòi những vết sẹo và khổ cực của bạn, rồi sau đó họ làm điều anh đã làm: đuổi con chị đi và phá banh căn nhà.

Chị cần đứng dậy, xuống lầu và hàn gắn lại tất cả. Căn nhà anh bảo chị bỏ đi như thể đấy là một thứ nhỏ nhặt – một chiếc áo sơ mi hay giỏ khâu có thể bỏ mặc hay cho đi lúc nào cũng được. Chị, người chưa từng có căn nhà nào ngoài căn nhà này; chị, người đã rời sàn đất để đến căn nhà này; chị, người phải mang một nắm củ cây hào vào bếp nhà bà Garner mỗi ngày để có thể làm việc trong ấy, để cảm thấy nó thuộc về chị một phần nào, vì chị muốn yêu công việc chị làm, để gạt bỏ xấu xa đi, và cách duy nhất chị có thể cảm thấy dễ chịu ở Tổ Ấm là hái một loại cây cỏ xinh đẹp nào đó và mang theo mình. Ngày nào chị quên, ngày ấy bơ không nổi lên hay nước muối trong thùng làm phồng da cánh tay chị.

Ít nhất thì chuyện dường như là thế. Một vài đóa hoa vàng trên bàn, vài cây mía buộc quanh tay cầm của cái bàn ủi dùng để giữ cánh cửa mở đón gió nhẹ làm chị yên ả lại, và khi bà Garner và chị ngồi xuống để nhặt rễ cứng, hoặc làm mực viết, chị cảm thấy dễ chịu. Dễ chịu. Không sợ những người đàn ông đằng xa. Năm người ngủ trong khu nhà ở gần chị, nhưng không bao giờ về vào ban đêm. Chỉ giơ tay chạm vào chiếc mũ tơi tả khi họ gặp chị và nhìn chị chằm chằm. Và nếu chị mang thức ăn cho họ ngoài đồng, thịt heo muối và bánh mì gói trong một mảnh khăn sạch, họ không bao giờ nhận thức ăn từ tay chị. Họ đứng xa xa và đợi chị đặt nó trên mặt đất (dưới gốc cây) và bỏ đi. Hoặc là họ không muốn lấy bất cứ cái gì từ tay chị, hoặc là họ không muốn chị nhìn thấy họ ăn. Hai ba lần chị nấn ná. Núp trong bụi kim ngân, chị theo dõi họ. Không có chị, họ khác làm sao, cách họ cười và chơi đùa và đi tiểu và ca hát. Tất cả trừ Sixo, người chỉ cười một lần – lúc cuối cùng. Halle dễ thương nhất, dĩ nhiên. Con thứ tám và là út của Baby Suggs, làm thuê khắp hạt để

chuộc mẹ ra khỏi nơi ấy. Nhưng hóa ra anh cũng chỉ là một người đàn ông, không hơn không kém.

"Đàn ông chỉ là thế thôi, không hơn không kém," Baby Suggs nói. "Nhưng một đứa con trai? Ôi chao, đấy mới là người quan trọng."

Điều ấy hợp lý vì nhiều nguyên do, bởi suốt cuộc đời của Baby Suggs, cũng như đời của Sethe, đàn ông đàn bà bị chuyển dịch như những con cờ. Không người nào Baby Suggs biết, chứ đừng nói yêu, là không chạy trốn hoặc không bị treo cổ, bị cho mướn, cho mượn, mua lại, trả lại, dự trữ, cầm cố, thắng cuộc, lấy cắp hay bắt giữ. Vì thế tám người con của Baby Suggs có sáu cha. Theo bà, ác nghiệt của cuộc đời là nỗi sửng sốt của bà khi bà biết ra không ai ngừng chơi cờ chỉ vì trong đám quân cờ có con của bà. Bà giữ được Halle lâu nhất. Hai mươi năm. Một đời người. Trao tặng cho bà, chắc hẳn để bù đắp cho chuyện bà đã chỉ nghe tin chứ không thể vẫy tay từ giã hai đứa con gái bị bán và đưa đi lúc chưa hết răng sữa. Bù đắp cho bà vì bà đã ăn nằm với một tên đốc công trong bốn tháng để được giữ lại đứa con thứ ba, một đứa con trai – chỉ để thấy nó bị đổi lấy củi vào mùa xuân năm sau và biết ra bà đã mang thai với gã đàn ông đã hứa sẽ không đổi con bà và đã thất hứa. Đứa con ấy bà không thể thương và những đứa sau bà không muốn thương. "Chúa lấy đi theo ý Chúa," bà nói. Và Chúa lấy đi, và Chúa lấy đi, và Chúa lấy đi và rồi tặng bà Halle, đứa con đã cho bà tự do khi tự do không còn ý nghĩa gì nữa.

May mắn lạ thường của Sethe là sáu năm tròn hôn nhân với người con trai "quan trọng" ấy, cha của tất cả con chị. Một ân sủng chị đã bất cẩn xem là chuyện đương nhiên, nương tựa vào đấy, như thể Tổ Ấm quả thật là một căn nhà đầm ấm. Như thể một nắm mía nhét vào tay cầm của cái bàn ủi chặn cửa trong căn bếp của một bà da trắng có thể biến căn bếp ấy thành bếp của chị. Như thể nhánh bạc hà trong miệng biến đổi được hơi thở cũng như mùi hôi của miệng. Chưa có ai khờ dại như thế.

Sethe dợm trở mình nhưng lại thôi. Chị không muốn gợi chú ý của Paul D, vì thế chị chỉ bắt chéo cổ chân.

Nhưng Paul D nhận biết cử động cũng như hơi thở khác đi của chị. Anh cảm thấy mình phải thử lại, lần này chậm hơn, nhưng cơn thèm đã qua. Thật ra, không thèm muốn chị là một cảm giác dễ chịu. Hai mươi lăm năm và rồi chỉ là thoáng chốc! Một điều Sixo có thể làm – như lần nó thu xếp hẹn hò với Patsy Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm. Phải mất ba tháng và ba chuyến đi về dài ba mươi bốn dặm nó mới làm được. Thuyết phục được cô đi bộ một phần ba đường về phía nó, đến một chỗ nó biết. Một tòa nhà đá bỏ hoang người da đỏ dùng hồi xưa khi họ tưởng đất đai là của họ. Sixo khám phá ra tòa nhà trong một chuyến lẻn đi ban đêm, và xin phép tòa nhà cho nó vào. Ở bên trong, sau khi đã cảm nhận được nơi chốn ấy như thế nào, nó xin Thần Linh Da Đỏ cho phép nó mang người đàn bà của nó đến. Thần Linh bằng lòng và nó chỉ đường đi cặn kẽ cho cô, giờ khởi hành chính xác, tiếng huýt gió chào mừng hay cảnh cáo của nó sẽ như thế nào. Họ thật sự có thể gặp nguy, vì cả hai không được phép đi đâu lo chuyện riêng của mình, và vì Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm đã mười bốn tuổi và đã được định cho vòng tay của một kẻ khác. Khi nó đến, cô chưa đến.

Nó huýt sáo và không thấy đáp lại. Nó vào chỗ ở bỏ hoang của dân da đỏ. Cô không có đấy. Nó trở lại chỗ hẹn. Cô không có đấy. Nó đợi lâu hơn. Cô vẫn không đến. Nó lo lắng cho cô và bước xuống đường về hướng cô ta sẽ đến. Được ba bốn dặm, nó ngừng. Đi tiếp hướng ấy là vô vọng, vì thế nó đứng trong gió và cầu xin giúp đỡ. Lắng tai để tìm một dấu hiệu nào đấy, nó nghe thấy một tiếng rên. Nó quay về hướng đó, đợi và lại nghe thấy tiếng rên. Lúc ấy, đã thành liều lĩnh, nó gọi to tên cô. Cô trả lời bằng giọng nó nghe như còn sống – chưa chết. "Đừng cử động!" nó hét. "Thở mạnh cho anh tìm thấy em." Nó tìm ra thật. Cô ngỡ đã đến chỗ hẹn và đang khóc vì tưởng nó không giữ lời. Lúc ấy đến nhà Da Đỏ đã quá trễ, vì thế tụi nó nằm lăn ra tại chỗ. Sau đó, nó đâm thủng bắp chân cô giả dạng dấu rắn cắn để cô có lý do giải thích tại sao cô không đến đúng giờ để làm việc giũ sâu khỏi lá thuốc lá. Nó chỉ dẫn tường tận cho cô cách theo dòng suối đi tắt về, và tiễn cô đi. Khi nó đến đường lộ trời đã sáng tỏ và nó cầm quần áo trong tay. Bất thần, từ sau khúc quanh một chiếc xe ngựa lăn bánh đến. Người đánh xe trợn mắt, giơ cao cây roi trong khi người đàn bà ngồi cạnh hắn che mặt. Nhưng Sixo đã lẩn vào rừng trước khi ngọn roi kịp quất xuống trên tấm lưng màu chàm của nó.

Nó kể chuyện cho Paul F, Halle, Paul A và Paul D bằng một lối kể lạ thường, khiến họ dở khóc dở cười. Sixo vào rừng cây ban đêm. Để nhảy múa, nó nói. Để mạch máu mở, nó nói. Nó làm như thế, riêng tư, một mình. Không một ai trong những người còn lại nhìn thấy nó nhảy múa, nhưng họ có thể tưởng tượng, và hình ảnh họ vẽ vời làm họ hăng hái cười ngạo nó – lúc ban ngày, khi an toàn.

Nhưng đấy là trước khi nó ngưng nói tiếng Anh vì nói tiếng Anh không có lợi gì. Nhờ Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm, Sixo là người duy nhất không bị tê liệt vì khao khát Sethe. Không có gì sung sướng hơn ân ái với chị, ân ái Paul D đã thỉnh thoảng tưởng tượng đến trong hai mươi lăm năm. Anh mỉm cười vì sự khờ khạo của mình và trìu mến nghĩ về mình ngày xưa trong lúc anh xoay nằm nghiêng, đối diện chị. Mắt Sethe nhắm, tóc rối bời. Nhìn như thế này, không có đôi mắt sáng loáng, khuôn mặt chị không quyến rũ lắm. Vậy đôi mắt chị hẳn là điều làm anh vừa dè chừng vừa khích động. Không có đôi mắt, khuôn mặt chị dịu hơn – anh tự chủ được với khuôn mặt ấy. Có thể nếu chị cứ nhắm mắt như thế... Nhưng không, còn miệng chị. Xinh. Halle không hề biết anh đã có cái gì.

Mặc dù mắt chị nhắm, Sethe biết tia nhìn của anh ở trên mặt chị, và đôi mắt trong tâm tưởng của chị nhìn thấy một hình ảnh của chính mình, hình ảnh chắc phải xấu xí lắm. Dù vậy, tia nhìn của anh không giễu cợt. Mềm mại. Nó mềm mại một cách mong đợi. Anh không xét đoán chị – hay đúng hơn anh xét đoán nhưng không so sánh chị. Từ Halle đến bây giờ chưa người đàn ông nào nhìn chị như vậy: không yêu thương hay nồng nàn, nhưng chú tâm, như thể anh đang xem xét bắp ngô tốt hay xấu. Halle như một người anh hơn là người chồng. Sự chăm sóc của anh gợi nhớ đến quan hệ gia đình hơn là sự xác định sở hữu của một người đàn ông. Bao nhiêu năm họ chỉ nhìn thấy nhau ban ngày vào Chủ nhật. Thời gian còn lại họ nói chuyện hay đụng chạm hay ăn uống trong bóng tối. Bóng tối trước rạng đông và sau hoàng hôn. Vì thế nhìn nhau chăm chăm là niềm vui sáng Chủ nhật, và Halle nhìn ngắm chị như thể anh đang dồn trữ lại những gì anh thấy trong ánh sáng ban ngày để bù đắp cho chiếc bóng mờ anh nhìn thấy suốt thời gian còn lại trong tuần. Anh có quá ít

thời gian. Ngoài việc ở Tổ Ấm, việc anh làm chiều Chủ nhật là để trả nợ cho mẹ. Khi anh hỏi xin Sethe làm vợ, Sethe hân hoan nhận lời và rồi họ không biết phải làm sao, không biết phải làm gì kế tiếp. Phải có một buổi lễ chứ? Mục sư, nhảy múa, tiệc tùng, điều gì đó. Chị và bà Garner là hai phụ nữ duy nhất ở đấy, nên chị quyết định hỏi bà.

"Halle và con muốn lấy nhau, thưa bà Garner."

"Ta có nghe." Bà mỉm cười. "Nó đã nói với ông Garner rồi. Con có bầu chưa?"

"Thưa bà chưa."

"Ôi, con sẽ có bầu. Con biết vậy, phải không?"

"Vâng, thưa bà."

"Halle dễ thương, Sethe ạ. Nó sẽ tử tế với con."

"Nhưng con muốn nói chúng con muốn lấy nhau."

"Con mới nói rồi. Và ta bảo được."

"Có đám cưới không ạ?"

Bà Garner đặt thìa nấu ăn xuống. Cười cười, bà chạm tay lên đầu Sethe, nói: "Con là đứa trẻ dễ mến." Rồi thôi.

Sethe lén may chiếc áo và Halle treo dây thừng buộc thú lên một cái đinh trên tường trong căn nhà gỗ của chị. Họ ăn nằm với nhau lần thứ ba trên tấm nệm dưới sàn đất của căn nhà gỗ, hai lần đầu là ở mảnh ruộng ngô nhỏ xíu ông Garner trồng vì ngô là loại cây cả súc vật lẫn người đều ăn được. Sethe và Halle cùng tưởng là họ đã núp kỹ. Nằm bẹp dưới những thân ngô, họ không nhìn thấy được gì, kể cả những ngọn ngô nghiêng ngả trên đầu họ mà người khác ai cũng nhìn rõ.

Sethe mỉm cười vì sự khờ khạo của mình và Halle. Ngay cả mấy con quạ cũng biết và đến nhìn. Thôi bắt chéo chân, chị dằn được không cười ra tiếng.

Nhảy từ con bê sang con gái không có gì ghê gớm, Paul D nghĩ. Không phải sự thay đổi ghê gớm như Halle vẫn đinh ninh. Làm tình với chị trong ruộng ngô thay vì chỗ chị ở, cách căn nhà gỗ của những kẻ thua trận một mét, là một cử chỉ ân cần. Halle muốn giữ riêng tư cho chị nhưng lại thành biểu diễn công cộng. Ai mà không thấy một gợn sóng nơi ruộng ngô trong một ngày không mây lặng gió? Anh, Sixo và hai Paul kia ngồi dưới gốc Anh Em, dội nước trong trái bầu khô lên đầu, và qua đôi mắt ròng ròng nước giếng, họ nhìn râu ngô hỗn loạn trong cánh đồng bên dưới. Thật là khó, khó, khó, khó để ngồi đó, cương cứng như chó, nhìn thân ngô nhảy múa giữa trưa. Nước chảy trên đầu họ còn làm tệ thêm.

Paul D thở dài và trở mình. Sethe nhân chuyển động của anh cũng trở mình. Nhìn lưng Paul D, chị nhớ vài thân ngô đã gẫy, gập lại trên lưng Halle, và một trong những thứ ngón

tay chị đã nắm chặt lấy là vỏ và râu bắp.

Râu ngô mượt mà làm sao. Chất ngọt giam kỹ làm sao.

Nỗi ngưỡng mộ ghen tị của bọn đàn ông đã ngắm nhìn Halle và Sethe tan chảy với bữa tiệc ngô non họ tự thết mình tối hôm ấy. Những bắp ngô non bẻ từ những thân ngô mà ông Garner hẳn đinh ninh đã bị mấy con chồn làm gẫy. Paul F muốn nướng phần ngô của mình; Paul A muốn luộc phần của mình và bây giờ Paul D không thể nhớ nổi rốt cục họ đã nấu mấy bắp ngô non quá chưa ăn được như thế nào. Điều anh nhớ là lúc anh rẽ râu ngô để tìm đầu trái bắp, cạnh móng tay của anh chỉ ấn nhẹ xuống để khỏi xước một hạt nào.

Tiếng lớp vỏ chật bị kéo toạc xuống luôn luôn làm chị tin nó bị đau.

Ngay sau khi một dải vỏ đã bị kéo xuống, lớp vỏ ngô còn lại vâng theo và phơi bày ra những hàng hạt ngô e thẹn dâng đến cho anh. Râu ngô mượt mà làm sao. Chất ngọt giam kỹ tuôn ra nhanh chóng làm sao.

Dù răng và những ngón tay ướt của bạn chờ đợi điều gì, bạn vẫn không thể giải thích được nỗi rung động mà niềm vui bình dị ấy mang lại.

Râu ngô mượt mà làm sao. Mượt mà và mỏng mảnh và tự do làm sao.

3

Những bí mật của Denver ngọt ngào. Nó luôn có hoa thủy cự bên mình cho đến khi khám phá ra nước hoa. Chai nước hoa đầu tiên là một món quà tặng, chai kế tiếp nó trộm của mẹ và giấu trong mấy bụi hoàng dương cho đến khi nước hoa đông đá và chai rạn nứt. Năm ấy mùa đông đến vội vào giờ ăn tối và ở lại tám tháng. Đấy là một năm trong Cuộc Chiến khi người phụ nữ da trắng, cô Bodwin, tặng quà Giáng sinh là nước hoa cho mẹ và nó, mấy trái cam cho bọn con trai và thêm một chiếc khăn len tốt nữa cho Baby Suggs. Trò chuyện về một cuộc chiến đầy xác chết, trông bà vui vẻ – mặt bà đỏ hồng, và mặc dù giọng bà nặng như giọng đàn ông, bà tỏa hương như một căn phòng đầy hoa – niềm vui thích mà Denver có được cho riêng mình trong mấy bụi hoàng dương. Sau lưng I24 là một cánh đồng hẹp sát bìa rừng. Bên kia khu rừng là một dòng suối. Trong rừng, giữa cánh đồng và con suối, khuất giữa những cây sồi là năm bụi hoàng dương, trồng thành vòng tròn, khi mọc cao hơn một mét ngọn cây vươn mình giao nhau tạo thành một căn phòng trống hình tròn cao hơn hai mét với bức tường lá rì rào dày hơn một mét.

Denver có thể cúi người bò được vào căn phòng này, và khi vào rồi nó đứng thẳng lên trong làn ánh sáng màu lục ngọc.

Thoạt tiên đấy là trò chơi nhà cửa của một cô bé, nhưng khi mơ ước của Denver thay đổi, trò chơi cũng thay đổi theo. Nó trở nên lặng lẽ, riêng tư và hoàn toàn bí mật, ngoại trừ tín hiệu nước hoa nồng gắt khiến bọn thỏ háo hức rồi lại bối rối. Đầu tiên căn phòng là một chỗ chơi đùa (nơi sự yên lặng nhẹ nhàng hơn), rồi là chỗ ẩn náu (tránh nỗi sợ của hai anh), không lâu sau nó thành địa điểm chính. Trong vòm lá ấy, tách xa nỗi đau của thế gian đau khổ, trí tưởng tượng của Denver tạo ra cơn đói và thức ăn của riêng mình, điều Denver rất cần vì cô đơn làm nó mệt nhoài. Làm nó mệt nhoài. Được bức tường xanh sống động che kín và bảo vệ, nó cảm thấy chín mùi và trong sáng, và sự cứu rỗi dễ dàng như một điều ước nguyện.

Một lần, vào một mùa thu lâu lắm trước khi Paul D dọn vào ở chung với mẹ nó, nó đột nhiên thấy lạnh ở trong mấy bụi hoàng dương vì gió và nước hoa trên da. Nó mặc áo, cúi người chui ra và đứng dậy trong làn tuyết rơi: những bông tuyết mỏng manh và xốp rất giống cảnh mẹ nó đã vẽ ra để diễn tả tình cảnh lúc nó ra đời trong một chiếc xuồng, trên ấy một cô da trắng đang đứng dạng chân, cô da trắng chị lấy tên đặt cho Denver.

Run rẩy, Denver đến gần căn nhà, nhìn căn nhà như nó vẫn nhìn, như nhìn một con người chứ không phải một kiến trúc. Một người khóc lóc, thở dài, run rẩy và trở chứng bất chợt. Bước chân và cái nhìn của nó thận trọng như khi một đứa trẻ lại gần một người họ hàng bồn chồn, rỗi việc (một người lệ thuộc nhưng kiêu hãnh). Mảnh giáp của bóng tối đã che tất cả cửa sổ trừ một cái. Ánh sáng lờ mờ tỏa ra từ căn phòng của Baby Suggs. Khi Denver nhìn vào, nó thấy mẹ nó đang quỳ cầu nguyện, một chuyện không có gì lạ. Điều khác thường (ngay cả đối với một cô bé đã sống cả đời trong một căn nhà bị người chết

khuấy động) là một chiếc áo trắng quỳ bên mẹ nó và quàng tay áo vòng quanh eo mẹ nó. Vòng ôm dịu dàng của cánh tay áo làm Denver nhớ lại những chi tiết về sự ra đời của nó – vòng tay ôm và làn tuyết mỏng xốp xung quanh nó, như quả trái của những loài hoa thông thường. Chiếc áo và mẹ nó trông như hai người đàn bà trưởng thành – người này (chiếc áo) đang giúp đỡ người kia. Và sự chào đời kỳ diệu của nó, đúng ra là một phép lạ, cũng như chính cái tên của nó, là bằng chứng cho sự thân thiết ấy.

Nó dễ dàng bước vào câu chuyện kể đang trải ra trước mắt nó trên lối nó đi xa dần cửa sổ. Căn nhà chỉ có một cửa vào, và từ phía sau người ta phải đi vòng ra trước mặt tiền của I24, ngang qua nhà kho, phòng lạnh, nhà cầu, rồi vòng quanh đến hàng hiên. Muốn đến phần câu chuyện nó thích nhất, nó phải bắt đầu từ trước đấy rất lâu: nghe thấy tiếng chim trong rừng rậm, tiếng lá gẫy giòn dưới chân; nhìn thấy mẹ nó đang leo lên đồi, nơi chắc sẽ vắng nhà cửa. Sethe bước đi trên đôi chân đáng lẽ phải đứng yên. Chúng sưng to đến nỗi chị không thể nhìn thấy mu bàn chân hay cảm thấy cổ chân mình. Cẳng chân chị liền với một khối thịt u có năm móng chân viền cong xung quanh. Nhưng chị không thể và sẽ không dừng lại, vì khi chị dừng lại, con linh dương nhỏ húc sừng vào chị và nóng nảy cào bộ móng vào bụng chị. Khi chị bước đi, nó dường như yên ả gặm cỏ – vì thế chị bước đi, dù rằng với cái thai vào tháng thứ sáu, hai bàn chân chị đáng lẽ phải đứng yên. Đứng yên cạnh ấm nước; đứng yên ở thùng đánh bơ; đứng yên ở bồn nước và tấm ván ủi quần áo. Sữa chua nhớp nháp trên áo chị, thu hút mọi loài sinh vật nhỏ có cánh, từ muỗi mắt đến cào cào. Lúc chị đến chân đồi, chị đã thôi không buồn xua đuổi chúng nữa. Tiếng lanh canh trong đầu chị, thoạt tiên như tiếng chuông nhà thờ xa xa, lúc ấy là những chiếc chuông rung sát bên tai. Chị sụp xuống và phải nhìn xem mình đang ở trong một cái hố hay đang quỳ gối. Thân thể chị không còn cảm giác ngoại trừ hai núm vú và con linh dương nhỏ. Cuối cùng, chị nằm xuống – hay chắc phải nằm xuống vì những lá hành dại đang cứa vào màng tang và má chị. Sethe bảo Denver rằng, dù rất lo cho sự sống của người mẹ của mấy đứa con chị, chị nhớ mình đã nghĩ: "Ôi chao, ít nhất mình không phải đi thêm một bước nào nữa." Một ý nghĩ lúc sắp chết khá hay ho, và chị đợi con linh dương nhỏ phản đối, và Sethe không tưởng tượng nổi tại sao chị nghĩ đến linh dương vì chị chưa hề thấy con linh dương nào. Chị đoán đấy là chuyện tưởng tượng chị còn nhớ từ khoảng thời gian trước Tổ Ấm, khi chị còn rất nhỏ. Về nơi chốn chị sinh ra (có thể là Carolina? hay Louisiana?) chị chỉ còn nhớ những lời ca điệu múa. Thậm chí chị không nhớ cả mẹ mình. Một đứa bé tám tuổi trông coi mấy đứa bé hơn đã chỉ cho chị thấy bà – một tấm lưng trong nhiều tấm lưng quay về phía chị, khom xuống trên cánh đồng ngập nước. Sethe kiên nhẫn chờ tấm lưng ấy đến cuối hàng và đứng thẳng lên. Chị nhìn thấy một chiếc mũ vải thay vì mũ rơm, khá hiếm hoi trong số những người phụ nữ thủ thỉ, người nào cũng được gọi là mẹ.

"Sethe."

"Dạ."

"Giữ chặt đứa nhỏ."

"Vâng."

“Sethe.”

“Dạ.”

“Mang củi nhóm vô đây.”

“Vâng.”

Ô, nhưng khi họ hát. Và, ô, nhưng khi họ múa, và đôi khi họ múa điệu linh dương. Những người đàn ông cũng như những bà mẹ, một người trong số đó chắc chắn là mẹ của chị. Họ thay đổi hình dáng và biến thành một thứ khác, quyền uy và không bị xiềng xích, có đôi chân biết rõ nhịp đập của trái tim chị hơn chính chị. Y như đứa bé trong bụng chị.

“Mẹ nghĩ: mẹ của đứa nhỏ này sẽ chết trong bụi hành dại bên phía bờ nô lệ của sông Ohio.”* Chị nghĩ như thế và kể cho Denver nghe như thế. Đúng những chữ chị đã dùng. Nghĩ cho cùng, ý tưởng rằng chị sẽ không phải bước thêm một bước nào nữa dường như không tệ lắm, nhưng ý nghĩ rằng chị sẽ nằm chết sóng soài trong khi con linh dương tiếp tục sống – một giờ? một ngày? một ngày một đêm? – trong thân xác không còn sự sống của chị khiến chị buồn rầu đến nỗi chị rên lên, và khiến người đang đi trên một lối mòn cách đó chưa đến mười mét dừng lại và đứng thật yên. Sethe không nghe tiếng bước chân, nhưng đột nhiên chị nghe như có người đang đứng yên và rồi chị ngửi thấy mùi tóc. Chị nghe giọng nói: “Ai trong đó?” Chỉ cần từng ấy thôi là chị biết rằng một thằng nhóc da trắng sắp tìm ra chị. Rằng răng của nó cũng bựa vàng, và nó thèm ăn. Rằng trên một đồi thông gần sông Ohio, trong khi chị gắng đến với ba đứa con, một đứa đang đói chờ thức ăn chị mang theo; rằng sau khi chồng chị biến mất; rằng sau khi sữa chị bị lấy cắp, lưng chị nát bấy, con chị thành mồ côi, chị sẽ không có được một cái chết thanh thản. Không.

Chị bảo Denver một thứ gì đấy trồi lên khỏi mặt đất nhập vào trong người chị – một thứ lạnh lẽo, nhưng cũng cử động, như có quai hàm bên trong. “Hình như chỉ là hàm răng của mẹ lập cập vì lạnh,” chị nói. Chị bỗng háo hức chờ đôi mắt của thằng nhỏ, để cắn vào chúng; để gặm đôi má nó.

“Mẹ đói,” chị bảo Denver, “đói đôi mắt nó như chưa bao giờ đói hơn thế. Mẹ gần như không đợi nổi.”

Vì thế chị nhổm người dựa trên khuỷu tay và lê mình, một, hai, ba, bốn lần kéo lê, về phía giọng nói da trắng trẻ con đang gọi quanh: “Ai ở trong đó vậy?”

“‘Tới xem đi,’ mẹ nghĩ. ‘Đó sẽ là điều cuối cùng mày nhìn thấy,’ và quả thật cặp chân hiện đến, vì thế mẹ nghĩ ôi chao, thể theo ý Chúa, mẹ sẽ phải bắt đầu từ đấy, mẹ sẽ ăn đứt hai bàn chân nó. Giờ đây mẹ đang cười, nhưng đấy là chuyện thật. Không những mẹ sẵn sàng làm thế. Mẹ thèm làm thế. Mẹ như một con rắn. Chỉ có hàm răng và đói thèm.”

“Nhưng không phải là một thằng nhóc da trắng. Là một cô gái. Thứ rác rưởi tơi tả nhất đang nói: ‘Coi kìa. Một đứa da đen. Lạ lùng chưa.’”

Và bây giờ là phần Denver thích nhất:

Tên cô gái là Amy và cô cần thịt bò và rượu hơn ai hết. Cánh tay cô như thân mía và tóc đủ cho bốn năm cái đầu. Mắt cô lờ đờ chậm chạp. Cô không có cái nhìn tinh nhanh với bất cứ thứ gì. Nói nhiều đến nỗi không rõ làm sao cô có thể thở được cùng lúc. Và hai cánh tay thân mía hóa ra mạnh như sắt.

"Tôi chưa thấy cái gì ghê hơn chị. Chị làm gì ở trong đấy thế?"

Trong đám cỏ bên dưới, tưởng mình là con rắn, Sethe mở miệng, và thay vì răng nanh và cái lưỡi chẻ đôi, sự thật vọt ra.

"Chạy trốn," Sethe bảo cô. Đó là chữ đầu tiên chị nói ngày hôm ấy, nghe không rõ vì lưỡi chị đau.

"Chạy bằng cặp chân đó hả? Chúa tôi!" Cô ngồi xổm xuống và nhìn chân Sethe chằm chằm. "Chị có cái gì ăn được không?"

"Không." Sethe cố chuyển thành thế ngồi nhưng không thể.

"Tôi đói muốn chết." Cô gái chậm chạp rời mắt, xem xét cây cỏ xung quanh. "Tôi tưởng có dâu dại. Trông giống nó. Bởi vậy tôi lên đây. Không ngờ gặp bà da đen. Nếu có dâu dại, chim cũng ăn hết rồi. Chị có thích dâu dại không?"

"Cô ơi, tôi đang có thai."

Amy nhìn chị. "Có nghĩa là chị không thèm ăn? Ôi cha, tôi phải ăn cái gì đó."

Vừa lấy ngón tay chải tóc, cô vừa cẩn thận quan sát khung cảnh một lần nữa. Sau khi chắc chắn xung quanh không có thứ gì ăn được, cô đứng dậy đi và tim Sethe cũng bật dậy vì ý nghĩ chị sẽ bị bỏ lại một mình trong đám cỏ, không có cái nanh nào trong đầu.

"Cô, cô đi đâu đó?"

Cô quay nhìn Sethe, mắt sáng lên. "Đi Boston. Tôi đi tìm ít vải nhung. Ở đó có một tiệm tên là Wilson. Tôi đã xem ảnh và họ có loại nhung đẹp nhất. Mấy người kia không tin tôi sẽ tìm được, nhưng mà tôi sẽ tìm được."

Sethe gật đầu và trở người sang khuỷu tay kia. "Mẹ cô có biết cô đi tìm vải nhung không?"

Cô gái lắc đầu, hất những sợi tóc ra khỏi khuôn mặt. "Mẹ tôi làm cho mấy người kia, họ đã trả tiền cho bà tới đây. Nhưng rồi bà chết ngay sau khi bà sinh tôi, cho nên họ nói tôi phải làm công cho họ để trả nợ. Tôi cũng làm, nhưng bây giờ tôi muốn có ít vải nhung."

Họ không nhìn thẳng vào nhau, ít nhất không nhìn thẳng vào mắt nhau. Thế nhưng họ dễ dàng tán gẫu những chuyện đâu đâu – ngoại trừ chuyện người đang nằm trên mặt đất.

“Boston,” Sethe nói. “Chỗ đó xa không?”

“Xa lắm. Cách một trăm dặm. Có thể hơn.”

“Chắc phải có vải nhung gần đây hơn.”

“Không giống như vải nhung ở Boston. Vải nhung ở Boston là tốt nhất. Tôi mặc vải nhung đó vào sẽ đẹp lắm. Chị có sờ mặt vải nhung bao giờ chưa?”

“Chưa, cô. Tôi chưa sờ vải nhung lần nào.” Sethe không biết là vì giọng nói, hay Boston hay vải nhung, nhưng trong lúc cô da trắng nói, đứa bé ngủ. Nó không húc hay đá, vì thế chị đoán là thời vận của chị đã thay đổi.

“Chị có thấy vải nhung bao giờ chưa?” cô hỏi Sethe. “Tôi dám cá chị chưa nhìn thấy.”

“Nếu có thấy tôi cũng không biết. Vải nhung đó ra sao hả cô?”

Amy lê mắt qua Sethe như thể cô sẽ không bao giờ tiết lộ một tin tức cẩn mật đến thế với một kẻ lạ.

“Chị tên gì?”

Dù chị xa Tổ Ấm cách mấy, cho người đầu tiên chị gặp biết tên thật nào có ích gì. “Lu,” Sethe nói. “Họ gọi tôi là Lu.”

“Chị Lu này, vải nhung như là thế giới vừa được tạo thành. Sạch và mới và mượt ơi là mượt. Vải nhung tôi thấy màu nâu, nhưng ở Boston họ có đủ màu. Có màu son. Màu son có nghĩa là màu đỏ nhưng khi chị nói tới vải nhung chị phải nói ‘màu son’.” Cô ngước mắt nhìn lên trời và rồi, như thể cô không muốn phí thêm thời gian, cô vừa bỏ đi vừa nói, “Tôi phải đi.”

Vừa tìm lối qua bụi rậm, cô vừa hét vọng lại với Sethe, “Chị làm gì đây, chỉ nằm đó rồi đẻ hay sao?”

“Tôi đứng lên không nổi,” Sethe nói.

“Cái gì?” Cô ngừng lại và xoay mình để nghe.

“Tôi nói tôi đứng lên không nổi.”

Amy đưa cánh tay lên quẹt mũi và từ từ bước trở lại chỗ Sethe nằm. “Đằng kia có một căn nhà,” cô nói.

“Một căn nhà?”

“Ừm. Tôi đi ngang qua. Mà nó không phải là một căn nhà bình thường có người ở. Nó như một cái chái thôi.”

“Nó cách đây bao xa?”

“Cái chái cũng còn đỡ, phải không? Chị mà qua đêm ở đây rắn sẽ cắn chị.”

“Ôi cha, rắn tới cho rồi. Tôi đứng lên còn không nổi chứ đừng nói gì đến bước đi, và lạy Chúa, cô ơi, tôi không bò nổi.”

“Chị làm được mà, Lu. Cố lên,” Amy nói, và hất mái tóc đủ cho năm cái đầu, cô đi về phía con đường mòn.

Thế là chị bò và Amy đi bên cạnh chị, và khi Sethe cần nghỉ Amy cũng ngừng và nói tiếp về Boston và vải nhung và những thức ăn ngon. Giọng nói ấy, như giọng một thằng nhóc mười sáu tuổi, nói hoài hủy, khiến con linh dương nhỏ yên lặng và gặm cỏ. Trong suốt thời gian Sethe cực khổ bò đến cái chái, nó không đá lần nào.

Khi họ đến cái chái, không có thứ gì của Sethe còn nguyên vẹn ngoại trừ tấm khăn buộc tóc. Chị không còn cảm giác phía dưới hai đầu gối bết máu; ngực chị là hai tấm gối găm đầy kim. Giọng nói đầy vải nhung và Boston và thức ăn ngon thúc đẩy chị tiến tới và khiến chị nghĩ rằng, rốt cuộc có thể chị không phải chỉ là một nghĩa trang đang bò đi trong những giờ cuối cùng của một đứa bé sáu tháng tuổi.

Cái chái ngập lá, lá Amy dùng để đẩy thành đống cho Sethe nằm. Rồi cô gom mấy hòn đá, lấy thêm lá trải lên và bắt Sethe đặt chân lên đấy, cô nói: “Tôi biết một bà bị cắt bỏ chân vì nó sưng to quá.” Và cô đưa bàn tay làm lưỡi dao cưa qua lại hai cổ chân Sethe. “Zzz Zzz Zzz Zzz.”

“Lúc trước tôi cũng có da có thịt. Cánh tay đẹp, đủ thứ. Chị không tưởng tượng được, phải không? Đó là trước khi họ bỏ tôi vào hầm chứa củ. Có lần tôi câu cá ở Beaver. Cá bông lau ở sông Beaver ngọt như thịt gà. Ui cha, tôi đang câu cá thì có một tên da đen lều bều trôi qua. Tôi không thích xác chết đuối, còn chị? Chân chị làm tôi nhớ đến hắn. Hắn cũng sưng vù như vậy đó.”

Rồi cô làm phép thuật: cô nhấc bàn chân và cẳng chân Sethe lên và xoa bóp cho đến khi chị khóc những giọt lệ đau đớn.

“Chị sẽ đau,” Amy nói. “Cái gì đã chết rồi, khi sống trở lại cũng sẽ đau.”

Điều ấy lúc nào cũng đúng, Denver nghĩ. Có thể chiếc áo trắng quàng tay quanh eo của mẹ nó đang đau đớn. Nếu thế, không chừng hồn ma đứa bé có dự định. Khi Denver mở cửa nhà, Sethe đang từ phòng khách đi ra.

“Con thấy một cái áo trắng níu lấy mẹ.” Denver nói.

“Màu trắng? Có thể là cái áo động phòng của mẹ. Tả nó cho mẹ xem.”

“Áo cổ cao. Có nhiều nút sau lưng.”

“Nút. Vậy là không phải là cái áo động phòng của mẹ. Mẹ chưa có cái gì có nút.”

“Bà nội Baby có không?”

Sethe lắc đầu. “Bà không cài nổi chúng. Thậm chí nút dây giày. Còn gì nữa?”

“Có vải xếp thành đống sau lưng. Ngay mông.”

“Khung váy? Nó có khung váy?”

“Con không biết nó gọi là gì.”

“Như vải gói túm lại? Ở phía dưới eo sau lưng?”

“Đúng vậy.”

“Một cái áo bà nhà giàu. Nó bằng lụa?”

“Có vẻ như vải.”

“Chắc là vải bông mịn. Vải bông mịn trắng. Con nói cái áo níu lấy mẹ. Nó níu như thế nào?”

“Giống như mẹ. Nó trông y như mẹ. Nó quỳ bên cạnh mẹ trong lúc mẹ cầu nguyện. Quàng tay qua eo mẹ.”

“Ôi cha, lạ chưa.”

“Mẹ cầu nguyện cho cái gì thế?”

“Không cho cái gì hết. Mẹ đã thôi không cầu nguyện nữa. Mẹ chỉ trò chuyện.”

“Mẹ nói chuyện gì?”

“Con yêu, con không hiểu đâu.”

“Con sẽ hiểu mà.”

“Mẹ nói về thời gian. Mẹ thấy khó tin nó quá. Có những thứ mất đi. Qua đi. Có những thứ ở lại. Mẹ thường nghĩ rằng đấy là vì ký ức của mẹ. Con biết mà. Có những thứ mình quên. Những thứ khác mình không bao giờ quên. Nhưng không phải thế. Những nơi chốn, những nơi chốn vẫn còn đấy. Nếu một căn nhà cháy rụi, nó mất đi, nhưng nơi chốn – hình ảnh của nó – vẫn còn lại, và không chỉ trong ký ức mẹ, mà cả trong thế gian nữa. Điều mẹ nhớ là một hình ảnh lênh đênh ở ngoài tâm trí mẹ. Ý mẹ muốn nói là, cho dù mẹ không nghĩ đến nó, cho dù mẹ chết đi, hình ảnh của điều mẹ đã làm, hay đã biết, hay đã thấy vẫn còn ở ngoài kia. Ngay ở chỗ nó đã xảy ra.”

“Những người khác có thấy được nó không?” Denver hỏi.

“Ồ, có chứ. Ồ, có, có, có. Ngày nào đấy con sẽ bước đi trên đường và con sẽ nghe hay thấy một điều gì đó. Rất rõ ràng. Và con sẽ nghĩ đấy là do con tưởng tượng ra. Một hình ảnh trong tâm tưởng. Nhưng không đâu. Đấy là khi con va vào ký ức của một người khác. Nơi mẹ ở trước khi mẹ đến đây, chỗ ấy có thực. Nó sẽ không bao giờ mất đi. Dù cho tất cả nông trại ấy – mỗi cây và lá cỏ của nó chết đi, hình ảnh vẫn còn đấy. Và thêm nữa, nếu con đến đấy – con, người chưa từng đến đấy – nếu con đến đấy và đứng vào chỗ của nó, nó sẽ lại xảy ra lần nữa; nó sẽ ở đấy vì con, chờ đợi con. Vì thế, Denver, con không bao giờ được đến đấy. Không bao giờ. Bởi vì cho dù chuyện đã qua – đã qua và đã xong – nó sẽ vẫn luôn ở đấy đợi con. Vì thế mẹ phải mang con mẹ trốn đi. Bất kể chuyện gì xảy ra.”

Denver cậy móng tay. “Nếu nó vẫn còn đấy chờ đợi, có nghĩa là không có cái gì chết đi bao giờ.”

Sethe nhìn thẳng mặt Denver. “Không có cái gì chết đi bao giờ,” chị nói.

“Mẹ chưa bao giờ nói cho con nghe tất cả mọi chuyện. Mẹ chỉ nói là họ đánh mẹ, và mẹ trốn đi lúc đang có thai. Có thai con.”

“Trừ chuyện thầy giáo, không còn gì đáng kể. Hắn nhỏ người. Lùn. Lúc nào cũng đeo cổ áo, ngay cả những khi ở ngoài đồng. Bà nói hắn là thầy giáo. Bà mừng là chồng của cô em chồng có học và chịu đến làm việc nhà nông ở Tổ Ấm sau khi ông Garner mất. Mấy người đàn ông có thể làm được, dù Paul F đã bị bán đi. Nhưng như Halle nói, bà không muốn là người da trắng duy nhất ở nông trại và lại là đàn bà nữa. Thế nên bà hài lòng khi thầy giáo chịu đến. Hắn mang theo hai đứa con trai. Con hoặc là cháu hắn. Mẹ không biết. Hai thằng nhỏ gọi hắn là Onka và tất cả bọn họ có dáng điệu đẹp đẽ. Ăn nói nhỏ nhẹ và nhổ vào khăn tay. Nhã nhặn đủ kiểu. Con biết mà, loại người biết tên riêng của Jesus nhưng vì lịch sự nên tránh gọi nó ngay cả trước mặt Ngài. Hắn là một nhà nông khá, Halle nói. Không mạnh bằng ông Garner nhưng khá lanh lợi. Hắn thích mực viết mẹ làm. Công thức của bà chủ, nhưng hắn thích cách mẹ pha hơn và điều ấy quan trọng đối với hắn vì ban đêm hắn ngồi xuống viết vào cuốn sách của hắn. Cuốn sách ấy viết về bọn mẹ nhưng ngay lúc đó mẹ không biết. Bọn mẹ chỉ nghĩ hắn hỏi han vì lịch sự. Hắn bắt đầu mang theo cuốn sổ và ghi chép những gì bọn mẹ nói. Mẹ vẫn nghĩ những câu hỏi ấy giằng xé Sixo. Giằng xé anh ấy mãi.”

Chị ngưng lại.

Denver biết mẹ nó kể xong rồi – ít nhất trong lúc này. Một cái chớp mắt chậm rãi; môi dưới từ từ kéo lên phủ môi trên; và rồi một tiếng thở dài bằng mũi, như tiếng ngọn nến bị thổi tắt đi – dấu hiệu Sethe đã đến mức chị không muốn vượt qua.

“Con nghĩ đứa bé có những dự định đấy,” Denver nói.

“Dự định gì?”

“Con không biết. Nhưng cái áo níu lấy mẹ phải có ý nghĩa gì đấy.”

“Có thể,” Sethe nói. “Có thể nó đang có dự định thật.”

Dù họ đã là những người thế nào hay từng sống ra sao, Paul D đã vĩnh viễn làm rối tung mọi chuyện. Với một cái bàn và giọng nam ầm ĩ, anh đã đuổi đi lý do làm I24 nổi tiếng trong vùng. Denver đã tự bảo mình nên hãnh diện về những lời chê trách mà dân da đen đã chất chồng lên họ: sự giả định rằng chuyện ma ám là của ác quỷ đang muốn phá quấy. Không ai trong số những người ấy biết được nỗi vui thú đích thực của phép thuật, của nhận biết chứ không phải hoài nghi về những chuyện phía sau mọi chuyện. Hai anh nó biết, nhưng sợ; bà Baby biết, nhưng buồn. Không ai thấu hiểu được rằng có ma làm bè bạn là an toàn. Ngay cả Sethe cũng không thích. Chị chỉ xem nó là tự nhiên – như thời tiết thay đổi bất ngờ.

Nhưng hồn ma đi mất rồi. Bị thổi vù đi mất trong luồng gió từ tiếng hét của người đàn ông da màu quả phỉ, để lại thế giới của Denver gần như phẳng lặng, ngoại trừ một cái tủ màu lục ngọc cao hơn hai mét trong rừng. Mẹ nó có bí mật – những điều chị không muốn kể, những điều chị kể một nửa. Ôi chao, Denver cũng có bí mật. Và bí mật của nó ngọt ngào – ngọt như nước hoa mùi hoa kèn trắng.

Sethe không nghĩ nhiều đến chiếc áo trắng cho đến khi Paul D đến, và rồi chị nhớ đến lời suy diễn của Denver: những dự định. Buổi sáng sau đêm đầu tiên với Paul D, chỉ nghĩ đến ý nghĩa của chữ ấy thôi đã làm Sethe mỉm cười. Đấy là sự xa xỉ chị chỉ có được một lần mười tám năm về trước. Trước và sau lần ấy, chị dồn sức, không phải để tránh né đau đớn, nhưng để vượt qua nó càng nhanh càng tốt. Dự định duy nhất của chị – trốn khỏi Tổ Ấm – không xuôi thuận đến nỗi chị không bao giờ thách thức cuộc đời bằng cách dự tính thêm nữa.

Dù thế, buổi sáng chị thức dậy bên cạnh Paul D, chữ con chị đã dùng mấy năm trước thoáng qua đầu chị, và chị nghĩ đến chiếc áo quỳ bên cạnh chị mà Denver đã thấy, và cũng nghĩ đến sự cám dỗ của lòng tin và hồi tưởng, sự cám dỗ đã ghì chặt lấy chị khi chị đứng trước bếp lò trong vòng tay anh. Chị có được phép không? Chị có được phép cảm xúc không? Nương dựa vào điều gì đấy có được không?

Nằm bên anh và lắng nghe tiếng anh thở, chị không thể nghĩ được rành rọt, vì thế chị thận trọng, thận trọng rời khỏi giường.

Quỳ trong phòng khách nơi chị thường đến để nói-nghĩ, chị hiểu lý do tại sao Baby Suggs đói màu sắc. Không có màu sắc nào trong căn phòng trừ hai miếng vải vuông màu cam trong tấm chăn ghép, chúng khiến sự thiếu vắng màu sắc càng nổi bật lên. Tường phòng màu xám đen, sàn phòng màu đất nâu, tủ áo gỗ màu gỗ tự nhiên, màn cửa màu trắng, và nét nổi bật là tấm chăn ghép trên một cái giường sắt nhỏ, được may bằng những miếng vải vụn màu xanh, vải len màu đen, nâu và xám – những màu tối và chìm của tính tằn tiện và khiêm tốn. Trong khoảng không gian ảm đạm ấy, hai mảnh màu cam trông hoang dã – như đời sống nguyên sơ.

Sethe nhìn hai bàn tay mình, cánh tay áo màu xanh vỏ chai, và nghĩ căn nhà ít màu sắc

làm sao, và lạ lùng là chị không thấy thiếu nó như Baby đã thấy thiếu. Chị cố ý, chị nghĩ, phải là chị cố ý, vì màu sắc cuối cùng chị nhớ được là những đốm hồng trên tấm bia mộ của con bé con chị. Sau đó chị nhìn màu sắc không rõ hơn một con gà mái. Mỗi sáng sớm chị làm bánh trái cây, các món ăn bằng khoai tây và rau trong khi đầu bếp nấu xúp, thịt và các món còn lại. Thế mà chị không nhớ nổi một trái táo xanh hay một quả bí vàng. Mỗi sáng sớm chị nhìn thấy bình minh, nhưng không bao giờ nhận biết hay bình phẩm về màu sắc của nó. Có điều gì không ổn trong chuyện ấy. Như thể một ngày chị nhìn thấy máu đỏ trẻ thơ, một ngày khác những đốm hồng trên bia mộ, và thế là hết.

I24 tràn ngập những cảm xúc mạnh mẽ nên có lẽ chị không còn chú ý đến bất kỳ mất mát nào khác. Đã có lúc chị dõi mắt nhìn những cánh đồng mỗi sáng và mỗi tối tìm hai đứa con trai. Khi chị đứng bên cửa sổ, không màng đến lũ ruồi, đầu chị nghiêng về phía vai trái, mắt chị tìm kiếm chúng phía bên phải. Bóng mây trên đường, một bà già, một con dê không dây buộc lang thang gặm bụi mâm xôi – thoạt tiên mỗi người hay vật đều giống Howard – không, giống Buglar. Dần dà chị thôi nhìn và khuôn mặt mười ba tuổi của chúng phai đi thành khuôn mặt của chúng lúc bé thơ, hai khuôn mặt chỉ đến với chị trong giấc ngủ. Khi cơn mơ của chị lang thang ra ngoài I24, đến chỗ nào nó muốn, đôi khi chị thấy chúng trên những cái cây xinh đẹp, mấy cẳng chân nhỏ thấp thoáng giữa những chiếc lá. Đôi khi chúng cười vang khi chạy dọc theo đường ray, rõ ràng chúng cười quá lớn nên không nghe thấy tiếng chị gọi, vì chúng không hề quay lại. Khi chị thức giấc, căn nhà vây quanh chị: bánh quy giòn xếp thành hàng ở cửa; những bậc thang trắng con bé của chị thích leo; góc nhà nơi Baby Suggs ngồi vá giày, trong căn phòng lạnh lẽo vẫn còn một đống giày; chỗ trên bếp lò nơi Denver bị bỏng mấy ngón tay. Và dĩ nhiên nỗi hằn học của chính căn nhà. Không còn chỗ cho thứ gì khác hay ai khác cho đến khi Paul D đến và đảo lộn căn nhà, dọn trống chỗ, dời hồn ma, đưa nó đến chỗ khác, rồi đứng vào chỗ anh tạo ra.

Vì thế, buổi sáng sau khi Paul D đến, quỳ gối trong phòng khách, chị bị xao nhãng vì hai mảnh vuông màu cam cho thấy I24 trống trải như thế nào.

Là tại anh. Những cảm xúc trào lên khi có anh bên cạnh. Mọi thứ trở về nguyên trạng: tẻ ngắt thì trông tẻ, nóng thì thấy nóng. Cửa sổ đột nhiên có khung cảnh. Và ai biết đâu được anh ưa ca hát.

Chút gạo, chút đậu

Giữa không có thịt

Việc nặng dễ đâu

Bánh khô không mỡ

Anh đã dậy và vừa hát vừa vá sửa lại những thứ anh đập bể ngày hôm trước. Vài đoạn bài hát anh học được trong nông trại ở nhà tù, hay sau đó trong Cuộc Chiến. Chúng không giống chút nào những bài họ hát ở Tổ Ấm, nơi nỗi khao khát tô điểm từng nốt nhạc.

Những bài hát anh học được ở Georgia là những cái đinh đầu phẳng, để nện và nện và nện.

Đặt đầu tao trên đường ray

Xe đến, làm yên trí tao

Nếu tao có bao vôi nặng

Tao quất mù đặc thằng cai

Năm xu là đồng năm xu

Mười xu là đồng một hào

Đập đá là đập thời gian

Nhưng những bài hát này không thích hợp. Chúng ồn ào quá, mạnh mẽ quá đối với những việc vặt trong nhà – gắn lại chân bàn, đánh bóng gỗ.

Anh không thể nhớ bài Bão trên sóng nước họ đã hát dưới những gốc cây ở Tổ Ấm, vì thế anh đành âm ư điệu nhạc, sực nhớ câu nào thì hát câu đó, và anh sực nhớ hoài câu "Chân trần và sáp hoa cúc. Cởi giày tôi; cởi mũ tôi."

Anh muốn đổi lời (Trả giày tôi; trả mũ tôi), vì anh không tin anh có thể sống với một người đàn bà – bất cứ người đàn bà nào – quá hai hay ba tháng. Anh chỉ ở một chỗ lâu đến thế thôi. Sau Delaware và trước Alfred, Georgia, nơi anh ngủ dưới hầm và bò ra ánh sáng mặt trời chỉ để đập đá, cách duy nhất anh có thể thuyết phục mình anh sẽ không còn phải ngủ, đái, ăn hay vung búa tạ trong vòng xiềng xích, là bỏ đi khi anh không còn muốn ở.

Nhưng đây không phải là một người đàn bà bình thường trong một căn nhà bình thường. Ngay lúc anh vừa bước qua làn ánh sáng đỏ, anh biết rằng, so với I24, thế giới còn lại tẻ nhạt. Sau Alfred anh đã khép kín lại một phần lớn đầu óc mình, chỉ hoạt động bằng phần giúp anh bước, ăn, ngủ, hát. Nếu anh làm được những điều ấy – cộng thêm chút công việc và tình dục – thì anh không mong gì hơn nữa, vì nếu anh muốn hơn nữa anh sẽ phải nghĩ lâu đến khuôn mặt Halle, và Sixo đang cười. Phải nhớ lại cơn run rẩy trong cái cũi xây dưới lòng đất. Phải biết ơn ánh sáng ban ngày trôi qua trong công việc nặng nhọc nơi mỏ đá vì anh không run khi có cái búa trong tay. Cái cũi làm được điều mà Tổ Ấm không làm được, điều mà làm việc như một con la và sống như một con chó không làm được: làm anh nổi điên lên để anh không mất trí.

Khi anh đến Ohio, rồi đến Cincinnati, rồi đến nhà của mẹ Halle Suggs, anh nghĩ mình đã nhìn thấy và cảm thấy mọi thứ. Ngay bây giờ, khi sửa lại khung cửa sổ anh đã đập nát, anh vẫn không thể hiểu được nỗi ngạc nhiên hân hoan của mình khi thấy vợ Halle còn sống, chân trần và tóc không buộc khăn – bước vòng quanh góc căn nhà, giày tất trong tay. Phần khép kín của đầu anh mở ra như một cái khóa đã được bôi trơn.

“Anh đang định kiếm việc làm quanh đây. Em nghĩ sao?”

“Không có việc gì nhiều đâu. Phần lớn là việc trên sông. Và việc lò mổ heo.”

“Ờ, anh chưa bao giờ làm việc trên sông nước, nhưng anh có thể nhấc bất cứ cái gì nặng bằng anh, kể cả heo.”

“Người da trắng ở đây tốt hơn ở Kentucky, nhưng không chừng anh phải xoay sở.”

“Vấn đề không phải là anh có xoay sở hay không, mà là xoay sở ở đâu. Ý em là anh xoay sở ở đây cũng được phải không?

“Rất được ấy chứ.”

“Con gái em, Denver. Có vẻ nó nghĩ khác.”

“Tại sao anh nói vậy?”

“Nó như đang chờ đợi. Nó chờ cái gì đấy không phải là anh.”

“Em không biết nó chờ cái gì.”

“Thế đó, không rõ là gì, nhưng nó tin là anh sẽ ngăn trở điều nó đang chờ.”

“Đừng ngại nó. Nó là con bé có phước. Từ thuở đầu.”

“Vậy sao?”

“Vâng. Chuyện xấu không xảy đến với nó được. Nghĩ mà xem. Mọi người em biết đều đã chết hay bỏ đi hay không tăm tích. Nó thì không. Denver của em thì không. Ngay khi em còn mang thai nó, lúc đã rõ ràng em sắp chết – có nghĩa nó cũng sắp chết – nó lôi từ ngọn đồi ra một cô da trắng. Có ai dám ngờ cô ta sẽ giúp được gì. Và khi thầy giáo tìm ra bọn em và xông đến đây cùng với cảnh sát và súng ngắn…”

“Thầy giáo tìm ra em?”

“Mất một thời gian, nhưng cuối cùng hắn tìm ra.”

“Và hắn không mang em về?”

“Ồ, không. Em không muốn về. Em không cần biết ai tìm ra ai. Cuộc sống nào cũng được ngoại trừ cuộc sống ấy. Thay vì thế, em đi tù. Denver còn bé vì thế nó đi tù luôn với em. Mấy con chuột cắn mọi thứ trong đó nhưng chừa nó ra.”

Paul D quay đi. Anh muốn biết nhiều hơn, nhưng chuyện tù ngục mang anh về lại Alfred, Georgia.

“Anh cần vài cái đinh. Anh có mượn được ai quanh đây không hay là anh phải vào phố?”

“Anh vào phố cho rồi. Anh sẽ cần những thứ khác.”

Một đêm thôi là họ đã nói chuyện như vợ chồng. Họ bỏ qua phần yêu đương và hứa hẹn và đi thẳng đến “Em nói xem anh có xoay sở được ở đây không?”

Với Sethe, tương lai là đẩy lùi quá khứ. “Cuộc sống tốt hơn” mà chị tin mình và Denver đang sống chỉ đơn giản là không phải cuộc sống kia.

Chuyện Paul D từ “cuộc sống kia” vào giường của chị cũng tốt hơn; và khái niệm về một tương lai với anh, hay không có anh cũng thế, bắt đầu khiến chị ngẫm nghĩ. Về phần Denver, việc quan trọng là Sethe phải giữ nó xa khỏi quá khứ vẫn đang chờ đợi nó.

4

Bối rối nhưng vui thích, Sethe tránh phòng khách và những cái liếc xéo của Denver. Như chị đoán, vì cuộc đời là thế – tránh né không ích lợi gì. Denver ra sức quấy rối và đến ngày thứ ba hỏi thẳng Paul D anh sẽ ở chơi bao nhiêu lâu.

Mấy chữ ấy làm anh phật lòng đến nỗi tay anh với hụt cái bàn. Tách cà phê rơi xuống sàn nhà và lăn trên ván sàn nghiêng về phía cửa trước.

"Ở chơi?" Thậm chí Paul D không nhìn đống bừa bộn anh đã bày ra.

"Denver! Con làm sao vậy?" Sethe nhìn con gái, cảm thấy hổ thẹn nhiều hơn giận dữ.

Paul D gãi râu cằm. "Có lẽ anh nên đi."

"Không!" Sethe ngạc nhiên thấy mình nói lớn như thế.

"Bác ấy biết bác cần cái gì," Denver nói.

"Còn con thì không," Sethe bảo nó, "và con chắc cũng không biết con cần cái gì. Mẹ không muốn nghe con nói thêm một lời nào nữa."

"Con chỉ hỏi... "

"Im nào! *Con* đi đi. Đi đâu đó và ngồi yên ở đấy."

Denver cầm đĩa của nó lên và rời khỏi bàn nhưng chỉ sau khi đã bỏ thêm một cái lườn gà và bánh mì vào đống thức ăn nó mang theo. Paul D cúi xuống chùi cà phê đổ ra bằng chiếc khăn tay màu xanh của anh.

"Để em dọn cho." Sethe bật dậy và đến bên bếp lò. Phía sau bếp phơi quần áo đủ loại đang khô dần. Chị lặng lẽ lau sàn và nhặt cái tách lên. Rồi chị rót cho anh một tách đầy khác, và cẩn thận đặt nó trước mặt anh. Paul D chạm tay vào miệng tách nhưng không nói gì – như thể "cám ơn" là một bổn phận anh không thể chu toàn và chính cà phê là một món quà anh không thể nhận.

Sethe trở lại ghế của mình và họ tiếp tục im lặng. Cuối cùng chị nhận ra mình sẽ phải là người phá vỡ sự im lặng ấy.

"Em không dạy nó như vậy."

Paul D xoa miệng tách.

"Cách cư xử của nó khiến em ngạc nhiên cũng nhiều như anh bị tổn thương."

Paul D nhìn Sethe. “Có lý do nào làm nó hỏi như thế không?”

“Lý do? Anh muốn nói gì?”

“Ý anh là, có người nào trước đây đã khiến nó phải hỏi câu hỏi ấy, hay muốn hỏi câu hỏi ấy không?”

Sethe giơ hai tay chống nạnh. “Anh cũng tệ như nó.”

“Coi nào, Sethe.”

“Em coi đây. Em coi đây!”

“Em biết anh muốn nói gì mà.”

“Em biết và em không ưa.”

“Jesus,” anh lầm bầm.

“Ai?” Sethe lại nói to.

“Jesus! Anh nói Jesus! Anh chỉ ngồi xuống ăn tối thôi! và anh bị chửi hai lần. Một lần vì anh ở đây, và một lần vì hỏi tại sao anh bị chửi lần thứ nhất!”

“Nó đâu có chửi anh.”

“Không à? Anh cảm thấy như vậy.”

“Anh này, em xin lỗi cho nó. Em thật...”

“Em không thể làm thế. Em không thể xin lỗi hộ ai hết. Nó phải xin lỗi.”

“Vậy thì em sẽ bắt nó xin lỗi.” Sethe thở dài.

“Điều anh muốn biết là, có phải em cũng nghĩ đến câu nó hỏi?”

“Ồ, không. Không, Paul D. Ồ không.”

“Vậy thì nó một ý và em một ý? Nếu có thể gọi cái có trong đầu nó là một ý nghĩ.”

“Xin lỗi anh, nhưng em không thể nghe những lời không hay về nó. Em sẽ la nó. Anh cứ để mặc nó.”

Liều lĩnh, Paul D nghĩ, rất liều lĩnh. Một phụ nữ từng-là- nô-lệ yêu một cái gì đến mức ấy là nguy hiểm, nhất là khi chị quyết định yêu con của mình. Tốt nhất, anh biết, là chỉ yêu một chút; chỉ yêu mỗi thứ một chút, để khi họ đánh gãy lưng nó, hay nhét nó vào bao tải, thì có thể sẽ còn lại chút tình yêu cho thứ kế tiếp. “Vì sao?” anh hỏi chị. “Vì sao em nghĩ là em phải chống đỡ cho nó? Xin lỗi cho nó? Nó lớn rồi.”

“Em không cần biết là nó lớn chưa. Với một người mẹ, lớn rồi không có nghĩa gì hết. Một đứa con là một đứa con. Lũ con sẽ lớn lên, già đi, nhưng lớn rồi? Cái đó có nghĩa là gì? Trong lòng em điều ấy vô nghĩa.”

“Điều ấy có nghĩa là nó phải lãnh hậu quả nếu nó giở trò. Em không thể nào bảo vệ nó từng phút một. Em chết rồi thì sao?”

“Không sao hết! Em sẽ bảo vệ nó khi em còn sống và em sẽ bảo vệ nó khi em không còn sống.”

“Ồ, vậy thì, anh chịu thua,” anh nói. “Anh bỏ cuộc.”

“Chuyện là như thế, Paul D. Em không thể nào giải thích cho anh rõ hơn nữa, nhưng chuyện là như thế. Nếu em phải chọn – ôi, thậm chí đấy không phải là lựa chọn đâu.”

“Đấy là điểm chính. Là tất cả vấn đề. Anh không yêu cầu em phải chọn. Không ai muốn thế. Anh nghĩ – phải, anh nghĩ em có thể – có chỗ cho anh.”

“Nó đang hỏi em.”

“Em không thể để như thế. Em phải nói với nó. Bảo nó rằng không phải là chọn ai hơn nó – mà là chừa chỗ cho người khác cùng với nó. Em phải nói. Và nếu em nói và em thật tình, thì em phải biết em không thể bịt miệng anh. Anh nhất định không làm nó buồn và anh sẽ lo lắng cho nó nếu anh có thể, nhưng anh không thể bị bắt ngậm miệng khi nó trở chứng. Nếu em muốn anh ở đây thì đừng nhét giẻ vào miệng anh.”

“Có lẽ em nên để mọi chuyện như cũ,” chị nói.

“Mọi chuyện như thế nào?”

“Bọn em hòa thuận.”

“Ở bên trong thì sao?”

“Em không vào bên trong.”

“Sethe, nếu anh ở đây với em, với Denver, em có thể đi nơi nào em muốn. Nhảy xuống, nếu em muốn, vì anh sẽ đỡ em. Anh sẽ đón được em trước khi em ngã. Em cần đi vào bên trong xa đến đâu thì em cứ đi, anh sẽ giữ chặt cổ chân em. Để chắc chắn em sẽ ra được. Không phải anh nói thế vì anh cần chỗ ở. Đấy là thứ anh ít cần nhất. Anh đã nói, anh là kẻ lang thang, nhưng anh đã đi về hướng này bảy năm. Đi khắp quanh chốn này. Xuôi, ngược, đông, tây; anh đã ở chỗ không có tên, không bao giờ ở nơi nào lâu. Nhưng khi anh đến đây và ngồi ngoài hàng hiên đợi em, anh biết không phải là anh đã đi về hướng căn nhà, mà anh đã đi về hướng em. Mình có thể xây dựng một cuộc sống. Một cuộc sống.”

“Em không biết. Em không biết.”

“Để mọi chuyện cho anh. Xem chuyện tới đâu. Nếu em không muốn, thì không cần hứa hẹn. Chỉ xem chuyện đến đâu. Được không?”

“Được.”

“Em chịu để cho anh lo?”

“Ừ thì – một phần nào.”

“Một phần nào?” anh mỉm cười. “Được rồi. Đây là một phần nào. Có một hội chợ trong thị trấn. Ngày mai thứ Năm là ngày dành cho người da đen và anh có hai đô la. Anh và em và Denver sẽ tiêu sạch không còn một xu. Em nghĩ sao?”

“Không” là điều chị nói. Ít nhất đấy là điều chị định nói (ông chủ của chị sẽ nói gì đây nếu chị nghỉ một ngày?), nhưng ngay cả lúc chị nói điều ấy ra thì chị đang nghĩ mắt chị thích ngắm nhìn khuôn mặt anh làm sao.

Thứ năm, dế kêu inh ỏi và bầu trời, không còn màu xanh, nóng hừng hực lúc mười một giờ sáng. Sethe ăn mặc không phù hợp với cái nóng, nhưng vì đây là chuyến đi chơi ra ngoài đầu tiên của chị trong mười tám năm, chị cảm thấy chị phải diện chiếc áo đẹp duy nhất, cho dù nó nặng nề, và đội mũ. Chắc chắn phải đội mũ. Chị không muốn gặp Lady Jones hay Ella trong lúc đầu chị quấn khăn như đang đi làm việc. Chiếc áo thải làm bằng loại len tốt là món quà Giáng sinh của cô Bodwin, người phụ nữ da trắng mến yêu Baby Suggs đã tặng cho bà. Denver và Paul D chịu nóng khá hơn vì cả hai không cảm thấy đây là dịp họ phải ăn mặc đặc biệt. Mũ của Denver chạm vào bả vai nó. Paul D để áo gi lê mở, không mặc áo khoác và vén tay áo sơ mi của anh lên quá khuỷu tay. Họ không nắm tay, nhưng những chiếc bóng của họ nắm tay. Sethe nhìn sang phía trái và cả ba chiếc bóng đang lướt qua bụi bặm, tay trong tay. Có thể anh nói đúng. Một cuộc sống. Nhìn những chiếc bóng của họ tay nắm tay, chị thấy hổ thẹn vì đã ăn mặc như đi lễ nhà thờ. Những người khác, đi phía trước và phía sau họ, sẽ nghĩ là chị làm bộ làm tịch, là chị đang tỏ vẻ cho họ thấy chị khác biệt vì chị sống trong một căn nhà hai tầng; mạnh mẽ hơn, vì chị có thể làm và vượt qua những chuyện họ tin chị không nên làm hay không thể vượt qua. Chị mừng rằng Denver đã cưỡng lại khi chị giục nó mặc diện – ít nhất là thắt lại bím tóc. Nhưng Denver không muốn làm bất cứ điều gì để cho chuyến đi được vui vẻ. Nó bằng lòng đi – với vẻ sưng sỉa – nhưng thái độ của nó là “Cứ việc. Thử làm tôi vui xem nào.” Người vui vẻ là Paul D. Anh chào hỏi mọi người trong vòng sáu mét xung quanh. Giễu cợt thời tiết và những ảnh hưởng của nó đối với anh, hét đáp lời lũ quạ, và là người đầu tiên ngửi thấy những đóa hồng tàn. Cho dù họ làm gì – Denver chùi mồ hôi trên trán hay cúi xuống cột lại dây giày; Paul D đá viên sỏi hay với tay nựng khuôn mặt của một đứa bé đang tựa vào vai mẹ – lúc nào ba chiếc bóng phát ra từ chân họ về bên trái cũng nắm tay. Không ai để ý trừ Sethe và chị thôi không nhìn nữa sau khi chị quyết định đấy là một dấu hiệu tốt. Một cuộc sống. Có thể lắm.

Dọc theo hàng rào trại gỗ, hoa hồng cũ đang tàn lụi dần. Mười hai năm trước, người thợ cưa trồng chúng để chỗ làm việc của ông có một vẻ thân thiện – một điều gì đấy để xóa đi

tội lỗi đã cắt xẻ cây để kiếm sống – cũng kinh ngạc vì chúng mọc quá um tùm; chúng nhanh chóng bò khắp những cọc hàng rào ngăn trại gỗ và cánh đồng trống bên cạnh, nơi những kẻ không nhà đến ngủ, con nít chạy chơi và, mỗi năm một lần, đoàn hội chợ dựng lều. Những đóa hồng càng gần tàn bao nhiêu càng tỏa hương nồng nàn bấy nhiêu, và mùi hương ấy làm mọi người dự hội chợ liên tưởng đến mùi hoa hồng rữa. Nó làm họ hơi choáng váng và rất khát, nhưng nó không làm sao dập tắt được sự nao nức của những người da đen đi thành hàng dưới đường. Vài người đi trên vệ cỏ, những người khác tránh những chiếc xe ngựa đang kẽo kẹt đi giữa con đường. Tất cả, như Paul D, tinh thần phấn chấn, nỗi phấn chấn không suy giảm vì mùi hoa hồng đang tàn (mà Paul D làm mọi người chú ý đến). Trong lúc họ chen lấn để đến lối vào giăng dây thừng, họ rạng rỡ lên như những ngọn đèn được thắp sáng. Nghẹn thở vì nỗi khích động được nhìn thấy người da trắng thiếu vẻ trang trọng: làm ảo thuật, làm hề, không có đầu hay có hai đầu, cao sáu mét hay cao chưa đến một mét, nặng cả tấn, xăm khắp người, ăn kính, nuốt lửa, nhổ dải lụa, vặn người thành nút buộc, chất thành kim tự tháp, chơi với rắn và đánh nhau như tử.

Tất cả mọi thứ này là quảng cáo, người biết đọc thì đọc và người không biết đọc thì nghe, và dù không có điều nào là thật, ham muốn của họ không giảm đi chút nào. Người rao hàng nói năng không lịch sự với họ và con họ (“Ranh con da đen!”) nhưng thức ăn trên chiếc áo gi lê và lỗ thủng trên quần của anh ta làm chuyện ấy trở nên khá vô hại. Dù sao đi nữa, đấy là giá rẻ cho niềm vui họ có thể sẽ không bao giờ có lại lần nữa. Hai xu và một lời lăng mạ là đáng giá nếu đó là cái giá để nhìn cảnh dân da trắng làm trò. Vì thế, mặc dù hội chợ khá tầm thường (đó là lý do tại sao họ đồng ý có ngày Thứ Năm Da Màu), bốn trăm khách da đen trong số khán giả đã có được hết niềm thích thú này đến niềm thích thú khác.

Phu Nhân Một-Tấn nhổ vào họ, nhưng khối lượng của mụ làm tầm bắn ngắn lại và họ thích thú nhìn vẻ ác mó bất lực trong đôi mắt ti hí của mụ. Vũ Công Ngàn Lẻ Một Đêm cắt phần trình diễn của mình chỉ còn ba phút thay vì mười lăm phút như thường lệ – và nhận được sự biết ơn của lũ trẻ con đang háo hức chờ Abu Người Dạy Rắn, người tiếp theo sau cô.

Denver mua bạc hà đắng, cam thảo, bạc hà cay và nước chanh ở bàn của một cô bé da trắng đi ủng cao cổ. Ở giữa một đám đông không nhìn nó như mục trình diễn chính, mà đôi khi còn gọi, “Ê, Denver,” được vị đường ngọt ngào xoa dịu, nó thấy vui đến nỗi nó bắt đầu cân nhắc khả năng rằng Paul D cũng không đến nỗi tệ. Thật ra anh có một điều gì đấy – khi ba người họ đứng bên nhau nhìn Tí Hon nhảy múa – khiến tia nhìn của những người da đen khác thành tử tế, dịu dàng, điều Denver không nhớ đã từng nhìn thấy trên mặt họ hay chưa. Nhiều người thậm chí gật đầu và mỉm cười với mẹ nó, rõ ràng không ai đừng được mà không chia sẻ nỗi vui thú của Paul D. Anh vỗ gối khi Khổng Lồ nhảy với Tí Hon; khi Ông Hai Đầu nói chuyện với chính mình. Anh mua mọi thứ Denver xin và nhiều thứ nó không xin. Anh khích Sethe để chị vào trong những lều chị ngại ngùng không muốn vào. Nhét miếng kẹo chị không muốn vào giữa hai môi chị. Khi Mọi Hoang Châu Phi lắc những cành cây của hắn và nói wa wa, Paul D bảo mọi người anh đã biết hắn từ hồi ở Roanoke.

Paul D làm quen với vài người; nói với họ về chuyện tìm việc làm. Sethe mỉm cười đáp lại khi người ta cười với chị. Denver đu đưa vui thích. Và trên đường về, như thể đang dẫn

đường họ, những chiếc bóng của ba người vẫn tay nắm tay.

5

Một phụ nữ mặc nguyên quần áo bước ra khỏi dòng nước. Vừa đến bờ, cô đã ngồi xuống và tựa vào một cây dâu tằm. Cô ngồi đấy suốt một ngày đêm, đầu ngoẹo vào thân cây đến nỗi vành chiếc mũ rơm cô đang đội bị gẫy. Cả người cô đau nhức nhưng đau nhất là phổi cô. Người ướt nhẹp và hơi thở phều phào, cô cố gắng nhấc đôi mi mắt nặng trĩu. Làn gió nhẹ ban ngày thổi khô chiếc áo cô; ngọn gió đêm làm nó nhăn nhúm. Không có ai tình cờ đi ngang hay nhìn thấy cô trồi lên. Nếu có, chắc họ sẽ ngần ngại không muốn đến gần cô. Không phải vì người cô ướt, hay vì cô gà gật, hay vì tiếng cô thở nghe như người bị bệnh suyễn, mà vì cô vẫn đang mỉm cười trong tình cảnh ấy. Đến hết buổi sáng hôm sau cô mới có thể nhấc mình dậy và lần đường qua khu rừng, ngang ngôi đền thờ khổng lồ bằng gỗ hoàng dương đến cánh đồng và rồi đến sân của căn nhà màu xám chì. Lại mệt nhoài, cô ngồi xuống chỗ đầu tiên cô ngồi được – một gốc cây đốn không xa những bậc thềm của I24 bao nhiêu. Lúc ấy cô mở mắt đã dễ dàng hơn. Cô có thể gắng được ít nhất một hai phút. Cổ của cô, chu vi chỉ bằng chiếc đĩa lót tách đãi khách, gục lên gục xuống và mỗi lần như thế cằm cô lại chạm phớt qua đường ren viền áo.

Những người phụ nữ uống rượu sâm-banh dù không có chuyện gì để ăn mừng có thể trông giống như thế: họ thường đội lệch chiếc mũ rơm rách vành, họ gà gật nơi công cộng, họ không buộc dây giày. Nhưng họ không có làn da như người phụ nữ đang thở gần những bậc thềm của I24. Cô có làn da non, mượt mà không một nếp nhăn, kể cả xung quanh những khớp ngón tay.

Khi hội chợ tan vào lúc chạng vạng tối, và những người da đen đi nhờ xe về nếu họ may mắn – đi bộ nếu họ không may – người phụ nữ lại ngủ thiếp đi. Tia nắng rọi thẳng vào mặt cô, vì thế khi Sethe, Denver và Paul D quẹo vòng khúc quanh trên đường, họ chỉ nhìn thấy một chiếc áo đen, bên dưới là hai chiếc giày không buộc dây, và không thấy con Here Boy đâu cả.

"Coi kìa," Denver nói. "Cái gì vậy?"

Vì lý do chị không hiểu ngay, lúc chị nhìn thấy rõ khuôn mặt cô gái, bọng đái của Sethe đầy ắp. Chị nói, "Ôi, xin lỗi," và chạy vòng ra phía sau I24. Từ lúc chị còn bé thơ, được cô bé trông trẻ tám tuổi chỉ cho chị thấy mẹ, chưa có lần nào chị bị thúc bách đến nỗi không lo liệu được như thế. Chị không đến kịp nhà xí. Chị phải kéo váy ngay trước cửa của nó, và dòng nước từ người chị tồng tộc tuôn ra. Như ngựa vậy, chị nghĩ, nhưng khi nó tiếp tục chảy mãi chị lại thấy nó giống như làn nước ngập trong chiếc xuồng khi chị sinh Denver hơn. Nước nhiều đến nỗi Amy nói, "Kìm lại, Lu. Chị không thôi thì xuồng tụi mình sẽ chìm mất." Nhưng chị đã không ngăn được dòng nước trào ra từ bọc ối vỡ và bây giờ chị cũng không ngưng lại được. Chị hy vọng Paul D sẽ không cất công đi tìm chị để phải thấy cảnh chị ngồi xổm trước nhà cầu, đang tạo thành một hố bùn sâu đến nỗi chị sẽ hổ thẹn nếu có ai thấy. Đúng vào lúc chị đang tự hỏi không biết hội chợ có chịu nhận thêm một kẻ quái gở

nữa không, dòng nước ngừng lại. Chị thu vén lại váy áo và chạy vòng ra hàng hiên. Không có ai. Cả ba đang ở trong nhà – Paul D và Denver đứng trước mặt người lạ, nhìn cô uống hết cốc nước này đến cốc nước khác.

"Cô ấy nói cô ấy khát nước," Paul D nói. Anh giở chiếc mũ đang đội ra. "Cô ấy có vẻ khát dữ."

Người phụ nữ cầm chiếc cốc thiếc lốm đốm uống ừng ực rồi giơ nó ra để xin thêm nước. Bốn lần Denver đổ đầy chiếc cốc, và bốn lần người phụ nữ uống như cô vừa vượt qua sa mạc. Khi cô uống xong, trên cằm cô có chút nước, nhưng cô không lau đi. Thay vì thế, cô nhìn Sethe chăm chăm bằng cặp mắt ngái ngủ. Đói ăn, Sethe nghĩ, và trẻ hơn lối ăn mặc của cô – ren đẹp ở cổ, và mũ của một phụ nữ giàu có. Da cô toàn mỹ, ngoại trừ ba vết xước trên trán nhỏ và mảnh đến nỗi thoạt tiên chúng trông như những sợi tóc con sắp sửa mọc dài ra và cuộn tròn trong mớ tóc đen dày dưới chiếc mũ cô đang đội.

"Cô có ở gần đây không?" Sethe hỏi.

Cô lắc đầu rằng không và cúi xuống cởi giày. Cô kéo váy cao đến đầu gối và cuốn đôi tất xuống. Khi tất đã được nhét vào giày, Sethe thấy chân cô cũng giống như tay cô, mịn và mềm. Chắc hẳn cô ta phải đi nhờ xe ngựa, Sethe nghĩ. Có lẽ cô là một cô gái từ tiểu bang Tây Virginia đang tìm một cái gì tốt hơn là một cuộc đời chỉ có thuốc lá và lúa miến. Sethe cúi người cầm đôi giày lên.

"Tên cô là gì?" Paul D hỏi.

"Thương," cô nói, giọng nhỏ và khàn đến nỗi ba người còn lại nhìn nhau. Họ nghe giọng nói trước – rồi mới đến cái tên.

"Thương. Cô có họ không, Thương?" Paul D hỏi cô.

"Họ?" Dường như cô không hiểu. Rồi "Không," và cô đánh vần cho họ nghe, chậm chạp như thể các mẫu tự được hình thành khi cô nói chúng ra.

Sethe buông rơi đôi giày; Denver ngồi xuống và Paul D mỉm cười. Anh nhận ra lối phát âm thận trọng của những người, giống như anh, không biết đọc nhưng đã thuộc lòng các chữ cái trong tên của mình. Anh định hỏi cha mẹ cô là ai nhưng lại đổi ý. Khi một cô gái da đen trôi dạt, thì gia đình của cô hẳn đã tan nát. Bốn năm về trước, ở Rochester anh đã thấy năm người phụ nữ đến cùng với mười bốn bé gái. Tất cả thân nhân phái nam của họ – anh, chú, cha, chồng, con – đã bị triệt đi từng người một. Họ chỉ có một mảnh giấy duy nhất chỉ dẫn họ đến chỗ một ông mục sư ở trên đường DeVore. Lúc đó Cuộc Chiến đã chấm dứt được bốn hay năm năm, nhưng dường như không có một người nào, da trắng hay da đen, biết như thế. Những nhóm da đen tụ họp đi chung hay đi lẻ lang thang trên những con đường nhỏ và lối mòn lùa bò từ Schenetady đến Jackson. Mê mụ nhưng quả quyết, họ tìm nhau để hỏi tin về một người anh em họ, một người dì, một người bạn đã có lần nói: "Đến thăm tao nhé. Lúc nào mày đến gần Chicago, nhớ ghé thăm tao." Vài người trong số họ chạy trốn

gia đình không lo nổi cho họ, vài người đi tìm gia đình; vài người chạy trốn mùa màng thất bát, thân nhân đã chết, nguy cơ bị chết, và đất đai bị chiếm. Những đứa con trai nhỏ tuổi hơn Howard và Buglar; những gia đình tụ họp với nhau chỉ có toàn đàn bà và con trẻ, trong khi ở mọi nơi khác, đơn độc, đang bị săn lùng và đang săn tìm, là đàn ông, đàn ông, đàn ông. Không được dùng những phương tiện giao thông công cộng, nợ nần và bị bọn "trùm khăn"[(1)] dơ bẩn đuổi theo sau lưng, họ lần theo những con đường nhỏ, dõi nhìn chân trời để tìm những dấu hiệu và rất mực nương dựa lẫn nhau. Khi họ gặp nhau, trừ vài lời chào hỏi, họ chỉ im lặng, không kể lể hoặc hỏi han về nỗi sầu khổ đã thúc đẩy họ đi từ chỗ này qua chỗ khác. Dân da trắng thì không đáng nhắc đến. Ai cũng biết thế.

Vì vậy anh không hỏi nài thêm cô gái đang đội chiếc mũ rách là cô từ đâu và tại sao đến đây. Nếu cô muốn cho họ biết và đủ sức kể, thì cô sẽ kể. Nỗi bận tâm lúc ấy của họ là biết được cô cần gì. Bên dưới câu hỏi chính, mỗi người có một câu hỏi khác. Paul D tự hỏi sao đôi giày của cô còn mới quá. Sethe rất xúc động vì cái tên dễ thương của cô; chị nhớ đến tấm bia mộ lấp lánh và vì thế cảm thấy đặc biệt ân cần với cô. Nhưng Denver thì đang run. Nó nhìn cô gái xinh đẹp đang ngủ và muốn biết thêm nữa.

Sethe treo mũ của chị lên một cái móc và nhã nhặn quay về phía cô gái. "Tên Thương đẹp lắm. Cháu cởi mũ ra đi, dì sẽ nấu món gì đó để mình cùng ăn. Tụi dì mới đi hội chợ ở gần Cincinnati về. Ở đấy cái gì cũng đáng xem."

Giữa câu đón chào của Sethe, Thương đã ngủ lại, người thẳng cứng trên chiếc ghế.

"Cô này. Cô." Paul D nhè nhẹ lắc người cô. "Cô có muốn nằm nghỉ một lát không?"

Cô hé mắt rồi đứng dậy trên đôi chân non mềm của mình, đôi chân hầu như không đủ sức, chậm chạp mang cô vào phòng khách. Đến đấy, cô gục xuống giường của Baby Suggs. Denver tháo mũ của cô ra và đắp lên chân cô tấm chăn ghép có hai mảnh vuông màu sắc. Tiếng cô thở như tiếng động cơ hơi nước.

"Nghe giống như bệnh bạch hầu thanh quản," Paul D vừa nói vừa đóng cửa lại.

"Nó có sốt không? Denver, con có biết không?"

"Không. Chị ấy bị lạnh thôi."

"Vậy là nó sốt. Sốt đi từ nóng qua lạnh."

"Có thể là bệnh dịch tả," Paul D nói.

"Anh nghĩ vậy sao?"

"Nó uống từng đó nước mà. Chắc là vậy rồi."

"Tội nghiệp. Mình cũng không có gì trong nhà để chữa cho nó. Nó phải chịu đựng cho đến khi bệnh qua khỏi. Không có bệnh nào đáng ghét bằng bệnh ấy."

“Chị ấy không ốm đâu!” Denver nói, và sự nồng nhiệt trong giọng nó khiến họ mỉm cười.

Cô ngủ suốt bốn ngày, thức giấc và ngồi dậy chỉ để uống nước. Denver chăm sóc cô, canh chừng cô ngủ say, lắng nghe tiếng thở mệt nhọc của cô và, vì tình yêu thương và một cảm giác chiếm hữu liều lĩnh đã chiếm lấy nó, giấu chuyện Thương đái dầm như một tật xấu của chính mình. Nó lén đem khăn trải giường đi xả nước, sau khi Sethe đến quán ăn và Paul D đi lùng tìm những chiếc xà lan để làm việc dỡ hàng. Nó nấu và tẩy đồ lót, cầu nguyện cho cơn sốt qua đi mà không có biến chứng. Nó chăm sóc cô mải mê đến nỗi nó quên cả ăn hoặc đi thăm cái tủ màu xanh lục ngọc.

“Thương?” Denver sẽ thì thào. “Thương?” và khi đôi mắt đen hé mở nó chỉ nói được “Em đây. Em vẫn ở đây.”

Đôi khi, Thương nằm rất lâu không nói gì, mắt mơ màng, liếm môi và thở thật dài, và Denver hoảng hốt. “Cái gì vậy?” nó khẽ hỏi.

“Nặng,” Thương lẩm bẩm. “Chốn này nặng nề quá.”

“Chị có muốn ngồi dậy không?”

“Không,” giọng khò khè nói.

Ba ngày sau Thương mới để ý đến hai mảnh màu cam trong tấm chăn ghép màu xám đen. Denver vui vì hai mảnh vải khiến bệnh nhân của nó thức lâu hơn. Dường như cô mê thích hai mảnh vụn màu cam đã phai màu ấy, thậm chí cố gắng nhổm người tựa trên khuỷu tay và vuốt ve chúng. Sự cố gắng làm cô cạn sức rất nhanh, vì thế Denver sắp xếp lại tấm chăn ghép để phần vui tươi nhất của nó nằm trong tầm mắt người ốm.

Tính kiên nhẫn, điều Denver chưa hề biết, xâm chiếm lấy nó. Nếu mẹ nó không xen vào, nó là mẫu mực của lòng trắc ẩn, dù sẽ thành bẳn gắt khi Sethe muốn giúp.

“Hôm nay nó có ăn chút gì không?” Sethe thăm hỏi.

“Chị ấy bị tả, không nên ăn.”

“Con có chắc không? Paul D chỉ đoán vậy thôi.”

“Con không biết, nhưng chị ấy chưa ăn gì.”

“Mẹ tưởng người bị tả phải nôn mửa suốt chứ.”

“Càng thêm lý do chị ấy không nên ăn, phải không?”

“Denver này, dù sao cũng không nên để nó chết đói.”

“Mẹ cứ mặc tụi con. Con đang lo cho chị ấy mà.”

“Nó có nói gì không?”

“Nếu chị ấy nói gì con sẽ nói lại cho mẹ hay.”

Nhìn con gái, Sethe nghĩ, phải rồi, nó cô đơn đã lâu. Rất cô đơn.

“Không biết con Here Boy đi đâu?” Sethe nghĩ cần phải đổi đề tài.

“Nó sẽ không về đâu,” Denver nói.

“Làm sao con biết được?”

“Con biết, thế thôi.” Denver lấy một miếng bánh ngọt hình vuông trong đĩa.

Trở lại phòng khách, Denver sắp ngồi xuống thì mắt Thương bừng mở. Tim Denver đập nhanh. Không phải vì đây là lần đầu tiên nó nhìn thấy khuôn mặt ấy tỉnh ngủ, hay đôi mắt đen to. Cũng không phải vì lòng trắng của đôi mắt ấy trắng quá – trắng đến xanh, mà vì dưới đáy đôi mắt to đen ấy không có chút cảm xúc nào.

“Chị có cần gì không?”

Thương nhìn miếng bánh ngọt trong tay Denver và Denver chìa nó cho cô. Lúc ấy cô mỉm cười và tim Denver ngừng nhảy tưng tưng và lắng xuống – nhẹ nhõm và thanh thản như một kẻ đi xa đã về đến nhà.

Từ đó trở về sau, đường ngọt lúc nào cũng làm cho cô vui được. Như thể cô được sinh ra chỉ để ăn những món ngọt ngào. Mật ong cũng như sáp ong, bánh mì ngọt, đường đen quánh đã cứng quẹo trong lon, nước chanh, kẹo kéo và bất cứ loại tráng miệng nào Sethe mang từ quán ăn về. Cô gặm thân mía đến chỉ còn bã và ngậm sợi mía trong miệng rất lâu sau khi đã hút hết chất ngọt. Denver cười thành tiếng, Sethe cười mỉm và Paul D nói cảnh tượng đó làm anh thấy quặn bụng.

Sethe tin rằng cơ thể đang bình phục cần đường – sau cơn bệnh – để nhanh khỏe lại. Nhưng sự cần ấy kéo dài cho đến khi Thương mạnh khỏe hồng hào vì cô không đi đâu cả. Dường như cô không có chỗ nào để đi. Cô không nhắc đến một nơi chốn nào, hay có khái niệm cô đang làm gì ở vùng đất ấy, hay cô đã từng ở đâu. Họ tin rằng cơn sốt đã làm cô mất trí nhớ cũng như nó làm cô trở nên chậm chạp. Là một cô gái trẻ, tuổi mười chín đôi mươi lại mảnh dẻ mà cô cử động như một người già hơn hay nặng nề hơn, vịn vào đồ đạc trong nhà, tựa đầu vào lòng bàn tay như thể cần cổ cô không đỡ nổi sức nặng của nó.

“Từ giờ trở đi em sẽ nuôi luôn nó sao?” Paul D nghe thấy sự khó chịu trong giọng nói của mình, và ngạc nhiên nhận ra mình đang thiếu rộng lượng.

“Denver thích nó. Nó cũng không gây phiền phức gì. Em nghĩ mình nên đợi đến lúc nó thở được dễ hơn. Em nghe giọng nó vẫn còn như nghèn nghẹn.”

“Con bé ấy có cái gì là lạ,” Paul D nói, hầu như chỉ cho mình nghe.

“Lạ làm sao?”

“Động tác hay tiếng thở thì có vẻ ốm, nhưng trông nó không giống bị ốm. Da đẹp, mắt sáng, và khỏe như một con bò mộng ấy.”

“Nó đâu có khỏe. Không vịn vào cái gì đó là nó đi không nổi.”

“Ý anh chính là vậy. Nó đi không nổi, mà anh thấy nó chỉ một tay nhấc bổng chiếc ghế xích đu.”

“Thôi đi, em không tin.”

“Thế thì đừng hỏi *anh*. Hỏi Denver xem. Denver cũng có ở đấy.”

“Denver! Lại đây chút coi.” Denver ngưng cọ rửa hàng hiên và thò đầu qua cửa sổ.

“Paul D nói bác và con thấy Thương một tay nhấc bổng chiếc ghế xích đu. Có phải vậy không?”

Hàng mi dài và rậm khiến đôi mắt của Denver dường như suy tính hơn; đôi mắt dối trá, ngay cả khi nó nhìn không chớp, như nó nhìn Paul D bây giờ. “Không,” nó nói. “Con không thấy.”

Paul D cau mày nhưng không nói gì. Nếu đã từng có một chiếc then cửa mở giữa hai người, thì giờ đây chiếc then ấy đã sập lại.

6

Nước mưa bám chặt lấy lá thông và Thương không thể rời mắt khỏi Sethe. Trong lúc chị cúi xuống giũ lá chắn gió, hay bẻ cành làm củi nhóm, đôi mắt Thương liếm, nếm, ăn lấy Sethe. Như một ám ảnh, cô lảng vảng xung quanh, không bao giờ rời nơi nào có Sethe, trừ khi bị bắt buộc hay bị yêu cầu phải ra. Cô dậy sớm lúc trời còn tối và ở trong bếp, đợi Sethe vào để làm bánh trước khi đi làm. Dưới ánh đèn và trên ngọn lửa của bếp lò, hai chiếc bóng của họ va vào nhau và bắt chéo lên nhau như hai lưỡi gươm đen trên trần nhà. Cô ở nơi cửa sổ hay cửa chính, lúc hai giờ trưa khi Sethe về; rồi hàng hiên, bậc thềm, lối đi, con đường, và rồi, theo thói quen, mỗi ngày Thương mỗi đi xa hơn xuống đường Bluestone để đón Sethe và đi chung với chị về I24. Như thể mỗi buổi chiều cô sợ người đàn bà lớn tuổi hơn sẽ không về.

Lòng tự tôn của Sethe được thỏa mãn vì sự tận tụy lặng lẽ, không giấu giếm của Thương. Nếu con gái chị cũng ngưỡng mộ chị như thế, chị sẽ khó chịu, sẽ ớn lạnh khi nghĩ mình đã nuôi dạy một đứa bé có tính lệ thuộc đến ngớ ngẩn. Nhưng sự hiện diện của người khách dễ thương dù lạ lùng này làm vui lòng chị như một học sinh hăng say làm vui lòng cô giáo.

Đã đến lúc họ phải thắp đèn sớm vì trời ngày càng tối nhanh hơn. Sethe đi làm trong bóng tối, Paul D về nhà trong bóng tối. Một buổi chiều gần tối mát mẻ, Sethe cắt một củ cải làm bốn và cho vào nồi hầm. Chị đưa cho Denver nửa đấu đậu để nhặt và ngâm qua đêm. Rồi chị ngồi xuống nghỉ. Hơi nóng của bếp lò làm chị gà gật và đúng lúc đang rơi vào giấc ngủ chị cảm thấy Thương chạm vào chị. Cái chạm tay nhẹ như chiếc lông vũ nhưng tràn đầy tha thiết. Sethe cựa mình và nhìn quanh. Đầu tiên chị nhìn thấy bàn tay non mềm của Thương trên vai, rồi đôi mắt cô. Trong đôi mắt ấy là nỗi khao khát không đáy. Sự van nài gần như không kiềm chế nổi. Sethe vỗ vỗ những ngón tay của Thương và liếc nhìn Denver đang chăm chú nhặt đậu.

“Kim cương của dì đâu?” Thương săm soi khuôn mặt Sethe.

“Kim cương? Dì biết làm gì với kim cương đây?”

“Đeo lên tai dì.”

“Dì ước sao dì có. Có lần dì có hoa tai pha lê. Quà của bà chủ.”

“Dì kể con nghe đi,” Thương nói, cười toe vui sướng. “Kể cho con nghe về kim cương đi.”

Đấy cũng là một cách nuôi dưỡng cô. Cũng như Denver khám phá và sử dụng nỗi vui thú những món ngọt đem đến cho Thương, Sethe biết được niềm thỏa mãn sâu sắc của Thương khi nghe kể chuyện. Sethe kinh ngạc (nhiều như Thương hài lòng) thấy mình đau đớn khi nhắc đến cuộc sống trong quá khứ. Mọi thứ trong ấy đều là đau khổ hoặc mất mát. Chị và Baby Suggs đã ngầm đồng ý không nhắc đến nó; Sethe trả lời câu hỏi của Denver

bằng những câu ngắn hay chút mơ mộng rông dài không có đoạn kết. Thậm chí với Paul D, người chia sẻ quá khứ ấy một phần nào, và chị có thể bình tĩnh khi nhắc đến nó với anh, chị vẫn cảm thấy đau đớn – như góc miệng đã mang cái hàm thiếc vẫn còn bị đau.

Nhưng, lúc chị bắt đầu kể chuyện đôi hoa tai, chị nhận ra mình muốn kể, thích kể. Có lẽ vì Thương không liên quan tới những chuyện ấy, hay vì cô khao khát lắng nghe – dù sao đi nữa, đấy cũng là một niềm vui bất ngờ.

Nói át tiếng lựa đậu lách tách và mùi củ cải đang nấu nồng gắt, Sethe kể chuyện hai mảnh pha lê đã có thời chị đeo trên tai.

"Bà chủ của dì ở Kentucky cho dì đôi hoa ấy khi dì lấy chồng. Cái họ gọi là lấy chồng vào hồi đó, ở nơi đó. Dì đoán bà thấy dì buồn quá sau khi dì biết là sẽ không có lễ lạt gì cả và cũng có không mục sư. Không có gì hết. Dì đã nghĩ là phải có cái gì đó – một cái gì đó để nói chuyện ấy là đúng đắn và thành thực. Dì không muốn nó chỉ là chuyện dì nhường chút chỗ trên tấm nệm nhồi vỏ ngô. Hay chỉ là dì mang thùng tiểu đêm vào căn nhà gỗ của dượng. Dì đã nghĩ là phải có một nghi lễ gì đó. Nhảy múa chẳng hạn. Một đóa hoa cẩm chướng nhỏ dễ thương trong tóc dì." Sethe mỉm cười. "Dì chưa bao giờ thấy đám cưới nhưng dì đã thấy áo cưới của bà Garner trong phòng là quần áo, và đã nghe bà ấy kể đám cưới như thế nào. Bà ấy nói, tốn hết bốn con cừu, và chiếc bánh cưới dùng đến một cân quả lý chua. Ngày hôm sau người ta vẫn còn ăn. Dì đã muốn như vậy đó. Có thể là một bữa ăn, dì và Halle và tất cả bọn đàn ông Tổ Ấm ngồi xuống ăn một vài món đặc biệt. Mời vài người da đen ở Covington hay High Trees – mấy chỗ Sixo thường lẻn đến. Chứ không phải là không có gì hết. Họ chỉ nói dì với dượng được làm vợ chồng, và như vậy là xong. Xong hết."

"Vậy là, dì bèn quyết định ít nhất dì sẽ may một chiếc váy khác thứ bao bố dì mặc trong lúc làm việc. Vì thế, dì ăn cắp vải, và đã có một chiếc váy con khó mà tin nổi. Thân trên là hai cái gối trong túi may vá của bà. Thân trước là tấm khăn phủ trên mặt cái tủ đã bị đèn cầy rơi vào cháy thủng mất một lỗ, và một dải thắt lưng cũ của bà vẫn được dùng để thử bàn là. Thân sau váy khiến dì bận tâm rất lâu. Dường như dì sẽ không tìm được một thứ nào mà nếu mất đi sẽ không ai để ý ngay lập tức. Vì sau đó dì sẽ phải tháo chiếc váy ra và để mọi thứ lại chỗ cũ. Halle kiên nhẫn đợi cho dì làm xong. Dượng biết không có nó thì dì sẽ không chịu. Cuối cùng dì lấy màn che muỗi trên cái đinh trong kho thóc. Tụi dì dùng nó để lọc mứt. Dì cố hết sức ngâm giặt và gắn nó vào làm thân sau váy. Và dì mặc cái váy ấy, cái váy xấu nhất con có thể tưởng tượng. Nếu không có chiếc khăn quàng len thì dì giống như một con ma. Lúc ấy dì mới mười bốn tuổi, cho nên dì vẫn tự cao lắm."

"Dù sao đi nữa, chắc bà Garner thấy dì mặc cái áo ấy. Dì tưởng mình lén lút trộm cắp khôn khéo lắm, nhưng bà biết hết chuyện dì làm. Ngay cả tuần trăng mật của tụi dì: đi xuống ruộng ngô với Halle. Đó là chỗ tụi dì đến đầu tiên. Một chiều thứ Bảy. Dượng kêu bệnh để khỏi phải vào thị trấn làm việc. Thường thì thứ Bảy và Chủ nhật dượng phải làm việc để trả nợ chuộc tự do cho Baby Suggs. Nhưng dượng cáo ốm và dì mặc váy và tụi dì nắm tay nhau bước vào ruộng ngô. Dì vẫn còn như ngửi thấy mùi ngô nướng đằng xa chỗ mấy anh em Paul và Sixo. Ngày hôm sau bà Garner vẫy tay gọi dì và dẫn dì lên gác vào

phòng ngủ của bà. Bà mở một cái hộp gỗ và lấy ra một đôi hoa tai bằng pha lê. Bà nói, 'Sethe, ta muốn cho con cái này.' Dì nói, 'Vâng thưa bà.' 'Con có xỏ lỗ tai không?' bà hỏi. Dì nói 'Dạ không.' 'Con xỏ đi,' bà hỏi, 'để con đeo hoa tai được. Ta muốn cho con đôi hoa tai này và ta muốn con và Halle hạnh phúc.' Dì cám ơn bà nhưng cho đến ngày dì trốn khỏi nơi ấy dì không hề đeo đôi hoa tai đó. Ngay hôm sau ngày dì bước chân vào căn nhà này Baby Suggs tháo nút buộc trong váy lót của dì và lấy đôi hoa tai ra. Dì ngồi ở ngay đây bên bếp lò, tay bồng Denver, và để bà xỏ lỗ tai cho dì đeo hoa."

"Con chưa thấy mẹ đeo hoa tai bao giờ," Denver nói. "Nó đâu rồi?"

"Mất rồi," Sethe nói. "Mất lâu rồi," và chị không chịu nói thêm từ nào. Cho đến một lần sau khi cả ba chạy trong gió về nhà, khăn và váy lót sũng nước mưa. Hổn hển, cười, họ trải quần áo đã giặt và phơi trên bàn ghế. Thương uống no nước trong thùng và nhìn Sethe lau tóc Denver bằng một tấm khăn.

"Có lẽ con nên gỡ bím tóc ra?" Sethe hỏi.

"Thôi. Để mai." Denver co người lại khi nghĩ đến một cây lược răng nhỏ đang kéo tóc nó.

"Ngày hôm nay luôn luôn ở đây, " Sethe nói. "Ngày mai, là không bao giờ."

"Đau lắm," Denver nói.

"Nếu chải hàng ngày sẽ không đau."

"Ui cha, đau quá."

"Bà của dì không bao giờ chải tóc cho dì?" Thương hỏi.

Sethe và Denver ngước nhìn cô. Đã bốn tuần rồi mà họ vẫn chưa quen với giọng nói lạo xạo dường như cũng có một âm điệu riêng. Âm điệu ấy gần giống như âm nhạc, với ngữ điệu không giống như của họ.

"Bà của dì không bao giờ chải tóc cho dì?" rõ ràng là câu hỏi dành cho Sethe, vì chị là người cô đang nhìn.

"Bà của dì? Con muốn nói mẹ của dì? Nếu bà có làm, dì cũng không nhớ. Dì chỉ nhìn thấy bà một vài lần ở ngoài đồng và một lần lúc bà đang làm thuốc nhuộm chàm. Buổi sáng lúc dì thức giấc bà đã đi làm. Nếu trăng sáng họ làm dưới ánh trăng. Ngày Chủ nhật thì bà ngủ như chết. Chắc bà phải cho dì bú khoảng hai hay ba tuần – mấy người kia cũng làm như thế. Rồi bà trở về ruộng lúa và dì bú sữa của một bà vú. Vì vậy, để trả lời con, không có. Dì nghĩ là không có. Bà không chải tóc hay làm gì cho dì cả. Theo như dì còn nhớ, thậm chí bà với dì hầu như không ngủ cùng một căn nhà gỗ. Dì đoán là vì căn nhà gỗ ở xa đội nhân công quá. Bà có làm một điều. Bà bế dì đến phía sau nhà xông khói. Ở đó bà cởi áo phía trước và nhấc vú của bà lên và chỉ vào bên dưới. Ngay chỗ xương sườn của bà là một hình

vòng tròn và thập tự nung cháy vào da. Bà nói, 'Đây là mẹ của con. Cái này,' và bà chỉ. 'Bây giờ ta là người duy nhất có cái dấu này. Những người còn lại chết cả rồi. Nếu có chuyện gì xảy ra với ta và con không thể nhận được mặt ta, con có thể nhận ra ta bằng cái dấu này.' Làm dì sợ quá. Dì không còn nghĩ được chuyện gì khác ngoài chuyện điều này quan trọng ra sao và dì cần phải đáp lời bằng một điều quan trọng, nhưng dì không nghĩ ra điều gì hết, nên dì chỉ nói điều dì đang nghĩ. 'Vâng,' dì nói. 'Nhưng mẹ sẽ làm sao để nhận ra con. Làm sao mẹ nhận ra con? Đánh dấu cho con nữa,' dì nói. 'Đánh dấu lên con luôn.'" Sethe cười khẽ.

"Bà có làm không?" Denver hỏi.

"Bà tát vào mặt mẹ."

"Vì sao?"

"Lúc đó mẹ không hiểu. Cho đến khi mẹ có dấu của mình."

"Chuyện gì xảy đến với bà?"

"Bà bị treo cổ. Đến lúc người ta cắt bà xuống không ai còn nhìn thấy được bà có dấu hình vòng tròn và thập tự hay không, nhất là mẹ, mà mẹ có nhìn." Sethe gom tóc vương trong chiếc lược và ngả người ra sau để quăng tóc vào lửa. Nó bùng lên thành những vì sao và mùi của nó làm họ cáu kỉnh. "Ôi, Chúa tôi," chị nói và đứng dậy bất chợt đến nỗi chiếc lược chị để trong tóc Denver rơi xuống sàn nhà.

"Mẹ, mẹ sao vậy?"

Sethe bước đến một cái ghế, nhấc một tấm khăn và dang nó ra theo chiều rộng của hai cánh tay chị. Rồi chị gấp nó lại, gấp nó lại, và gấp nó một lần nữa. Chị lấy tấm khăn khác. Cả hai tấm khăn chưa khô hẳn nhưng chị không muốn ngừng vì gập chúng dễ chịu quá. Chị phải dùng hai tay làm một điều gì đấy, vì chị đang nhớ một điều chị đã quên rằng mình biết. Một điều nhục nhã riêng tư đã ngấm vào kẽ hở trong đầu chị, ngay phía sau cái tát trên mặt chị và cây thập tự trong vòng tròn.

"Tại sao người ta treo cổ mẹ của mẹ?" Denver hỏi. Đây là lần đầu tiên nó nghe điều gì về bà ngoại nó. Từ trước đến nay nó chỉ biết bà nội Baby Suggs.

"Mẹ không biết. Nhiều người lắm," chị nói, nhưng điều đang dần hiện ra trong lúc chị gấp đi gấp lại đồ giặt còn ướt là một người đàn bà tên Nan nắm tay chị và kéo giật chị ra khỏi đống xác trước khi chị nhận ra dấu hiệu. Nan là người chị biết nhiều nhất, cả ngày quanh quẩn gần bên, cho con nít bú, nấu ăn, chỉ có một cánh tay lành lặn và mất một nửa cánh tay kia. Và Nan là người dùng những từ ngữ khác. Những từ ngữ lúc đó Sethe hiểu nhưng bây giờ không thể nhớ hoặc lặp lại. Chị tin đấy phải là lý do tại sao chị nhớ rất ít về thời gian trước khi chị đến Tổ Ấm, trừ những bài hát và điệu múa và những đám đông. Chị đã quên điều Nan bảo chị, cùng với ngôn ngữ Nan dùng khi nói. Cũng là ngôn ngữ mẹ chị dùng, sẽ không bao giờ trở lại. Nhưng thông điệp của những chữ Nan nói – bao lâu nay chị

vẫn còn nhớ. Áp tấm vải trắng còn ẩm vào ngực, chị đang lựa lọc tìm ý nghĩa của mật mã chị không còn hiểu nữa. Lúc ấy là ban đêm. Nan ôm chị bằng cánh tay lành, quơ cánh tay cụt trong không khí. "Nói con nghe. Dì nói con nghe, bé Sethe," và bà nói. Bà bảo Sethe, mẹ Sethe, và Nan cùng đến bằng đường biển. Cả hai bị đám thủy thủ hiếp nhiều lần. "Mẹ con quăng đi hết chỉ trừ con. Đứa con của bọn thủy thủ nó quăng đi trên đảo. Mấy đứa khác của mấy thằng da trắng nữa nó cũng quăng đi. Nó quăng đi, không đặt tên. Con, nó đặt cho con tên của người da đen. Nó quàng tay ôm anh ta. Mấy đứa kia nó không quàng tay ôm. Không hề. không hề. Nói con nghe. Dì nói con nghe, bé Sethe."

Khi còn là bé Sethe, chị thấy dửng dưng. Khi đã lớn thành đàn bà thì Sethe cảm thấy giận dữ, nhưng không hiểu tại sao. Ao ước được gặp Baby Suggs như làn sóng tràn ngập chị. Trong sự yên tĩnh sau lớp sóng vỗ, Sethe nhìn hai cô gái ngồi bên bếp lò: cô gái trọ đau ốm, đầu óc nông cạn, đứa con gái cô đơn, cáu kỉnh của chị. Chị thấy chúng nhỏ bé và xa xôi.

"Paul D sắp về," chị nói.

Denver thở ra nhẹ nhõm. Trong một phút, lúc mẹ nó đứng gập mấy tấm vải, đắm chìm trong suy tưởng, nó nghiến chặt răng cầu mong cho mẹ nó ngừng lại. Denver ghét những câu chuyện mẹ nó kể mà không liên quan đến nó, đấy là lý do tại sao nó chỉ hỏi đến Amy. Những chuyện còn lại là một thế giới sáng rỡ, mạnh mẽ, càng sáng rỡ, mạnh mẽ hơn vì không có Denver trong ấy. Không có trong ấy, nó ghét thế giới ấy và muốn Thương cũng ghét như nó, mặc dù xem ra Thương sẽ không ghét. Thương tìm mọi cơ hội để hỏi những câu lạ lùng và làm Sethe kể chuyện. Denver để ý rằng cô rất thèm nghe Sethe nói. Bây giờ nó để ý thêm một điều nữa. Những câu Thương hỏi: "Kim cương của dì đâu?" "Mẹ của dì không chải đầu cho dì sao?" Và khó hiểu hơn nữa: "Kể con nghe về kim cương."

Làm sao chị ấy biết?

7

Thương rạng rỡ và Paul D không thích thế. Phụ nữ như cây dâu trước khi nó mọc những dây leo mỏng: màu xanh của chúng khác đi. Rồi những mầm dây leo mọc, rồi những nụ hoa. Lúc những cánh hoa trắng tàn và trái dâu màu xanh bạc hà nhú ra, màu chiếc lá sáng bóng. Thương cũng như thế – sáng rỡ. Dần dà Paul D có thói quen đi bộ với Sethe, để sau đó, anh tỉnh táo khi bước xuống những bậc thang trắng đến chỗ chị làm bánh mì trong cái nhìn đăm đắm của Thương.

Buổi tối khi anh về và cả ba người phụ nữ đang sửa soạn bàn ăn tối ở đấy, vẻ rạng rỡ của cô rõ rệt đến nỗi anh tự hỏi tại sao Denver và Sethe không nhìn thấy. Hay có thể họ đã nhìn thấy. Chắc hẳn phụ nữ có thể biết, như đàn ông biết, khi một người trong số họ đang hứng tình. Paul nhìn kỹ Thương để xem cô có nhận ra điều ấy không, nhưng cô không hề chú ý đến anh – thậm chí thường không trả lời cả câu anh hỏi thẳng cô. Cô sẽ nhìn anh mà không buồn hé miệng. Cô đã ở với họ năm tuần lễ, và họ vẫn chưa biết về cô hơn lúc họ tìm thấy cô đang ngủ trên gốc cây đốn.

Họ ngồi ở cái bàn Paul D đã đập vỡ ngày anh đến I24. Những cái chân chắp vá lại của nó vững chắc hơn trước. Bắp cải đã hết và xương giò lợn xông khói bóng nhẫy chất thành đống trên đĩa của họ. Sethe vừa xúc bánh ngọt ra đĩa vừa lẩm nhẩm rằng chị hy vọng nó sẽ ngon, xin lỗi trước như những đầu bếp lâu năm hay làm, khi vẻ tôn thờ vẫn có trên khuôn mặt Thương lúc cô nhìn Sethe khiến Paul D nói.

“Cô không có anh chị em sao?”

Thương khua thìa của cô trong đĩa nhưng không nhìn anh. “Tôi không có ai hết.”

“Cô tìm cái gì mà đến đây?” anh hỏi cô.

“Chỗ này. Tôi tìm chỗ tôi ở được.”

“Có người nói cho cô biết về căn nhà này?”

“Bà nói với tôi. Khi tôi ở chỗ cây cầu, bà nói với tôi.”

“Chắc là ai đó từ thời trước,” Sethe nói. Những ngày khi I24 còn là trạm dừng chân dọc đường, nơi tin nhắn đến trước rồi người nhắn tin đến sau. Nơi những mẩu tin được ngâm như những hạt đậu khô ngâm trong nước suối – cho đến khi chúng đủ mềm để tiêu hóa.

“Làm sao cô đến đây được? Ai đưa cô đến?”

Lúc này cô điềm tĩnh nhìn anh, nhưng không trả lời.

Anh có thể cảm thấy Sethe và Denver thót bụng, nhả ra những sợi mạng nhện dính dính

để liên lạc với nhau. Dù vậy anh vẫn quyết định hỏi dồn.

“Tôi hỏi cô ai đưa cô đến đây?”

“Tôi đi bộ đến đây,” cô nói. “Đi xa, xa, xa ghê lắm. Không ai đưa tôi đến. Không ai giúp đỡ tôi.”

“Cô có đôi giày mới. Nếu cô đi bộ lâu như thế tại sao giày cô không cũ đi?”

“Paul D, đừng bắt bẻ nó.”

“Anh muốn biết,” anh nói, cầm cán dao trong nắm tay như đang cầm một cây gậy.

“Tôi trộm đôi giày. Tôi trộm cái áo! Dây giày buộc không được!” cô hét lên và nhìn anh với vẻ ác độc đến nỗi Denver chạm vào cánh tay cô.

“Em sẽ chỉ cho chị cách buộc giày,” Denver nói, và được Thương thưởng bằng một nụ cười.

Paul D có cảm tưởng rằng một con cá bạc lớn đã tuột ra khỏi tay anh vào đúng lúc anh chụp được đuôi nó. Rằng giờ đây nó đang bơi trở lại dòng nước tối đen và mất dạng, chỉ để lại vệt nước lấp lánh phía sau. Nhưng nếu cô không rạng rỡ vì anh, thì vì ai? Anh chưa hề biết một người đàn bà nào rạng rỡ lên mà không vì ai rõ rệt, chỉ rạng rỡ lên như một thông báo chung chung. Theo kinh nghiệm của anh, vẻ rạng rỡ chỉ xuất hiện khi có một trọng tâm. Như Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm, nhạt như khói lúc chờ cùng với anh ở trong rãnh, và biến thành ánh sao khi Sixo đến. Anh chưa lầm lẫn bao giờ. Anh nhìn thấy vẻ rạng rỡ ấy khi nhìn đôi chân ướt của Sethe, nếu không hôm ấy anh đã không táo bạo đến nỗi quàng tay ôm chị và thì thầm vào lưng chị.

So với những người da đen anh đã gặp trong hai mươi năm vừa qua, cô gái tên Thương này, không nhà cửa, không người thân, là kỳ lạ hơn cả, dù anh không thể nói chính xác tại sao. Giữa, trước và sau Cuộc Chiến anh đã thấy những người da đen sững sờ, hoặc đói, hoặc mệt, hoặc đã chịu nhiều mất mát đến nỗi nếu họ nhớ lại hoặc nói bất cứ điều gì, đấy sẽ là phép lạ. Những người như anh, đã trốn trong hang và tranh ăn với cú; như anh, lấy trộm của heo; như anh, ngủ trên cây ban ngày và đi ban đêm; như anh, đã vùi mình trong bùn hay nhảy vào giếng để tránh bọn điều soát, bọn bố ráp, bọn bắt nô lệ, bọn cựu binh, bọn ở rừng, bọn vũ trang và bọn khuấy động. Một lần, anh gặp một thằng nhỏ da đen khoảng mười bốn tuổi sống một mình trong rừng và nói nó không còn nhớ nó đã sống ở đâu khác. Anh thấy một người đàn bà da đen điên dại bị bỏ tù và treo cổ vì ăn cắp mấy con vịt bà ta cứ ngỡ là con ruột của mình.

Di chuyển. Đi. Chạy. Trốn. Trộm và đi tiếp. Chỉ có một lần anh có thể ở một chỗ – với một người đàn bà, hay một gia đình – lâu hơn vài tháng. Lần đó kéo dài gần hai năm với một bà thợ dệt ở Delaware, chỗ tàn nhẫn nhất đối với dân da đen anh đã từng thấy ngoại trừ Hạt Pulaski, Kentucky, và dĩ nhiên trại tù ở Georgia.

Thương khác tất cả những người da đen ấy. Vẻ rạng rỡ của cô, giày mới của cô. Anh thấy bận tâm. Có thể chỉ là bởi cô không bận tâm vì anh. Hay có thể là vấn đề thời điểm. Cô xuất hiện và được mang về nuôi đúng vào ngày Sethe và anh làm hòa, đi ra ngoài chơi, và vui vẻ – như một gia đình. Denver đã có vẻ hòa hoãn, gần như vậy; Sethe cười; anh được hứa hẹn có việc làm đều đặn, I24 không còn hồn ma. Tất cả đã bắt đầu giống như một cuộc sống. Và rồi, thật là trời đánh! một con nhỏ uống nước đã ngã bệnh, được mang vào nhà, và từ lúc ấy không nhích lấy một li.

Anh muốn tống nó ra, nhưng Sethe đã cho nó vào ở thì anh không thể tống nó ra khỏi căn nhà không phải là của anh. Đánh bại hồn ma là một chuyện, ném một cô da đen bơ vơ ra ngoài vùng đất có bọn Klan lại là chuyện khác. Khát máu da đen dữ dội, thiếu là không sống nổi, con rồng mặc ý bơi trong Ohio.

Ngồi ở cái bàn, nhai cọng rơm chổi sau-bữa-ăn, Paul D quyết định sẽ tìm chỗ ở cho cô ta. Sẽ hỏi thăm mấy người da đen trong phố và tìm chỗ cho cô ta ở riêng.

Anh mới nghĩ đến đấy thì Thương mắc nghẹn vì hột nho khô cô nhặt ra từ trong bánh ngọt. Cô ngã ngửa ra khỏi ghế và ôm cổ giãy giụa. Sethe vỗ vào lưng cô trong khi Denver gỡ hai tay cô ra khỏi cổ. Bò lăn trên sàn nhà, Thương nôn hết thức ăn ra và cố gắng thở.

Khi cô yên lại và Denver đã lau chỗ bẩn, cô nói, “Con đi ngủ đây.”

“Vào phòng em ngủ đi,” Denver nói. “Trên đó em có thể trông chừng chị.”

Không còn thời điểm nào thuận lợi hơn được nữa. Denver đã suy nghĩ đến phát bệnh để tìm cách thuyết phục Thương ở chung phòng với nó. Nó thấy khó ngủ trong căn phòng phía trên phòng cô, trong lúc tự hỏi liệu cô có bị ốm lại không, hoặc ngủ và không thức dậy nữa, hoặc (lạy Chúa xin chuyện này đừng xảy ra) thức dậy và đi lang thang ra khỏi sân nhà như cô đã từng đi lang thang từ đâu đó tới đây. Ở trên phòng nó tụi nó nói chuyện dễ hơn: ban đêm khi Sethe và Paul D ngủ, hoặc ban ngày trước khi một trong hai người về nhà. Những trò chuyện dịu ngọt, khùng điên toàn những câu nói nửa chừng, mơ mộng và hiểu lầm mang tính ly kỳ hơn là thông cảm rất nhiều.

Khi hai đứa rời khỏi phòng, Sethe bắt đầu dọn bàn. Chị xếp chồng đĩa bên cạnh bồn nước.

“Nó có cái gì làm anh khó chịu dữ thế?”

Paul D cau mày, nhưng không nói gì.

“Mình cãi nhau một trận ra trò vì Denver. Mình có cần một trận nữa vì nó không?” Sethe hỏi.

“Anh chỉ không hiểu được sự níu kéo. Tại sao nó níu kéo em thì dễ hiểu, nhưng anh không hiểu được tại sao em níu lấy nó?”

Sethe quay về phía anh. “Anh cần gì biết là ai níu lấy ai? Nuôi ăn nó không phiền hà gì. Em lấy thêm một chút nữa ở quán ăn, có vậy thôi. Và nó là bạn gái tốt cho Denver. Anh biết thế và em biết anh biết thế, vậy thì anh bực mình vì lẽ gì?”

“Anh không rõ. Anh chỉ cảm thấy như thế.”

“Đây, sao anh không thử cảm thấy cái này đi? Cảm thấy như thế nào là có một cái giường để ngủ với một người không rầy rà anh đến chết về chuyện mỗi ngày anh phải làm sao để xứng đáng được như thế. Anh cảm thấy chuyện ấy đi. Và nếu như thế chưa xong, anh hãy cảm thấy như thế nào là một người phụ nữ da đen lang thang trên đường trong khi mọi sinh vật Chúa tạo nên có thể nhảy ra vồ lấy mình. Anh hãy cảm thấy điều ấy.”

“Anh biết rõ chuyện ấy, Sethe. Anh đâu phải mới sinh ra ngày hôm qua và cả đời anh chưa hề xử tệ với một người đàn bà nào.”

“Vậy là trên đời còn có được một người đàn ông như thế,” Sethe trả lời.

“Không phải là hai người?”

“Không. Không phải là hai người.”

“Halle đâu có xử tệ với em? Anh ấy bênh vực em. Anh ấy không bỏ rơi em.”

“Vậy thì anh ấy đã bỏ cái gì nếu không phải là bỏ em?”

“Anh không biết, nhưng không phải là em. Đấy là sự thật.”

“Vậy thì anh ấy còn tệ hơn nữa; anh ấy bỏ rơi con mình.”

“Em đâu có biết chắc.”

“Anh ấy không có ở đấy. Anh ấy không có mặt ở chỗ anh ấy hẹn.”

“Anh ấy đã ở đó.”

“Vậy thì tại sao anh ấy không ra mặt? Tại sao em phải gửi con đi và ở lại tìm anh ấy?”

“Anh ấy không rời được cái gác xép.”

“Gác xép? Gác xép nào?”

“Ở trên đầu. Trong kho lúa.”

Chậm chạp, chậm chạp, chậm chạp hết mức, Sethe đi về cái bàn.

“Anh ấy đã nhìn thấy?”

“Anh ấy đã nhìn thấy.”

“Anh ấy nói với anh?”

“Em nói với anh.”

“Cái gì?”

“Ngày anh đến đây. Em nói tụi nó ăn cắp sữa của em. Lúc trước anh không hề biết tại sao anh ấy bị rối loạn. Anh đoán có lẽ là vì chuyện ấy. Lúc ấy anh chỉ biết rằng có điều gì đó làm anh ấy sụp đổ. Những năm làm thêm buổi tối, thứ Bảy, Chủ nhật không động đến anh ấy được. Nhưng điều anh ấy thấy trong kho lúa hôm ấy đã bẻ gẫy anh ấy như một cành cây.”

“Anh ấy đã nhìn thấy?” Sethe siết chặt khuỷu tay mình như sợ chúng bay đi mất.

“Anh ấy đã nhìn thấy. Chắc chắn anh ấy phải nhìn thấy.”

“Anh ấy nhìn thấy tụi nó làm chuyện ấy với em mà anh ấy để tụi nó được tiếp tục thở không khí? Anh ấy nhìn thấy? Anh ấy nhìn thấy? Anh ấy nhìn thấy?”

“Này! Này! Em nghe đây. Để anh nói cho em nghe một điều. Một tên đàn ông không phải là một cái rìu trời đánh. Để chặt, chém, đập, từng giây từng phút. Có những chuyện làm anh ấy không chịu nổi. Những chuyện anh ấy không thể chặt bỏ vì chúng nằm ở bên trong.”

Sethe đang đi lui đi tới, đi lui đi tới trong ánh đèn. “Người của tổ chức ngầm nói, khoảng Chủ nhật. Tụi nó lấy cắp sữa của em và anh ấy nhìn thấy và không xuống? Chủ nhật đến, anh ấy thì không thấy. Thứ Hai đến, vẫn không có Halle. Em nghĩ anh ấy không đến là vì anh ấy đã chết rồi; rồi em nghĩ anh ấy không đến là vì tụi nó đã bắt anh ấy. Rồi em nghĩ, Không, anh ấy chưa chết vì nếu anh ấy chết thì chắc em sẽ biết, và rồi sau từng ấy thời gian anh đến đây và anh không nói anh ấy đã chết, vì anh cũng không biết, cho nên em nghĩ, Ôi, chắc là anh ấy đã tìm thấy một cuộc sống tốt hơn. Vì nếu anh ấy ở gần đây, anh ấy sẽ đến tìm Baby Suggs, nếu không phải là tìm em. Nhưng em không hề biết anh ấy đã nhìn thấy.”

“Điều ấy bây giờ còn quan trọng gì đâu?”

“Nếu anh ấy còn sống, và đã nhìn thấy chuyện ấy, anh ấy sẽ không chịu đặt chân vào cửa nhà em đâu. Halle thì không.”

“Chuyện ấy làm anh ấy sụp đổ, Sethe,” Paul D ngước nhìn chị và thở dài. “Có lẽ em nên biết mọi chuyện. Lần cuối cùng anh gặp anh ấy, anh ấy đang ngồi cạnh thùng đánh bơ. Mặt anh ấy đầy bơ.”

Không có gì xảy ra, và Sethe biết ơn vì thế. Thường chị có thể lập tức nhìn thấy hình ảnh của điều chị nghe. Nhưng chị không thể hình dung ra điều Paul D nói. Không có hình ảnh nào hiện lên trong tâm trí. Thận trọng, thận trọng, chị hỏi tiếp một câu hỏi hợp lý.

“Anh ấy đã nói gì?”

“Anh ấy không nói gì hết.”

“Không một tiếng nào?”

“Không một tiếng nào.”

“Anh có nói với anh ấy không? Anh không nói gì với anh ấy sao? Một điều gì đấy!”

“Anh không thể, Sethe. Anh chỉ là... không thể.”

“Tại sao!”

“Lúc ấy anh có cái hàm thiếc trong miệng.”

Sethe mở cửa nhà và ngồi xuống trên bậc thềm hàng hiên. Không còn mặt trời, không gian đã biến thành màu xanh lam, nhưng chị vẫn có thể nhìn thấy những bóng cây đen thẫm trên cánh đồng cỏ xa xa. Chị lắc lắc đầu, chịu thua trí óc nổi loạn của mình. Tại sao nó không từ chối một điều nào cả? Không có nỗi khổ sở, hối tiếc, hình ảnh đáng ghét nào quá tệ không chấp nhận được? Như một đứa trẻ háu ăn, nó chụp lấy mọi thứ. Chỉ một lần thôi, chẳng lẽ nó không thể nói, Cám ơn, tôi không muốn? Tôi mới ăn xong và không thể ăn thêm một miếng nào nữa? Quỷ thần ơi, tôi đã no cứng bụng vì hai thằng nhóc răng bựa, một thằng đè tôi thằng kia mút vú, trong lúc thằng thầy giáo biết đọc sách của tụi nó ngắm nghía và viết lại. Tôi vẫn còn đầy ứ vì chuyện đó, quỷ thần ơi, tôi không thể quay trở lại và nhận thêm vào nữa. Nhận thêm chuyện ông chồng của tôi, từ gác xép phía trên – núp gần đâu đó – chỗ anh ấy nghĩ sẽ không ai tìm thấy mình, nhìn xuống cảnh tôi không nhìn thấy được. Và anh ấy đã không chặn tụi nó lại – anh ấy đã nhìn và đã để cho chuyện ấy xảy ra. Nhưng bộ óc tham lam của tôi nói: Ồ, cám ơn, tôi muốn nữa – vì thế tôi nhận thêm nữa. Tôi chịu nhận thêm rồi là chuyện đến không ngừng. Còn có cảnh chồng tôi ngồi chồm hỗm bên thùng đánh bơ và bôi bơ cùng sữa chua vón đầy mặt vì nghĩ đến sữa tụi nó đã lấy đi. Đối với anh, cả thế giới biết đến chuyện ấy cũng không sao. Nếu lúc đó anh sụp đổ như thế, thì bây giờ chắc hẳn anh cũng đã chết rồi. Và nếu Paul D gặp anh ấy và không thể cứu hay an ủi anh ấy vì miếng hàm sắt trong miệng, thì Paul D có thể còn kể được cho tôi nghe thêm nữa và óc tôi cũng sẽ nhận lấy mà không hề nói: Cám ơn tôi không muốn. Tôi không muốn biết hay phải nhớ đến điều ấy. Tôi có những chuyện khác phải làm: thí dụ như lo lắng, về ngày mai, về Denver, về Thương, về tuổi tác và bệnh tật, đấy là chưa kể đến tình yêu.

Nhưng óc chị không màng đến tương lai. Ngập tràn chuyện quá khứ và khao khát thêm chuyện quá khứ, nó không chừa lại chỗ nào cho chị tưởng tượng, chứ đừng nói đến suy tính cho ngày hôm sau. Y như buổi chiều ấy trong bụi hành dại – khi chị dõi vào tương lai và chỉ nhìn thấy một bước đi nữa. Những người khác đã nổi điên, tại sao chị không thể? Óc của người khác ngừng lại, quay đi và tiếp tục đến một điều gì mới, và chắc đấy là điều đã xảy ra với Halle. Hình ảnh ấy mới dịu ngọt làm sao: hai người họ ở trong lán sữa, ngồi chồm hỗm

cạnh thùng đánh bơ, trét bơ lạnh lợn cợn vào mặt, không bợn chút lo lắng trên đời. Cảm nhận lớp bơ trơn dinh dính – bôi nó vào tóc, nhìn nó chuồi qua những ngón tay. Ngừng lại ngay đấy nhẹ nhõm biết bao. Khép. Đóng. Bóp bơ. Nhưng ba đứa con của chị đang nhai núm vú tẩm đường trong một tấm chăn trên đường đến Ohio và không trò chơi bơ nào thay đổi được điều ấy.

Paul D bước qua cánh cửa và đặt tay lên vai chị.

“Anh không định nói cho em nghe chuyện ấy.”

“Em không định nghe.”

“Anh không thể rút lời lại, nhưng anh có thể không nhắc đến chuyện ấy nữa.” Paul D nói.

Anh ấy muốn nói cho mình nghe, chị nghĩ. Anh muốn mình hỏi anh cảm giác ấy như thế nào – cái lưỡi đã khó chịu làm sao khi bị miếng sắt đè xuống, khiến người ta muốn khạc nhổ đến phát khóc. Chị đã biết về nó, đã thấy nó nhiều lần ở chỗ chị trước khi đến Tổ Ấm. Đàn ông, con trai, bé gái, đàn bà. Vẻ hoang dại rực lên đôi mắt vào lúc đôi môi bị kéo giật ra phía sau. Nhiều ngày sau khi lấy hàm ra, mỡ ngỗng được bôi vào hai bên khóe miệng nhưng không có gì xoa dịu được cái lưỡi hoặc xóa được vẻ hoang dại trong đôi mắt.

Sethe ngước nhìn đôi mắt Paul D để xem có còn dấu vết gì của vẻ hoang dại trong ấy không.

“Khi còn nhỏ em nhìn thấy những người có hàm trong miệng,” chị nói, “sau đấy trông họ luôn luôn hoang dại. Cho dù người ta muốn dùng cái hàm để làm gì, nó không thể nào có hiệu quả, vì nó mang đến sự hoang dại trước kia không có. Khi em nhìn anh, em không nhìn thấy vẻ hoang dại. Không có vẻ hoang dại trong mắt anh.”

“Có cách mang nó đến và có cách lấy nó đi. Anh biết cả hai cách và anh chưa nghĩ ra cách nào tệ hơn.” Anh ngồi xuống bên cạnh chị. Sethe nhìn anh. Trong ánh sáng lờ mờ không có ánh đèn, khuôn mặt anh, chỉ còn là một khung xương màu đồng, xoa dịu trái tim chị.

“Anh có muốn kể cho em nghe không?” chị hỏi anh.

“Anh không biết. Anh chưa hề nói cho ai nghe cả. Đôi khi anh ca hát về chuyện ấy, nhưng anh chưa hề nói với ai.”

“Anh nói đi. Em nghe được.”

“Có thể. Có thể em nghe được. Anh chỉ không chắc là anh nói được. Ý anh là, nói cho thật đúng, vì không phải là cái hàm – không phải thế.”

“Vậy thì là cái gì?” Sethe hỏi.

“Lũ gà trống,” anh nói. “Đi ngang bọn gà trống nhìn tụi nó nhìn anh.”

Sethe mỉm cười. “Trên cây thông?”

“Ừ.” Paul D mỉm cười theo. “Chắc phải có năm con gà trống đậu trên đó, và ít nhất năm mươi con gà mái.”

“Cả con Mister nữa?”

“Mới đầu thì không. Nhưng anh đi chưa được đến hai mươi bước thì anh thấy nó. Nó bỏ cột hàng rào đến ngồi trong cái chậu.”

“Nó thích cái chậu đó,” Sethe nói, và nghĩ, Không, bây giờ không thể ngừng lại được.

“Thật là thế phải không? Như một cái ngai vậy. Em biết không, chính anh đã lấy nó ra khỏi vỏ trứng. Nếu không có anh thì nó chết rồi. Con gà mái đã bỏ đi với bầy gà mới nở chiêm chiếp lẽo đẽo theo sau. Chỉ còn lại một quả trứng. Xem chừng như là trứng không có trống, nhưng rồi anh thấy nó động đậy nên anh gõ vỡ vỏ trứng và thế là con Mister lòi ra, chân dị dạng và đủ thứ. Anh đã nhìn con gà trống mắc dịch ấy lớn lên và uýnh bay hết bọn gà trong sân.”

“Nó lúc nào cũng đáng ghét,” Sethe nói.

“Ừ, nó quả thực đáng ghét. Say máu nữa, và ác độc. Hai chân cong ve vẩy. Mào lớn bằng bàn tay anh và đỏ làm sao. Nó ngồi ở ngay đó, trong cái chậu, nhìn anh. Anh thề là nó đã mỉm cười. Đầu anh toàn là hình ảnh của Halle anh nhìn thấy trước đó. Thậm chí anh không nghĩ đến cả cái hàm. Chỉ nghĩ đến Halle và Sixo trước đấy, nhưng khi anh thấy con Mister anh biết là anh cũng như họ. Không chỉ họ như thế, mà anh cũng thế. Một đứa điên, một đứa bị bán, một đứa mất tích, một đứa bị thiêu và anh đang liếm sắt, tay bị trói bắt chéo sau lưng. Người cuối cùng của bọn đàn ông Tổ Ấm.

“Con Mister, nó có vẻ... tự do làm sao. Giỏi hơn anh. Mạnh mẽ hơn, cứng cỏi hơn. Con gà trống mắc toi đã không tự mình ra khỏi vỏ được nhưng nó vẫn là vua, còn anh...” Paul D ngưng lại và lấy bàn tay phải siết chặt bàn tay trái. Anh giữ như vậy cho đến khi bàn tay trái và cả thế gian êm lặng xuống và anh có thể tiếp tục.

“Con Mister được yên thân và là chính mình. Nhưng anh không được yên thân và là chính anh. Cho dù em có làm thịt nó thì em sẽ làm thịt một con gà trống tên là Mister. Nhưng sống hay chết, không cách gì anh sẽ là Paul D trở lại được nữa. Thầy giáo đã thay đổi anh. Anh là một thứ gì khác và thứ gì khác ấy không bằng một con gà ngồi trong cái chậu dưới ánh nắng.”

Sethe đặt bàn tay lên đầu gối anh và xoa.

Paul D chỉ mới bắt đầu, điều anh kể mới chỉ là phần đầu khi những ngón tay chị trên đầu gối anh, mềm mại và an ủi, khiến anh ngưng lại. Như thế cũng hay. Như thế cũng hay.

Anh nói thêm nữa thì cả hai có thể sẽ bị đẩy đến chỗ từ đó họ sẽ không quay lại được nữa. Anh sẽ giữ phần còn lại ở chỗ của nó: trong lon thuốc lá bằng thiếc chôn trong ngực anh nơi trước kia có một trái tim đỏ. Nắp lon đã đóng chặt vì han gỉ. Anh sẽ không nạy nó ra trước mặt người phụ nữ dễ thương và vững chãi này, vì anh sẽ hổ thẹn nếu chị đánh hơi được những thứ đựng trong ấy. Và chị sẽ bị tổn thương nếu chị biết rằng không có trái tim nào đỏ rực như mào của con Mister đang đập ở trong anh.

Sethe xoa và xoa, ấn tay vào lớp vải thô và những đường cong cứng cỏi của đầu gối anh. Chị hy vọng nó xoa dịu anh như nó đã xoa dịu chị. Cũng như nhồi bột bánh mì trong ánh sáng mờ trong nhà bếp của quán ăn. Trước khi đầu bếp chính đến, lúc chị đứng trong một góc chỉ rộng bằng chiều dài một băng ghế, phía sau và bên trái những lon sữa. Nhồi bột. Nhồi, nhồi bột. Không còn gì tốt hơn thế để bắt đầu một ngày chăm chỉ làm việc đánh lùi quá khứ.

8

Ở trên lầu Thương đang nhảy múa. Điệu múa hai bước, hai bước, dợm, lướt, lướt và chống chân xuống.

Denver ngồi trên giường mỉm cười và hát điệu nhạc cho Thương múa.

Nó chưa bao giờ thấy Thương vui như thế. Nó đã thấy đôi môi phụng phịu của Thương hân hoan mở rộng vì đường ngọt hay vài mẩu tin tức Denver kể. Nó đã cảm thấy nỗi thỏa mãn ấm áp tỏa ra từ làn da của Thương khi cô nghe mẹ nó kể chuyện ngày xưa. Nhưng nó chưa bao giờ thấy cô tươi vui. Chỉ mới mười phút trước, Thương ngã ngửa ra sàn, mắt lồi ra, giãy giụa và ôm cổ. Bây giờ, sau vài giây nằm trên giường của Denver, cô trở dậy và nhảy múa.

"Chị học múa ở đâu?" Denver hỏi cô.

"Không ở đâu hết. Xem chị làm cái này này." Thương giơ hai tay chống nạnh và bắt đầu nhảy nhót trên đôi chân trần. Denver cười.

"Giờ thì đến lượt em. Nhảy đi nào," Thương nói. "Nhảy đi". Chiếc váy đen của cô đong đưa qua lại.

Denver trở nên lạnh như nước đá trong lúc nó đứng dậy khỏi giường. Nó biết người nó to gấp đôi người Thương, nhưng nó nổi lên, lạnh và nhẹ như một bông tuyết.

Thương nắm tay Denver và đặt tay kia lên vai Denver. Rồi họ nhảy múa. Vòng quanh và vòng quanh căn phòng nhỏ, và có thể Denver đã cười nhiều như thế vì choáng váng, hay cảm giác nhẹ và lạnh cùng lúc. Cái cười dễ lây truyền qua Thương. Hai cô gái, vui vẻ như lũ mèo con, đong đưa tới lui, tới lui, cho đến khi cả hai mệt nhoài và ngồi xuống sàn nhà. Thương ngửa đầu dựa vào thành giường thở dốc và Denver nhìn thấy phần trên của thứ nó vẫn thấy lúc Thương thay áo đi ngủ. Nhìn thẳng vào đấy, nó thì thào, "Tại sao chị tên là Thương?"

Thương nhắm mắt. "Trong bóng tối tên chị là Thương."

Denver nhích đến gần hơn. "Chỗ chị ở trước kia, chỗ ấy như thế nào? Chị kể cho em nghe được không?"

"Tối," Thương nói. "Ở đó chị nhỏ xíu. Chị như thế này." Cô nhấc đầu khỏi thành giường, co người nằm nghiêng xuống sàn.

Denver lấy tay che miệng. "Lúc ấy chị có lạnh không?"

Thương cuộn người lại nhỏ hơn và lắc đầu. "Nóng. Dưới đó không có gì để thở và không

có chỗ để nhúc nhích.”

“Chị có thấy ai không?”

“Cả đống. Nhiều người dưới đó lắm. Vài người chết rồi.”

“Chị có thấy Jesus không? Còn Baby Suggs?”

“Chị không biết. Chị không biết tên ai hết.” Cô ngồi dậy.

“Nói cho em nghe, làm cách nào chị đến đây được?”

“Chị đợi, rồi chị lên cây cầu. Chị ở đó ban tối, ban ngày, ban tối, ban ngày. Lâu thật là lâu.”

“Chị ở trên cầu suốt bấy lâu nay?”

“Không. Sau đó. Khi chị thoát ra được.”

“Vì sao chị trở lại?”

Thương mỉm cười. “Để thấy mặt bà.”

“Mẹ? Sethe?”

“Phải, Sethe.”

Denver hơi tổn thương, phật lòng rằng nó không phải là lý do chính khiến Thương trở về. “Chị có còn nhớ mình đã chơi chung với nhau bên dòng suối không?”

“Chị ở trên cầu,” Thương nói. “Em thấy chị trên cầu?”

“Không, bên dòng suối. Dòng suối ở trong rừng.”

“Ồ, chị ở trong nước. Chị thấy kim cương của bà dưới đó. Chị có thể chạm vào nó.”

“Tại sao chị không chạm vào nó?”

“Bà đã bỏ chị lại. Một mình,” Thương nói. Cô ngước nhìn vào mắt Denver và nhăn mặt, có lẽ. Có lẽ không. Có thể chỉ là những vết xước li ti trên trán cô khiến cô trông như đang nhăn mặt.

Denver nuốt nước bọt. “Đừng,” nó nói. “Đừng. Chị sẽ không bỏ em và mẹ mà đi, phải không?”

“Không. Không bao giờ. Đây là chỗ chị ở.”

Đang ngồi bắt chéo chân, Denver đột ngột chồm đến và chụp lấy cổ tay Thương. “Đừng

nói cho mẹ nghe. Đừng để cho mẹ biết chị là ai. Em xin chị, nghe chị?"

"Đừng bắt chị làm cái này cái kia. Chớ có bao giờ bắt chị làm cái này cái kia."

"Nhưng, Thương, em về phe của chị mà."

"Người ấy là bà. Người chị cần là bà. Em có thể đi, nhưng chị phải có bà." Mắt cô mở to, đen như bầu trời đêm thăm thẳm.

"Em đâu có làm gì chị. Em chưa hề làm chị buồn. Em chưa hề làm ai buồn," Denver nói.

"Chị cũng vậy. Chị cũng vậy."

"Chị định sẽ làm gì?"

"Ở đây. Chỗ của chị là ở đây."

"Chỗ của em cũng ở đây."

"Thì em ở đây đi, nhưng đừng bắt chị làm cái gì hết. Đừng bao giờ làm thế."

"Mình đang nhảy múa mà. Mới lúc nãy mình đang nhảy múa. Mình nhảy múa đi."

"Chị không muốn." Thương đứng dậy và đến giường nằm xuống. Sự im lặng vang dội trên bốn bức tường như những con chim hoảng hốt. Sau cùng hơi thở của Denver đều lại trong nỗi đe dọa của một mất mát quá sức chịu đựng.

"Nói cho chị nghe," Thương nói. "Nói cho chị nghe Sethe đã sinh ra em trong chiếc xuồng như thế nào."

"Mẹ chưa bao giờ kể cho em nghe hết câu chuyện," Denver nói.

"Nói cho chị nghe đi."

Denver leo lên giường và khoanh hai cánh tay bên dưới tấm tạp dề nó đang mặc. Nó chưa đến cái phòng cây lần nào từ lúc Thương ngồi trên gốc cây đốn sau khi hội chợ tan, và chưa hề nhớ ra chuyện nó không đến đấy nữa, cho đến giờ phút rất tuyệt vọng này. Cô chị này có dư thừa mọi thứ trên đời: một trái tim đập cuồng loạn, tính mơ mộng, người bầu bạn, hiểm nguy, sắc đẹp. Nó nuốt nước bọt hai lần trong lúc chuẩn bị kể chuyện, để kết những sợi dây nó đã nghe suốt đời mình thành một tấm lưới hòng giữ Thương.

"Mẹ nói cô có hai bàn tay giỏi giắn. Mẹ nói hai cánh tay cô da trắng nhỏ gầy nhưng hai bàn tay giỏi giắn. Mẹ nói mẹ nhìn thấy điều đó ngay. Mẹ nói tóc nhiều đủ cho năm cái đầu và hai tay giỏi giắn. Em đoán hai bàn tay làm mẹ nghĩ cô có thể làm được chuyện ấy: đưa mẹ và em qua sông. Nhưng cái miệng là cái làm mẹ yên lòng. Mẹ nói mình không đoán được người da trắng. Không ai biết họ sẽ làm gì. Nói một đằng, làm một nẻo. Nhưng nếu người ta nhìn cái miệng đôi khi người ta có thể biết được. Mẹ nói cô này nói như giông bão,

nhưng miệng cô không có vẻ ác mó. Cô đã dẫn mẹ đến cái chái và xoa chân cho mẹ, đấy là một chuyện. Và mẹ tin cô sẽ không tố cáo mẹ với nhà cầm quyền. Người ta có thể được thưởng tiền khi giao nộp dân chạy trốn, và mẹ không chắc cô Amy này không cần tiền, nhất là vì cô nói hoài chuyện đi tìm vải nhung."

"Vải nhung là gì?"

"Một loại vải, dày và mềm."

"Em kể tiếp đi."

"Cô xoa cho chân mẹ hồi lại, và mẹ khóc, mẹ nói vì chân đau quá. Nhưng mẹ nghĩ mẹ có thể đi tiếp đến chỗ bà nội Baby Suggs và..."

"Là ai vậy?"

"Em mới nói đấy thôi. Bà nội của em."

"Mẹ của Sethe?"

"Không. Mẹ của ba em."

"Em kể tiếp đi."

Những người kia đã ở đấy rồi. Hai anh của em và... cô bé gái. Mẹ gửi họ đến nhà bà nội Baby trước để đợi mẹ. Vì thế mẹ phải chịu đựng đủ thứ để đến đó. Và cô Amy này đã giúp đỡ."

Denver ngừng và thở dài. Đây là đoạn nó thích. Nó sắp kể đến đấy, phần câu chuyện về nó, cho nên nó thích; nhưng nó cũng không thích vì phần câu chuyện này khiến nó cảm thấy rằng nó, Denver, phải trả một khoản nợ nào đấy. Nhưng nó không biết nó nợ ai và phải trả cái gì. Giờ đây, nhìn khuôn mặt khao khát và chăm chú của Thương, cách cô nuốt lấy từng chữ, hỏi màu và cỡ của thứ này thứ khác, nỗi ước mong gần như khao khát được biết của cô, Denver không còn chỉ nghe thấy, mà bắt đầu nhìn thấy điều nó đang nói: một cô gái nô lệ mười chín tuổi – lớn hơn nó một tuổi – đang đi xuyên qua khu rừng tối để đến với các con chị ở xa. Chị mỏi mệt, có lẽ sợ hãi, thậm chí có lẽ đã lạc lối. Đáng sợ hơn hết, chị chỉ có một mình và chị còn phải lo đến một đứa con nữa trong bụng chị. Đằng sau chị có lẽ là chó, có lẽ là súng, và chắc chắn là bọn răng bựa. Ban đêm chị không sợ lắm vì chị cùng màu với đêm tối, nhưng ban ngày mỗi tiếng động là một tiếng súng nổ hay tiếng bước êm lặng của một tên săn lùng.

Giờ đây Denver nhìn thấy và cảm nhận mọi chuyện – qua Thương. Cảm nhận mẹ nó phải cảm thấy như thế nào. Nhìn thấy cảnh tượng phải trông ra sao. Và nó càng tả tỉ mỉ, càng thêm nhiều chi tiết, Thương càng thích. Vì thế nó đoán trước những câu hỏi bằng cách đưa mạch máu vào những đoạn rời rạc mà mẹ và bà nó đã kể – và cho chúng một nhịp đập trái tim. Thật thế, đoạn độc thoại trở thành cuộc đối thoại khi hai đứa nằm xuống cạnh

nhau, Denver chăm chút đến sự chú tâm của Thương như một người tình vui thích cho người yêu ăn thỏa thê. Tấm chăn ghép có hai mảnh vải màu cam cũng ở đấy với bọn nó vì Thương muốn tấm chăn gần bên khi cô ngủ. Tấm chăn có mùi lá cỏ và khi sờ vào giống như những bàn tay – những bàn tay không ngưng nghỉ của những phụ nữ bận rộn: khô, ấm, nhám. Denver nói, Thương lắng nghe, và cả hai gắng hết sức tái tạo những chuyện đã thực sự xảy ra, tình cảnh thực sự đã như thế nào, những điều chỉ có mình Sethe biết vì chỉ có mình Sethe nhớ đến chúng và có thời gian sau đó để hình thành chúng: chất giọng của Amy, hơi thở cô như gỗ đang cháy. Thời tiết biến đổi nhanh trên những ngọn đồi ấy – mát ban đêm, nóng ban ngày, sương mù bất chợt. Sự liều lĩnh trong cách đối xử của chị với cô da trắng này – sự liều lĩnh nảy sinh từ tuyệt vọng và được khuyến khích bởi đôi mắt nhìn vơ vẩn và cái miệng lòng lành của Amy.

“Cô không nên quanh quẩn ở khu đồi này.”

“Coi ai đang nói kìa. Chị mới là không nên. Họ mà bắt được chị họ cắt đầu chị. Không có ai lùng tôi nhưng tôi biết có người đang lùng chị.” Amy ấn những ngón tay vào lòng bàn chân của người đàn bà nô lệ. “Đứa nhỏ đó con ai vậy?”

Sethe không trả lời.

“Con của ai chị cũng không biết. Lại đây, Chúa ơi,” Amy thở dài và và lắc đầu. “Đau không?”

“Chút chút.”

“Tốt. Càng đau càng tốt. Muốn lành thì phải chịu đau, chị biết không. Sao chị ngọ nguậy thế?”

Sethe nhổm dậy và tựa người trên khuỷu tay. Phần lưng giữa hai vai chị đau rát vì chị đã nằm ngửa quá lâu. Nỗi đau như lửa rát trong hai bàn chân và trên lưng làm chị toát mồ hôi.

“Lưng tôi đau,” chị nói.

“Lưng của chị? Chị ơi, chị đau nhiều chỗ quá. Quay qua đây để tôi xem nào.”

Cố gắng đến nỗi chị thấy buồn nôn, Sethe xoay qua bên phải. Amy mở nút lưng áo chị và nói, “Ôi, Chúa ơi,” khi cô nhìn thấy. Sethe đoán cảnh tượng ấy chắc phải ghê gớm lắm vì sau lần gọi Chúa ấy Amy ngưng nói một lúc. Trong sự yên lặng kinh ngạc của một cô Amy hiếm khi không biết nói gì, Sethe cảm thấy những ngón tay của hai bàn tay tốt lành đó nhè nhẹ sờ lưng chị. Chị có thể nghe tiếng thở của cô nhưng cô da trắng vẫn không nói gì. Sethe không cử động được. Chị không thể nằm sấp hay nằm ngửa, và nằm nghiêng có nghĩa là có sức nặng đè lên hai bàn chân đau đớn của chị. Cuối cùng Amy nói với giọng mộng du của cô.

“Nó là một cái cây, Lu. Cây anh đào dại. Xem này, đây là thân cây – màu đỏ và nẻ toác

ra, đầy nhựa cây, và đây là nhánh cây rẽ. Chị có nhiều nhánh lắm. Có vẻ nhiều lá nữa, và mấy cái này là hoa chứ gì nữa. Hoa anh đào bé tí, cũng màu trắng như vậy. Lưng chị có nguyên một cái cây. Đang nở hoa. Tôi không biết ý Chúa thế nào. Tôi đã bị đòn roi, nhưng tôi không nhớ cái gì như vậy. Bàn tay phải của ông Buddy cũng ác lắm. Đánh chị nếu chị nhìn thẳng vào ông. Chắc chắn. Một lần tôi nhìn ngay ông và ông nhảy dựng lên và ném cây cời lửa về phía tôi. Chắc ông biết tôi đang nghĩ gì."

Sethe rên lên và Amy rút ngắn mơ mộng của mình – đủ lâu để cô xê hai bàn chân của Sethe, khiến sức nặng của chị, đang đè trên những hòn đá phủ lá, dịch về phía trên cổ chân.

"Khá hơn không? Trời ơi, chết kiểu này ghê quá. Chị sẽ chết ở đây, chị biết mà. Không tránh được đâu. Chị nên cám ơn Đấng tạo hóa có tôi đến để chị không phải chết ngoài đám cỏ dại. Rắn đến nó cắn chị. Gấu ăn chị. Đáng lẽ chị không nên rời chỗ chị đang ở, Lu. Nhưng nhìn lưng chị tôi có thể hiểu tại sao chị không ở lại, ha ha. Người nào đã trồng cái cây ăn đứt ông Buddy xa cả dặm. Tôi mừng tôi không phải là chị. Ui chao, tôi chỉ giúp chị được mấy cái mạng nhện thôi. Tôi sẽ xem thử bên ngoài. Có thể dùng rêu, nhưng đôi khi có sâu bọ, thứ này thứ kia trong đó. Có thể tôi phải cời cho mấy đóa hoa mở ra. Để cho mủ chảy, chị nghĩ có phải không? Không biết ý Chúa ra sao. Chắc chị đã làm chuyện gì đấy. Đừng chạy đâu hết nhé."

Sethe có thể nghe tiếng cô âm ư hát ở trong bụi cây trong khi cô săn tìm mạng nhện. Chị chú tâm vào tiếng âm ư vì Amy vừa ra ngoài là đứa nhỏ bắt đầu duỗi mình. Một câu hỏi hay, chị nghĩ. Ý Chúa như thế nào? Amy để lưng áo Sethe mở nút và bây giờ một làn gió thổi vào đấy, làm dịu bớt cơn đau. Bớt được cơn đau ấy, chị cảm thấy cái đau nhẹ hơn của cái lưỡi bị lở. Amy trở lại, hai tay đầy mạng nhện, cô nhặt bỏ đi những con côn trùng đã bị nhện ăn rồi quàng mạng nhện trên lưng Sethe, nói nó giống như dây quàng quanh cây mùa Giáng sinh.

"Có một bà già da đen đi ngang chỗ tụi tôi. Bà không biết gì hết. May đồ cho ông Buddy – vải ren đẹp lắm, nhưng không nói nổi hai chữ liền nhau. Bà không biết gì hết, như chị vậy. Chị không biết gì hết. Rồi chết mất, vậy đó. Tôi thì không. Tôi sẽ đến Boston và tôi sẽ có vải nhung. Màu son đỏ. Ngay cả chuyện đó chị cũng không biết, phải không? Bây giờ chị sẽ không bao giờ biết. Dám cá chị cũng chưa ngủ trong khi nắng rọi vào mặt. Tôi đã làm một hai lần. Phần nhiều tôi cho gia súc ăn trước khi trời sáng và không được ngủ trước khi trời tối đã lâu. Nhưng có một lần tôi ở sau xe ngựa và tôi ngủ. Ngủ trong khi mặt ở ngoài nắng thích lắm. Tôi đã làm hai lần. Một lần lúc tôi còn nhỏ. Lúc đó không ai làm phiền tôi. Lần sau, ở phía sau xe ngựa, chuyện lại xảy ra và quỷ thần ơi lũ gà trốn mất. Ông Buddy quất đít tôi. Kentucky không phải chỗ tốt để ở. Boston là chỗ tốt. Mẹ tôi ở đó trước khi bà bị đem cho ông Buddy. Joe Nathan nói ông Buddy là cha tôi nhưng tôi không tin, còn chị?"

Sethe bảo cô chị không tin ông Buddy là cha cô.

"Chị biết ba chị, phải không?"

“Không,” Sethe nói.

“Tôi cũng vậy. Tôi chỉ biết không phải là ông ta.” Đã làm xong việc chạy chữa của mình, cô đứng lên và đi ngang dọc trong chái, đôi mắt chậm chạp nhợt nhạt trong ánh nắng chiếu lên tóc cô, cô hát:

Khi ngày bận rộn xong xuôi

Con tôi bé nhỏ mệt mỏi

Đu đưa nhẹ nhàng đu đưa

Khi gió đêm dịu dàng thổi

Và lũ dế trong thung lũng

Kêu hoài tiếng nỉ non;

Trên bãi cỏ xanh bầy tiên

Đến múa vòng quanh Tiên Chúa

Rồi từ xa trời mù sương

Phu Nhân Mắt Hạt Nút đến.

Đột nhiên cô ngừng đi qua đi lại và đong đưa, ngồi xuống, vòng hai cánh tay gầy qua gối, đôi bàn tay thật tốt lành ôm lấy khuỷu. Đôi mắt chậm chạp của cô dừng lại và nhìn chăm chú đất cát dưới chân. “Bài hát của mẹ tôi đó. Bà dạy cho tôi.”

Qua bùn qua sương qua bọt

Đến nhà ta ấm êm tĩnh lặng

Để hát nho nhỏ ngọt ngào

Đong đưa vòng nôi lui tới

Nghe đơn điệu giọng đồng hồ

Báo một ngày đã qua đi

Ánh trăng lơ lửng phủ lên

Đồ chơi say ngủ trên sàn

Con tôi bé nhỏ mệt nằm

Phu Nhân Mắt Hạt Nút đến.

Bà đặt hai bàn tay lên

Con yêu bé nhỏ mệt mỏi

Hai bàn tay trắng xòe ra

Như mạng che đầu tóc xoăn

Dường như nựng nịu mơn trớn

Mỗi lọn tóc nhỏ lụa là

Rồi bà vuốt xuôi mí mắt

Trên đôi mắt ấy màu nâu

Dịu nhẹ êm ái làm sao

Phu Nhân Mắt Hạt Nút đến.

Amy ngồi yên lặng sau bài hát, rồi lặp lại câu cuối trước khi đứng dậy, rời chái và đi ra xa, rồi dựa mình vào một thân cây tần bì non. Lúc cô trở lại mặt trời đã xuống thung lũng bên dưới và họ ở phía trên mặt trời rất xa trong ánh sáng Kentucky xanh lam.

“Chị chưa chết phải không? Lu? Lu?”

“Chưa.”

“Cá với chị nhé. Chị mà qua khỏi đêm nay, chị qua khỏi luôn.” Amy sắp xếp lại những chiếc lá cho Sethe được êm hơn và cô quỳ xuống để xoa bóp hai bàn chân sưng lần nữa. “Xoa hai chân cho kỹ,” cô nói, và khi Sethe hít hơi vào qua hàm răng, cô nói, “Im nào. Chị phải ngậm miệng lại.”

Cẩn thận tránh cái lưỡi, Sethe cắn môi và để hai bàn tay tốt lành làm việc trong điệu nhạc “Vì thế, ong ơi, hát dịu dàng và ong ơi, hát nho nhỏ.” Sau đó, Amy đến phía bên kia chái, ngồi xuống, nghiêng đầu và kết bím tóc, nói: “Đừng chết trong đêm nay đó, chị nghe không? Tôi không muốn thấy bộ mặt đen xấu xí của chị theo ám tôi. Nếu chị có chết thật, thì chị đi đâu mất biệt để tôi không thấy chị, nghe không?”

“Tôi nghe,” Sethe nói. “Tôi sẽ gắng, cô ạ.”

Sethe không hề nghĩ mình sẽ còn nhìn thấy một cái gì nữa trên thế gian này, bởi thế khi chị cảm thấy mấy ngón chân chọc vào hông, chị phải mất một lúc để thức dậy từ giấc ngủ chị đã nghĩ là cái chết. Chị ngồi dậy, cứng đơ và run rẩy, trong khi Amy nhìn cái lưng chảy nước của chị.

“Coi ghê như quỷ,” Amy nói. “Nhưng chị qua khỏi. Chúa ơi đến mà coi, Lu qua khỏi.

Nhờ tôi đó. Tôi giỏi chữa bệnh. Chị đi nổi không?”

“Cách nào thì tôi cũng phải đi tiểu.”

“Chị đi thử xem.”

Sethe đi không khá lắm, nhưng đi được, và thế là chị khập khiễng, đầu tiên dựa Amy, rồi một cây non.

“Tôi làm được đó. Tôi chữa bệnh hay há?”

“Ờ,” Sethe nói, “cô giỏi lắm.”

“Mình phải đi khỏi ngọn đồi này. Đi nào. Tôi dẫn chị đi xuống bờ sông. Chắc chị muốn vậy. Còn tôi, tôi đi đến con đường lớn. Dẫn tôi thẳng tới Boston. Cái gì đầy trên áo chị vậy?”

“Sữa.”

“Chị nhếch nhác quá thể.”

Sethe nhìn xuống bụng mình và chạm tay vào đấy. Đứa trẻ đã chết. Chị đã không chết trong đêm, nhưng nó chết. Nếu vậy, thì không còn gì ngăn trở chị được. Cho dù chị phải bơi chị cũng sẽ mang sữa đến cho con bé của chị.

“Chị có đói không?” Amy hỏi chị.

“Tôi chỉ vội thôi.”

“Này, chậm thôi. Muốn có giày không?”

“Cô nói gì?”

“Tôi nghĩ ra rồi,” Amy nói và cô nghĩ ra thật. Cô xé hai mảnh khăn của Sethe, đổ đầy lá và buộc nó vào chân chị, trong lúc nói không nghỉ.

“Chị bao nhiêu tuổi, Lu? Tôi chảy máu bốn năm rồi nhưng chưa có mang con của ai hết. Sẽ không ai thấy tôi chảy sữa vì...”

“Tôi biết,” Sethe nói. “Cô đang đi Boston.”

Đến trưa họ nhìn thấy nó, rồi họ đến gần đủ để nghe thấy nó. Đến chiều tối họ có thể uống nước của nó nếu họ muốn. Bầu trời hiện ra bốn ngôi sao lúc họ tìm ra, không phải một chiếc tàu trên sông để mang Sethe trốn theo, hay một người đưa phà chịu nhận hành khách đang lẩn trốn – không phải thứ gì như thế – mà cả một cái xuồng để lấy trộm. Nó có một cái mái chèo, nhiều lỗ thủng và hai tổ chim.

“Nhìn kìa, Lu. Chúa phù hộ cho chị.”

Sethe đang nhìn một dặm dài làn nước đen chị phải vượt qua với một cái mái chèo trong một cái xuồng vô dụng, ngược dòng nước chảy xiết về sông Mississippi cách đấy hàng trăm dặm. Chị thấy nó trông như một mái nhà, và đứa bé (chưa chết chút nào) chắc cũng nghĩ thế. Sethe vừa đến gần sông thì bọc nước ối của chị vỡ ra hòa vào nước sông. Nước ối vỡ, theo sau là cơn đau, một báo hiệu thừa thãi rằng giờ lâm bồn đã đến, làm lưng chị cong lại.

"Chị làm như thế để làm gì?" Amy hỏi. "Cái đầu của chị không có óc sao? Ngừng lại ngay, tôi nói ngừng lại, Lu. Chị là thứ ngu nhất trên cõi đời này. Lu! Lu!"

Sethe không nghĩ ra chỗ nào khác để đi ngoại trừ là vào xuồng. Chị đợi đến lúc cơn đau dịu bớt. Lại bò trên hai gối, chị vào trong cái xuồng. Nó chòng chành bên dưới chị và chị chỉ có đủ thời gian dựa hai bàn chân bọc lá vào băng ghế khi một cơn đau khác làm chị nghẹn thở. Thở hổn hển dưới bốn ngôi sao mùa hè, chị dạng hai chân qua hai bên chiếc xuồng, vì cái đầu đã ló ra, trong khi Amy báo cho chị biết, như thể chị chưa biết – như thể cái xé toạc là những khúc gỗ óc chó trong khung ghế rời ra, hay lằn chớp xé ngoằn ngoèo trên bầu trời như da thuộc.

Đứa bé bị mắc kẹt không ra được. Mặt ngửa lên và nghẹt thở trong máu của mẹ nó. Amy thôi cầu xin Jesus và bắt đầu rủa cha của Ngài.

"Rặn đi!" Amy hét.

"Kéo ra," Sethe thì thào.

Và đôi tay mạnh mẽ làm việc lần thứ tư, không quá sớm chút nào, vì nước sông, thấm qua bất cứ lỗ nào nó muốn, đã dâng ngang hông Sethe. Chị với một tay về phía sau và nắm sợi dây thừng trong khi Amy bấu tay vào đầu đứa bé. Khi một bàn chân nhô lên từ lòng sông và đá vào đáy xuồng và mông Sethe, chị biết chuyện đã xong và tự cho phép mình ngất đi một lúc. Tỉnh lại, chị không nghe thấy tiếng khóc, chỉ có tiếng ầu ơ vỗ về của Amy. Một lúc lâu không có động tĩnh gì, họ cùng tưởng họ đã mất nó. Đột nhiên Sethe cong người lại và cái nhau phọt ra. Rồi đứa bé rên nho nhỏ và Sethe nhìn. Ở bụng nó là năm mươi phân cuống rốn và nó run rẩy trong không khí buổi tối đang lạnh dần. Amy quấn váy của cô xung quanh nó và hai người đàn bà ướt, nhớp nháp leo lên bờ để xem, thật ra, ý Chúa như thế nào.

Những bào tử của cây dương xỉ mọc trong những hốc dọc bờ sông trôi ra mặt nước thành những hàng màu xanh bạc, khó thấy được trừ phi người ta ở giữa hoặc gần chúng, ngay cạnh bờ sông nơi ánh nắng mờ và yếu. Thường những bào tử ấy bị nhầm với sâu bọ – nhưng chúng là những hạt giống chứa đựng cả một thế hệ đang ngủ say và tin tưởng vào tương lai. Trong một lúc, người ta dễ dàng tin rằng mỗi bào tử có một tương lai – sẽ trở thành tất cả những gì chứa đựng trong bào tử: sẽ sống những ngày đã được dự tính. Phút giây tin chắc này không kéo dài đến thế, nhưng có lẽ dài hơn cuộc sống của chính hạt bào tử.

Trên bờ sông, trong buổi chiều tối lành lạnh, hai người đàn bà len lách dưới làn hạt xanh bạc rơi như mưa. Lúc ấy họ không hề nghĩ sẽ gặp lại nhau trên thế gian này và không màng đến chuyện ấy. Nhưng ở đó, trong một buổi tối mùa hè, xung quanh là dương xỉ, họ đã cùng nhau làm một việc rất đúng cách và thành công. Một đứa lùng bắt nô lệ đi ngang sẽ cười nhạo khi thấy hai đứa cầu bơ cầu bất, hai đứa tội phạm phi pháp – một mụ nô lệ và một con nhỏ da trắng chân trần với mái tóc xõa – bọc đứa trẻ mới sinh mười phút trong những mảnh y phục rách rưới họ mặc. Nhưng không có tên lùng bắt nô lệ nào và không có ông mục sư nào. Nước nhấp nhô bên dưới họ. Không có điều gì quấy rối họ làm việc. Vì thế họ thực hiện việc đó rất đúng cách và thành công.

Ánh hoàng hôn đến và Amy nói cô phải đi; rằng có chết cô cũng không muốn bị bắt gặp đang đi chung với một đứa nô lệ bỏ trốn vào ban ngày ban mặt trên một dòng sông náo nhiệt. Sau khi rửa mặt rửa tay trong dòng sông, cô đứng nhìn xuống đứa bé đã được quấn lại và buộc vào ngực Sethe.

“Nó sẽ không bao giờ biết tôi là ai. Chị nói cho nó biết nhé? Ai đã mang nó vào cõi đời này?” Cô ngước mặt, nhìn về hướng mặt trời. “Chị phải nói cho nó biết. Chị nghe không? Nói là cô Amy Denver. Ở Boston.”

Sethe cảm thấy mình đang rơi vào giấc ngủ chị biết là sẽ say sưa. Ở ngay bờ giấc ngủ, trước khi chìm xuống, chị nghĩ, “Tên đẹp quá. Denver. Thật đẹp.”

9

Đã đến lúc đặt tất cả xuống. Trước khi Paul D đến và ngồi trên bậc thềm hàng hiên nhà chị, những lời thì thầm trong phòng khách đã giúp chị tiến tới. Giúp chị chịu đựng hồn ma chê trách; tạo lại khuôn mặt trẻ thơ của Howard và Buglar và giữ chúng nguyên vẹn trong đời thực vì dưới những giấc mơ chị chỉ nhìn thấy phần này phần kia của chúng trong bóng cây; và giữ lấy chồng chị dù chỉ như một chiếc bóng mờ nhưng có ở đấy – ở đâu đó. Bây giờ khuôn mặt Halle giữa cái ép bơ và thùng đánh bơ nổi lên càng lúc càng lớn, choán hết mắt chị và làm đầu chị nhức nhối. Chị ước chị có được những ngón tay của Baby Suggs ôm gáy chị, xoa nắn, nói, "Để chúng xuống, Sethe. Gươm và khiên. Để xuống. Để xuống. Để cả hai xuống. Dưới bờ sông. Gươm và khiên. Đừng học đòi chiến tranh nữa. Để những thứ lộn xộn ấy xuống. Gươm và khiên."[1] Và chị sẽ làm như thế dưới những ngón tay đang ấn xuống và giọng nói chỉ bảo. Những con dao nặng chị dùng để chống đỡ khổ não, hối tiếc, căm giận và đau đớn, chị sẽ để xuống từng con một trên bờ, nơi bên dưới là một dòng nước trong đang chảy xiết.

Chín năm không có những ngón tay hoặc giọng nói của Baby Suggs là quá nhiều. Và những lời thì thầm trong phòng khách thì quá ít. Khuôn mặt vấy bơ của người đàn ông dễ thương nhất Chúa đã từng tạo ra, khuôn mặt ấy đòi hỏi hơn nữa: dựng lên một bia mộ hay may một áo liệm. Một nghi lễ chôn cất nào đấy. Sethe quyết định đến Chỗ Quang, nơi Baby Suggs đã nhảy múa trong ánh nắng.

Trước khi I24 và mọi người trong nhà khép cửa, che mặt và đóng kín; trước khi nó trở thành món đồ chơi của hồn ma và căn nhà của những kẻ cáu kỉnh, I24 là một căn nhà vui tươi, ồn ào nơi Baby Suggs thánh thiện đã yêu thương, khuyên răn, cho ăn, la mắng và an ủi. Nơi không phải một mà là hai nồi sôi âm ỉ trên lò, nơi đèn cháy suốt đêm. Ở đấy người lạ nghỉ ngơi trong khi trẻ con đi thử giày của họ. Ở đấy những mẩu tin nhắn được gửi lại, vì không lâu sau những người cần chúng chắc chắn sẽ đến. Những cuộc trò chuyện nhỏ giọng và đi thẳng vào vấn đề – vì Baby Suggs thánh thiện không thích rườm lời. "Mọi thứ tùy thuộc vào chuyện biết được thế nào là đủ," bà nói, và "Tốt nhất là biết được khi nào nên ngừng."

Sethe đã xuống xe ngựa ở trước căn nhà I24 ấy, đứa con mới sinh buộc vào ngực, và cảm thấy lần đầu tiên đôi tay rộng của mẹ chồng, người đã đến Cincinnati trước. Người đã quyết định rằng, vì cuộc sống nô lệ đã "làm hư hại chân, lưng, đầu, mắt, tay, thận, bụng và lưỡi" của bà, bà chỉ còn sống được nhờ vào trái tim – trái tim mà bà lập tức sử dụng. Không nhận một tước hiệu danh dự nào trước tên bà, nhưng chấp nhận một chút vuốt ve đằng sau nó, bà trở thành một mục sư không nhà thờ, tới bục giảng và mở tấm lòng bao la cho những người cần nương tựa vào nó. Mùa thu và mùa đông bà mang tấm lòng đến những người theo phái Tân Giám Lý Phi Châu và phái Baptist, các Thánh và các Đấng Thụ Phong, Giáo Hội Đấng Cứu Rỗi và Kẻ Được Cứu Rỗi[2]. Không được ân sủng kêu gọi, không được choàng áo, không được ban chức, bà để trái tim bao la của mình đập trong sự hiện diện của họ. Khi

thời tiết ấm lên, Baby Suggs thánh thiện mang trái tim bao la của mình đến Chỗ Quang – một khu đất trống ở sâu trong rừng, không ai biết đến vì nó ở cuối một con đường chỉ có nai và những người đầu tiên khai quang khu đất biết đến. Theo sau bà là tất cả đàn ông, đàn bà, và con nít da đen đã vượt qua được đến đây. Trong cái nóng của mỗi buổi chiều thứ Bảy, bà ngồi trong khu đất trống trong khi mọi người đợi giữa rừng cây.

Sau khi ngồi xuống tảng đá khổng lồ nhẵn cạnh, Baby Suggs cúi đầu và lặng lẽ cầu nguyện. Từ rừng cây đoàn người nhìn bà. Họ biết bà đã sẵn sàng khi bà để cây gậy xuống. Rồi bà gọi lớn, "Hãy để trẻ con đến đây!" và từ trong rừng chúng chạy về phía bà.

"Hãy để mẹ các con nghe các con cười," bà bảo chúng, và rừng cây ngân vang tiếng cười. Người lớn nhìn cảnh tượng ấy và không thể không mỉm cười.

Rồi "Hãy để đàn ông đến đây," bà gọi lớn. Từng người một họ bước ra từ giữa hàng cây bao quanh.

"Hãy để vợ con các anh thấy các anh nhảy múa," bà bảo họ, và cỏ cây rung động dưới chân họ.

Cuối cùng bà gọi bọn đàn bà đến bên bà. "Khóc đi," bà bảo họ. "Cho người sống và người chết. Chỉ khóc thôi." Và, không buồn che đôi mắt, những người phụ nữ khóc òa.

Chuyện bắt đầu như thế: trẻ con cười, đàn ông nhảy múa, phụ nữ khóc và rồi mọi thứ thành lẫn lộn. Phụ nữ ngưng khóc và nhảy múa, đàn ông ngồi xuống và khóc, trẻ con nhảy múa, phụ nữ cười, trẻ con khóc cho đến khi, mệt nhoài về thể xác lẫn tinh thần, tất cả nằm la liệt ở Chỗ Quang, người ướt nhẹp và thở hổn hển. Trong sự im lặng tiếp theo, Baby Suggs thánh thiện trao tặng cho họ trái tim bao la của mình.

Bà không bảo họ hãy thu vén lại cuộc sống của mình hay đừng phạm tội nữa. Bà không bảo họ rằng họ là những kẻ được ơn phước, là đàn chiên ngoan được hưởng phúc hay những người đức hạnh được vinh danh trên thế gian này.

Bà bảo họ rằng ân sủng duy nhất họ có thể tìm được là ân sủng họ có thể tưởng tượng ra. Rằng họ sẽ không có ân sủng ấy nếu họ không thể nhìn thấy nó được.

"Ở đây," bà nói, "tại chỗ này đây, chúng ta là da thịt, da thịt khóc cười, da thịt nhảy múa trên những đôi chân trần trong cỏ. Hãy yêu nó. Hãy yêu nó tha thiết. Ở ngoài kia họ không yêu da thịt của các anh chị. Họ ghét bỏ nó. Họ không thích đôi mắt của anh chị, họ chỉ muốn móc chúng ra. Họ cũng không yêu làn da trên lưng các anh chị. Ở ngoài kia họ lột nó ra. Và Ơi dân chúng của ta, họ không yêu đôi tay của các anh chị. Họ chỉ dùng chúng, trói chúng, buộc chúng, chặt chúng và để chúng trống trơn. Hãy yêu đôi tay của các anh chị! Hãy yêu chúng. Hãy giơ chúng lên và hôn chúng. Hãy dùng chúng chạm vào người khác, vỗ chúng vào nhau, vuốt chúng lên mặt các anh chị vì họ cũng không thích mặt của các anh chị. *Các anh chị* phải yêu chúng, *chính các anh chị!* Và không, họ không yêu miệng của các anh chị. Ở ngoài kia, ngoài xa kia, họ sẽ xé nó rách và xé nó ra lần nữa. Họ không

cần những điều các anh chị dùng nó để nói. Họ sẽ không nghe những điều các anh chị dùng nó để thét lên. Những thứ các anh chị đưa vào nó để nuôi sống cơ thể mình, họ sẽ giật đi và cho các anh chị cơm thừa canh cặn để thay vào. Không, họ không yêu miệng của các anh chị. *Anh chị* phải yêu nó. Ta đang nói về da thịt đấy. Da thịt cần được yêu mến. Những đôi chân cần được nghỉ ngơi và nhảy múa, những cái lưng cần được chống đỡ, những đôi vai cần có những cánh tay, ta bảo cho các anh chị nghe, cần những cánh tay mạnh mẽ. Và Ơi dân chúng của ta, ngoài xa kia, nghe ta đây, họ không thích cổ của các anh chị thẳng và không có thòng lọng. Vì thế hãy yêu cổ của các anh chị; đặt tay lên đấy, ban ơn cho nó, vuốt ve nó và ngẩng nó thẳng dậy. Và những thứ ở bên trong người các anh chị họ chỉ muốn đem cho lợn ăn, các anh chị phải yêu chúng. Lá gan thẫm đậm màu – hãy yêu nó, yêu nó, và nhịp đập và trái tim đang đập, hãy yêu nó luôn. Hơn đôi mắt hay đôi chân. Hơn những lá phổi chưa từng hít thở không khí tự do. Hơn cái bụng của các anh chị đang chứa đựng sự sống và những phần cơ thể riêng của các anh chị đang tạo ra cuộc sống, hãy nghe ta lúc này, hãy yêu trái tim của các anh chị. Vì đây là phần thưởng." Không nói thêm, bà đứng lên và nhảy múa với cái hông bị vẹo, để nói những lời còn lại mà trái tim bà muốn nói trong khi những người khác mở miệng trao cho bà âm nhạc. Những nốt nhạc ngân dài cho đến khi điệu hát hòa âm bốn bè đã đủ hoàn hảo cho da thịt được yêu thiết tha của họ.

Giờ đây Sethe muốn ở đấy. Ít nhất là để được nghe những quãng cách còn lại từ những điệu hát xa xưa. Nhiều nhất là để tìm được một dấu hiệu từ mẹ chồng đã chết, xem bây giờ chị nên làm gì với gươm và khiên. Chúa ơi, bây giờ, chín năm sau khi Baby Suggs thánh thiện đã chứng tỏ bà là một kẻ dối trá, đã bỏ mặc trái tim bao la của mình và nằm trên chiếc giường trong phòng khách, lâu lâu tỉnh táo lại một lúc chỉ vì một một cơn thèm màu sắc.

"Lũ da trắng đó đã lấy đi tất cả mọi thứ mẹ từng có hoặc mơ đến," bà nói, "và xé đứt những sợi dây của trái tim mẹ. Trên thế gian, không còn xui xẻo nào khác ngoài bọn da trắng." I24 đã đóng cửa và chịu đựng nọc độc của hồn ma của nó. Không còn ánh đèn thâu đêm, hoặc láng giềng sang chơi. Không còn trò chuyện thì thầm sau bữa tối. Không còn những đứa trẻ được chăm sóc đang chân trần chơi đùa trong giày của những người lạ. Baby Suggs thánh thiện tin rằng bà đã nói dối. Không có ân sủng nào – thật hay tưởng tượng – và không có điệu múa nào trong ánh nắng ở Chỗ Quang có thể thay đổi được điều ấy. Lòng tin của bà, trí tưởng tượng và trái tim bao la của bà bắt đầu sụp đổ hai mươi tám ngày sau khi con dâu của bà đến.

Dù thế Sethe nhất định đi đến Chỗ Quang – để tưởng niệm Halle. Trước khi ánh sáng thay đổi, trong lúc nó vẫn là nơi chốn xanh ngời ơn sủng chị nhớ: mù mịt trong khói cây và dâu rữa nát.

Chị quàng một chiếc khăn và bảo Denver và Thương cũng làm như thế. Cả ba người bắt đầu đi vào một buổi xế trưa Chủ nhật, Sethe dẫn đường, hai cô gái lẽo đẽo theo sau, xung quanh không một bóng người.

Khi họ đến khu rừng, chị tìm được ngay con đường nhỏ xuyên qua rừng vì bây giờ những buổi phục hồi đức tin của những thành phố lớn thường xuyên được tổ chức ở đây,

cùng với những chiếc bàn ngập đầy thức ăn, những cây đàn banjo và một cái lều. Con đường nhỏ bây giờ đã rộng hơn, nhưng vẫn có hàng cây giao vào nhau đang rụng hạt dẻ ngựa xuống lớp cỏ bên dưới.

Chị đã không có lựa chọn nào khác ngoài điều chị đã làm, nhưng Sethe vẫn tự trách mình vì sự suy sụp của Baby Suggs. Dù Baby đã chối nhiều lần, Sethe vẫn biết đau khổ ở I24 bắt đầu khi chị nhảy xuống chiếc xe ngựa, buộc vào ngực chị là đứa con sơ sinh quấn trong váy lót của cô da trắng đi tìm Boston.

Có hai cô gái theo sau, Sethe bước dọc theo một hành lang màu xanh rạng rỡ, hai bên là cây sồi và cây hạt dẻ, và bắt đầu toát mồ hôi như chị đã toát mồ hôi lúc chị thức giấc, người đóng bết bùn, trên bờ sông Ohio.

Amy đã đi khỏi. Sethe chỉ có một mình, yếu đuối, nhưng còn sống, và đứa bé con chị cũng còn sống. Chị xuôi dòng một quãng rồi đứng nhìn đăm đăm làn nước lấp lánh. Dần dà một chiếc phà lướt vào tầm mắt chị, nhưng chị không thấy rõ những hình dáng trên chiếc phà có phải là người da trắng hay không. Cơn sốt bắt đầu làm chị đổ mồ hôi và chị cám ơn trời vì cơn sốt chắc chắn sẽ ủ ấm cho đứa bé. Khi chiếc phà đã trôi xa quá tầm mắt, chị lảo đảo đi tiếp và gặp ba người da đen đang câu cá gần đó – hai cậu bé và một người đàn ông lớn tuổi. Chị dừng lại và đợi họ mở lời trước với chị. Một trong hai cậu bé chỉ tay và người đàn ông ngoái nhìn lại – một cái nhìn nhanh vì ông không cần nhiều thời gian để nhìn thấy tất cả những gì ông cần biết về chị.

Một lúc không ai nói gì. Rồi người đàn ông nói, “Chị muốn qua sông?”

“Dạ vâng,” Sethe nói.

“Có ai biết chị sẽ đến không?”

“Dạ có.”

Ông nhìn chị lần nữa và hất đầu về một tảng đá chìa ra khỏi bờ đất phía trên ông như một bờ môi dưới. Sethe đi đến đấy và ngồi xuống. Tảng đá đã ấm nắng mặt trời nhưng còn lạnh hơn thân thể chị nhiều. Chị ngồi đấy, mệt đến mức không thể cử động, tia nắng chiếu vào mắt làm chị choáng váng. Mồ hôi đổ dầm dề trên người chị và gội rửa cả người đứa bé. Chắc chị đã ngủ ngồi ở đấy, vì khi chị mở mắt ra người đàn ông đang đứng trước mặt chị, tay cầm một miếng lươn rán nóng hổi. Phải cố gắng để với tay đến nó, cố gắng hơn nữa để ngửi, và không thể nào ăn. Chị xin nước và ông cho chị ít nước sông Ohio trong một cái hũ. Sethe uống hết nước và xin thêm. Tiếng leng keng trở lại trong đầu chị nhưng chị không chịu tin rằng chị đã qua từng đó quãng đường, chịu đựng những điều chị đã chịu đựng, để chết bên bờ sông nô lệ này.

Người đàn ông nhìn khuôn mặt đang ròng ròng nước của chị và gọi một cậu bé đến.

“Cởi áo khoác ra,” ông bảo nó.

“Sao ạ?”

“Mày nghe rồi.”

Cậu bé cởi áo khoác của mình ra, rên rỉ, “Bác làm gì đây? Con sẽ mặc cái gì đây?”

Người đàn ông tháo đứa bé ra khỏi ngực chị và bọc nó trong chiếc áo khoác của cậu bé, buộc hai tay áo lại đằng trước.

“Con sẽ mặc cái gì đây?”

Ông già thở dài và, sau một lúc, nói, “Mày muốn lấy áo lại, thì cứ lột áo của đứa bé đi. Để đứa bé trần truồng xuống trên cỏ rồi mặc áo của mày vào. Và nếu mày làm được điều ấy, thì mày hãy đi cho khuất mắt tao và đừng có trở về.”

Cậu bé sụp mắt xuống, rồi quay lại với đứa kia. Miếng lươn trong tay, đứa bé bên chân, Sethe ngủ gà gật, miệng khô và đẫm mồ hôi. Buổi tối đến và người đàn ông chạm vào vai chị.

Trái với dự đoán của chị, họ chống phà ngược dòng, xa khỏi chiếc xuồng Amy tìm thấy. Đúng lúc chị nghĩ ông đang mang chị trở về Kentucky, ông xoay chiếc phà lại và băng ngang dòng sông Ohio nhanh như tên bắn. Ở đấy ông giúp chị leo lên bờ sông dốc đứng, trong khi cậu bé không có áo khoác bế đứa bé mặc áo khoác của cậu. Người đàn ông dẫn chị đến một cái chòi có nền bằng đất nện ẩn trong một bụi cây.

“Đợi ở đây. Sẽ có người đến ngay. Đừng đi đâu. Họ sẽ tìm ra chị.”

“Cám ơn ông,” chị nói. “Ước gì tôi được biết tên ông để nhớ cho đúng.”

“Tên Stamp,” ông nói. “Stamp Paid. Nhớ chăm sóc đứa bé, chị nghe chưa?”

“Tôi nghe rồi, tôi nghe rồi,” chị nói, nhưng thật ra chị đã không nghe thấy. Nhiều giờ sau đó một người phụ nữ đến sát bên chị mà chị không hề nghe thấy. Một người phụ nữ lùn, trẻ tuổi, mang một bao tải, chào chị.

“Tôi đã thấy dấu hiệu hồi lâu rồi,” chị nói. “Nhưng tôi không đến nhanh hơn được.”

“Dấu hiệu gì?” Sethe hỏi.

“Stamp để cửa cái chuồng lợn mở ra khi có người vượt sông. Nếu là trẻ con ông buộc thêm một miếng giẻ trắng trên cây cột.”

Chị quỳ xuống và dốc cạn cái bao. “Tôi tên là Ella,” chị nói, lấy trong bao ra một cái chăn len, một miếng vải, hai củ khoai lang nướng và một đôi giày đàn ông. “Chồng tôi là John đang ở ngoài kia. Chị đang đi đâu?”

Sethe nói với chị về Baby Suggs, nơi chị đã gửi ba đứa con đến.

Ella buộc chặt một dải vải xung quanh rốn đứa nhỏ trong khi chị lắng nghe để tìm những lỗ hổng – những điều người chạy trốn không nói; những câu hỏi họ không hỏi. Chị cũng lắng nghe để biết những người không được gọi tên, không được nhắc đến đã ở lại phía sau. Chị giũ đôi giày đàn ông cho sạch sạn và tìm cách nhét chân Sethe vào. Chúng không vừa chân Sethe. Buồn rầu, họ xẻ dọc đôi giày xuống tận gót, thật lòng hối tiếc vì đã phá hỏng một vật quý giá dường ấy. Sethe mặc áo khoác của cậu bé trai, không dám hỏi xem có tin gì về bọn trẻ hay không.

"Tụi nó đã đến nơi," Ella nói. "Stamp đưa phà chở vài người trong nhóm ấy. Đưa họ đến Bluestone. Không xa mấy."

Tràn ngập lòng biết ơn, Sethe không thể nghĩ ra điều gì để làm, vì thế chị bóc một củ khoai, ăn và ọe ra vì nghẹn và ăn thêm nữa trong nỗi vui mừng thầm lặng.

"Gặp chị tụi trẻ chắc sẽ mừng lắm," Ella nói. "Đứa nhỏ này sinh lúc nào?"

"Hôm qua," Sethe nói, lau mồ hôi ở dưới cằm chị. "Tôi mong cho nó qua khỏi."

Ella nhìn khuôn mặt bé nhỏ và dơ bẩn thò ra ngoài tấm chăn len và lắc đầu. "Khó nói lắm," chị nói. "Nếu có ai hỏi tôi, tôi sẽ nói, 'Đừng yêu cái gì hết.'" Rồi, như để làm dịu bớt lời tuyên bố của mình, chị mỉm cười với Sethe. "Chị sinh đứa nhỏ một mình ?"

"Không. Có cô da trắng giúp."

"Vậy thì mình phải đi ngay."

Baby Suggs hôn lên môi chị và không chịu để chị gặp bọn trẻ. Bà nói chúng đã ngủ và Sethe trông xấu xí quá không nên đánh thức chúng dậy trong đêm. Bà bế đứa bé mới sinh và đưa nó cho một cô gái trẻ đội mũ, bảo cô đừng lau mắt nó để đợi lấy nước tiểu của mẹ nó.

"Nó đã khóc chưa?" Baby hỏi.

"Có một chút."

"Vậy thì mình còn nhiều thời gian. Hãy chăm sóc bà mẹ cho khỏe đã."

Bà dẫn Sethe đến phòng khách, và dưới ánh sáng của ngọn đèn rượu cồn, tắm rửa chị từng phần một, bắt đầu với khuôn mặt. Rồi, trong khi chờ một chảo nước nóng nữa, bà ngồi bên chị khâu mấy tấm vải màu xám. Sethe ngủ thiếp đi, rồi thức giấc khi bàn tay và cánh tay chị được rửa. Sau mỗi lần rửa, Baby quàng một tấm chăn ghép lên người chị và đặt một chảo nước khác lên bếp lò. Xé vải, khâu mấy miếng vải màu xám, bà trông chừng cô gái đội mũ làm việc, cô vừa chăm sóc đứa bé vừa rơi lệ vào món ăn cô đang nấu. Khi hai chân Sethe đã được rửa xong, Baby nhìn hai bàn chân chị và nhẹ nhàng chùi chúng. Bà rửa phần ở giữa hai chân Sethe với hai chảo nước nóng và quấn bụng và chỗ kín của chị bằng mấy tấm vải. Cuối cùng bà lo đến hai bàn chân không còn giống hai bàn chân nữa.

“Con có cảm thấy gì không?”

“Cảm thấy cái gì?” Sethe hỏi.

“Không có gì. Ngồi dậy đi.” Bà giúp Sethe đến chiếc ghế đu và nhúng chân chị vào thùng nước đầy muối và thông đắng. Sethe ngâm chân từ đấy cho đến hết đêm. Baby làm mềm lớp vảy trên núm vú của chị bằng mỡ và rồi rửa sạch lớp vảy đi. Đến rạng đông đứa bé im lặng thức giấc và bú sữa mẹ.

“Cầu Trời cho sữa chưa hỏng,” Baby nói. “Khi con xong rồi thì gọi mẹ.” Khi bà quay đi, Baby thoáng thấy một khoảng thẫm màu trên tấm khăn trải giường. Bà nhíu mày và nhìn con dâu đang cúi xuống đứa bé. Những đóa hồng bằng máu đã nở trên tấm chăn đang phủ trên vai Sethe. Baby Suggs lấy tay che miệng. Khi đứa bé ăn xong và say ngủ – mắt nó mở hé, lưỡi nút nút trong mơ – người đàn bà lớn tuổi lặng lẽ thoa mỡ lên tấm lưng nở hoa và ghim hai lớp vải vào mặt trong của chiếc áo mới may.

Tất cả chưa hẳn là thực. Chưa hẳn. Nhưng khi hai đứa bé trai ngái ngủ và cô bé hình-như-đã-biết-bò? được mang vào, thực hay không thực không phải là quan trọng. Sethe nằm trên giường, ở dưới, xung quanh, trên, giữa, nhưng nhất là với tất cả ba đứa. Cô bé nhỏ nước miếng trong ngần vào mặt chị, và Sethe vui thích cười lớn lên đến nỗi cô bé hình-như-đã-biết-bò? chơm chớp mắt. Buglar và Howard nghịch hai bàn chân xấu xí của chị, sau khi thách nhau xem đứa nào dám đụng vào chúng trước. Chị hôn chúng mãi. Chị hôn gáy chúng, đỉnh đầu chúng và lòng bàn tay chúng, và khi chị nhấc áo sơ mi của chúng và hôn hai cái bụng tròn, hai đứa con trai quyết định thế là đủ rồi. Chị ngừng khi chúng hỏi, “Ba có đến không?”

Chị không khóc. Chị nói “sắp” và mỉm cười để chúng nghĩ đôi mắt chị lóng lánh chỉ là vì tình yêu mà thôi. Rất lâu sau chị mới để mẹ chồng đuổi hai đứa con trai ra khỏi phòng để chị có thể mặc chiếc áo vải màu xám mà bà đã bắt đầu khâu từ tối hôm trước. Cuối cùng chị nằm xuống và ôm cô bé hình-như-đã-biết-bò? trong tay. Chị kẹp núm vú bên trái bằng hai ngón tay phải và đứa bé mở miệng. Họ đến đích cùng lúc.

Baby Suggs vào và cười họ, kể cho Sethe nghe cô bé khỏe như thế nào, lanh lợi ra sao, và đã biết bò. Rồi bà cúi xuống gom đám giẻ rách trước đó là quần áo của Sethe.

“Trong đống này không có gì đáng giữ lại,” bà nói.

Sethe ngước mắt lên. “Khoan đã,” chị nói. “Mẹ xem thử xem cái buộc trong váy lót có còn không.”

Baby Suggs lần tay từ từ trên lớp vải hư rách và thấy cái gì sờ giống như mấy hòn sỏi. Bà giơ chúng về phía Sethe. “Quà đưa tiễn?”

“Quà cưới.”

“Có thêm chú rể thì tốt biết mấy.” Bà nhìn đăm đăm vào bàn tay mình. “Con nghĩ cái gì

đã xảy đến với nó?”

“Con không biết,” Sethe nói. “Anh ấy không có mặt ở chỗ anh ấy hẹn gặp. Con phải đi. Phải đi.” Sethe nhìn đôi mắt ngái ngủ của cô bé đang bú một lúc rồi nhìn mặt Baby Suggs. “Anh ấy sẽ đến được. Nếu con qua được, Halle chắc chắn làm được.”

“Vậy con đeo đôi hoa tai lên đi. Có thể chúng sẽ soi đường cho Halle.” Tin rằng con mình đã chết, bà đưa hai viên đá cho Sethe.

“Con cần xỏ lỗ tai.”

“Để mẹ làm cho,” Baby Suggs. “Ngay sau khi con khỏe lại.”

Sethe lắc hai chiếc hoa tai kêu leng keng cho cô bé hình-như-đã-biết-bò? vui, cô bé với tay đòi chúng mãi.

Ở Chỗ Quang, Sethe tìm thấy hòn đá thuyết giảng lúc xưa của Baby Suggs và nhớ lại mùi lá mục rữa ra trong ánh nắng, những tiếng chân rầm rập và những tiếng hét rứt hạt dẻ ra khỏi cành. Có trái tim của Baby Suggs lo toan, mọi người để mình buông thả.

Sethe có hai mươi tám ngày – hành trình của một tuần trăng – của cuộc sống không nô lệ. Hai mươi tám ngày từ dòng nước dãi trong ngần cô bé nhỏ xuống mặt chị cho đến khi dòng máu nhờn của nó ướt hai tay chị. Những ngày hồi phục, trò chuyện thật tình và dễ dàng. Những ngày có bè bạn: biết tên bốn mươi, năm mươi người da đen khác, quan điểm, thói quen của họ, nơi họ đã ở và chuyện họ đã làm, cảm thấy niềm vui và nỗi buồn của họ chung với niềm vui và nỗi buồn của chị đã làm niềm vui tăng lên và nỗi buồn dịu đi. Một người dạy chữ cho chị; người khác một mũi may. Tất cả cùng dạy chị thế nào là cảm giác được thức dậy lúc bình minh và *quyết định* sẽ làm gì ngày hôm ấy. Chị đã trải qua những ngày chờ đợi Halle như thế. Dần dà, ở I24 và ở Chỗ Quang, cùng với những người khác, chị đã đòi lại chính mình. Giải thoát chính mình là một chuyện; nhận lấy quyền sở hữu con người tự do ấy lại là chuyện khác.

Giờ đây chị ngồi trên hòn đá của Baby Suggs, Denver và Thương nhìn chị từ giữa đám cây. Sẽ không còn có một ngày, chị nghĩ, ngày Halle gõ cửa. Không biết chắc điều ấy đã khó, biết điều ấy lại càng khó hơn.

Chỉ những ngón tay thôi, chị nghĩ. Chỉ cho con được cảm thấy những ngón tay của mẹ lần nữa trên gáy con, và con sẽ để tất cả xuống, tìm lối ra khỏi tình cảnh không lối thoát này. Sethe cúi đầu và thật thế – những ngón tay đến. Nhẹ hơn, như những cái vuốt ve của chiếc lông vũ, nhưng là những ngón tay mơn trớn không lầm lẫn được. Chị phải tự thả lỏng một chút để cho chúng làm việc, vì những cái vuốt ve nhẹ quá, gần như của trẻ con, như một nụ hôn bằng ngón tay hơn là xoa nắn. Dù thế chị biết ơn sự cố gắng, tình thương từ nơi xa xôi của Baby Suggs cũng bằng bất cứ tình thương da thịt cận kề nào chị đã từng biết. Nỗi mong muốn đáp ứng nhu cầu của chị, chứ đừng nói gì đến hành động, đã là đủ để nâng tinh thần của chị lên đến mức chị có thể tiến thêm một bước nữa: xin một lời giảng giải, một lời

khuyên làm cách nào chị có thể tiếp tục sống với một bộ óc tham lam nhận lấy những tin tức không ai chịu nổi, trong một cõi nhân gian sẵn sàng cung ứng những tin tức như thế.

Chị biết Paul D đã thêm một điều gì đó vào trong cuộc đời của chị – một điều chị muốn nương tựa vào nhưng sợ không dám. Bây giờ anh đã thêm vào hơn nữa: những hình ảnh mới và ký ức cũ làm tan vỡ trái tim chị. Trong khoảng trống không có tin tức của Halle – một khoảng trống đôi khi pha lẫn nỗi ghét giận chính đáng vì có thể anh đã hèn nhát, hoặc ngu ngốc hoặc không may – khoảng trống không có một tin tức chắc chắn nào bây giờ đã được lấp đầy với một nỗi buồn mới, và ai biết được còn thêm bao nhiêu nỗi buồn khác đang đến. Nhiều năm trước – khi 124 còn sự sống – chị đã có bạn bè nam nữ xung quanh để sẻ chia buồn khổ. Rồi thì chị không còn ai, vì họ không muốn thăm viếng chị khi hồn ma đứa bé choán hết căn nhà, và chị đáp lại sự chê trách của họ bằng lòng tự ái mãnh liệt của một kẻ bị đối xử tồi. Nhưng bây giờ chị đã có người để chia sẻ, và ngày anh vào nhà chị, anh đã đánh bật hồn ma đi và từ đấy không còn dấu hiệu gì của nó nữa. Một ơn lành, nhưng thay vào chỗ của hồn ma anh đã mang đến một thứ ám ảnh khác: khuôn mặt Halle bết bơ và sữa chua, miệng của chính anh nhét đầy sắt, và chỉ có Chúa biết được nếu anh muốn anh còn kể cho chị những điều gì nữa.

Những ngón tay vuốt ve gáy chị bây giờ mạnh hơn – những cái xoa nắn bạo dạn hơn như thể Baby Suggs đang gom sức mạnh. Hai ngón tay cái đặt trên gáy, trong khi những ngón tay kia ấn vào hai bên cổ. Mạnh hơn lên, mạnh hơn lên, những ngón tay chậm chạp xoa những vòng tròn nhỏ đến gần thanh quản chị. Thật ra Sethe ngạc nhiên nhiều hơn là hoảng sợ khi nhận ra mình đang bị bóp cổ. Hay dường như đang bị bóp cổ. Dù sao đi nữa, những ngón tay Baby Suggs siết chặt khiến chị không thở được. Đang ngồi trên hòn đá, chị chúi người về phía trước, bấu tay vào hai bàn tay vô hình. Lúc Denver đến bên chị, và rồi Thương, hai chân chị đang giãy giụa.

"Mẹ! Mẹ!" Denver hét lên. "Mẹ!" và lật ngửa mẹ nó ra.

Những ngón tay rời ra và Sethe phải nuốt những hơi dài trước khi nhận ra khuôn mặt của con gái gần sát mặt chị và khuôn mặt Thương chờn vờn ở phía trên.

"Mẹ không sao chứ?"

"Có người bóp cổ mẹ," Sethe nói.

"Ai?"

Sethe xoa cổ và gắng ngồi dậy. "Mẹ đoán là bà nội Baby. Mẹ xin bà xoa bóp cổ cho mẹ, như bà vẫn hay làm, và bà đang làm rất khéo và rồi mẹ đoán là bà hơi quá tay."

"Bà không làm thế với mẹ đâu. Bà nội Baby thì không đâu."

"Con giúp mẹ ngồi dậy đi."

"Xem này." Thương chỉ vào cổ Sethe.

“Cái gì vậy? Con thấy gì?” Sethe hỏi.

“Mấy vết bầm,” Denver nói.

“Trên cổ của mẹ?”

“Ở đây,” Thương nói. “Đây và đây nữa.” Cô giơ tay chạm vào những mảng da đang trở nên sậm màu hơn cổ của Sethe, và những ngón tay cô khá lạnh.

“Làm như thế đâu có giúp được gì,” Denver nói, nhưng Thương đã nghiêng người xuống, hai bàn tay xoa nắn làn da ẩm nhìn như vải lụa và sờ vào như da thuộc mềm.

Sethe rên lên. Những ngón tay của cô gái mát lạnh và hiểu biết quá. Cuộc đời rối rắm, riêng tư, lạ thường của Sethe nhượng bộ một chút, mềm lại, và dường như chị có thể có được niềm hạnh phúc chị thoáng nhìn thấy trong hình ảnh mấy chiếc bóng đang nắm tay nhau đu đưa trên đường đến hội chợ – nếu chị có thể chịu đựng được những tin tức Paul D mang đến và những tin tức anh giữ lại cho riêng mình. Chỉ chịu đựng thôi. Không gục đổ, ngã xuống hay khóc lóc mỗi lần một hình ảnh đáng ghét trôi qua trước mặt. Không phát chứng khùng điên kinh niên nào đó như bạn của Baby Suggs, cô gái đội mũ nấu thức ăn đầy nước mắt. Như dì Phyllis, ngủ không nhắm mắt. Như Jackson Till, ngủ dưới gầm giường. Chị chỉ muốn tiến tới. Như chị đã tiến tới. Một mình với con gái trong một căn nhà ma ám, chị đã thu xếp mọi thứ trời đánh. Tại sao bây giờ, có Paul D thay vì hồn ma, chị lại sụp đổ? Sợ hãi? Cần Baby? Phần tệ nhất đã qua, phải không? Chị đã vượt qua rồi, phải không? Khi I24 có hồn ma, chị đã có thể chịu đựng, làm, giải quyết bất cứ điều gì. Bây giờ chỉ một chút tin tức về chuyện đã xảy ra với Halle là chị chạy bay đi như một con thỏ đang tìm mẹ.

Những ngón tay của Thương êm như thiên đàng. Dưới những ngón tay ấy nỗi đau đớn lắng xuống và thở đều lại. Nỗi an bình Sethe đã đến đây tìm kiếm từ từ tràn vào người chị.

Chúng mình chắc trông như một cảnh tượng lạ, chị nghĩ, và nhắm mắt lại để nhìn thấy cảnh tượng ấy: ba người phụ nữ ở giữa Chỗ Quang, dưới chân hòn đá nơi Baby Suggs thánh thiện đã yêu thích. Một người ngồi, vươn cổ cho hai bàn tay nhân ái của một trong hai người còn lại đang quỳ trước mặt người ấy.

Denver ngắm nhìn khuôn mặt của hai người. Thương ngắm nhìn công việc mà hai ngón tay cái của cô đang làm và hẳn phải thích điều cô nhìn thấy vì cô nghiêng người xuống và hôn làn da mềm mại dưới cằm Sethe.

Họ như thế trong một lúc vì cả Denver lẫn Sethe đều không biết làm sao: làm cách nào ngừng lại và không thích hình ảnh hay cảm giác của đôi môi đang tiếp tục hôn. Rồi Sethe, nắm lấy tóc Thương và chớp mắt lia lịa, kéo cô ra. Sau đó chị tin rằng chính vì hơi thở của cô gái rất giống mùi sữa tươi, nên chị cau mày và nghiêm khắc nói với cô: “Con lớn quá rồi, không nên như thế.”

Chị nhìn Denver, và thấy nỗi hoảng hốt sắp biến thành điều gì hơn nữa, chị nhanh nhẹn

đứng dậy, phá vỡ cảnh ba người của họ.

"Đứng lên nào! Đứng lên!" Sethe vẫy tay gọi hai cô đứng dậy. Họ rời Chỗ Quang cũng như lúc đến: Sethe dẫn đầu, hai cô ở xa phía sau. Tất cả vẫn im lặng như trước, nhưng với một điểm khác biệt. Sethe cảm thấy bận tâm, không phải vì nụ hôn, nhưng vì, ngay trước lúc ấy, trong lúc chị sung sướng để cho Thương xoa tan đi cơn đau, những ngón tay chị đang yêu thích và những ngón tay đã xoa dịu chị trước khi chúng bóp cổ chị nhắc cho chị nhớ đến một điều bây giờ chị đã quên. Nhưng có một điều chắc chắn, Baby Suggs không bóp cổ chị như chị đã nghĩ lúc đầu. Denver nói đúng, và lúc chị bước đi trong ánh sáng chập chờn rọi qua tàng cây, tỉnh táo hơn – xa khỏi phép màu của Chỗ Quang – Sethe nhớ lại cảm nhận về những ngón tay chị biết rõ hơn những ngón tay của chính mình. Chúng đã tắm rửa chị từng phần, quấn bụng cho chị, chải tóc chị, thoa dầu vào núm vú của chị, may áo cho chị, rửa chân chị, thoa mỡ trên lưng chị và sẽ bỏ dở gần như bất cứ chuyện gì để xoa nắn gáy cho chị khi, nhất là trong những ngày đầu tiên, tinh thần chị xuống thấp vì sức nặng của những điều chị nhớ lại và những điều chị không còn nhớ: thầy giáo viết bằng mực chị làm trong lúc mấy đứa cháu trai hắn vần vò người chị, khuôn mặt của người đàn bà đội chiếc nón nỉ khi bà đứng dậy để vươn vai trên đồng. Nếu chị nằm giữa những bàn tay của thiên hạ, chị sẽ nhận ra bàn tay của Baby Suggs cũng như chị đã biết hai bàn tay tốt lành của cô gái da trắng đang đi tìm vải nhung. Nhưng mười tám năm rồi chị đã sống trong một căn nhà đầy những cảm nhận từ thế giới bên kia. Và hai ngón tay cái ấn vào cổ chị cũng giống như thế. Có lẽ hồn ma đã đến đấy. Sau khi Paul D đánh nó ra khỏi I24, có thể nó đã tụ lại ở Chỗ Quang. Cũng hợp lý, chị nghĩ.

Lý do chị mang Denver và Thương đi cùng không còn làm chị khó hiểu – lúc ấy dường như nó là một sự thôi thúc, cùng với một ước muốn mơ hồ được bảo vệ. Và hai cô gái đã cứu chị, Thương bối rối đến nỗi cô xử sự như một đứa bé hai tuổi.

Như mùi cháy thoang thoảng sẽ biến đi khi lửa bị dập tắt hay cửa sổ mở ra đón gió, nỗi nghi ngờ rằng cảm nhận về cô gái của chị giống y như cảm nhận về hồn ma đứa bé dần tan đi. Dù sao đấy cũng chỉ là một khuấy động rất nhỏ – không đủ sức để làm xao nhãng đi tham vọng đang dâng lên trong người chị: chị muốn có Paul D. Dù anh đã kể và biết bất cứ điều gì, chị vẫn muốn có anh trong cuộc đời mình. Hơn cả để tưởng niệm Halle, đây là điều chị đến Chỗ Quang để biết, và bây giờ chị đã biết ra. Lòng tin và ký ức, phải, như chị đã tin vào chúng, khi anh ôm choàng chị trong tay trước bếp lò. Sức nặng và góc cạnh của anh; râu tóc chân thực của anh; tấm lưng khòm, hai bàn tay hiểu biết. Đôi mắt chờ đợi và quyền năng lạ thường trong con người anh. Tâm trí của anh hiểu biết tâm trí của chị. Câu chuyện của chị, chị chịu đựng nổi vì đấy cũng là câu chuyện của anh – để kể lại, để gạn lọc và kể lại một lần nữa. Những điều họ không biết về nhau – những điều cả hai không diễn tả được bằng lời – ôi, dần dà họ sẽ diễn tả được: bọn chúng đã dẫn anh đi liếm sắt ở đâu, cái chết hoàn hảo của cô bé hình-như-đã-biết-bò?.

Chị muốn trở về – thật nhanh. Giao việc cho hai cô gái rỗi rãi này để đầu óc của hai cô khỏi lang thang. Vội vã băng qua hành lang xanh, bây giờ lạnh hơn vì mặt trời đã xuống, chị chợt nghĩ hai cô giống nhau như hai chị em. Sự vâng lời và đáng tin tuyệt đối của chúng

lộ ra rõ rệt đến kinh ngạc. Sethe hiểu Denver. Sự cô độc đã biến nó thành kín đáo – tự chủ. Nhiều năm ma ám đã làm nó chậm chạp trong những khía cạnh bất ngờ và làm nó bén nhạy trong những khía cạnh bất ngờ. Kết quả là một đứa con gái nhút nhát nhưng cứng đầu mà Sethe sẵn sàng chết để bảo vệ. Cô kia, Thương, chị biết ít hơn, đúng ra là không biết gì hết – ngoại trừ chuyện cô sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho Sethe, và rằng Denver và cô thích bầu bạn với nhau. Bây giờ chị nghĩ chị đã biết tại sao. Chúng biểu lộ hay giữ lại cảm xúc của mình một cách hòa hợp. Cảm xúc mà người này cho đi, người kia thích nhận. Chúng nán lại trong đám cây mọc vòng quanh Chỗ Quang, rồi chạy vội đến với những tiếng thét và những nụ hôn khi Sethe bị nghẹt thở – dù sao đi nữa, đấy là cách chị tự giải thích cho mình vì chị không nhận thấy có sự tranh đua giữa hai đứa cũng như sự kìm chế từ một đứa nào. Chị đang nghĩ đến bữa tối chị muốn nấu cho Paul D – một món khó nấu, món chị sẽ làm thật đúng điệu – để bắt đầu cuộc sống mới hơn, bền vững hơn với một người đàn ông dịu dàng. Những củ khoai tây bé xíu sém cạnh, rắc nhiều tiêu; đậu giòn nấu với da lợn; bí vàng trộn dấm và đường. Có thể hạt ngô chiên bơ và hành xanh. Thậm chí bánh mì.

Đầu óc chị, đã lục lạo trong bếp trước khi chị vào đến nơi, ngập đầy những món chị nấu, đến nỗi thoạt tiên chị không nhìn thấy một cái chậu tắm bằng gỗ dưới gầm cầu thang trắng và Paul D ngồi ở trong ấy. Chị mỉm cười với anh và anh mỉm cười lại.

“Mùa hè chắc hẳn đã qua rồi,” chị nói.

“Em vào đây đi.”

“Không được. Hai con nhỏ ở ngay sau lưng em.”

“Anh không nghe thấy ai hết.”

“Em phải nấu ăn, Paul D.”

“Anh cũng vậy.” Anh đứng dậy và giữ chị lại trong khi anh ôm chị trong tay. Áo chị thấm đẫm nước từ người anh. Cằm anh gần tai chị. Cằm chị chạm vào vai anh.

“Em sẽ nấu món gì?”

“Em nghĩ là món đậu giòn.”

“Ồ, phải đó.”

“Em chiên một ít ngô nhé?”

“Ờ.”

Không còn nghi ngờ gì nữa, chị có thể làm được. Y như ngày chị đến I24 – chị chắc chắn có đủ sữa cho tất cả.

Thương bước qua cửa chính và đáng lẽ họ phải nghe thấy tiếng chân cô, nhưng họ không nghe thấy.

Thở và thầm thì, thở và thầm thì. Thương nghe thấy tiếng họ ngay khi cánh cửa đóng sập lại sau lưng cô. Cô giật mình vì tiếng cửa đóng và quay đầu về phía tiếng thì thầm sau cầu thang trắng. Cô bước đến một bước và cảm thấy muốn khóc. Cô đã đến rất gần, rồi gần hơn. Như thế dễ chịu hơn nỗi giận dữ vẫn chiếm lấy cô khi Sethe làm hay nghĩ một điều gì không liên quan đến cô. Cô có thể chịu được những giờ – chín hay mười giờ mỗi ngày trừ một ngày nghỉ – khi Sethe vắng nhà. Chịu được những đêm khi chị ở gần nhưng cô không thấy được chị, khi chị nằm cạnh hắn sau những bức tường và cánh cửa. Nhưng bây giờ, ngay cả thời gian trong ngày mà Thương mong đợi và tự bắt mình phải tạm bằng lòng với nó cũng bị giảm thiểu, bị chia sẻ vì Sethe sẵn lòng quan tâm đến những thứ khác. Phần nhiều là hắn. Hắn, người đã nói với chị điều gì ấy khiến chị chạy vào rừng và nói chuyện một mình trên một tảng đá. Hắn, người đã giấu chị sau những cánh cửa ban đêm. Và hắn, người bây giờ ôm lấy chị thì thầm phía sau cầu thang sau khi Thương đã cứu lấy cái cổ của chị và bây giờ sẵn sàng đặt bàn tay mình vào tay chị.

Thương quay người bỏ đi. Denver chưa về, hay nó đang đợi đâu đó bên ngoài. Thương đi tìm Denver, dừng lại để nhìn một con chim hồng y chuyền từ cành lớn sang cành nhỏ. Cô lần theo điểm đỏ như máu di chuyển giữa những chiếc lá cho đến khi cô mất dấu nó, nhưng cô tiếp tục bước, giật lùi, vẫn còn thèm khát thêm một cái nhìn nữa.

Cuối cùng cô quay người và chạy qua khu rừng đến dòng suối. Đứng gần bờ nước cô ngắm bóng mình phản chiếu dưới nước. Khi khuôn mặt của Denver đến kề bên khuôn mặt cô, họ nhìn nhau chăm chăm trong làn nước.

“Chị đã làm điều đó, em nhìn thấy chị,” Denver nói.

“Cái gì?”

“Em thấy mặt chị. Chị làm mẹ nghẹt thở.”

“Chị không làm thế.”

“Chị nói với em chị thương mẹ.”

“Chị chữa lành cho bà, phải không hả? Không phải chị đã chữa lành cổ của bà sao?”

“Là sau đó. Sau khi chị đã bóp cổ mẹ.”

“Chị hôn vào cổ bà. Chị không có bóp cổ bà. Vòng sắt bóp cổ bà.”

“Em nhìn thấy chị.” Denver chụp lấy cánh tay Thương.

“Coi chừng đấy,” Thương nói và, giật tay ra, hết sức chạy vượt lên dọc theo dòng suối reo ở phía bên kia khu rừng.

Còn lại một mình, Denver tự hỏi phải chăng nó đã lầm. Nó và Thương đang đứng thì thầm trong lùm cây, trong khi Sethe ngồi trên tảng đá. Denver biết Baby Suggs thường

thuyết giảng ở Chỗ Quang, nhưng khi ấy nó còn bé tí. Nó không nhớ Chỗ Quang như thế nào, vì nó chưa bao giờ đến đấy. I24 và cánh đồng đằng sau căn nhà là tất cả thế giới nó biết hoặc muốn biết.

Hồi xưa, đã có lúc nó biết nhiều hơn thế và muốn biết nhiều hơn thế. Đã bước trên con đường mòn dẫn đến một căn nhà khác. Đã đứng ngoài cửa sổ lắng nghe. Nó làm như thế một mình bốn lần – lén rời I24 buổi chiều khi mẹ và bà nó không để ý, ngay trước bữa ăn tối, sau khi làm việc nhà; khoảng giờ trống trước khi những việc buổi tối bắt đầu. Denver đã đi tìm căn nhà mà những đứa trẻ khác ghé đến còn nó thì không. Khi nó tìm ra căn nhà, nó quá nhút nhát không dám đến cửa trước cho nên nó nhìn qua cửa sổ. Lady Jones ngồi trong một cái ghế có lưng dựa thẳng, nhiều trẻ con ngồi xếp bằng trên sàn nhà trước mặt bà. Lady Jones cầm một cuốn sách. Bọn trẻ con cầm bảng đen. Lady Jones nói nhỏ quá Denver không nghe rõ. Bọn trẻ lặp lại theo bà. Denver đến nhìn bốn lần. Lần thứ năm Lady Jones bắt gặp nó và nói, "Vào cửa chính đi, Denver. Đây không phải là một màn trình diễn phụ."

Vì thế gần một năm ròng nó được bầu bạn với trẻ con cùng lứa và học đánh vần và đếm với chúng. Lúc ấy nó bảy tuổi, và đối với nó khoảng thời gian hai giờ đồng hồ buổi chiều là vật quý giá. Nhất là vì nó đã tự làm chuyện ấy một mình, hài lòng và ngạc nhiên khi mẹ cùng hai anh nó hài lòng và ngạc nhiên. Với giá năm xu một tháng, Lady đã làm điều dân da trắng cho là không cần thiết nếu không nói là bất hợp pháp: để những trẻ con da đen có thì giờ và thích học ngồi chật phòng khách của bà. Đồng năm xu, cột trong khăn tay, buộc vào thắt lưng của Denver để nó mang đến cho Lady Jones, khiến nó vui thích. Cố gắng cầm mẩu phấn cho thành thạo và tránh làm cho nó rít lên; chữ w lớn, chữ i nhỏ, vẻ đẹp của những mẫu tự trong tên của nó, những câu buồn não nuột trong cuốn Kinh Thánh Lady Jones dùng làm sách dạy. Denver tập mỗi sáng; nổi bật mỗi chiều. Nó vui sướng đến nỗi thậm chí nó không để ý rằng bạn cùng lớp của nó tránh né nó – rằng chúng kiếm cớ và thay đổi nhịp bước để tránh đi chung với nó. Nelson Lord – thằng bé cũng thông minh như nó – là người đã chấm dứt mọi chuyện, người đã hỏi nó câu hỏi về mẹ nó, câu hỏi khiến phấn, chữ i nhỏ và tất cả mọi thứ khác trong những buổi chiều ấy mãi mãi xa ngoài tầm tay. Đáng lẽ Denver phải cười khi thằng Nelson nói điều ấy, hay xô thằng bé ngã xuống, nhưng khuôn mặt nó hay giọng nói của nó không có sự ác độc nào. Chỉ có sự tò mò. Nhưng khi thằng Nelson hỏi, điều vẫn nằm yên trong lòng Denver trỗi dậy.

Nó không hề quay trở lại. Khi nó không đi đã hai ngày liền, Sethe hỏi nó tại sao. Denver không trả lời. Nó sợ quá không dám hỏi hai anh hay ai khác câu hỏi của Nelson Lord vì những cảm giác kỳ lạ và ghê sợ về mẹ đang tụ lại quanh điều đã bật dậy trong lòng nó. Sau này, sau khi Baby Suggs mất, nó không thắc mắc tại sao Howard và Buglar bỏ trốn. Nó không đồng ý với Sethe rằng hai anh nó bỏ đi vì hồn ma. Nếu Sethe đúng, tại sao lâu như thế chúng mới bỏ đi? Chúng đã sống với hồn ma cũng lâu như nó đã sống với hồn ma. Nhưng nếu Nelson Lord nói đúng – thì không lạ gì tại sao chúng sưng sỉa, thích xa nhà càng lâu càng tốt.

Trong lúc ấy, những giấc mơ ghê gớm và không chịu nổi về Sethe được giải tỏa khi

Denver bắt đầu chú tâm vào hồn ma của đứa bé. Trước khi Nelson Lord hỏi, nó hầu như không chú ý đến những trò quấy phá của hồn ma. Sự kiên nhẫn của mẹ và bà nội trong lúc hồn ma hiện diện khiến nó hững hờ với hồn ma. Rồi hồn ma bắt đầu làm nó khó chịu, làm nó thấy mệt vì những trò tai quái. Lúc ấy nó đang đi theo mấy đứa trẻ tới ngôi trường tại gia của Lady Jones. Bây giờ đối với nó hồn ma là tất cả những giận dữ, yêu thương và sợ hãi mà nó không giải đáp được. Thậm chí lúc nó thu hết can đảm để hỏi câu hỏi của Nelson Lord, nó không thể nghe thấy câu trả lời của Sethe, hay những lời của Baby Suggs, hay bất cứ điều gì sau đó. Trong hai năm, nó bước đi trong sự im lặng đông đặc không thể xuyên thấu, nhưng sự im lặng ấy đã cho đôi mắt của nó một khả năng chính nó cũng thấy khó mà tin được. Chẳng hạn như nhìn thấy hai lỗ mũi đen của một con chim sẻ đậu trên cành cao hơn nó hai mươi thước. Trong hai năm nó không nghe thấy bất cứ điều gì, và rồi nó nghe tiếng ầm ầm ở gần bên đang bò lên thang gác. Baby Suggs nghĩ đấy là con Here Boy đang chạy vào những chỗ nó chưa hề vào. Sethe nghĩ đấy là quả bóng cao su Ấn Độ mà hai thằng bé chơi đang nẩy xuống thang.

“Con chó mắc dịch đó mất trí rồi hả?” Baby Suggs hét lên.

“Nó ở ngoài hàng hiên,” Sethe nói. “Mẹ nhìn đi.”

“Vậy thì, mẹ nghe thấy cái gì đó?”

Sethe đập mạnh cánh cửa bếp lò. “Buglar! Buglar! Mẹ đã bảo tụi con không được chơi bóng trong nhà.” Chị nhìn lên những bậc thang trắng và thấy Denver trên đầu cầu thang.

“Chị đang cố leo lên gác.”

“Cái gì?” Sethe vo tròn miếng vải chị dùng để mở cửa bếp lò trong tay.

“Đứa bé,” Denver nói. “Mẹ không nghe chị bò sao?”

Khó quyết định được chuyện nào đáng được để tâm đến trước: rằng Denver đã nghe thấy được hay cô bé hình-như-đã-biết-bò? vẫn còn cố gắng bò và đang cố gắng nhiều hơn.

Thính giác của Denver, bị tắt đi vì câu trả lời nó không đủ sức nghe, bật lên lại với âm thanh của cô chị đã chết đang cố gắng leo lên thang lầu, báo hiệu rằng số phận của những người sống trong I24 lại chuyển hướng một lần nữa. Từ đấy trở đi, hồn ma đầy hằn học. Thay vì những tiếng thở dài và những rủi ro là sự lăng mạ cố ý và rõ rệt. Buglar và Howard trở thành quạu cọ với những người phụ nữ trong nhà, và ngoài những lúc làm những việc lặt vặt trong thị trấn như lấy nước hay cho ngựa ăn, chúng mang vẻ mặt sưng sỉa và trách móc. Cho đến khi sự hằn học rõ ràng đến nỗi nó đuổi cả hai đứa bỏ đi. Baby Suggs mệt mỏi, nằm xuống giường và ở đấy cho đến khi trái tim bao la của bà bỏ cuộc. Bà hầu như không nói gì, chỉ thỉnh thoảng đòi màu sắc – cho đến buổi chiều cuối cùng của đời bà khi bà ra khỏi giường, chậm chạp cà nhắc đến cửa phòng khách và tuyên bố với Sethe và Denver bài học bà đã học được sau sáu mươi năm nô lệ và mười năm tự do: rằng trên thế gian không có xui xẻo nào ngoại trừ dân da trắng. “Họ không biết khi nào nên ngừng,” bà nói, và trở lại

giường, kéo tấm chăn ghép lên và để mặc họ nghiền ngẫm mãi ý nghĩ đó.

Không lâu sau đó Sethe và Denver tìm cách gọi và nói lý lẽ với hồn ma đứa bé, nhưng không thành công. Phải là một người đàn ông, như Paul D, mới hét đuổi được nó đi, đánh đuổi nó đi và chiếm chỗ của nó cho riêng mình. Hội chợ hay không hội chợ, Denver vẫn thích đứa bé độc địa hơn Paul D. Những ngày đầu tiên sau khi Paul D dọn vào nhà, Denver nấn ná càng lâu càng tốt trong cái tủ màu lục ngọc của nó, cô đơn như một ngọn núi và to lớn cũng gần như thế, nghĩ rằng ngoại trừ nó ra ai cũng có một người nào đấy của mình; nghĩ rằng ngay cả một hồn ma để làm bạn nó cũng không có. Vì thế khi nó thấy chiếc áo đen và đôi giày không buộc dây bên dưới, nó run lên với những cảm tạ thầm kín. Thương có quyền năng gì, và cô dùng quyền năng ấy ra sao, cô vẫn là *của nó*. Denver hoảng hốt vì nó nghĩ rằng Thương đã toan tính hại Sethe, nhưng cảm thấy bất lực không ngăn cản Thương được, vì nó rất cần được yêu thương một người khác. Cảnh tượng nó nhìn thấy ở Chỗ Quang khiến nó xấu hổ, vì nó sẽ không ngần ngại khi phải chọn lựa giữa Sethe và Thương.

Bước đến dòng suối, quá căn nhà cây xanh của mình, nó cho phép mình tự hỏi rằng nếu Thương thật sự quyết định bóp cổ mẹ nó thì sao. Nó có để cho chuyện ấy xảy ra hay không? Tội giết người, Nelson Lord đã nói. “Không phải mẹ mày bị nhốt vì tội giết người sao? Không phải mày đã ở chung với bà ấy lúc bà ấy ở tù sao?”

Câu hỏi thứ nhì là câu khiến nó không thể hỏi Sethe câu thứ nhất. Điều trỗi dậy trong lòng nó, điều ấy đã từng cuộn mình trong một chỗ y như thế: bóng tối, một tảng đá, và vài thứ gì nữa có thể tự chuyển động. Nó thà bị điếc chứ không muốn nghe câu trả lời, và như những đóa mười giờ nho nhỏ mở tìm ánh nắng, rồi khép kín lại khi nắng tàn, Denver theo dõi đứa bé và không màng đến mọi thứ khác. Cho đến khi Paul D đến. Nhưng những tổn hại anh gây ra đã được giải tỏa với sự hồi sinh nhiệm màu của Thương.

Ngay phía trước, bên bờ nước, Denver có thể thấy bóng dáng cô, chân trần đứng trong dòng nước, đang nhấc chiếc váy đen của cô lên quá bắp chân, cái đầu xinh đẹp cúi xuống chăm chú và say mê.

Mắt chơm chớp những giọt lệ đang trào ra, Denver đến gần cô – háo hức tìm một lời, một dấu hiệu tha thứ.

Denver cởi giày và bước vào dòng nước với cô. Phải mất một lúc nó mới thôi nhìn đầu Thương để xem cô đang nhìn cái gì.

Một con rùa đang từ từ bò dọc theo bờ nước, quay mình và leo lên chỗ đất khô. Không xa đằng sau là một con rùa khác, theo cùng một hướng. Bốn cái đĩa ở dưới một cái tô bất động lơ lửng phía trên. Trong đám cỏ đằng sau con rùa cái, con rùa kia đi nhanh lên, đi nhanh lên để leo lên mình nó. Sức mạnh vững chãi của con đực – đang đặt chân xuống đất gần bên vai con cái. Hai cần cổ ôm lấy nhau – cổ của con cái vươn lên về phía cổ của con đực đang cúi xuống, những cái đập nhè nhẹ của hai cái đầu chạm vào nhau. Không có gì là cao quá đối với cần cổ khao khát của con cái, vươn lên như một ngón tay đến cổ của con

đực, đánh liều mọi thứ thò ra bên ngoài cái tô chỉ để chạm vào mặt của con đực. Vẻ nghiêm trang của hai tấm khiên đang va vào nhau của chúng, đối nghịch và giễu cợt hai cái đầu đang lênh đênh chạm vào nhau.

Thương buông những nếp váy của cô xuống. Chiếc váy tỏa ra xung quanh cô. Gấu váy thẫm màu lại trong làn nước.

10

Ra ngoài tầm mắt của con Mister, xa khỏi đứa sếp sòng của bọn gà trống đang mỉm cười, vinh danh Chúa, Paul D bắt đầu run. Không phải ngay lập tức và không để cho ai biết. Khi anh quay đầu, định nhìn cây Anh Em lần cuối, quay đầu cho đến khi sợi thừng đang buộc cổ anh vào trục bánh của một chiếc xe kéo bị căng hết mức, và sau đó, khi họ siết lại vòng sắt quanh cổ chân anh và khóa luôn cổ tay, không có dấu hiệu gì là anh đang run. Cũng không có dấu hiệu anh đang run khi anh nhìn thấy những đường hào đất mười tám ngày sau đó: ba trăm mét đất – sâu một mét bảy, rộng một mét bảy, bên trong lắp những cái cũi gỗ. Một cánh cửa chấn song có thể mở ra bằng những bản lề như một cái cửa chuồng mở vào ba bức tường và nóc bằng gỗ xẻ trát đất đỏ. Nóc cũi cách đầu anh sáu mươi phân; trước mặt anh là một mét dài đường rãnh cạn với bất cứ thứ gì bò hoặc chạy được tha hồ chia sẻ một ngôi huyệt mộ tự nhận mình là khu nhà ở. Ngoài anh còn bốn mươi lăm người nữa. Anh bị đưa đến đấy sau khi mưu sát Brandywine, ông chủ mới thay thầy giáo đã bán anh. Brandywine đang dẫn anh đi trong một đoàn xích chuỗi với mười người khác qua Kentucky vào Virginia. Anh không biết chính xác tại sao anh muốn giết hắn – nếu không phải là vì Halle, Sixo, Paul A, Paul F và con Mister. Nhưng khi anh biết mình run, cái run đã thành cố định.

Vẫn không có ai biết anh run, vì cái run bắt đầu từ bên trong. Một thứ xao xuyến trong lồng ngực, rồi hai xương bả vai. Nó như một gợn sóng dần lan – đầu tiên nhè nhẹ rồi cuồng loạn. Như thể họ càng dẫn anh về phía nam, máu anh, đã đông lại như mặt hồ đóng băng hai mươi năm rồi, càng tan chảy, vỡ ra từng mảnh, những mảnh băng chỉ có thể tan thành những xoáy nước cuốn. Đôi khi cái run ở trong cẳng chân anh. Rồi nó lại chuyển đến cuối cột xương sống. Đến lúc bọn chúng tháo anh ra khỏi chiếc xe ngựa và anh không còn nhìn thấy gì khác ngoài những con chó và hai cái lán giữa lớp cỏ mênh mông xào xạc, dòng máu hỗn loạn đang khiến anh lắc lư. Nhưng không ai biết được. Tối hôm đó hai cổ tay anh giơ ra để đeo xiềng cũng vững vàng như hai chân khi anh đứng để họ gắn xích vào xiềng chân. Nhưng khi họ xô anh vào cái cũi và để cửa cũi rơi xuống, hai bàn tay anh không chịu nghe lời nữa. Chúng tự chuyển động. Không một điều gì có thể làm chúng dừng lại hay để ý. Chúng không chịu giữ dương vật của anh trong lúc anh tiểu tiện hay giữ một cái thìa để múc những mảng đậu đóng cục cho vào miệng. Sự vâng lời thần diệu của chúng đến cùng với cây búa vào lúc bình minh.

Tất cả bốn mươi sáu người đàn ông thức dậy theo tiếng súng trường. Tất cả bốn mươi sáu người. Ba tên da trắng đi dọc theo đường hào mở khóa từng cánh cửa một. Không ai bước qua cửa. Khi cái khóa cuối cùng đã mở, ba tên da trắng trở lại và nhấc từng cái cửa song lên. Và những người đàn ông da đen từng người một hiện ra – nhanh chóng và không cần cú thúc của một cây súng trường nếu họ đã ở đấy hơn một ngày; nhanh chóng và kèm theo một cú thúc nếu, như Paul D, họ mới đến. Khi tất cả bốn mươi sáu người đã đứng thành hàng ở trong hào, một phát súng khác ra hiệu cho họ leo lên mặt đất bên trên, nơi trải dài ba trăm mét dây xích rèn tốt nhất ở Georgia. Mỗi người cúi xuống và đợi. Người đầu

tiên nhặt đầu dây xích và luồn nó qua vòng xiềng sắt ở chân anh ta. Rồi anh đứng dậy, và bước hơi lê chân, mang đầu xích đến cho người tù kế tiếp, và người này cũng làm y như thế. Trong lúc sợi xích được chuyền đi và mỗi người đứng thế vào chỗ của người kia, hàng người xoay lại, đối diện những cái cũi họ vừa rời khỏi. Không ai nói gì với ai. Ít nhất là không nói bằng lời. Đôi mắt phải nói thay lời điều muốn nói: "Giúp tôi sáng hôm nay; mệt lắm," "Tôi sẽ vượt qua," "Người mới," "Bình tĩnh, bình tĩnh lại."

Khi họ đã xích vào thành một hàng, họ quỳ xuống. Lúc ấy thường sương sớm đã biến thành sương mù. Đôi khi sương mờ mịt và nếu lũ chó im lặng và chỉ thở thôi người ta có thể nghe thấy tiếng chim bồ câu. Quỳ trong sương mù họ đợi một, hoặc hai, hoặc ba tên gác nổi hứng bất chợt. Hoặc tất cả bọn chúng cùng muốn. Muốn một tên tù nào đó hoặc không muốn tên nào hết – hay là tất cả bọn họ.

"Bữa điểm tâm? Muốn ăn điểm tâm không, đồ đen?"

"Dạ muốn."

"Đói hả, đồ mọi đen?"

"Vâng."

"Đây."

Thỉnh thoảng thằng đàn ông đang quỳ có thể chọn cái giá phải trả là một phát súng vào đầu để mang một chút da quy đầu cùng hắn về với Chúa. Lúc ấy Paul D không biết thế. Anh đang nhìn hai bàn tay tê liệt của mình, ngửi thấy mùi tên lính gác, lắng nghe những tiếng gừ gừ nho nhỏ của hắn rất giống tiếng chim bồ câu, trong lúc hắn đứng trước mặt người đàn ông đang quỳ trong sương mù bên tay phải của anh. Tin chắc rằng anh sẽ là người kế đến, Paul D đã nôn mửa – nhưng không nôn ra được gì. Một tên lính gác đang đứng nhìn đập mạnh khẩu súng trường vào vai anh và tên đang bận rộn quyết định bỏ qua thằng mới đến vì sợ quần và giày của hắn sẽ bị vấy dơ đồ mửa của bọn da đen.

"Chàooo!"

Ngoài tiếng "dạ, thưa ngài," đấy là âm thanh đầu tiên một người đàn ông da đen được phép nói mỗi sáng, và người dẫn đầu sợi xích kêu to hết sức mình. "Chàooo!" Paul D chưa bao giờ biết rõ làm sao anh ta biết khi nào thì nên hét lời ân sủng ấy. Họ gọi anh ta là ông Chào và lúc đầu Paul D nghĩ bọn lính gác đã bảo anh ta khi nào ra hiệu cho bọn tù đứng dậy và nhảy điệu hai bước trong tiếng nhạc của chuỗi dây xích rèn. Sau đó anh ngờ rằng không phải như thế. Cho đến ngày hôm nay, anh vẫn tin rằng "Chàoo!" lúc rạng đông và "Hooo!" khi chiều tối đến là trách nhiệm ông Chào đã tự nhận lấy vì chỉ có mình anh ta biết thế nào là đủ, thế nào là quá đáng, khi việc đã xong, khi giờ đã điểm.

Họ nhảy điệu dây xích qua những cánh đồng, qua những khu rừng, đến một con đường mòn dẫn đến mỏ đá khoáng feldspar đẹp đến kinh ngạc, và ở đấy hai bàn tay của Paul D không tuân theo những gợn sóng cuồng dại trong máu anh, và để ý đến anh. Với búa tạ

trong tay anh và ông Chào dẫn đầu, bọn đàn ông vượt qua. Họ hát ca về công việc và dời đổi điệu nhạc; cắt lời để chúng thành khó hiểu, uốn lưỡi để âm tiết của từ tạo thành những nghĩa khác. Họ hát về những người đàn bà họ biết, những đứa trẻ ngày xưa là họ, những con thú chính họ thuần hóa hoặc thấy người khác thuần hóa. Họ hát về những gã cai và ông chủ và bà chủ, về những con la và chó và sự trơ trẽn của cuộc sống. Họ âu yếm hát về những nghĩa trang và chị em đã mất. Về thịt lợn ở trong rừng, bột trong chảo, cá trên dây câu, mía, mưa và ghế đu.

Và họ đập. Những người đàn bà đã biết họ rồi quên, quên đi, trẻ con đã từng là họ và sẽ không bao giờ là họ lần nữa. Họ giết một tên cai thường xuyên và hoàn chỉnh đến nỗi họ phải làm cho hắn sống lại để đập nát hắn thêm một lần nữa. Nếm bánh nóng giữa rừng thông, họ đập. Hát tình ca cho Tử Thần, họ đập vỡ đầu hắn. Hơn tất cả, họ giết con mụ lẳng lơ người ta gọi là Cuộc Đời vì đã dẫn dụ họ. Làm họ tưởng bình minh kế tiếp sẽ đáng để cố gắng, rằng một tiếng điểm giờ nữa rốt cuộc sẽ là đủ. Chỉ khi nào mụ chết đi họ mới được yên ổn. Những người thành công – những người đã ở đấy đủ lâu để đánh què, cắt xẻo, thậm chí có thể chôn vùi mụ – canh chừng những kẻ khác vẫn còn trong vòng ôm gợi hứng của mụ, ân cần và mong ngóng, nhớ lại và nhìn lại. Những kẻ khác ấy là những kẻ có đôi mắt nói, "Giúp tôi đi, mệt lắm," hoặc "Coi chừng," có nghĩa là *hôm nay có thể là ngày tôi hí lên như ngựa hay ăn cứt của mình hay chạy trốn,* và điều cuối cùng này phải được canh chừng, vì nếu một người lao mình chạy – tất cả bốn mươi sáu người xích vào nhau sẽ cùng bị kéo giật và không thể nói trước được người nào hay bao nhiêu người sẽ bị giết. Một người đàn ông có thể liều mạng của chính mình, nhưng không thể liều mạng anh em của hắn. Vì thế, đôi mắt nói, "Bình tĩnh nào," và "Ở cạnh tôi."

Tám mươi sáu ngày và thế là xong. Cuộc Đời đã chết. Paul D đánh đít mụ suốt ngày mỗi ngày, cho đến khi mụ không còn rên được tiếng nào. Tám mươi sáu ngày và hai bàn tay anh yên lại, bình thản đợi mỗi đêm sột soạt tiếng chuột cho đến tiếng "Chàooo!" lúc bình minh và cái siết tay náo nức quanh cán búa tạ. Cuộc đời đã lăn ra chết. Hay anh đã nghĩ thế.

Trời mưa.

Rắn bò xuống từ những cây thông lá ngắn và cây độc cần.

Trời mưa.

Cây bách, cây dương vàng, cây tần bì và cây cọ lùn rũ xuống sau năm ngày mưa đổ nhưng gió lặng. Đến ngày thứ tám không còn thấy những con bồ câu nữa, ngày thứ chín ngay cả bọn tắc kè cũng biến mất. Lũ chó cụp tai và nhìn đăm đăm xuống chân mình. Bọn đàn ông không làm việc được. Xích thành hàng diễn ra chậm chạp, điểm tâm bị bỏ qua, điệu nhảy hai bước biến thành những bước lê chậm chạp qua lớp cỏ ngập nước và mặt đất không còn vững chắc.

Lũ lính gác quyết định khóa mọi người ở trong cũi cho đến khi mưa tạnh hay ngớt xuống, để người da trắng có thể bước đi mà không bị nước vào súng và lũ chó thôi run rẩy.

Sợi xích luồn qua bốn mươi sáu vòng xiềng rèn tốt nhất Georgia.

Trời mưa.

Trong cũi những người tù nghe tiếng nước dâng lên trong đường hào và phòng hờ lũ rắn nước. Họ ngồi chồm hỗm trong nước bùn, ngủ bên trên nó, tiểu vào nó. Paul D nghĩ rằng anh đang gào thét; miệng anh há ra và có một tiếng hét toác họng – nhưng có thể đấy là ai khác. Rồi anh nghĩ anh đang khóc. Một cái gì đấy đang chảy xuống má anh. Anh giơ tay chùi những giọt lệ và nhìn thấy một chất nhờn màu nâu đen. Trên đầu anh những giọt bùn đang len qua những tấm ván trên nóc cũi. Khi bùn chảy xuống, anh nghĩ, nó sẽ đè bẹp mình như một con rệp. Chuyện xảy ra nhanh đến nỗi anh không có thì giờ suy nghĩ. Người nào đấy giật dây xích – một lần – đủ mạnh để khiến hai chân của anh chéo vào nhau và hất anh ngã xuống bùn. Anh chưa bao giờ hiểu được tại sao anh biết – làm sao bất kỳ ai cũng biết – nhưng anh biết – anh biết – và anh dùng hai tay giật mẩu xích về phía trái mình, để người kế tiếp cũng biết. Nước ngập lên quá cổ chân anh, chảy tràn trên tấm ván gỗ anh dùng để ngủ. Và rồi không còn là nước nữa. Đường hào đang sụp và bùn rỉ qua từ dưới những song sắt.

Họ đợi – mỗi một người trong bốn mươi sáu người. Không la hét, mặc dù vài người chắc phải cố gắng ghê gớm để không hét lên. Bùn ngập lên đùi anh và anh bám chặt vào những chấn song. Rồi một cái giật nữa đến – lần này từ bên trái và không mạnh bằng cái giật đầu tiên vì phải truyền qua lớp bùn.

Chuyện bắt đầu như xích thành hàng nhưng sự khác biệt là sức mạnh của dây xích. Từng người một, từ ông Chào dọc theo hàng, họ lao người xuống. Qua lớp bùn dưới những chấn song, không thấy gì, quờ quạng. Vài người đủ tỉnh táo để bọc đầu mình lại trong áo sơ mi, che mặt bằng giẻ, mang giày. Những người khác chỉ lao xuống, chỉ co người xuống và đẩy ra, vùng vẫy để ngoi lên, tìm không khí. Vài người lạc hướng và hai người bên cạnh, cảm thấy cái kéo không rõ hướng của dây xích, giật nó quay ngược lại. Nếu một người không qua được, tất cả không qua được. Dây xích buộc họ cùng với nhau có thể cứu tất cả hay không cứu ai cả, và ông Chào là Người Truyền Lệnh. Họ nói chuyện qua dây xích như Sam Morse[1] và, lạy Chúa cao cả, họ đều lên được. Như những kẻ chết chưa xưng tội, những xác chết sống lại đi vẩn vơ, họ cầm sợi xích trong tay, tin vào cơn mưa và bóng tối, đúng thế, nhưng phần lớn họ tin vào ông Chào và họ tin lẫn nhau.

Quá mấy cái chuồng nơi lũ chó nằm trong nỗi chán chường sâu đậm, quá hai lán lính gác, quá chuồng của mấy con ngựa đang ngủ, quá lũ gà mái đang vùi mỏ vào lông, họ lội bì bõm. Mặt trăng không giúp được gì vì nó không có ở đấy. Cánh đồng là một vùng đầm lầy, đường mòn là một máng ăn. Tất cả Georgia dường như đang trượt đi, tan ra. Rêu quét ngang mặt họ khi họ tìm cách qua những cành sồi chắn trên lối đi. Lúc ấy Georgia gồm cả Alabama và Mississippi, vì thế không có ranh giới tiểu bang để vượt qua và dù sao đi nữa chuyện ấy cũng không quan hệ gì. Nếu họ biết chuyện, không những họ sẽ tránh Alfred và mỏ đá khoáng feldspar xinh đẹp, mà sẽ tránh cả Savannah và hướng về Sea Islands[2] trên dòng sông Oconee chảy xuống từ rặng núi Blue Ridge. Nhưng họ đã không biết.

Rạng đông đến và họ co ro trong một bãi cây hoa mận. Đêm đến và họ vội vã leo lên chỗ đất cao, cầu cho mưa sẽ tiếp tục che giấu họ và giữ mọi người ở trong nhà. Họ mong tìm ra một cái lán, đơn độc, xa căn nhà chính, nơi một người nô lệ có thể đang bện thừng hay nướng khoai tây trên vỉ lò. Thay vì thế, họ tìm thấy một trại của người da đỏ Cherokee bị bệnh, tên trại được đặt cho một giống hoa hồng.

Dân số đã bị giảm sút nhưng vẫn bướng bỉnh, những người Cherokee ấy thuộc số những kẻ chọn một cuộc đời trốn chạy hơn là Oklahoma[3]. Cơn bệnh cuốn lấy họ bây giờ tựa tựa cơn bệnh đã giết đi nửa số dân của họ hai trăm năm trước. Trong thời gian từ tai họa ấy đến tai họa này, họ đã thăm viếng vua George Đệ Tam ở London, phát hành một tờ báo, đan giỏ, dẫn Oglethorpe[4] qua rừng, giúp Andrew Jackson[5] tranh chấp với dân Creek, nấu ngô, viết hiến pháp, thỉnh nguyện vua Tây Ban Nha, bị Dartmouth dùng để thí nghiệm, thành lập viện cứu tế, viết ngôn ngữ của mình, chống dân định cư, bắn gấu và dịch Kinh Thánh. Tất cả đều vô dụng. Bị ông tổng thống họ giúp trong cuộc chiến với dân Creek bắt dời đến sông Arkansas, dân số vốn ít ỏi của họ giảm thêm một phần tư nữa.

Thế là đủ rồi, họ nghĩ, và li khai ra khỏi nhóm người Cherokee đã ký hiệp ước, để rút vào rừng đợi ngày tận thế. Bệnh dịch họ mắc phải bây giờ chỉ là một điều bất tiện nho nhỏ so với sự tàn phá họ vẫn nhớ. Dù vậy, họ hết sức bảo vệ lẫn nhau. Kẻ khỏe mạnh được đưa đi xa vài dặm, người bị bệnh ở lại với người chết – cho đến khi được sống sót hoặc nhập bọn cùng người chết.

Những tù nhân từ Alfred, Georgia ngồi xuống thành nửa vòng tròn gần trại. Không ai đến nhưng họ vẫn ngồi. Nhiều giờ trôi qua và mưa tạnh bớt. Cuối cùng một người đàn bà ló đầu ra khỏi nhà. Đêm đến, vẫn không có gì xảy ra. Lúc rạng đông, hai người đàn ông đến gần những người tù, làn da đẹp của hai người phủ kín những vảy cứng[6]. Một lúc không ai nói gì, rồi ông Chào giơ tay lên. Hai người Cherokee nhìn thấy dây xích và bỏ đi. Khi họ trở lại mỗi người mang theo một nắm rìu nhỏ. Hai đứa trẻ theo sau với một nồi cháo đang nguội và loãng dần trong mưa.

Họ gọi những người tù là người Bò Tót, và nói chầm chậm với những người tù đang múc cháo và gõ đứt dây xích. Không ai trốn cái cũi ở Alfred, Georgia, màng đến chứng bệnh mà người Cherokee đã cảnh báo họ, vì thế họ ở lại, tất cả bốn mươi sáu người, nghỉ ngơi, tính toán bước đi kế tiếp của mình. Paul D không biết phải làm gì và dường như ít kiến thức hơn cả. Anh nghe những bạn tù nói về sông ngòi, tiểu bang, thị trấn và lãnh thổ với vẻ hiểu biết. Nghe người Cherokee diễn tả thế giới bắt đầu và tận diệt ra sao. Nghe chuyện về những người Bò Tót khác mà người Cherokee biết – ba người đàn ông trong trại của những người khỏe mạnh ở cách đấy vài dặm. Ông Chào muốn nhập bọn với ba người đó, những người khác muốn theo anh ta. Vài người muốn đi, vài người muốn ở. Nhiều tuần sau Paul D là người Bò Tót cuối cùng – không có kế hoạch gì. Anh chỉ có thể nghĩ đến bọn chó săn, mặc dù ông Chào nói rằng cơn mưa lúc họ ra đi đã khiến mấy con chó thành vô dụng. Một mình, là người cuối cùng có tóc Bò Tót giữa những người Cherokee bệnh hoạn, cuối cùng Paul D thức tỉnh và, thừa nhận sự ngu dốt của mình, anh hỏi đường đi về miền Bắc. Miền Bắc Tự Do. Miền Bắc Thần Kỳ. Miền Bắc rộng lượng và đón chào. Người Cherokee mỉm

cười và nhìn quanh. Mưa lũ từ tháng trước đã biến tất cả thành hơi nước và hoa nở.

“Hướng ấy,” hắn vừa chỉ tay vừa nói. “Đi theo hoa ở trên cây,” hắn nói. “Chỉ theo hoa ở trên cây. Khi nó rụng, anh đi. Anh sẽ đến nơi anh muốn khi nào hoa đã hết.”

Thế là anh chạy đua từ cây sơn thù du đến cây đào đang nở hoa. Khi hoa thưa dần anh hướng đến hoa anh đào, rồi cây mộc lan, cây dâu, cây hồ đào, cây sồi và cây xương rồng. Cuối cùng, anh đến một cánh đồng táo nơi những đóa hoa vừa trở thành quả trông như những nút thắt nho nhỏ. Mùa xuân nhẩn nha lên miền Bắc, nhưng anh phải chạy như điên để vẫn còn là bạn đồng hành của nó. Từ tháng Hai cho đến tháng Bảy anh đi tìm hoa. Khi anh mất dấu chúng, và thấy mình không có cánh hoa nào dẫn đường, anh dừng lại, leo lên một cái cây trên một ngọn đồi nhỏ và dõi mắt tìm ở chân trời một vệt màu hồng hay trắng trong những chiếc lá bao phủ xung quanh. Anh không sờ chúng hay ngừng lại để ngửi. Anh chỉ đi theo dấu chúng, một hình dáng rách rưới đen đúa được những cây mận trổ bông dẫn lối.

Cánh đồng táo hóa ra là ở Delaware nơi bà thợ dệt sống. Bà ta vồ lấy anh ngay sau khi anh ăn xong miếng dồi thịt bà cho anh ăn và anh bò vào giường của bà và khóc. Bà nhận anh là người cháu trai từ Syracuse đến chỉ bằng cách gọi anh bằng tên của người cháu trai ấy. Mười tám tháng trôi qua và anh lại đi tìm hoa một lần nữa, chỉ khác là lần này anh đi tìm trên một chiếc xe bò.

Phải mất một thời gian anh mới có thể đặt từng thứ một, Alfred, Georgia, Sixo, thầy giáo, Halle, các anh em của mình, Sethe, Mister, vị sắt, hình ảnh bơ, mùi gỗ mại châu, giấy cuốn sổ, vào lon thuốc lá nằm trong ngực anh. Khi anh đến I24, không còn thứ gì trên thế gian có thể nạy nó mở ra nữa.

11

Cô ta dời chỗ anh.

Không phải như cách anh đã đánh bạt hồn ma đứa bé – la hét ầm ầm và cửa sổ vỡ và những hũ mứt lăn thành đống. Nhưng cô ta vẫn dời chỗ anh, và Paul D không biết làm sao ngăn chặn chuyện ấy vì trông bề ngoài có vẻ như anh đang tự mình dời chỗ. Gần như không nhận ra, rất mực hợp lý, anh đang dọn ra khỏi I24.

Chuyện bắt đầu khá đơn giản. Một ngày, sau bữa ăn tối, anh ngồi trong ghế đu bên bếp lò, mệt mỏi đến tận xương tủy vì bị sông nước nhồi quật, và ngủ thiếp đi. Anh thức dậy vì tiếng chân Sethe xuống cầu thang trắng để nấu điểm tâm.

"Em tưởng anh đi đâu rồi," chị nói.

Paul D rên lên, ngạc nhiên thấy mình vẫn ở chỗ cũ.

"Đừng nói với anh là anh đã ngủ trên ghế suốt đêm."

Sethe cười. "Em hả? Em không nói lời nào đâu."

"Tại sao em không đánh thức anh dậy?"

"Em có gọi. Hai ba lần. Nửa đêm em chịu thua và rồi em tưởng anh đã đi đâu đó."

Anh đứng dậy, tưởng rằng lưng anh sẽ thấy khó chịu. Nhưng không. Không có một tiếng kẽo kẹt hay một khớp xương nào bị cứng lại. Thật ra anh thấy khỏe khoắn. Có những thứ như thế, anh nghĩ, những chỗ ngủ tốt. Đây đó dưới gốc cây; cầu tàu, băng ghế, có lần là cái xuồng, thường là đống rơm, không phải lúc nào cũng là cái giường, và bây giờ ở đây, là một chiếc ghế đu, một điều lạ vì theo kinh nghiệm của anh bàn ghế trong nhà là chỗ ngủ tệ nhất.

Tối hôm sau anh lại làm thế lần nữa và rồi lần nữa. Anh quen ân ái với Sethe mỗi ngày, và để tránh nỗi bối rối gây ra vì vẻ rạng rỡ của Thương anh vẫn chủ tâm đưa chị lên lầu buổi sáng, hay nằm với chị sau bữa ăn tối. Nhưng anh tìm cách và lý do để ngồi trong ghế đu gần hết đêm. Anh tự bảo đấy chắc hẳn là vì cái lưng của anh – nó cần chỗ tựa vào vì ngủ trong một cái cũi ở Georgia đã làm nó yếu.

Mọi chuyện tiếp tục như thế và có thể như thế mãi nhưng một buổi chiều tối, sau bữa ăn, sau Sethe, anh xuống gác, ngồi trong ghế đu và không muốn ngồi đấy. Anh đứng dậy và nhận ra mình cũng không muốn lên lầu. Bực bội và thèm nghỉ ngơi, anh mở cửa phòng Baby Suggs và ngủ thiếp đi trên chiếc giường bà nằm chết. Thế là xong – dường như thế. Phòng khách trở thành phòng của anh và Sethe không phản đối – chiếc giường đôi của chị đã chỉ có một người nằm suốt mười tám năm trước khi Paul D đến thăm. Có thể như thế tốt hơn, vì nhà chị có hai cô gái trẻ và anh không phải là chồng thực sự của chị. Dù sao đi

nữa, vì thèm muốn của anh trước điểm tâm hay sau bữa tối không giảm đi, anh không hề nghe chị phàn nàn.

Mọi chuyện tiếp tục như thế và có thể như thế mãi, chỉ có điều là một buổi tối, sau bữa ăn, sau Sethe, anh xuống gác và nằm trên giường của Baby Suggs và không muốn nằm đấy.

Anh tin rằng anh đang nổi cơn chán nhà, nỗi bực dọc đờ đẫn mà người đàn ông đôi lúc cảm thấy khi căn nhà của một người đàn bà bắt đầu ràng buộc họ, khi họ muốn hét lên và đập vỡ một cái gì đấy hay ít nhất là bỏ chạy. Anh biết cảm giác ấy rất rõ – đã cảm thấy như vậy nhiều lần – nơi nhà bà thợ dệt ở tiểu bang Delaware chẳng hạn. Nhưng anh luôn nhìn thấy sự liên hệ giữa cơn chán nhà và người đàn bà trong căn nhà anh chán. Nỗi bồn chồn này không dính dáng gì đến người đàn bà mỗi ngày anh yêu thêm một chút: bàn tay chị giữa đám rau, miệng chị khi chị liếm đầu sợi chỉ trước khi luồn chỉ qua lỗ kim, hay cắn sợi chỉ làm đôi khi đường may đã xong, màu đỏ máu trong mắt chị khi chị bênh vực hai con gái của chị (Thương bây giờ đã là con chị) hay bất cứ một người phụ nữ da đen nào bị một lời gièm xiểm. Hơn nữa, cơn chán nhà này không có nỗi cáu giận, cảm giác nghẹt thở, nỗi khao khát đi đến chỗ khác. Anh chỉ không thể, không muốn ngủ trên gác hoặc trong ghế đu hoặc bây giờ trên giường của Baby Suggs nữa. Vì thế anh đến phòng chứa đồ.

Mọi chuyện tiếp tục như thế và có thể như thế mãi, chỉ có điều là một buổi tối, sau bữa ăn, sau Sethe, anh nằm trên tấm nệm rơm trong phòng chứa đồ và không muốn nằm đó. Rồi là nhà lạnh, và ở đấy, tách khỏi căn nhà chính của I24, co ro trên hai cái bao tải đầy khoai lang, nhìn đăm đăm vào bên cạnh một lon mỡ, anh nhận ra mình đã không tự nguyện dời chỗ. Anh không cảm thấy bồn chồn, anh bị ngăn cản.

Vì thế anh đợi. Thăm Sethe buổi sáng; ngủ trong phòng lạnh ban đêm và đợi.

Cô ta đến, và anh muốn đánh gục cô ta.

Ở Ohio, tiết mùa đỏng đảnh. Mỗi mùa đến như một ngôi sao kịch nghệ, đinh ninh rằng sự trình diễn của mình là lý do khiến thế gian có người ở. Khi Paul D bị buộc phải rời khỏi I24 vào cái lán ở phía sau, mùa hè đã bị la ó đuổi xuống sân khấu và mọi người chăm chú đến mùa thu với những cái chai màu đỏ và vàng của nó. Ngay cả ban đêm, khi đáng lẽ mọi chuyện phải yên tĩnh trong giờ tạm nghỉ, những tiếng động của khung cảnh đang chết dần vẫn không ngừng ầm ĩ. Paul D nhét mấy tờ báo quanh thân mình để phụ thêm vào tấm chăn mỏng của anh. Nhưng anh không nghĩ đến đêm lạnh. Khi anh nghe tiếng cửa mở sau lưng, anh không chịu quay nhìn.

“Cô muốn cái gì trong này? Cô muốn gì?” Đáng lẽ anh phải nghe thấy tiếng thở của cô.

“Tôi muốn ông chạm vào bên trong người tôi và gọi tên tôi.”

Paul D không còn lo lắng về lon thuốc lá của anh nữa. Nó đã đóng chặt lại vì han gỉ. Vì thế, trong khi cô kéo chiếc váy lên và ngoái đầu nhìn qua vai như mấy con rùa đã làm, anh chỉ nhìn lon mỡ, trắng bạc trong ánh trăng, và nói nhỏ.

“Khi những người tốt cho cô vào nhà và đối xử tốt với cô, cô phải gắng đối xử tốt lại. Cô không... Sethe thương cô. Như con gái mình. Cô biết mà.”

Thương buông chiếc váy xuống trong lúc anh nói và nhìn anh với cặp mắt trống rỗng. Cô bước một bước anh không nghe thấy và đứng gần sau lưng anh.

“Bà không thương tôi như tôi thương bà. Tôi không thương ai khác ngoài bà.”

“Vậy thì cô vào đây làm gì?”

“Tôi muốn ông chạm vào bên trong người tôi.”

“Cô quay vào nhà và đi ngủ đi.”

“Ông phải chạm vào tôi. Bên trong. Và ông phải gọi tên tôi.”

Chừng nào mắt anh còn dán vào màu bạc của lon mỡ, anh còn không sao. Nếu anh run như vợ của Lot[1] và, như đàn bà, muốn nhìn thấy bản chất của tội lỗi phía sau lưng anh, hoặc có lẽ thương xót kẻ mắc lời nguyền đang gieo lời nguyền, hoặc muốn ôm lấy tội lỗi vì anh có liên hệ với nó, thì anh cũng sẽ bị lạc lối.

“Gọi tên tôi đi.”

“Không.”

“Gọi tên tôi đi mà. Tôi sẽ đi ra nếu ông gọi tên tôi.”

“Thương.” Anh nói, nhưng cô không đi. Cô tiến đến gần hơn trong tiếng bước chân mà anh không nghe thấy, và anh cũng không nghe thấy tiếng lớp gỉ sét khe khẽ rớt khỏi gờ nắp lon thuốc lá của anh. Vì thế anh không biết cái nắp đã bật mở lúc nào. Điều anh biết là khi anh chạm đến bên trong của cô ta, anh đang lặp đi lặp lại, “Tim đỏ. Tim đỏ.” Anh nói nhỏ rồi lớn lên đến nỗi Denver thức giấc, rồi chính Paul D thức giấc. “Tim đỏ. Tim đỏ. Tim đỏ.”

12

Không thể nào trở lại cơn đói nguyên thủy. May cho Denver, ngắm nhìn cũng là thức ăn đủ sống. Nhưng được nhìn đáp lại còn hơn cả là được ăn ngon miệng; đối với Denver, được nhìn đáp lại là xuyên phá qua làn da mình đến một nơi chưa hề biết đến cơn đói. Chuyện ấy không cần xảy ra thường xuyên, vì Thương ít khi nhìn thẳng vào nó, hoặc khi cô nhìn, Denver có thể nhận ra rằng khuôn mặt của nó chỉ là một chỗ dừng chân cho đôi mắt Thương trong khi tâm trí đằng sau đôi mắt ấy đang tiếp tục bước đi. Nhưng đôi khi – những lúc Denver không thể đoán trước hoặc tạo ra – Thương tựa cằm lên những khớp ngón tay mình và chăm chú nhìn Denver.

Thật là đáng yêu. Không phải vì được nhìn đăm đăm nhưng không được nhìn thấy, mà vì được thu hút vào tầm nhìn của đôi mắt chăm chú, không phê phán của người kia. Được người kia xem xét mái tóc của nó như một phần của bản thân nó, mà không phải như một chất liệu hay kiểu tóc. Được người kia vuốt ve đôi môi, mũi, cằm như thể Denver là một đóa hồng rêu người làm vườn dừng lại chiêm ngưỡng. Da Denver tan đi trong cái nhìn ấy và trở nên mềm mại và tươi sáng như chiếc áo vải mịn đã quàng tay qua eo của mẹ nó. Nó trôi bồng bềnh gần bên nhưng ở ngoài cơ thể của mình, cảm thấy vừa mơ hồ vừa nồng nhiệt. Không cần đến bất cứ điều gì. Chỉ hiện hữu.

Những lúc ấy dường như Thương là người cần một điều gì – muốn một điều gì. Trong đáy đôi mắt đen mở lớn của cô, mãi tận phía sau vẻ vô hồn, là một bàn tay giơ ra xin một đồng xu mà Denver sẽ vui lòng trao tặng, nếu nó biết cách hoặc biết đủ về cô, những thông tin không tìm được trong câu trả lời cho những câu hỏi Sethe đôi khi đặt ra: “Con không nhớ gì hết sao? Dì chưa hề biết mẹ của dì, nhưng dì có thấy bà vài lần. Con có bao giờ thấy mẹ của con chưa? Họ là nô lệ của loại dân da trắng nào? Con không nhớ gì hết sao?”

Gãi lưng bàn tay, Thương sẽ nói cô nhớ được người phụ nữ mẹ của cô, và cô nhớ đã bị giật ra khỏi tay bà. Ngoài chuyện ấy, chuyện cô nhớ rõ nhất, chuyện cô lặp đi lặp lại, là cây cầu – đứng trên cầu nhìn xuống. Và cô biết một người đàn ông da trắng.

Sethe thấy điều ấy là đặc biệt và thêm chứng cớ cho kết luận của chị, kết luận chị nói riêng với Denver.

“Con lấy cái áo ở đâu, và đôi giày nữa?”

Thương nói cô lấy chúng.

“Lấy của ai?”

Cô im lặng và gãi tay nhanh hơn. Cô không biết; cô nhìn thấy chúng và lấy chúng, thế thôi.

“Ờ,” Sethe nói, và bảo Denver rằng chị tin Thương đã bị một tên da trắng nào đấy nhốt lại vì những mục đích riêng của hắn, và không hề được ra khỏi cửa. Rằng cô chắc phải trốn đến một cây cầu hay chỗ nào đấy và rửa sạch những chuyện còn lại ra ngoài tâm trí. Điều tương tự đã xảy ra cho Ella, chỉ có điều trong trường hợp của Ella đấy là hai người đàn ông – cha và con – và Ella nhớ hết mọi thứ. Tụi nó nhốt Ella trong một căn phòng cho riêng tụi nó hơn một năm trời.

“Chị không thể tưởng tượng được,” Ella nói, “những chuyện tụi nó hành hạ tôi.”

Sethe nghĩ điều ấy giải thích được thái độ của Thương đối với Paul D, người cô ghét cay ghét đắng.

Denver không tin nhưng cũng không phê bình những suy đoán của Sethe, nó cúp mắt xuống và không hề nói lời nào về nhà lạnh. Nó chắc chắn Thương là chiếc áo trắng quỳ bên mẹ nó trong phòng khách, là sự hiện diện có thực của đứa bé đã bầu bạn với nó hầu hết cuộc đời nó. Và được cô ngắm nhìn, dù ngắn ngủi thế nào, khiến nó mang ơn suốt quãng thời gian còn lại khi nó chính là người ngắm nhìn. Ngoài ra, nó có những câu hỏi riêng không liên hệ gì đến quá khứ. Nó chỉ quan tâm đến hiện tại, nhưng nó cẩn thận không lộ vẻ dò hỏi về những điều nó rất muốn hỏi Thương, vì nếu nó thôi thúc quá, nó có thể mất đi đồng xu mà bàn tay đang giơ ra muốn có, và như thế là mất nơi chốn xa hơn cơn thèm. Tốt hơn là được nhìn thỏa thuê, được phép là kẻ ngắm nhìn, vì nó không chịu nổi cơn đói cũ – cơn đói trước-khi-Thương-đến đã khiến nó mê thích bụi hoàng dương và nước hoa chỉ để nếm được chút mùi vị của cuộc đời, để cảm thấy cuộc sống là gập ghềnh chứ không phẳng lì. Ngắm nhìn giữ cơn đói ở xa.

Vì vậy nó không hỏi Thương tại sao cô biết về đôi hoa tai, về những lần cô đi đến nhà lạnh vào ban đêm hay về phần trên của thứ nó nhìn thấy khi Thương nằm xuống hay khi áo quần cô xô lệch trong giấc ngủ. Cái nhìn đó, nếu xuất hiện, thường xuất hiện sau khi Denver đã rất chu đáo quan tâm, đã giải thích mọi chuyện, đã tham gia việc này việc khác với cô, hay kể chuyện cho cô qua ngày trong khi Sethe ở quán ăn. Không có công việc nhà nào dập tắt được ngọn lửa bừng bừng dường như lúc nào cũng cháy trong người cô. Không phải là vắt những tấm khăn chặt đến mức nước giũ khăn chạy ngược lên cánh tay họ. Không phải là xúc tuyết trên lối đi từ nhà đến cầu tiêu. Hoặc đập vỡ lớp đá dày bảy phân trong thùng nước mưa, cọ và nấu sôi hũ mứt từ hè năm ngoái, trét bùn vào kẽ hở của chuồng gà và sưởi ấm gà con bằng váy của họ. Suốt thời gian ấy Denver phải nói về chuyện họ đang làm – như thế nào và tại sao. Về những người Denver có lần biết hay gặp, làm cuộc đời họ sống động hơn cuộc đời thật: bà da trắng có mùi thơm đã mang cho nó những trái cam và nước hoa và những chiếc váy bằng len tốt, Lady Jones dạy chúng những bài hát dùng để đánh vần và đếm, cậu bé xinh đẹp thông minh như Denver, có cái bớt như một đồng năm xu trên má. Mục sư da trắng cầu nguyện cho linh hồn của họ trong khi Sethe gọt vỏ khoai tây và bà Baby thổn thức. Và nó kể cho cô nghe về Howard và Buglar: phần giường của mỗi đứa (đầu giường là dành cho nó), rằng trước khi nó rời sang giường của Baby Suggs nó chưa hề thấy hai anh nó ngủ mà không nắm tay nhau. Nó chậm rãi diễn tả hai anh của nó với Thương, để giữ sự chú ý của cô, nhẩn nha kể lại những thói quen của hai anh, những

trò chơi hai anh dạy nó, nhưng không kể đến nỗi sợ đã khiến hai anh nó càng lúc càng ở xa nhà – bất cứ đâu – và cuối cùng là xa thật xa.

Ngày hôm nay họ ở ngoài trời. Khí hậu lạnh lẽo và tuyết đóng cứng như đất nện. Denver đã hát xong bài hát đếm Lady Jones dạy cho học trò. Thương giữ yên hai cánh tay trong khi Denver gỡ quần áo lót và khăn lau đóng băng trên dây phơi. Nó để từng mảnh quần áo lót và khăn lên tay Thương cho đến khi đống quần áo và khăn, như một bộ bài khổng lồ, chất cao đến cằm cô. Denver mang phần còn lại, mấy cái tạp dề và tất màu nâu. Choáng váng vì lạnh, họ trở vào nhà. Quần áo sẽ tan đá từ từ đến độ ẩm vừa đúng để là, và bàn là sẽ khiến chúng có mùi như mưa nóng. Nhảy múa xung quanh căn phòng trong cái tạp dề của Sethe, Thương muốn biết trong bóng tối có hoa nở hay không. Denver bỏ thêm củi vào lò và đoan chắc với cô rằng có hoa trong bóng tối. Quay vòng vòng, khuôn mặt đóng khung trong chiếc vòng cổ, eo trong vòng ôm của dây cột tạp dề, cô nói cô khát.

Denver đề nghị hâm nóng nước táo, trong lúc vội vã tìm một điều có thể làm hay nói để tiêu khiển cho người đang nhảy múa. Giờ đây Denver là một chiến lược gia và phải giữ Thương ở bên mình từ giây phút Sethe đi làm cho đến giờ chị trở về nhà, lúc Thương bắt đầu chờn vờn ở cửa sổ, rồi lần lối ra cửa, xuống mấy bậc thềm và đến gần con đường. Những suy tính đã thay đổi Denver rõ rệt. Trước kia nó lười biếng và ghét tất cả mọi công việc, bây giờ nó nhanh nhẹn làm, thậm chí làm nhiều hơn những công việc Sethe giao cho hai đứa. Nó làm tất cả chuyện ấy để có thể nói "Chúng mình phải làm" và "Mẹ bảo chúng mình làm." Nếu không thế Thương sẽ trở nên kín đáo và mơ mộng, hoặc lặng lẽ và ủ rũ, và Denver sẽ không có dịp được cô nhìn. Buổi tối thì nó không kiểm soát được. Khi mẹ nó ở đâu đấy xung quanh, Thương chỉ để mắt vào Sethe. Ban đêm, trong giường, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Cô có thể muốn nghe Denver kể chuyện trong bóng tối khi Denver không thể thấy cô. Hoặc cô có thể trở dậy và đến phòng lạnh mà Paul D đã bắt đầu dùng làm chỗ ngủ. Hoặc cô có thể lặng lẽ khóc. Thậm chí cô có thể ngủ say như chết, hơi thở ngòn ngọt vì những ngón tay dính đường quánh đen hay vụn bánh ngọt. Lúc đó Denver sẽ quay về phía cô, và nếu Thương đối diện với nó, nó sẽ hít thật sâu làn hơi ngọt từ miệng cô. Nếu không, nó sẽ phải thỉnh thoảng nhổm người qua người cô để hít một hơi. Vì bất cứ điều gì cũng tốt hơn cơn đói nguyên thủy – khoảng thời gian không có âm thanh nào lọt qua, sau khi nó có một năm với chữ *i* nhỏ tuyệt vời, những câu chuyện nở như ngô rang và tình bầu bạn cùng những đứa trẻ khác. Bất cứ điều gì cũng tốt hơn sự yên lặng ấy khi cô trả lời dấu hiệu bằng tay và không màng đến những cái mấp máy của đôi môi. Khi nó nhìn thấy tất cả mọi thứ nhỏ nhặt và những màu sắc rực lên đập vào mắt. Nó sẽ bỏ qua những hoàng hôn rực rỡ nhất, những ngôi sao lớn như cái đĩa ăn và tất cả máu của mùa thu và vui lòng với màu vàng nhợt nhạt nhất nếu màu vàng ấy là từ Thương của nó.

Bình nước táo nặng, nhưng chiếc bình ấy lúc nào cũng nặng, ngay cả lúc cạn không. Denver có thể mang chiếc bình dễ dàng, nhưng nó nhờ Thương giúp. Bình nước ở trong nhà lạnh bên cạnh đường đen và ba cân pho mát cứng như xương. Giữa sàn nhà là một tấm nệm rơm phủ giấy báo, dưới chân tấm nệm là một tấm chăn. Tấm nệm đã được dùng để ngủ gần một tháng, cho dù tuyết đã đến cùng với mùa đông thật sự.

Lúc ấy là buổi trưa, bên ngoài rất sáng, bên trong thì không. Vài tia nắng xuyên qua mái và tường nhà, nhưng một khi đã lọt vào chúng quá yếu không thể tự di dịch. Bóng tối mạnh mẽ hơn và nuốt chửng lấy chúng như nuốt những con cá mồi.

Cánh cửa đóng sập lại. Denver không biết Thương đang đứng ở đâu.

“Chị ở đâu?” nó thì thầm bằng giọng cười cợt.

“Ở đây,” Thương nói.

“Ở đâu?”

“Đến tìm chị đi,” Thương nói.

Denver giơ tay phải ra và bước một hai bước. Nó vấp và ngã xuống tấm nệm rơm. Mấy tờ báo sột soạt dưới sức nặng của nó. Nó lại cười. “Ồ, khỉ thật. Chị Thương ơi?”

Không ai trả lời. Denver vung tay và nheo mắt để phân biệt hình dáng bao khoai tây, lon mỡ và một miếng sườn lợn muối với hình dáng người.

“Đừng đùa nữa,” nó nói và nhìn lên phía ánh sáng để kiểm chứng và chắc chắn đây vẫn là nhà lạnh và không phải là chuyện xảy ra trong giấc ngủ của nó. Những con cá mồi ánh sáng vẫn bơi ở trên ấy; chúng không xuống được chỗ nó.

“Chị đang khát cơ mà. Chị có muốn uống nước táo hay không?” Giọng Denver thoáng vẻ trách móc. Thoáng qua. Nó không muốn làm phật lòng và không muốn để lộ nỗi hoảng hốt như những sợi tóc đang bò qua người nó. Không có bóng dáng hay tiếng động nào của Thương. Denver cố gắng đứng dậy trên đống báo sột soạt. Quờ tay ra phía trước, nó đi chầm chậm ra cửa. Không có then cài hay nắm cửa – chỉ một vòng dây kẽm móc qua cái đinh. Nó đẩy cửa . Ánh nắng lạnh lẽo thế vào chỗ bóng tối. Căn phòng y như lúc tụi nó vào – chỉ có điều Thương không có ở đấy. Tìm kiếm nữa cũng không ích gì, vì chỉ một cái nhìn là đủ để thấy hết mọi thứ trong phòng. Dù sao đi nữa Denver vẫn tìm, vì sự mất mát sẽ là không chịu nổi. Nó trở vào nhà kho, để cánh cửa đóng lại sau lưng. Mặc kệ bóng tối, nó rảo bước vòng quanh, với tay chạm vào mạng nhện, pho mát, những ngăn tủ nghiêng, bước nào cũng vướng vào tấm nệm rơm. Nếu vấp váp, nó cũng không hay vì nó không biết tầm vóc thân thể mình đến đâu, phần nào là cánh tay, bàn chân hay đầu gối. Nó cảm thấy mình như một tảng băng tách lìa khỏi mặt nước đông cứng của dòng suối, trôi bồng bềnh trong bóng tối, dày và va đập vào những thứ xung quanh. Có thể vỡ ra, có thể tan đi, và lạnh lẽo.

Nó thấy khó thở, và cho dù căn phòng có ánh sáng nó cũng sẽ không thấy được gì vì nó đang khóc. Chuyện đã xảy ra y như nó tưởng tượng. Dễ dàng như đi vào một căn phòng. Sự xuất hiện kỳ diệu trên gốc cây đốn, khuôn mặt lóa ánh nắng, và sự biến mất kỳ diệu trong một cái nhà kho, bị bóng tối ăn tươi nuốt sống.

“Đừng,” nó nói giữa những cái nuốt nước bọt khó khăn. “Đừng. Đừng trở về đấy.”

Chuyện này còn tệ hơn lúc Paul D đến I24 và nó nhỏ lệ vào bếp lò vì cảm thấy bất lực. Lần này còn tệ hơn. Lúc ấy nó khóc cho chính mình. Bây giờ nó khóc vì nó đã mất chính mình. Cái chết chỉ là một lần nhịn ăn so với chuyện này. Nó có thể cảm thấy bề dày của mình mỏng dần đi, tan vào trong khoảng không. Nó túm tóc hai bên thái dương giật mạnh và chặn sự tan chảy của mình trong chốc lát. Hai hàm răng nghiến chặt, Denver thôi nức nở. Nó không ra mở cửa vì không còn thế giới ngoài kia. Nó quyết định ở lại trong nhà lạnh và để bóng tối nuốt chửng lấy nó như đã nuốt những con cá mồi ánh sáng ở trên cao. Nó sẽ không chịu đựng cảnh thêm một người bỏ đi, thêm một trò gian trá nữa. Như khi tỉnh dậy và không thấy người anh này rồi người anh kia ở chân giường đang chọc chân vào xương sống nó. Như lúc đang ngồi ở bàn ăn củ cần và để dành rượu cho bà nội uống thì thấy bàn tay mẹ nó đặt trên cánh cửa phòng khách và nghe giọng mẹ nói, “Denver, bà Baby Suggs mất rồi.” Và khi nó bắt đầu lo lắng chuyện sẽ ra sao nếu Sethe chết hay Paul D mang mẹ nó đi, một giấc-mơ-thành-sự-thật xảy ra rồi biến mất, bỏ nó lại trên một đống báo trong bóng tối.

Không có tiếng chân báo hiệu cô đến, nhưng cô ở đấy, đứng ở chỗ trước đó Denver đã nhìn và không thấy ai. Và mỉm cười.

Denver chụp gấu váy Thương. “Em tưởng chị đã bỏ em. Em tưởng chị đã về chỗ ấy.”

Thương mỉm cười, “Chị không muốn chỗ ấy. Đây là chỗ chị ở.” Cô ngồi xuống tấm nệm rơm, vừa cười vừa nằm xuống và nhìn lên những khe sáng trên đầu.

Denver len lén bấu và giữ chặt một mảnh váy của Thương trong tay. Cũng may là nó làm thế, vì Thương đột ngột ngồi dậy.

“Cái gì vậy?” Denver hỏi.

“Nhìn kìa,” cô chỉ những khe sáng.

“Cái gì? Em không thấy gì hết.” Denver nhìn theo ngón tay chỉ.

Thương bỏ tay xuống. “Chị giống như thế này.”

Denver nhìn Thương co người, thu mình lại và đu đưa. Mắt cô lạc lõng, tiếng rên của cô nhỏ đến nỗi Denver gần như không nghe thấy.

“Chị có sao không? Thương?”

Thương chăm chú nhìn. “Đằng kia kìa. Khuôn mặt của bà.”

Denver nhìn chỗ mắt Thương nhìn: không có gì ngoài bóng tối.

“Mặt ai? Ai đó?”

“Chị. Là chị.”

Cô lại mỉm cười.

13

Người cuối cùng trong số những người đàn ông Tổ Ấm, được mệnh danh và gọi là đàn ông bởi một người biết đàn ông là như thế nào, tin vào tên gọi ấy. Bốn người kia cũng đã từng tin như thế, nhưng họ không còn nữa. Người bị bán đi không hề trở lại, người bị lạc không hề được tìm ra. Paul D biết một người chắc chắn đã chết, một người nữa anh hy vọng đã chết, vì bơ và sữa vón chua không phải là cuộc sống hay lý do để sống. Từ nhỏ đến lớn anh đã nghĩ, trong tất cả những người da đen ở Kentucky, chỉ có năm người bọn họ là đàn ông. Được cho phép, được khuyến khích sửa sai cho Garner, thậm chí chống đối ông. Được sáng tạo ra những cách làm việc mới mẻ, nhận thấy những gì cần phải lo toan và lo toan mà không cần xin phép. Được chuộc một bà mẹ, chọn một con ngựa hay một cô vợ, biết bắn súng, thậm chí học chữ nếu họ muốn – nhưng họ không muốn học chữ vì những điều quan trọng đối với họ không viết lên giấy được.

Có phải như thế không? Có phải đấy là nam tính? Trong cách gọi của một ông da trắng, một người chắc hẳn biết nam tính là gì? Người cho họ quyền lực, không phải là quyền làm việc hay không mà là quyền quyết định làm việc như thế nào? Không. Mối quan hệ của họ và Garner là thật: họ được tin tưởng và tin cậy, nhưng trên hết là họ được lắng nghe.

Ông nghĩ điều họ nói có giá trị, và điều họ cảm thấy là quan trọng. Nghe theo ý kiến từ những người nô lệ của mình không làm ông mất thẩm quyền hay uy tín. Thầy giáo thì dạy họ khác. Một sự thật nghiêng ngả như thằng bù nhìn trong đồng lúa mạch: họ chỉ là đàn ông Tổ Ấm ở Tổ Ấm. Bước một bước ra khỏi mảnh đất ấy là họ sẽ trở thành những tên tội phạm giữa loài người. Là chó canh không răng, là bò đực không sừng, là ngựa thiến mà tiếng hí không phải là ngôn ngữ đáng tin cậy. Sức mạnh của anh là nhận thức được rằng thầy giáo đã sai. Giờ đây anh không chắc lắm. Đã có Alfred, Georgia, đã có Delaware, đã có Sixo và anh vẫn không chắc lắm. Nếu thầy giáo đúng thì điều ấy giải thích được tại làm sao anh đã biến thành một con búp bê vải – bị một cô gái chỉ đáng tuổi con gái anh nhặt lên và bỏ xuống bất cứ chỗ nào và bất cứ lúc nào. Làm tình với cô ta khi anh chắc chắn là anh không muốn. Bất cứ khi nào cô chìa mông ra, những con bê thời anh còn trẻ (có phải là thế không?) đã phá vỡ sự cương quyết của anh. Nhưng anh cảm thấy nhục nhã, và tự hỏi có phải thầy giáo đã đúng không, vì một điều còn tệ hơn sự thèm muốn. Đấy là bị dời chỗ, bị đặt vào nơi cô muốn, và bất lực không làm gì được. Cố hết sức, buổi tối anh cũng không thể đi lên các cầu thang trắng lấp lánh. Cố hết sức, ban đêm anh cũng không thể ở lại trong bếp, trong phòng khách, trong phòng chứa đồ. Và anh đã thử. Nín thở như khi anh hụp người vào trong bùn, làm trái tim rắn lại như lúc cơn run rẩy bắt đầu. Nhưng chuyện tệ hơn thế, tệ hơn dòng máu lốc xoáy anh đã kìm chế bằng cây búa tạ. Khi anh đứng dậy rời bàn ăn tối ở I24 và quay về phía cầu thang, mới đầu anh thấy buồn nôn, rồi ghê tởm. Anh, anh. Anh, người từng ăn thịt con vật chưa chết hẳn, người ở dưới tàng những cây mận đầy hoa đã rau ráu nhai thủng ức của một con bồ câu trước khi trái tim nó ngừng đập. Vì anh là đàn ông và một người đàn ông có thể làm điều hắn muốn làm: không cử động suốt sáu giờ đồng hồ trong một cái giếng khô trong khi đêm buông xuống, tay không đánh nhau với một con

chồn và thắng, nhìn một người đàn ông khác anh yêu hơn anh em ruột bị nướng mà không nhỏ một giọt nước mắt để bọn đang nướng biết đàn ông là như thế nào. Và chính là anh, người đàn ông ấy, người đã đi bộ từ Georgia đến Delaware, không thể ở yên nơi anh muốn tại I24 – thật là xấu hổ.

Paul D không điều khiển được hai chân mình, nhưng anh nghĩ anh vẫn có thể nói và anh quyết định thoát ra bằng cách nói. Anh sẽ kể cho Sethe nghe về ba tuần vừa qua: tìm gặp chị một mình khi chị rời chỗ làm, khu vườn uống bia chị gọi là quán ăn, và nói ra hết.

Anh đợi chị. Buổi chiều mùa đông trông như đã gần tối lúc anh đứng trong ngõ đằng sau quán Sawyer. Tập dượt trước những điều sẽ nói, tưởng tượng khuôn mặt chị và để những lời nói tụ về trong đầu anh như đám trẻ con trước lúc vào hàng để đi theo người dẫn đầu.

"Ờ, à, đây không phải là, một người đàn ông không thể, nhưng, à, em nghe đây, không phải thế, thật không phải, ông Garner, ý anh là, đây không phải là sự yếu đuối, thứ yếu đuối này anh không chống chọi được vì có một cái gì đấy đang xảy ra cho anh, con nhỏ đó gây ra chuyện, anh biết em nghĩ anh không ưa nó chút nào, nhưng nó đang trù ếm anh. Trù ếm anh, Sethe, nó bỏ bùa anh và anh không thể giải được bùa mê ấy."

Cái gì? Một người đàn ông trưởng thành bị một cô gái sai khiến? Nhưng nếu cô gái không phải là một cô gái mà một thứ gì khác giả dạng cô gái thì sao? Một thứ đê tiện nhìn giống một cô gái trẻ dễ mến và vấn đề không phải là làm tình với cô hay không, mà là tại I24 anh không thể tùy ý đi hay ở như anh muốn, và anh không đủ đàn ông tính để thoát ra, vì thế anh có nguy cơ bị mất Sethe, vì thế anh cần chị, cần chị giúp, cần chị biết chuyện ấy, và anh xấu hổ vì sẽ phải yêu cầu người đàn bà anh muốn bảo vệ giúp anh, thật là trời đánh.

Paul D hà hơi thở ấm vào hai bàn tay chụm lại. Gió thổi lộng qua con ngõ, nhanh đến nỗi lông bốn con chó giữ bếp đang đợi thức ăn thừa nằm rạp xuống. Anh nhìn mấy con chó. Mấy con chó nhìn anh.

Cuối cùng cánh cửa sau bật mở và Sethe bước ra, mang một chảo thức ăn thừa kẹp ở khuỷu tay. Khi thấy anh, chị thốt lên "Ồ!," và nở một nụ cười vừa ngạc nhiên vừa hân hoan.

Paul D tin là anh mỉm cười lại nhưng anh không chắc lắm vì mặt anh lạnh quá.

"Anh, anh đón em sau buổi làm thế này, làm em cảm thấy như một cô bé. Chưa có ai làm thế. Anh coi chừng, em có thể bắt đầu trông mong đó." Chị nhanh nhẹn quăng những miếng xương to xuống đất để cho mấy con chó biết có đủ thức ăn và không đánh nhau. Rồi chị quăng da của vài thứ gì đó, đầu của vài thứ khác và ruột lòng của những thứ khác nữa – những thứ quán ăn không dùng được và chị không muốn dùng – thành một đống bốc khói gần bên chân mấy con vật.

"Em phải đi rửa chảo," chị nói, "rồi em ra ngay."

Anh gật đầu và chị quay trở vào bếp.

Mấy con chó lặng lẽ ăn và Paul D nghĩ ít nhất chúng cũng lấy được thứ chúng đến đây tìm, và nếu chị có đủ cho chúng...

Tấm khăn trên đầu chị bằng len nâu và chị vén nó vòng quanh chân tóc để che gió.

“Anh tan việc sớm à?”

“Anh xin nghỉ sớm.”

“Có chuyện gì không?”

“Cũng có,” anh nói và lau miệng.

“Không phải là anh bị mất việc chứ?”

“Không, không. Họ có nhiều việc. Anh chỉ...”

“Ưm?”

“Sethe, em sẽ không thích điều anh sắp nói.”

Lúc đó chị dừng bước và quay mặt về phía anh và ngọn gió đáng ghét. Một người đàn bà khác sẽ nheo mắt hay ít nhất chảy nước mắt nếu bị gió quất vào mặt như Sethe. Một người đàn bà khác có thể ném cho anh một cái nhìn lo lắng, van xin, thậm chí giận dữ, vì điều anh nói quả thật nghe như phần đầu của câu Chào em, anh đi.

Sethe bình tĩnh nhìn anh không rời mắt, đã sẵn sàng chấp nhận, buông đi hay tha lỗi cho một người đàn ông cần giúp đỡ hoặc bị rắc rối. Đồng ý trước, nói được, không sao, vì chị không tin bất cứ duyên cớ nào – về lâu về dài – có thể là đủ. Và lý do nào cũng được. Không có lỗi. Không ai có lỗi.

Anh biết chị đang nghĩ gì và mặc dù chị không đúng – anh không định rời xa chị, sẽ không bao giờ muốn rời xa chị – điều anh nghĩ đến và định kể cho chị nghe sẽ còn tệ hơn. Vì thế, khi anh thấy trong mắt chị nỗi mong đợi giảm đi, nỗi buồn không trách móc, anh không nói được. Anh không nói được với người đàn bà không nheo mắt trong gió, “Anh không phải là đàn ông.”

“Rồi, nói đi, Paul D, dù em thích hay không cũng vậy.”

Vì anh không thể nói điều định nói, anh nói điều anh không biết mình đã nghĩ đến. “Anh muốn em có thai, Sethe. Em chịu không?”

Bây giờ chị cười và anh cũng cười.

“Anh đến đây để hỏi em chuyện ấy? Anh thật là đồ điên. Anh nghĩ đúng đấy. Em không thích. Anh không nghĩ là em đã quá già để có con sao?” Chị luồn những ngón tay chị vào

tay anh cho cả thiên hạ thấy, như những chiếc bóng nắm tay bên lề đường.

"Em suy nghĩ đi," anh nói. Và đột nhiên đấy là một giải pháp: một cách níu giữ chị, chứng minh đàn ông tính của anh và phá bùa phép của con nhỏ – cùng một lúc. Anh áp những đầu ngón tay của Sethe lên má. Chị cười, giằng tay ra, sợ có người đi ngang ngõ nhìn thấy họ không đứng đắn ở chốn công cộng, giữa ban ngày ban mặt, trong gió.

Dù thế, anh có thêm chút thời gian, thật ra là mua nó, và hy vọng giá anh phải trả sẽ không làm anh lụn bại. Như thể trả cho một buổi chiều bằng từng đồng cắc của cuộc đời sắp đến.

Họ thôi đùa, buông tay và co ro khi rời con ngõ đến đường lộ. Ở đấy gió nhẹ hơn nhưng cái lạnh khô nó để lại khiến khách bộ hành bước nhanh, cứng ngắc trong áo choàng. Không có một người đàn ông nào đứng dựa vào khung cửa hay cửa sổ mặt tiền các tiệm. Bánh những chiếc xe ngựa giao thức ăn gia súc hay gỗ rít lên như thể bị thương. Ngựa cột trước quán rượu run rẩy và nhắm mắt. Bốn người phụ nữ, đi từng nhóm hai người, đến gần, giày gõ ồn ào trên lối đi lót gỗ. Paul D chạm vào khuỷu tay Sethe để dẫn chị bước ra đất bên ngoài những tấm ván, nhường cho mấy người phụ nữ đi qua.

Nửa tiếng sau, khi họ đến rìa thành phố, Sethe và Paul D lại nắm và chụp tay nhau, lén vỗ vào mông nhau. Ngượng ngùng lẫn vui thú thấy mình vừa trưởng thành vừa trẻ con như thế.

Cương quyết, anh nghĩ. Chỉ cần như thế, và sẽ không có con nhỏ thiếu mẹ nào phá vỡ được sự cương quyết ấy. Không có con bé lười biếng lạc lõng nào có thể khiến anh đổi ý, nghi ngờ chính mình, tự hỏi, van xin hay thú nhận. Tin chắc rằng anh sẽ làm được, anh quàng tay qua vai Sethe và siết chặt. Chị ngả đầu vào ngực anh, và vì giây phút ấy quý giá với cả hai người, họ ngừng lại và đứng yên – không thở, không cả màng đến chuyện có thể có người đi ngang. Ánh sáng mùa đông mờ mờ. Sethe nhắm mắt lại. Paul D nhìn hai hàng cây đen viền hai bên đường, những cánh tay giơ lên chống đỡ cuộc tấn công. Nhẹ nhàng, bất chợt, tuyết bắt đầu rơi, như một món quà đến từ bầu trời. Sethe mở mắt nhìn và nói, "Xin ban ơn phước." Với Paul D dường như làn tuyết rơi là thế – chút ơn phước nhỏ nhoi – một điều đã được ban cho họ để đánh dấu điều họ đang cảm thấy, để sau này khi cần họ sẽ nhớ đến cảm giác ấy.

Những bông tuyết khô rơi xuống, to và nặng, đập xuống mặt đá như những đồng năm xu. Anh luôn ngạc nhiên vì tuyết rơi im lặng như thế nào. Không phải như mưa, nhưng như một bí mật.

"Chạy đi!" anh nói.

"Anh chạy đi," Sethe nói. "Em đứng cả ngày rồi."

"Còn anh thì sao? Anh ngồi chắc?" và anh kéo chị theo.

"Dừng lại! Dừng lại!" chị nói. "Chân em chạy không nổi."

“Vậy đưa đây cho anh,” anh nói và trước khi chị biết chuyện gì đang xảy ra anh xoay lưng lại phía chị, xốc lấy chị và chạy xuống con đường qua những cánh đồng màu nâu đang chuyển sang màu trắng.

Cuối cùng, thở hào hển, anh dừng lại và chị tuột xuống, mệt vì cười nhiều quá.

“Anh cần mấy đứa con nít, bạn chơi trong tuyết.” Sethe thít chặt khăn trên đầu.

Paul D mỉm cười và thổi ấm hai tay. “Anh chắc chắn muốn thử. Dù sao đi nữa, anh cần có một người hợp tác tự nguyện.”

“Em biết,” chị trả lời. “Rất đỗi tự nguyện.”

Bây giờ đã gần bốn giờ và I24 ở phía trước nửa dặm. Lướt về phía họ, gần như hòa lẫn vào làn tuyết rơi, là một dáng người, và mặc dù đấy là dáng người đã đón Sethe suốt bốn tháng trời, chị và Paul D hoàn toàn chỉ biết có nhau đến nỗi cả hai giật mình khi họ thấy cô đến gần.

Thương không nhìn Paul D, cô chú mục nhìn Sethe. Cô không mang áo choàng, khăn quàng, để đầu trần, nhưng cô cầm trong tay một chiếc khăn quàng lớn. Cô giơ tay ra và tìm cách quàng nó quanh người Sethe.

“Con nhỏ điên thật,” Sethe nói. “Con mới là người không mặc đủ ấm ngoài này.” Và bước ra trước Paul D, Sethe lấy tấm khăn quàng qua đầu và vai Thương. Vừa nói, “Con phải cẩn thận hơn,” vừa vòng cánh tay trái qua người cô. Hạt tuyết bây giờ ướt dính. Paul D cảm thấy chỗ của Sethe trước khi Thương đến lạnh buốt. Đi sau hai người đàn bà khoảng một mét, anh chống chọi cơn giận dữ sôi trong bụng suốt quãng đường về nhà. Khi anh thấy dáng Denver trong ánh đèn nơi khung cửa sổ, anh không thể không nghĩ, “Cháu, cháu là đồng minh của ai?”

Sethe đã làm được. Bất ngờ, không do dự, chị giải quyết tất cả cùng một lúc.

“Em biết là anh sẽ không ngủ bên ngoài nhà tối nay, phải không, Paul D?” Chị mỉm cười với anh, và như một người bạn tốt, ống khói ho vào luồng gió lạnh đang xộc đến từ bầu trời. Màn cửa sổ rung lên trong cơn gió lùa mùa đông.

Paul D rời mắt khỏi món thịt hầm, nhìn lên.

“Anh sẽ lên gác. Chỗ của anh,” chị nói, “...và ở đấy.”

Những sợi hiểm ác trườn đến bên anh từ phía bàn Thương ngồi, và chúng trở thành vô hại trong hơi ấm nụ cười của Sethe.

Trước đây đã có một lần (và chỉ có một lần) Paul D cảm kích một người phụ nữ. Bò ra khỏi rừng, mắt hoa lên vì đói và cô độc, anh gõ cánh cửa sau của căn nhà đầu tiên anh đến trong khu da đen ở Wilmington. Anh bảo người phụ nữ mở cửa rằng anh sẽ rất mang ơn

mà chẻ củi cho bà nếu bà có chút gì cho anh ăn. Bà nhìn anh từ trên xuống dưới.

"Chút nữa," bà nói và mở cửa rộng hơn. Bà cho anh ăn xúc xích heo, thức ăn tệ nhất trên đời cho một người đang đói lả, nhưng cả anh lẫn dạ dày anh đều không phản đối. Sau đó, khi anh nhìn thấy khăn trải giường bằng vải màu nhạt và hai chiếc gối trong phòng ngủ của bà, anh phải lau nhanh mắt để bà không thấy những giọt lệ cảm kích của một người đàn ông lần đầu tiên khóc. Đất, cỏ, bùn, vỏ trấu, lá, rơm, cùi bắp, vỏ sò – anh đã ngủ trên tất cả. Ga trải giường màu trắng thì anh chưa hề nghĩ đến. Anh ngã xuống giường với một tiếng rên và người đàn bà giúp anh giả vờ anh đang làm tình với bà chứ không phải với tấm khăn trải giường của bà. Đêm đó, bụng đầy thịt lợn, đắm trong xa hoa, anh thề sẽ không bao giờ rời bà. Bà phải giết anh mới lôi được anh ra khỏi cái giường ấy. Mười tám tháng sau, khi bị ngân hàng Northpoint và Công ty Xe lửa mua, anh vẫn còn cảm kích vì bà đã cho anh biết đến khăn trải giường.

Bây giờ là lần thứ nhì anh cảm kích. Anh cảm thấy như được nhấc ra khỏi dốc núi và đặt xuống đất bằng. Trong giường của Sethe anh biết anh có thể chịu nổi hai con nhỏ điên – chừng nào Sethe còn bày tỏ ước muốn của chị. Nằm duỗi người ra, nhìn những bông tuyết bay dạt qua cửa sổ phía dưới chân, anh dễ dàng gạt bỏ nỗi ngờ vực đã mang anh đến cái ngõ đằng sau quán ăn: anh mong đợi nhiều ở chính mình, quá nhiều. Điều người khác gọi là lẽ thường, anh có thể gọi là hèn nhát.

Nằm gọn trong vòng tay của anh, Sethe nhớ lại khuôn mặt Paul D trên đường lúc anh xin chị sinh con cho anh. Mặc dù chị cười và nắm tay anh, khuôn mặt anh làm chị sợ hãi. Chị thoáng nghĩ rằng nếu anh muốn thế, ân ái sẽ sướng thú lắm, nhưng phần nhiều ý nghĩ có con nữa khiến chị sợ hãi. Cần phải có đủ khả năng, đủ bén nhạy, đủ mạnh, chăm lo như thế – một lần nữa. Phải sống lâu hơn chừng đó. Chúa ơi, chị nghĩ, xin giúp con. Trừ phi người mẹ vô tư không lo lắng, tình mẹ thương con có thể làm chết người được. Anh muốn chị có thai làm gì? Để giữ chị? Để ghi dấu rằng anh đã đi qua chốn này? Dù sao chăng nữa, có lẽ anh có con mọi nơi. Mười tám năm lang thang, anh chắc phải để rơi rớt vài đứa. Không phải vậy. Mà chính là vì anh ghét hai đứa con của chị. Một đứa con, chị tự sửa lại. Một đứa con cộng thêm Thương mà chị xem như con của mình, và anh ghét chuyện ấy. Chia sẻ chị với hai con bé. Nghe ba người cười vì một chuyện anh không biết. Mật mã họ dùng với nhau anh không giải được. Có thể ngay cả thời gian để lo cho những nhu cầu của chúng và không lo cho nhu cầu của anh. Cách này hay cách khác, họ là một gia đình và anh không phải là chủ gia đình.

Em may lại cái này cho anh được không?

Vâng. Đợi em may xong cái váy lót này nhé. Con bé chỉ có một chiếc váy nó mặc lúc đến đây, mà ai cũng cần quần áo để thay đổi.

Còn bánh không?

Em nghĩ Denver ăn hết rồi.

Và chuyện chị đã không than phiền, thậm chí không cả để ý là bây giờ anh ngủ mọi chỗ quanh nhà, điều chị đã rộng lượng chấm dứt tối hôm nay.

Sethe thở dài và đặt một bàn tay lên ngực anh. Chị biết chị đang tìm cách bài bác anh để tìm cách chống lại chuyện mang thai lần nữa, và điều ấy khiến chị thoáng hổ thẹn. Nhưng chị đã có đủ con rồi. Nếu một ngày kia hai đứa con trai của chị trở về, và Denver và Thương ở lại – thì mọi chuyện là hoàn hảo, có đúng không? Không phải bức tranh đã thay đổi ngay sau khi chị nhìn thấy mấy chiếc bóng nắm tay bên vệ đường sao? Và đúng lúc chị nhìn thấy cái áo và đôi giày ngồi trong sân trước, chị tiểu như vỡ nước ối. Thậm chí không cần nhìn thấy khuôn mặt bừng bừng trong nắng. Chị đã mơ về nó nhiều năm.

Ngực của Paul D nhô lên hạ xuống, nhô lên hạ xuống dưới tay chị.

14

Denver rửa xong bát đĩa và ngồi xuống bàn. Thương, không cử động từ lúc Sethe và Paul D rời phòng, ngồi mút ngón tay trỏ. Denver nhìn mặt cô một lúc rồi nói, “Mẹ muốn ông ta ở đây.”

Thương vẫn thọc tay vào miệng. “Làm sao cho hắn đi đi,” cô nói.

“Nếu ông ta đi mẹ có thể giận chị.”

Thương nhét ngón tay cái vào miệng cùng ngón trỏ và kéo ra một cái răng hàm. Hầu như không có máu, nhưng Denver nói, “Ôi, chị không đau sao?”

Thương nhìn cái răng và nghĩ, Bắt đầu rồi đây. Kế đến sẽ là cánh tay cô, bàn tay, ngón chân cái. Người cô sẽ rời ra từng mảnh từng mảnh một, hay vỡ vụn ra trong khoảnh khắc. Hay một buổi sáng nào đó cô sẽ vỡ tung ra trước khi Denver thức giấc và sau khi Sethe đã đi. Lúc cô chỉ có một mình thật khó để giữ đầu cô ở trên cổ, chân gắn vào hông. Một trong những điều cô không nhớ là lần đầu tiên cô biết ngày nào cô cũng có thể thức dậy và thấy mình rời ra từng mảnh. Cô có hai giấc mơ: cô nổ tung lên, hoặc bị nuốt chửng. Khi răng cô rụng – một mảnh là lạ, ở cuối hàng – cô nghĩ chuyện ấy đang bắt đầu.

“Chắc là răng khôn,” Denver nói. “Nó không đau hả?”

“Có.”

“Vậy sao chị không khóc?”

“Cái gì?”

“Nếu nó đau, tại sao chị không khóc?”

Và cô khóc. Trong khi ngồi đấy, cái răng nhỏ trắng trong lòng bàn tay rất mịn màng. Khóc như cô muốn khóc lúc mấy con rùa ra khỏi nước, con này sau con kia, ngay sau khi con chim đỏ như máu biến trở lại vào trong tàng lá. Như cô muốn khóc khi Sethe đến với hắn lúc hắn đang đứng trong cái chậu dưới cầu thang. Cô chạm đầu lưỡi vào dòng nước mặn lăn xuống khóe miệng và hy vọng cánh tay Denver quanh vai cô sẽ giữ cho vai cô không bị rời ra.

Cặp nam nữ trên lầu, hòa nhập lại, không nghe tiếng động nào, nhưng bên dưới họ, bên ngoài, xung quanh I24, tuyết đang rơi, rơi mãi. Chồng chất lên chính mình, chôn vùi chính mình. Cao hơn. Sâu hơn.

15

Trong tận cùng tâm tưởng của Baby Suggs có thể đã có ý nghĩ rằng nếu Halle đến được, thể theo ý Chúa, đấy sẽ là lý do để ăn mừng. Phải chi đứa con trai cuối cùng này có thể làm cho chính mình điều anh đã làm cho bà và ba đứa trẻ mà John và Ella đã giao đến tận cửa nhà bà vào một buổi tối mùa hè. Khi bọn trẻ đến và không có Sethe, bà lo lắng và biết ơn. Biết ơn rằng những người trong gia đình còn sống sót là mấy đứa cháu của chính bà – những đứa cháu đầu tiên và duy nhất bà được biết: hai thằng con trai và một đứa bé gái đã biết bò. Nhưng bà lắng yên trái tim mình, sợ không dám hỏi: Còn Sethe và Halle thì sao, tại sao lại chậm trễ? Tại sao Sethe không đi cùng? Không ai đi được một mình. Không những vì bọn săn bẫy sẽ tóm họ như tóm kên kên hay lưới họ như lưới thỏ, mà cũng vì người ta không thể chạy nếu người ta không biết đi cách nào. Người ta có thể lạc lối mãi mãi nếu không có ai chỉ đường.

Vì thế khi Sethe đến – bầm dập và rách nát, nhưng với một đứa cháu nội nữa trong tay – bà nghĩ đến tiếng reo hân hoan nhiều hơn. Nhưng vì vẫn không có dấu hiệu nào của Halle và chính Sethe không biết chuyện gì đã xảy ra với anh, bà để tiếng reo mừng nằm yên – không muốn làm giảm cơ may của anh vì tạ ơn Chúa quá sớm.

Stamp Paid là người khởi đầu mọi chuyện. Hai mươi ngày sau khi Sethe đến I24, ông ghé qua xem đứa bé ông đã gói trong áo khoác của cháu ông, xem người mẹ ông đã đưa cho miếng lươn rán và, vì lý do riêng tư nào đấy, mang hai cái thùng đến một chỗ gần bờ nước chỉ có mình ông biết là có dâu đen mọc, vị ngon và hạnh phúc đến nỗi ăn chúng cũng giống như đang ở trong nhà thờ. Chỉ một quả dâu ấy là người ta cảm thấy được tôn vinh. Ông đi bộ sáu dặm đến bờ sông, vừa chạy vừa trượt xuống một thung lũng hầu như không thể vào được vì bụi cây chắn lối. Ông băng qua những bụi cây mâm xôi có gai nhọn to như dao đâm qua tay áo và ống quần làm chảy máu. Đồng thời phải chịu muỗi, ong, ong đất, ong vò vẽ, và những con nhện cái ác nhất tiểu bang. Bị trầy xước, cào và cắn, ông luồn lách qua được và hái mỗi trái dâu bằng những đầu ngón tay nhẹ nhàng đến nỗi không có trái nào bị dập. Khoảng chiều gần tối ông trở về I24 và đặt hai thùng đầy xuống hàng hiên. Khi Baby Suggs thấy quần áo rách của ông, hai bàn tay chảy máu, mặt và cổ nổi lằn sưng, bà ngồi xuống và cười ra tiếng.

Buglar, Howard, người đàn bà đội mũ và Sethe đến nhìn và rồi cùng phá lên cười với Baby Suggs trước cảnh tượng ông già da đen cứng cỏi: nhân viên tổ chức mật, ngư ông, lái đò, thợ săn, kẻ cứu rỗi, gián điệp, đứng giữa ban ngày ban mặt, rốt cuộc đã bị hai thùng dâu đen đánh tơi tả. Không để ý đến họ, ông lấy một quả dâu và để vào miệng Denver, lúc ấy ba tuần tuổi. Mấy người đàn bà hét lên.

“Nó còn nhỏ quá, Stamp.”

“Nó ỉa chảy cho mà xem.”

“Nó sẽ đau bụng.”

Nhưng đôi mắt vui thích và làn môi chép chép của đứa bé khiến họ làm theo, thử mỗi lần một trái dâu có vị như nhà thờ. Cuối cùng Baby Suggs đánh vào tay hai thằng con trai để chúng rút tay khỏi thùng và bảo Stamp đi đến vòi nước rửa ráy. Bà quyết định sẽ dùng mớ trái cây để làm một điều gì cho xứng đáng với công khó nhọc và tình thương của người đàn ông. Chuyện bắt đầu như thế.

Bà làm bột bánh nướng và nghĩ bà phải bảo John và Ella ghé ngang, vì giữ cho riêng mình ba cái bánh nướng, có thể bốn, là nhiều quá. Sethe nghĩ họ cũng nên thêm vào một hai con gà. Stamp nói rằng cá rô và cá lóc nhiều đến nỗi chúng sẽ nhảy vào xuồng – thậm chí không cần thả câu.

Từ đôi mắt thích thú của Denver, câu chuyện trở thành một bữa tiệc cho chín chục người. Giọng nói của họ náo động I24 cho đến khuya. Chín mươi người ăn ngon và cười nhiều đến nỗi họ nổi giận. Họ thức dậy sáng hôm sau và nhớ đến cá rô tẩm bột ngô rán mà Stamp Paid đã lật bằng một cành gỗ mại châu, trong lúc giơ bàn tay trái che mỡ sôi bắn, chè ngô nấu với kem sữa, trẻ con ăn quá nhiều và mệt mỏi ngủ trong cỏ, tay còn cầm những mẩu nhỏ xương thỏ nướng – và nổi giận.

Ba (có thể bốn) cái bánh của Baby Suggs trở thành mười (có thể mười hai). Hai con gà mái của Sethe thành năm con gà tây. Một tảng nước đá mang từ tận Cincinnati đến – họ đổ dưa hấu nghiền trộn với đường và bạc hà lên đá để làm nước ngọt – thành một chuyến xe ngựa đầy đá cho một cái bồn tắm đầy dâu. I24, rung động với tiếng cười, thiện ý và thức ăn cho chín mươi người, làm họ nổi giận. Quá đáng, họ nghĩ. Baby Suggs thánh thiện lấy đâu ra tất cả? Tại sao bà và gia đình bà lúc nào cũng là trung tâm mọi chuyện? Làm sao bà luôn luôn biết chính xác bà phải làm gì và làm khi nào? Khuyên bảo, đưa tin, chữa bệnh, giấu người trốn chạy, yêu thương, nấu nướng, nấu nướng, yêu thương, thuyết giảng, ca hát, nhảy múa và yêu thương mọi người như đấy là việc của bà và chỉ của riêng mình bà mà thôi.

Bây giờ, lấy hai thùng dâu đen để làm mười, có thể mười hai cái bánh, có gà tây đủ cho cả thị trấn xung quanh, những hạt đậu mới trong tháng Chín, kem sữa tươi mà không có bò, nước đá và đường, bánh mì xốp, bánh mì ngọt, bánh mì, bánh ngọt – tất cả làm họ nổi giận. Bánh mì và cá là quyền năng của Chúa – quyền năng ấy không thuộc về một người từng là nô lệ, có lẽ chưa hề vác nặng đến năm mươi kí lô, hoặc hái đậu bắp trong lúc cõng một đứa bé trên lưng. Một người chưa từng bị một thằng bé da trắng mười tuổi quất roi lên người như họ đã bị, có Chúa chứng giám. Một người thậm chí không phải chạy trốn cuộc sống nô lệ – thật ra đã được chuộc ra khỏi vòng nô lệ bởi một đứa con trai hiếu thảo và được chở đến sông Ohio bằng xe ngựa – giấy tờ trả tự do gấp lại để trong ngực áo (được chính người chủ cũ đưa đi, cũng là người trả lệ phí định cư cho bà – tên Garner), và thuê căn nhà hai tầng và một cái giếng từ gia đình Bodwin – hai anh em da trắng đã cho Stamp Paid, Ella và John quần áo, vật dụng và đồ nghề để cho người chạy trốn vì họ ghét chế độ nô lệ hơn là họ ghét nô lệ.

Những ý nghĩ ấy làm họ giận điên lên. Sáng hôm sau họ nuốt thuốc muối để làm dịu dạ

dày đã nổi loạn vì bữa tiệc thừa mứa, sự rộng rãi bất cẩn phô bày ở I24. Thì thầm với nhau trong sân nhà về những con chuột mập, ngày tận thế và niềm kiêu hãnh không đúng chỗ.

Mùi chê trách của họ nồng nặc trong không khí. Baby Suggs ngửi thấy nó và tự hỏi đấy là cái gì trong lúc bà nấu cháo ngô cho cháu. Sau đó, khi bà đứng ngoài vườn, cuốc đất cứng xung quanh rễ mấy cây tiêu, bà lại ngửi thấy nó. Bà ngẩng đầu và nhìn quanh. Sau lưng bà, vài thước về bên trái, Sethe ngồi xổm bên đám đậu đũa. Vai chị gồ lên vì tấm vải nỉ thoa mỡ lót dưới áo cho lưng chị mau lành. Gần chị là đứa nhỏ ba tuần tuổi nằm trong rổ. Baby Suggs thánh thiện nhìn lên. Bầu trời trong và xanh. Không có một dấu vết chết chóc nào trong màu lá xanh rờn. Bà có thể nghe tiếng chim và thoang thoáng tiếng dòng nước tận bên dưới đồng cỏ. Con chó con, Here Boy, đang chôn những miếng xương cuối cùng của bữa tiệc hôm qua. Đâu đó bên hông nhà có tiếng của Buglar và Howard và cô bé đang bò. Dường như không có gì sai lạc – nhưng mùi chê trách thì nồng gắt. Xa quá vườn rau, chỗ gần dòng suối nhưng có nắng, bà trồng ngô. Dù họ đã hái rất nhiều cho bữa tiệc, từ chỗ bà đứng bà có thể thấy vẫn còn những bắp ngô đang chín. Baby Suggs lại cúi xuống cuốc đất dưới gốc đám cây tiêu và mấy dây bí. Cẩn thận, với lưỡi cuốc nghiêng đúng độ, bà cắt ngang một thân cây cửu lý hương bám chặt vào đất. Hoa của nó bà nhét qua kẽ nón, phần còn lại bà quăng sang một bên. Tiếng chẻ gỗ nho nhỏ nhắc bà rằng Stamp đang làm công việc ông hứa làm đêm hôm trước. Bà thở dài vì công việc phải làm, và một lúc sau đứng thẳng dậy để ngửi mùi chê trách một lần nữa. Dựa trên cán cuốc, bà tập trung. Bà đã quen với nhận thức rằng không có ai cầu nguyện cho bà – nhưng nỗi chán ghét lảng vảng này thật mới mẻ. Không phải dân da trắng – chuyện ấy bà biết – vì thế phải là dân da đen. Và rồi bà biết. Bạn bè và lối xóm của bà giận bà vì bà đã vượt quá giới hạn, cho quá nhiều, làm họ phật lòng vì sự thừa mứa.

Baby nhắm mắt lại. Có lẽ họ đúng. Đột nhiên, sau mùi chê trách, mãi tận phía sau nó, bà ngửi thấy một mùi khác. Đen tối và đang đến. Một thứ bà không biết được vì cái mùi kia che mất nó.

Bà nhắm chặt mắt để nhìn cho rõ nhưng bà chỉ thấy được những chiếc giày cổ cao có hình dáng bà không thích.

Không biết nhưng muốn biết, bà dùng cuốc chặt và chặt. Nó có thể là điều gì? Cái thứ đen tối đang đến ấy. Còn điều gì có thể khiến bà tổn thương nữa? Tin về cái chết của Halle? Không. Bà đã chuẩn bị tinh thần cho cái tin ấy nhiều hơn cho tin anh còn sống. Đứa con cuối cùng mà bà hầu như không liếc mắt đến khi anh sinh ra vì nhìn những đường nét bà sẽ không bao giờ thấy khi chúng lớn lên chả ích gì. Bà đã làm như vậy bảy lần: cầm bàn chân nhỏ, xem xét những ngón tay mũm mĩm bằng những ngón tay của mình – bà chưa bao giờ được thấy những ngón tay ấy trở thành những bàn tay nam hay nữ, những bàn tay một người mẹ luôn luôn có thể nhận ra là tay con mình. Đến tận bây giờ bà vẫn không biết răng trưởng thành của chúng nhìn thế nào, hay khi chúng bước đi thì đầu chúng ở tư thế nào. Patty có hết nói ngọng không? Cuối cùng da của Famous màu gì? Cằm Johnny chẻ hay đấy chỉ là một lúm đồng tiền sẽ biến mất khi xương hàm thay đổi? Bốn cô con gái, lần cuối cùng bà thấy chúng nách chúng chưa mọc lông. Ardelia còn thích cạnh bánh mì cháy

không? Bảy đứa đã mất tăm hoặc chết. Nhìn kỹ đứa nhỏ nhất nào có ích gì? Nhưng không hiểu sao họ để cho bà giữ nó. Nó đi theo bà – khắp mọi nơi.

Khi hông bà bị đau ở Carolina, ông Garner mua bà với giá rất hời (rẻ hơn giá của Halle, lúc đó mười tuổi), ông mang cả hai về một nông trại ở Kentucky mà ông gọi là Tổ Ấm. Vì hông bà bị đau, khi bước bà vặn người như một con chó ba chân. Nhưng ở Tổ Ấm không có ruộng lúa hoặc đất trồng thuốc lá, và không ai, không một ai đánh đập bà. Không một lần nào. Lilian Garner không hiểu vì sao gọi bà là Jenny nhưng không bao giờ xô đẩy, đánh, hay gọi bà bằng những cái tên hèn hạ. Ngay cả khi bà trượt chân trong phân bò và làm vỡ tất cả trứng trong tạp dề, không ai nói đồ-quỷ-cái-đen-mày-làm-sao-vậy và không ai đánh đập bà.

Tổ Ấm rất nhỏ so với những chỗ bà đã ở lúc trước. Ông Garner, bà Garner, bà, Halle và bốn đứa con trai, quá nửa mang tên Paul, là tất cả dân số. Bà Garner hát nho nhỏ khi bà làm việc, ông Garner làm như cả thế giới là một món đồ chơi để ông nghịch. Cả hai không muốn bà ở ngoài đồng – bọn con trai của ông Garner, trong đó có Halle, làm tất cả việc đồng áng – một ân sủng vì dù muốn bà cũng không làm nổi. Việc của bà là đứng bên cạnh Lilian đang hát nho nhỏ trong lúc hai người nấu ăn, làm mứt, giặt, ủi, làm nến, may quần áo, làm xà phòng và nước táo, cho gà, lợn, chó và ngỗng ăn, vắt sữa bò, đánh bơ, nấu chảy mỡ, đốt lửa... Chẳng bao nhiêu việc. Và không ai đánh đập bà.

Ngày nào hông của bà cũng đau – nhưng bà không bao giờ nhắc đến nó. Chỉ có Halle, theo sát cử động của bà trong bốn năm qua, biết rằng bà phải dùng hai tay nhấc đùi mỗi khi nằm xuống và ngồi dậy khỏi giường, cho nên anh nói với ông Garner về việc muốn chuộc bà ra khỏi chỗ đó để bà có thể nghỉ ngơi thay vì làm việc. Thằng bé thật dễ thương. Người duy nhất đã làm một chuyện vất vả vì bà: tặng bà công lao động của anh, cuộc đời của anh và bây giờ là con cái của anh, bà có thể nghe thấy giọng chúng trong khi bà đứng ngoài vườn tự hỏi điều đen tối đang đến sau mùi chê trách là cái gì. Tổ Ấm đã là một cải thiện đáng kể. Không nghi ngờ gì nữa. Và cũng không quan hệ gì, vì nỗi buồn ở tâm điểm của bà, tâm điểm hoang vắng nơi bản ngã không có bản ngã trú ngụ. Dù bà rất buồn vì không biết con bà được chôn ở đâu hay chúng trông ra sao nếu chúng còn sống, sự thật là bà biết về chúng nhiều hơn bà biết về chính mình, vì bà chưa bao giờ biết cách để phát hiện ra chính mình.

Bà có hát được không? (Khi bà hát giọng bà có dễ nghe không?) Bà có đẹp không? Bà có phải là người bạn tốt không? Bà có là một người mẹ âu yếm không? Người vợ chung thủy? Mình có chị không và chị mình có yêu mình không? Nếu mẹ mình biết mình, bà có thương mình không?

Trong nhà của Lilian Garner, được miễn việc đồng áng đã làm gẫy xương hông bà và sự mệt mỏi làm mê mụ óc bà; trong nhà của Lilian Garner nơi không ai đánh đập bà (hay làm bà có bầu), bà lắng nghe người đàn bà da trắng hát nho nhỏ khi làm việc, nhìn mặt bà ta sáng lên khi ông Garner bước vào và nghĩ, cuộc sống ở đây tốt hơn, nhưng mình thì không tốt hơn. Bà thấy dường như gia đình Garner có một kiểu nô lệ đặc biệt, đối xử với nô lệ như

nhân công, lắng nghe điều họ nói, dạy điều họ muốn biết. Và ông không dùng bọn con trai của ông để gây giống. Không bao giờ mang chúng đến căn nhà gỗ của bà với lệnh "ngủ với nó," như người ta đã làm lúc ở Carolina, hay cho thuê chúng để gây giống ở những nông trại khác. Điều ấy khiến bà ngạc nhiên và vui lòng, nhưng nó cũng khiến bà lo lắng. Ông sẽ lựa chọn phụ nữ cho chúng hay ông nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi bọn con trai đối mặt với bản năng của chúng? Ông đang đùa với lửa và chắc chắn ông biết thế. Thật ra, lệnh của ông rằng chúng không được rời Tổ Ấm ngoại trừ khi có ông đi cùng không hẳn là vì luật pháp, mà vì mối họa của nô lệ gây giống khi đi rong bên ngoài không có chủ đi kèm.

Baby Suggs nói ít hết mức vì gốc lưỡi của bà còn nói được gì? Vì thế, thấy người nô lệ mới dù lặng lẽ nhưng rất được việc, người đàn bà da trắng hát nho nhỏ một mình trong khi làm việc.

Khi ông Garner đồng ý với dàn xếp của Halle, và khi chuyện bà được tự do có vẻ quan trọng với Halle hơn bất kỳ chuyện gì khác trên đời, bà để người ta đưa bà qua sông. Giữa hai điều khó khăn – đứng trên đôi chân cho đến khi gục ngã hay rời xa đứa con cuối cùng và có lẽ duy nhất còn sống – bà chọn điều khó khăn sẽ làm cho anh vui, và không bao giờ hỏi anh câu bà tự hỏi mình: Để làm gì? Người đàn bà nô lệ quá sáu mươi tuổi bước đi như con chó ba chân cần tự do để làm gì? Và khi bà đặt chân lên mảnh đất tự do bà không tin nổi rằng Halle biết điều mà bà không biết, rằng Halle, chưa bao giờ thở một hơi thở tự do, biết không có điều gì giống như vậy trên thế gian. Điều ấy khiến bà sợ hãi.

Có chuyện gì đó. Chuyện gì? Chuyện gì? Bà tự hỏi. Bà không biết mình trông như thế nào và không tò mò. Nhưng đột nhiên bà nhìn thấy hai bàn tay mình và nghĩ với sự sáng suốt đơn giản đến sững sờ, "Hai bàn tay này thuộc về mình. Đây là tay *của mình*." Kế đến bà cảm thấy tiếng đập trong ngực mình và khám phá một điều mới khác: nhịp tim của bà. Bao lâu nay nó vẫn có đấy? Thứ đập thình thịch này? Bà cảm thấy mình khờ khạo và cười thành tiếng. Ông Garner ngoái nhìn bà với đôi mắt nâu mở to và cũng mỉm cười. "Jenny, cái gì buồn cười thế?"

Bà không thể ngưng cười. "Tim tôi đang đập," bà nói.

Và thật như thế.

Ông Garner cười. "Không có gì phải sợ, Jenny. Chị cứ như cũ, thì chị sẽ không sao."

Bà bịt miệng để khỏi cười quá lớn.

"Tôi sẽ dẫn chị đến mấy người này, chị cần gì họ sẽ giúp chị. Tên là Bodwin. Anh trai và em gái. Người Scotland. Tôi đã biết họ hai chục năm hay hơn."

Baby Suggs nghĩ đó là dịp tốt để hỏi ông điều bà muốn biết đã lâu.

"Ông Garner," bà nói, "tại sao ai cũng gọi tôi là Jenny?"

"Vì đó là tên ở trên giấy bán chị. Nó không phải tên của chị sao? Chị tên gì?"

“Không là gì hết,” bà nói. “Tôi không có tên.”

Ông Garner cười đến đỏ mặt. “Khi tôi đem chị rời khỏi Carolina, Whitlow gọi chị là Jenny và Jenny Whitlow là tên trong hóa đơn của hắn. Hắn không gọi chị là Jenny hả?”

“Thưa không. Nếu ông ấy có gọi thì tôi cũng không nghe thấy.”

“Vậy gọi tên gì thì chị trả lời?”

“Bất cứ cái gì. Nhưng Suggs là tên chồng tôi.”

“Chị có chồng sao Jenny? Tôi không biết.”

“Có thể gọi là chồng.”

“Chị có biết chồng chị ở đâu không?”

“Thưa không.”

“Người ấy có phải là cha của Halle không?”

“Thưa không.”

“Vậy tại sao chị gọi nó là Suggs? Hóa đơn bán hàng của nó cũng đề Whitlow, như của chị.”

“Suggs là tên tôi, thưa ông. Tên chồng tôi. Ông ấy không gọi tôi là Jenny.”

“Ông ấy gọi chị là gì?”

“Baby.”

“Vậy thì,” Ông Garner nói, lại đỏ mặt lần nữa, “nếu tôi là chị thì tôi giữ tên Jenny Whitlow. Bà Baby Suggs không phải là một cái tên hay cho một người da đen được tự do.”

Có thể là không, bà nghĩ, nhưng Baby Suggs là tất cả những gì còn lại từ người bà nhận là “ông chồng.” Một người đàn ông nghiêm nghị, buồn buồn đã dạy bà cách làm giày. Hai người giao hẹn với nhau: ai có dịp sẽ trốn, nếu được thì cùng nhau, không được thì một mình, và không nhìn lại. Ông có cơ hội, và bà tin rằng ông thoát được vì bà không nghe tin ông bị bắt. Giờ đây làm sao ông tìm ra hoặc nghe kể chuyện về bà nếu bà nhận lấy cái tên trong một hóa đơn nào đó?

Thành phố khiến bà choáng ngợp. Nhiều người hơn Carolina và dân da trắng đông nghẹn thở. Nhà hai tầng khắp nơi, và lối đi trải ván cắt tuyệt hảo. Đường rộng bằng chiều rộng căn nhà của Garner.

“Đây là thành phố của nước,” ông Garner nói. “Cái gì cũng di chuyển bằng đường thủy và nếu sông không chở được thì có kênh đào. Tuyệt nhất trong các thành phố, Jenny ạ. Tất

cả mọi thứ chị mơ đến, họ làm ở ngay đây. Bếp lò sắt, nút áo, tàu thủy, áo sơ mi, lược, sơn, máy hơi nước, sách. Hệ thống cống làm người ta phải trợn mắt. Ôi, nơi đây quả đáng mặt thành phố. Nếu chị phải ở thành phố – thì đây là nơi chị nên ở."

Gia đình Bodwin ở ngay giữa một con đường nhiều nhà và cây cối. Ông Garner nhảy ra và buộc ngựa vào một cái cột bằng sắt đặc.

"Mình đến rồi."

Baby cầm gói đồ của bà và khó khăn lắm mới leo xuống được, vì hông của bà và nhiều giờ ngồi trong xe ngựa. Ông Garner đã đi hết lối đi và đến hàng hiên trước khi bà chạm đất, nhưng bà thoáng thấy khuôn mặt một cô gái da đen sau cánh cửa mở trước khi bà theo một con đường nhỏ đến phía sau căn nhà. Bà đợi một lúc dường như rất lâu trước khi cô gái bà thoáng thấy mở cửa bếp và mời bà ngồi xuống một chiếc ghế bên cửa sổ.

"Bà có muốn ăn gì không?" cô gái hỏi.

"Không, con ạ. Nhưng bà muốn ít nước." Cô gái đến bồn nước và bơm một cốc đầy. Cô đặt nó vào tay Baby Suggs. "Con là Janey."

Baby, ngưỡng mộ cái bồn, uống từng giọt như thể nó có vị như thuốc thật. "Suggs," bà nói, giơ lưng bàn tay chậm môi. "Baby Suggs."

"Mừng được gặp bà, bà Suggs. Bà sẽ ở đây hả?"

"Bà không biết bà sẽ ở đâu. Ông Garner – ông là người mang bà đến đây – ông nói ông sẽ thu xếp chuyện gì đó cho bà." Và rồi, "Bà tự do, con biết không."

Janey mỉm cười. "Có ạ."

"Gia đình con ở quanh đây?"

"Vâng. Gia đình con ở Bluestone."

"Gia đình bà thì rải rác," Baby Suggs nói, "nhưng không chừng sẽ hết rải rác."

Chúa ơi, bà nghĩ, mình bắt đầu từ đâu đây? Nhờ ai viết cho lão Whitlow. Xem ai mang Patty và Rosa Lee đi. Bà nghe nói người đã mua Ardelia tên là Dunn và đi về miền Tây. Tìm Tyree hay John là vô ích. Tụi nó đã bỏ chạy ba chục năm trước và nếu tụi nó đang trốn và bà tìm ráo riết quá, tìm ra tụi nó sẽ hại hơn là giúp tụi nó. Nancy và Famous chết trên chiếc tàu ngoài khơi Virginia trước khi nó căng buồm đi Savannah. Bà biết như vậy. Người cai ở chỗ Whitlow mang tin cho bà, vì muốn ngủ với bà hơn là vì lòng tốt. Thuyền trưởng đợi ba tuần ở cảng, để chất đầy hàng trước khi đi. Trong đám nô lệ trong hầm tàu không qua khỏi, hắn nói, có hai đứa nhà Whitlow tên là...

Nhưng bà biết tên chúng. Bà biết, và che tai bằng hai nắm tay để không nghe thấy tên chúng từ miệng hắn.

Janey hâm chút sữa và đổ vào một cái chén cạnh đĩa bánh ngô. Sau một chút mời mọc, Baby Suggs đến bàn và ngồi xuống. Bà bẻ vụn bánh bỏ vào sữa nóng và nhận ra chưa bao giờ bà đói bụng như thế trong đời dù bà đã chịu đói rất nhiều lần.

“Họ có thấy hụt đi không?”

“Không,” Janey nói. “Bà ăn thỏa thích đi, của mình mà.”

“Có ai khác ở đây không?”

“Chỉ có con. Ông Woodruff, ông ấy làm việc bên ngoài sân. Ông ghé qua một tuần hai, ba bữa.”

“Chỉ có hai người là con với ông ta?”

“Vâng. Con nấu nướng và giặt giũ.”

“Có thể gia đình con biết ai đang cần người giúp việc?”

“Con sẽ hỏi, nhưng con biết họ nhận đàn bà ở lò mổ.”

“Làm cái gì?”

“Con không biết.”

“Bà đoán là làm việc gì đàn ông không muốn làm.”

“Em họ con nói mình được tha hồ lấy thịt, cộng thêm hai mươi lăm xu một giờ. Em con làm xúc xích mùa hè.”

Baby Suggs đặt tay lên đỉnh đầu. Tiền? Tiền? Họ sẽ trả tiền cho bà mỗi ngày? Tiền?

“Lò mổ ở đâu?” Bà hỏi.

Trước khi Janey kịp trả lời, hai anh em Bodwin vào bếp và theo sau là ông Garner đang cười toe toét. Hai anh em rõ ràng giống nhau, cả hai mặc màu xám với khuôn mặt rất trẻ so với mái tóc trắng như tuyết.

“Janey, cô có mời chị ấy ăn không?” Người anh hỏi.

“Dạ có.”

“Cứ ngồi đi, Jenny,” cô em nói, và tin lành trở nên tốt lành hơn nữa.

Khi họ hỏi bà làm được việc gì, thay vì kể ra một tràng cả trăm việc bà đã làm trước đó, bà hỏi về lò mổ. Họ nói rằng bà quá già nên không làm được ở đấy.

“Chị là người đóng giày giỏi nhất tôi biết,” ông Garner nói.

“Thợ giày?” Cô Bodwin nhướng đôi mày đen đậm. “Ai dạy cho chị?”

“Một người nô lệ,” Baby Suggs nói.

“Ủng mới hay chỉ sửa lại thôi?”

“Mới, cũ, đủ cả.”

“Vậy thì,” cậu Bodwin nói, “đấy là một việc, nhưng chị cần thêm nữa.”

“Còn nhận giặt quần áo thuê ở nhà thì sao?” Cô Bodwin hỏi.

“Dạ được.”

“Bốn xu một cân.”

“Dạ. Nhưng nhà ở đâu?”

“Cái gì?”

“Cô nói ‘nhận giặt ở nhà.’ ‘Nhà’ ở đâu? Chỗ tôi ở đấy.”

“Ồ, nghe này, Jenny,” ông Garner nói. “Hai thiên thần này có căn nhà cho chị. Họ có nhà ở ngoài thành phố.”

Chỗ ấy là của ông bà họ trước khi họ dọn đến đây. Trước đấy không lâu họ cho một nhóm da đen thuê, và mấy người này đã rời tiểu bang. Họ nói nhà quá lớn cho một mình Jenny (hai phòng trên gác và hai phòng ở dưới), nhưng đấy là điều duy nhất và tốt nhất họ có thể giúp. Họ sẽ cho bà ở đấy để đổi lại vài việc giặt giũ, may vá, đóng hộp và vân vân (ồ, cả giày nữa). Với điều kiện bà phải sạch sẽ. Đám da đen vừa rồi không sạch sẽ. Baby Sugg chấp nhận hoàn cảnh, tiếc rẻ thấy tiền đi nhưng náo nức vì cái nhà có bậc thềm – cho dù bà không leo nổi những bậc thềm ấy. Ông Garner bảo hai anh em Bodwin bà là đầu bếp giỏi cũng như thợ giày và khoe bụng ông ra và mẫu giày trên chân ông. Mọi người cùng cười.

“Chị cần gì thì cho chúng tôi biết,” cô em nói. “Chúng tôi không có nô lệ, ngay cả loại nô lệ của Garner.”

“Nói cho họ nghe đi Jenny. Chị có ở chỗ nào tốt hơn chỗ tôi không?”

“Dạ không,” bà nói. “Không chỗ nào.”

“Chị ở Tổ Ấm bao lâu?”

“Mười năm, chắc vậy.”

“Có bao giờ đói không?”

“Dạ không.”

“Lạnh?”

“Dạ không.”

“Có ai đụng đến chị không?”

“Dạ không.”

“Tôi có cho phép Halle chuộc chị không?”

“Dạ có, ông cho phép,” bà nói, và nghĩ, Nhưng ông giữ con trai tôi và tôi thì đã suy bại rồi. Ông sẽ còn cho mướn nó để trả nợ của tôi sau khi tôi chầu Trời lâu rồi.

Woodruff, họ nói, sẽ chở bà ra đấy, họ nói, và cả ba biến mất sau cánh cửa bếp.

“Bây giờ con phải nấu bữa tối,” Janey hói.

“Bà phụ cho,” Baby Suggs nói. “Con thấp bé quá không với đến ngọn lửa được.”

Trời đã tối khi Woodruff tặc lưỡi bảo con ngựa đi nước kiệu. Anh ta còn trẻ với bộ râu rậm và một vết bỏng trên hàm bộ râu không che được.

“Anh sinh ra ở đây?” Baby Suggs hỏi anh.

“Dạ không. Ở Virginia. Con ở đây được chừng hai ba năm.”

“À.”

“Bà sẽ đến một căn nhà đẹp. Lớn nữa. Trước kia có một mục sư ở đấy và cùng gia đình. Mười tám người con.”

“Lạy Chúa tôi. Họ đi đâu rồi?”

“Illinois. Giám mục Allen cho ông một xứ đạo trên đó. Một xứ đạo lớn.”

“Có nhà thờ nào ở quanh đây không? Tôi chưa vào nhà thờ mười năm rồi.”

“Tại sao?”

“Không có cái nào. Tôi không thích chỗ trước chỗ vừa rồi, nhưng cách này hay cách khác tôi cũng đi nhà thờ mỗi Chủ nhật. Tôi dám cá là bây giờ Chúa quên mất tôi rồi.”

“Bà nên đến gặp mục sư Pike. Ông sẽ giúp bà làm quen lại với Chúa.”

“Tôi không cần ông. Tôi có thể tự làm quen. Điều tôi cần ông giúp là làm quen lại với con tôi. Tôi đoán là ông biết đọc biết viết?”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Tốt, vì tôi phải bươi móc nhiều.” Nhưng tin tức họ lùng được chẳng có bao nhiêu và bà bỏ cuộc. Sau hai năm nhờ ông mục sư viết thư, hai năm giặt giũ, may vá, đóng hộp, đóng giày, làm vườn và ngồi trong nhà thờ, bà chỉ biết được là chỗ Whitlow không còn nữa và người ta không thể viết thư cho “một người đàn ông tên Dunn” nếu người ta chỉ biết rằng ông đi về miền Tây. Dù sao, tin lành là Halle đã lấy vợ và sắp có con. Bà tập trung vào tin lành ấy và lối thuyết giảng riêng của bà, quyết định sẽ làm gì với trái tim bắt đầu đập vào giây phút bà vượt qua sông Ohio. Và bà thành công, khá thành công, cho đến khi bà trở nên kiêu hãnh và để mình bị choáng ngợp bởi hình ảnh của con dâu và lũ con của Halle – một đứa sinh dọc đường – và mở tiệc dâu đen ăn mừng lớn hơn cả lễ Giáng sinh. Bây giờ bà đứng trong vườn ngửi mùi chê trách, cảm thấy một điều đen tối sắp đến, và thấy những chiếc giày cổ cao với hình dáng bà không thích chút nào. Không một chút nào.

16

Khi bốn người cưỡi ngựa đến – thầy giáo, một thằng cháu, một tên bắt nô lệ và một cảnh sát – căn nhà trên đường Bluestone yên lặng đến nỗi bọn chúng tưởng mình đã trễ. Ba đứa xuống ngựa, một đứa ngồi lại trên yên, lăm lăm súng trường, phóng tầm mắt ra xa về bên trái và bên phải, vì kẻ bỏ trốn thường chạy bừa. Mặc dù đôi khi, không biết được, người ta tìm ra họ ẩn mình đâu đó: dưới gỗ lót sàn, trong phòng chứa đồ ăn – có lần trong ống khói. Ngay lúc ấy cũng nên cẩn thận, vì những người im lặng nhất, những người bị kéo ra từ phòng là, kho rơm, hay, có lần từ ống khói, sẽ không chống cự trong vài ba giây. Bị bắt quả tang, hay đại loại như thế, họ dường như nhận ra rằng tìm cách qua mặt người da trắng là vô ích và chạy nhanh hơn khẩu súng trường là vô vọng. Thậm chí tên da đen sẽ mỉm cười, như đứa nhỏ bị bắt gặp với bàn tay trong hũ mứt, và khi người ta với tay lấy sợi thừng để trói hắn lại, ngay cả lúc ấy người ta cũng không biết được. Chính tên da đen cúi đầu với nụ cười hũ mứt lỏn lẻn trên mặt có thể đột nhiên gầm lên, như một con bò đực hay con gì tương tự, và bắt đầu làm những chuyện khó tin. Chụp lấy nòng khẩu súng trường, nhào vào người cầm súng – bất cứ điều gì. Vì thế người ta phải giữ khoảng cách, để chuyện trói hắn cho người khác làm. Nếu không thì rốt lại người ta sẽ giết thứ người ta được trả tiền để bắt sống về. Không giống một con rắn hay gấu, một đứa da đen chết không có giá trị gì và người ta không thể lột da nó bán lấy tiền.

Sáu hay bảy người da đen đang đi trên con đường về hướng căn nhà: hai thằng nhỏ bên trái tên bắt nô lệ và vài người đàn bà bên tay phải. Hắn dùng khẩu súng trường ra dấu cho họ đứng yên và họ đứng lại tại chỗ. Thằng cháu trai trở lại sau khi nhòm vào cửa sổ. Hắn đưa tay lên môi ra dấu yên lặng và ra hiệu bằng ngón cái để cho bọn chúng biết thứ bọn chúng tìm đang ở đằng sau nhà. Lúc ấy tên bắt nô lệ xuống ngựa và nhập bọn với những đứa kia. Thầy giáo và thằng cháu di chuyển đến phía trái của căn nhà, gã và tên cảnh sát phía bên phải. Một tên da đen già điên khùng đang cầm một cái rìu đứng trong đống gỗ. Người ta biết ngay hắn khùng vì hắn gầm gừ – những tiếng nhỏ như mèo kêu. Cách tên da đen khoảng mười hai thước là một đứa da đen nữa – một mụ đội chiếc mũ cài một đóa hoa. Có lẽ mụ cũng khùng vì mụ đứng như trời trồng – nhưng hai tay mụ phe phẩy như đang đẩy mạng nhện ra khỏi lối đi. Dù thế, cả hai cùng nhìn chăm chăm một chỗ – một cái nhà kho. Thằng cháu trai đến bên lão da đen và lấy cái rìu ra khỏi tay lão. Rồi cả bốn tên bắt đầu đi về phía nhà kho.

Bên trong, hai đứa con trai đang chảy máu trong lớp mạt cưa và đất cát dưới chân một mụ da đen, một tay mụ ôm một đứa trẻ đẫm máu vào ngực và tay kia cầm hai chân một đứa bé sơ sinh. Mụ không nhìn bọn chúng, mụ chỉ vung đứa trẻ sơ sinh về phía ván tường, hụt và thử lại lần nữa, khi không biết từ đâu – trong tích tắc, khi bọn đàn ông nhìn trừng trừng cảnh tượng – lão già da đen, vẫn kêu như mèo, chạy qua cánh cửa phía sau bọn chúng và giật đứa bé sơ sinh khỏi cánh tay vung của mẹ nó.

Mọi chuyện lập tức trở nên rõ ràng, đặc biệt với thầy giáo, rằng không còn gì để đòi. Ba

đứa nô lệ (bây giờ là bốn – vì mụ đã đẻ đứa con mụ mang thai khi chạy trốn) bọn chúng hy vọng còn sống và đủ khỏe mạnh để mang về Kentucky, mang về và nuôi lớn đúng cách để làm những việc Tổ Ấm rất cần người để làm, không còn nữa. Hai đứa nằm mở mắt trong mạt cưa; đứa thứ ba phun máu xuống áo của đứa chủ chốt – mụ đàn bà thầy giáo đã nhắc đến để khoe khoang, người hắn nói làm mực viết tốt, nấu xúp rất ngon, là cổ áo kiểu hắn thích, ngoài ra còn ít nhất mười năm sinh sản. Nhưng bây giờ mụ đã điên khùng, vì sự ngược đãi của đứa cháu trai đánh đập mụ quá mức và làm mụ bỏ chạy. Thầy giáo đã mắng thằng cháu trai, bảo nó suy nghĩ – nghĩ đi – con ngựa của nó sẽ làm gì nếu nó đánh con ngựa đến hết dạy bảo được. Hay Chipper, hay Samson. Giả tỷ như nó đánh hai con chó quá mức. Không bao giờ nó còn có thể tin cậy vào chúng ở trong rừng hay bất cứ đâu. Có thể nó đang cho hai con chó ăn, giơ miếng thịt thỏ trong tay ra, và con vật sẽ phản lại – cắn đứt bàn tay nó. Vì thế hắn phạt thằng cháu ấy bằng cách không cho nó đi theo trong cuộc săn. Bắt nó ở lại, cho thú ăn, tự cho nó ăn, cho Lilian ăn, lo vụ mùa. Xem nó thích chuyện ấy như thế nào, xem chuyện gì xảy ra khi nó đánh quá mức những sinh vật mà Chúa Trời đã ban cho nó để chăm lo – phiền phức ra sao và mất mát thế nào. Mất hết cả bọn rồi. Năm đứa. Hắn có thể đòi đứa trẻ sơ sinh giãy giụa trong tay của lão già kêu như mèo, nhưng ai sẽ chăm sóc nó? Vì mụ đàn bà – mụ không bình thường nữa rồi. Bây giờ mụ đang nhìn hắn, và nếu thằng cháu hắn trông thấy cái nhìn ấy chắc chắn nó sẽ học được bài học: người ta không thể đối xử tệ bạc với những sinh vật dưới tay và mong đợi thành công.

Thằng cháu, đứa đã bú mụ khi anh nó đè mụ xuống, không biết nó đang run. Chú nó đã cảnh cáo nó về thứ rối rắm này, nhưng dường như nó chẳng nghe. Mụ làm vậy để làm gì? Vì bị đánh? Quỷ thần ơi, nó đã bị đánh cả triệu lần, dù nó là da trắng. Một lần bị đánh đau quá, nó nổi quạu và đập vỡ thùng múc nước ở giếng. Lần khác nó đổ cái giận lên đầu Samson – ném vài viên đá vào Samson rồi thôi. Nhưng chưa có sự đánh đập nào làm nó… nó muốn nói nó không thể nào… Mụ làm vậy để làm gì? Và đấy là điều nó hỏi viên cảnh sát, đang đứng ở đấy, kinh ngạc như những người khác, nhưng không run. Gã đang nuốt mạnh xuống, và nuốt mãi. “Mụ làm vậy để làm gì?”

Viên cảnh sát quay lại, rồi nói với ba đứa kia, “Mấy người nên đi đi. Có vẻ chuyện của mấy người xong rồi. Bây giờ là chuyện của tôi.”

Thầy giáo đập mũ vào đùi và nhổ nước bọt trước khi rời kho củi. Thằng cháu và tên bắt nô lệ lùi ra với hắn. Bọn chúng không nhìn người đàn bà trong đám cây tiêu với hoa trên mũ. Và bọn chúng không nhìn sáu bảy khuôn mặt đang nhích đến gần hơn mặc dù có khẩu súng trường cảnh cáo của tên bắt nô lệ. Đủ mắt da đen rồi. Mắt hai thằng nhỏ da đen mở trừng trong mạt cưa, mắt con nhỏ da đen nhìn trừng trừng qua những ngón tay ướt đang giữ lấy đầu để nó không rời ra, mắt đứa trẻ sơ sinh da đen nheo lại để khóc trong tay lão già da đen, đôi mắt lão chỉ là hai kẽ hở nhìn xuống chân. Nhưng đôi mắt ghê gớm nhất là đôi mắt của mụ da đen, người trông như không có mắt. Vì lòng trắng trong đôi mắt mụ đã biến mất và vì đôi mắt mụ đen như da mụ, mụ trông như mù.

Bọn chúng tháo rời con ngựa của thầy giáo khỏi con la mượn định dùng để chở mụ đàn bà chạy trốn trở về chỗ chủ của mụ, và buộc con ngựa vào hàng rào. Rồi, mặt trời đúng đỉnh

đầu, bọn chúng phi ngựa đi, để lại viên cảnh sát đằng sau giữa đám mọi đen trời đánh nhất bọn chúng từng thấy. Tất cả rõ ràng là hậu quả của việc áp đặt một thứ nho nhỏ gọi là tự do lên những người cần được chăm sóc và dẫn dắt trên thế gian để giữ họ xa rời cuộc sống ăn thịt người mà họ muốn sống.

Viên cảnh sát cũng muốn lùi ra. Để đứng trong ánh nắng bên ngoài nhà kho dùng để đựng gỗ, than đá, dầu hôi – nhiên liệu cho những mùa đông lạnh lẽo ở Ohio, điều bây giờ gã nghĩ đến, trong khi chống lại sự thôi thúc muốn chạy vào trong ánh nắng tháng Tám. Không phải vì gã sợ. Không phải thế. Gã chỉ thấy lạnh. Và gã không muốn đụng vào bất cứ cái gì. Đứa bé trong tay lão già đang khóc, và đôi mắt không lòng trắng của người đàn bà đang nhìn đăm đăm trước mặt. Họ có thể cứ như thế, không cử động, cho đến thứ Năm, nhưng một trong hai đứa con trai trên sàn thở ra. Như thể nó đang chìm vào vui thú của một giấc ngủ sâu ngọt ngào, tiếng thở của nó giục viên cảnh sát hành động.

"Tôi phải bắt chị. Đừng gây rắc rối nữa. Chị đã làm đủ rồi. Đi nào."

Chị không nhúc nhích.

"Chị đi đàng hoàng, nghe chưa, và tôi sẽ không phải trói chị."

Chị đứng yên và gã quyết định đến gần chị; hắn đang nghĩ cách trói hai bàn tay ướt đỏ của chị thì một chiếc bóng phía sau gã trong khung cửa làm gã quay lại. Mụ da đen có hoa trên mũ đi vào.

Baby Suggs để ý ai thở và ai không thở rồi đi thẳng đến hai đứa con trai đang nằm trong đất cát. Ông già đến bên người đàn bà đang nhìn trừng trừng và nói, "Sethe, đón lấy đứa tôi ẵm và đưa đứa chị đang ẵm cho tôi."

Chị quay về phía ông, và liếc nhìn đứa bé ông đang ẵm, ậm ự một tiếng nhỏ trong cổ họng như thể chị đã làm sai cái gì, quên bỏ muối vào bánh mì hay một thứ gì đại loại như thế.

"Tôi ra ngoài gọi xe ngựa đến," tên cảnh sát nói và cuối cùng vào được trong ánh nắng.

Nhưng Stamp Paid cũng như Baby Suggs không thể làm chị đặt cô bé hình-như-đã-biết-bò? xuống. Ra khỏi kho củi, trở vào nhà, chị vẫn giữ chặt lấy nó. Baby Suggs đã mang hai đứa con trai vào và đang rửa đầu chúng, xoa tay chúng, vạch mi mắt chúng, trong lúc thì thầm, "Xin lỗi, xin lỗi cháu." Bà băng vết thương cho chúng và cho chúng ngửi bạc hà trước khi chú ý đến Sethe. Bà lấy đứa bé đang khóc ra khỏi tay Stamp Paid và bế nó trên vai đúng hai phút, rồi đứng trước mặt mẹ nó.

"Đến giờ cho nó bú rồi," bà nói.

Sethe giơ tay nhận lấy đứa trẻ sơ sinh mà không thả đứa bé đã chết ra.

Baby Suggs lắc đầu. "Mỗi lần một đứa," bà nói và đổi đứa sống lấy đứa chết, và mang nó

vào phòng khách. Lúc bà trở lại, Sethe đang nhắm một núm vú dính máu về phía miệng đứa bé. Baby Suggs đấm nắm tay xuống bàn và hét lên, “Rửa ráy! Rửa ráy đi đã!”

Rồi họ tranh nhau. Như hai kẻ tình địch tranh người yêu, họ tranh nhau. Cả hai giành lấy đứa trẻ đang bú. Baby Suggs thua khi bà trượt chân trong vũng máu đỏ và ngã. Thế là Denver bú sữa mẹ cùng với máu của chị nó. Họ như thế khi viên cảnh sát trở lại, gã đã trưng thu xe bò của một người hàng xóm, và ra lệnh cho Stamp đánh xe.

Bấy giờ ở bên ngoài nhà, một hàng dài những khuôn mặt da đen ngưng thầm thì. Ôm đứa trẻ còn sống, Sethe bước ngang qua họ trong sự im lặng của họ và của chị. Chị leo vào xe bò, nhìn nghiêng khuôn mặt chị sắc nét như cắt bằng dao trên nền trời xanh tươi tắn. Một khuôn mặt nhìn nghiêng khiến họ kinh ngạc vì nó quá rõ nét. Đầu chị có phải ngẩng hơi quá cao? Lưng chị có phải hơi quá thẳng? Có lẽ. Nếu không tiếng hát sẽ lập tức bắt đầu, lúc chị xuất hiện trong cánh cửa của căn nhà trên đường Bluestone. Chiếc áo choàng âm thanh nào đấy sẽ nhanh chóng quàng quanh người chị, như cánh tay ôm ấp và giữ vững chị suốt quãng đường. Thay vì thế, họ đợi cho đến khi chiếc xe bò vòng lại, hướng về phía tây đến thị trấn. Và rồi không lời nào. Những tiếng ậm ự. Không một lời nào.

Baby Suggs định chạy, nhảy xuống mấy bậc thềm hàng hiên theo sau chiếc xe bò, hét lên, Không. Không. Đừng để Sethe lấy đi luôn đứa cuối cùng. Bà đã định thế. Đã bắt đầu, nhưng khi bà từ sàn nhà đứng dậy và đến sân, chiếc xe bò đã đi mất và một chiếc xe ngựa lăn bánh đến. Một đứa con trai tóc đỏ và một đứa con gái tóc vàng nhảy xuống và chạy qua đám đông đến bên bà. Một tay thằng nhỏ cầm quả ớt ngọt ăn dở và tay kia cầm đôi giày.

“Mẹ nói thứ Tư.” Nó cầm đôi giày bằng lưỡi giầy. “Mẹ nói thứ Tư bà phải sửa xong.”

Baby Suggs nhìn nó, và rồi nhìn người đàn bà đang giữ cương con ngựa rậm rật trên đường.

“Mẹ nói thứ Tư, bà nghe chưa? Baby? Baby?”

Bà cầm lấy đôi giày từ tay nó – cao cổ và bết bùn – nói, “Xin lỗi. Chúa ơi, con xin lỗi. Con thật xin lỗi.”

Xa ngoài tầm mắt, chiếc xe bò kẽo kẹt lăn xuống đường Bluestone. Không ai ở trong xe nói câu nào. Nhịp đong đưa của chiếc xe làm đứa bé ngủ. Mặt trời nóng hong khô áo của Sethe, như xác chết đang cứng dần.

17

Đấy không phải là miệng chị.

Ai không biết chị, hay có thể người nào chỉ thoáng nhìn thấy chị qua lỗ nhìn ở quán ăn, có thể nghĩ đấy là miệng chị, nhưng Paul D biết rõ hơn thế. Ôi chao, một thoáng gì đấy quanh vầng trán – nỗi yên ả – làm người ta thoáng nghĩ đến chị. Nhưng không cách gì người ta có thể lầm đấy là miệng chị và anh nói thế. Bảo Stamp Paid, đang nhìn kỹ anh.

"Tôi không biết. Tôi thấy không giống. Tôi biết miệng Sethe và miệng Sethe không phải như thế này." Anh dùng những ngón tay vuốt phẳng mẩu báo cắt và nhìn nó, không bối rối chút nào. Từ vẻ nghiêm trang của Stamp khi ông mở tờ báo, những ngón tay nhẹ nhàng khi ông vuốt những lằn gấp cho phẳng ra, đầu tiên trên hai đầu gối ông, rồi trên nắp mấy thùng gỗ xếp đống, Paul D biết rằng nó phải làm anh rối tung rối mù lên. Rằng điều viết trong ấy phải làm anh chấn động.

Mấy con lợn đang kêu trong cũi. Cả ngày Paul D, Stamp Paid và hai mươi người nữa đã đẩy và thúc đám lợn từ kênh đào đến bờ đến cũi đến lò mổ. Mặc dù giờ đây, khi nông dân trồng lúa đã đi về miền Tây, Saint-Louis và Chicago nắm phần lớn thương trường, Cincinnati vẫn là cảng lợn trong trí của những người dân Ohio. Việc chính của nó là nhận, giết và chở ngược dòng những con lợn mà dân phương Bắc không muốn thiếu trong cuộc sống. Khoảng một tháng vào mùa đông, bất cứ kẻ lưu lạc nào cũng có việc nếu hắn có thể hít thở mùi hôi thối của lòng lợn và đứng suốt mười hai tiếng, những khả năng Paul D đã được huấn luyện xuất sắc.

Một chút phân lợn vẫn còn trên ủng của anh, dù anh đã rửa khắp nơi anh có thể với đến, và anh cảm thấy nó khi anh đứng đấy với nụ cười nhạt khinh khỉnh cong trên khóe môi. Thường anh để ủng trong nhà kho, mang giày đi bộ và vào góc thay đồ thường ngày trước khi anh về nhà. Con đường về nhà dẫn anh qua ngay giữa một nghĩa trang xưa cũ như bầu trời, tràn ngập nỗi bồn chồn của những người da đỏ bộ lạc Miami đã chết không còn chịu yên nghỉ trong những nấm đất phủ kín họ. Một giống người lạ bước đi trên đầu họ, những con đường cắt qua những chiếc gối đất của họ, giếng và nhà đẩy họ ra khỏi sự an nghỉ đời đời. Giận dữ vì họ đã ngu dại tin rằng đất đai là thần thánh, hơn là vì bình an của họ bị xáo động, họ gầm gừ trên bờ sông Licking, thở dài dưới tàng cây trên đường Catherine và cưỡi ngọn gió trên những sân lò mổ. Paul D nghe tiếng họ nhưng anh ở lại vì việc ấy nhìn chung không phải việc tệ, đặc biệt vào mùa đông khi Cincinnati lấy lại địa vị của nó là thủ phủ của lò mổ và tàu thủy đường sông. Cơn thèm thịt lợn đã dâng lên thành điên cuồng ở tất cả các thành phố trong nước. Nông dân bán lợn kiếm được tiền, miễn là họ có thể nuôi đủ lợn và bán chúng đi càng lúc càng xa. Và những người Đức tràn ngập miền nam Ohio mang đến và phát triển những cách nấu nướng thịt lợn lên mức cao nhất. Tàu chở lợn nghẽn sông Ohio, các thuyền trưởng hò hét với nhau át tiếng ủn ỉn của mấy con vật là một âm thanh sông nước thông thường như tiếng vịt trời bay trên đầu họ. Cừu, bò và gà vịt cũng được chở

lên xuống con sông ấy, và một gã da đen chỉ cần có mặt là có việc: chọc tiết, giết, cắt, lột da, đóng thùng và để dành lại bộ lòng.

Cách lũ lợn kêu la một trăm thước, hai người đàn ông đứng sau một nhà kho trên phố Western và lý do Stamp Paid để ý đến Paul D suốt tuần làm việc vừa rồi đã rõ ràng, tại sao ông ngừng lại chờ khi ca tối đến, để bước chân của Paul D bắt kịp bước chân của ông. Ông đã quyết định cho anh xem mảnh giấy này – tờ báo – với hình vẽ của một người đàn bà giống Sethe ngoại trừ cái miệng. Không giống chút nào.

Paul D kéo mẩu báo từ dưới lòng bàn tay của Stamp ra. Chữ in không có nghĩa gì đối với anh cho nên anh không buồn liếc đến nó. Anh chỉ nhìn khuôn mặt, lắc đầu không. Không. Chỗ cái miệng, thấy không. Và anh lắc đầu không với bất cứ điều gì mà những vết cào màu đen nói, và với bất cứ điều gì Stamp Paid muốn anh biết. Một khuôn mặt da đen không thể xuất hiện trên một tờ báo vì bất cứ lý do khốn kiếp nào, nếu câu chuyện liên quan đến khuôn mặt ấy là chuyện tốt lành. Nỗi sợ hãi nhói xuyên qua trái tim ngay khi người ta nhìn thấy một khuôn mặt da đen trên báo, vì người có khuôn mặt được in trên báo không phải vừa sinh một đứa con khỏe mạnh, hoặc chạy trốn được bọn côn đồ trên đường. Hoặc người đó bị giết, hay bị què quặt hay bị cưỡng hiếp hay bị lừa đảo, vì những điều ấy không đủ tiêu chuẩn là tin tức trên báo. Phải là điều gì bất thường – điều gì dân da trắng sẽ thấy là lý thú, thật khác biệt, đáng vài phút chắc lưỡi nếu không phải là há hốc miệng. Và kiếm được tin da đen đáng cho công dân da trắng ở Cincinnati nín thở chắc hẳn phải là khó.

Thế thì ai là người đàn bà này với cái miệng không phải của Sethe, nhưng đôi mắt bình tĩnh gần như mắt chị? Người xoay đầu một cách đáng yêu đến nỗi mắt anh rướm lệ khi nhìn thấy.

Và anh nói thế. “Đây không phải miệng của Sethe. Tôi biết miệng cô ấy và cái miệng này không phải là miệng cô ấy.” Trước khi Stamp Paid kịp nói, anh nói như thế và ngay trong lúc ông nói, anh lại nói thế. Ồ, anh nghe tất cả lời ông già nói, nhưng anh càng nghe, cái miệng trong hình vẽ càng trở nên xa lạ.

Stamp bắt đầu bằng bữa tiệc của Baby Suggs, nhưng ngừng và kể lùi lại một chút đến chuyện những trái dâu đen – chúng ở đâu và cái gì trên thế gian làm chúng mọc như thế.

“Chúng nở ra vì ánh nắng nhưng không phải vì lũ chim, vì có rắn ở phía dưới và lũ chim biết, chúng cứ thế mà lớn lên – tròn trĩnh và ngọt ngào – không ai làm phiền chúng ngoài tôi vì không ai vào vùng nước đó ngoài tôi và không có bao nhiêu cặp chân chịu trượt xuống bờ sông đó để hái. Tôi cũng không chịu. Nhưng ngày đó tôi chịu. Cách này hay cách khác, tôi chịu. Và tôi nói anh nghe, chúng đánh tôi. Làm tôi tả tơi. Nhưng dù sao tôi cũng hái đầy hai thùng. Và mang đến nhà Baby Suggs. Bữa tiệc bắt đầu từ lúc ấy. Nấu nướng theo lối anh không còn thấy nữa. Tụi tôi nướng, rán, hầm mọi thứ Chúa để tại trần gian. Ai cũng đến. Ai cũng ăn no căng. Nấu nhiều đến nỗi không còn một cọng củi nhóm lửa cho ngày hôm sau. Tôi tình nguyện làm. Và sáng hôm sau tôi đến làm, như đã hứa.”

“Nhưng đây không phải miệng cô ấy,” Paul D nói. “Không phải chút nào.”

Stamp Paid nhìn anh. Ông sắp kể anh nghe sáng hôm đó Baby Suggs bồn chồn như thế nào, bà có vẻ như đang lắng nghe thế nào, bà cứ nhìn quá đám ngô đến dòng suối như thế nào, bà nhìn nhiều lần đến nỗi ông cũng nhìn. Giữa những nhát rìu, ông nhìn chỗ Baby Suggs nhìn. Đó là lý do tại sao họ không thấy: họ nhìn sai hướng – về phía dòng nước – và suốt thời gian đó bọn chúng đang đi xuống con đường. Bốn đứa. Cưỡi ngựa sát cánh, túm tụm và ra vẻ đạo đức. Ông định kể cho anh nghe điều ấy, vì ông nghĩ nó quan trọng: tại sao ông và Baby Suggs cùng không thấy bọn chúng. Và về bữa tiệc nữa, vì điều đó giải thích tại sao không ai chạy đến trước bọn chúng, tại sao không ai gửi một thằng con nhanh chân băng tắt qua đồng ngay lúc họ thấy bốn con ngựa được cột lại trong thị trấn để uống nước, trong khi người cưỡi chúng hỏi thăm. Không Ella, không John, không ai chạy xuống hoặc đến đường Bluestone, để nói vài tên da trắng lạ mang Dáng Vẻ vừa cưỡi ngựa đến. Dáng Vẻ đạo đức mà tất cả người da đen đã học cách nhận diện cùng với núm vú của mẹ mình. Như một lá cờ được kéo lên, vẻ đạo đức này báo hiệu và rao truyền bó củi, cái roi, nắm đấm, lời nói dối, rất lâu trước khi chuyện được phổ biến. Không ai báo cho họ biết trước, và ông luôn tin rằng không phải nhọc mệt của một ngày dài ăn uống thỏa thuê làm họ cùn nhụt, mà là một thứ khác, như, ôi chao, sự ác ý – khiến họ tránh sang một bên, hoặc không để ý, hoặc tự nhủ có lẽ đã có người khác mang tin đến căn nhà trên đường Bluestone nơi một phụ nữ xinh đẹp sống đã gần một tháng nay. Trẻ trung và khéo léo với bốn đứa bé, một đứa chị sinh ra không có bà mụ một ngày trước ngày chị đến và bây giờ chị được hưởng hết sự hào phóng và trái tim bao la của Baby Suggs. Có lẽ họ chỉ muốn biết Baby Suggs có thật sự đặc biệt, có được những ân sủng họ không có không. Ông định nói với anh điều ấy, nhưng Paul D đang cười, nói: “Không. Không đâu. Giống một chút quanh trán, có thể, nhưng đây không phải là miệng cô ấy.”

Vì vậy Stamp Paid không nói cho anh nghe chị đã lao đi như thế nào, chụp lấy mấy đứa con như một con ưng đang bay, mặt chị giống như có mỏ như thế nào, tay chị giống móng vuốt như thế nào, chị giữ chúng bằng đủ cách: một đứa trên vai, một đứa dưới nách, một đứa nắm tay, đứa kia bị hét đuổi về phía kho củi lúc ấy chỉ còn đầy ánh nắng và mạt cưa vì củi đã hết. Bữa tiệc đã dùng hết củi, đấy là lý do tại sao ông đang bổ thêm. Không có gì ở trong nhà kho ấy, ông biết vì ông đã vào đấy lúc sáng sớm. Không có gì ngoài ánh nắng. Ánh nắng, mạt cưa, cái xẻng. Cái rìu chính ông đã lấy ra. Không còn gì khác trong ấy ngoại trừ cái xẻng – và dĩ nhiên là cái cưa.

“Ông quên rằng tôi biết cô ấy trước kia,” Paul D đang nói, “Hồi còn ở Kentucky. Khi cô ấy còn là con gái. Đâu phải tôi chỉ mới quen cô ấy vài tháng trước. Tôi đã biết cô ấy lâu lắm. Và tôi có thể nói chắc chắn với ông: đây không phải miệng cô ấy. Có thể nhìn giống, nhưng không phải.”

Vì thế Stamp Paid không nói nữa. Thay vì thế ông hít vào và cúi xuống cái miệng không phải của chị và chậm rãi đọc những chữ Paul D không đọc được. Và khi ông đọc xong, Paul D nói mạnh mẽ hơn lần đầu, “Tôi xin lỗi ông, Stamp. Phải có lầm lẫn đâu đó vì nó không phải là miệng cô ấy.”

Stamp nhìn vào mắt Paul D và thấy sự vững tin êm dịu làm ông gần như tự hỏi mười

tám năm về trước chuyện có thật sự xảy ra không, rằng trong khi ông và Baby Suggs đang nhìn sai hướng, một cô gái nô lệ nhỏ nhắn xinh đẹp đã nhận ra một cái mũ và bỏ chạy về phía kho củi để giết các con mình.

18

"Con bé đã bò khi em đến đây. Một tuần, chưa đến một tuần, con bé mới biết ngồi và lật khi em đặt lên xe ngựa đã biết bò. Khó lắm mới giữ được nó xa cầu thang. Giờ đây trẻ sơ sinh đứng dậy và bước đi ngay khi lọt lòng, nhưng hai mươi năm trước khi em còn nhỏ, trẻ con lớn chậm hơn. Chín tháng Howard mới ngóc đầu được. Baby Suggs nói đấy là vì thức ăn, anh biết không. Nếu mình không có gì cho nó ăn ngoài sữa, thì trẻ sơ sinh không làm được chuyện này chuyện kia nhanh như thế. Em thì chỉ có sữa. Em nghĩ răng chúng mọc có nghĩa là chúng sẵn sàng nhai được. Không có ai để hỏi. Bà Garner chưa bao giờ có con, và bà và em là hai người phụ nữ duy nhất ở đấy."

Chị đang xoay tròn. Xung quanh căn phòng. Qua tủ đựng mứt, qua cửa sổ, qua cửa trước, một cửa sổ khác, tủ chén đĩa, cửa phòng khách, bồn rửa khô ráo, bếp lò – trở lại tủ đựng mứt. Paul D ngồi ở bàn nhìn chị trôi vào tầm mắt rồi biến mất sau lưng anh, xoay vòng như một chiếc bánh xe, chậm nhưng đều đặn. Đôi khi chị bắt chéo hai tay sau lưng. Những lần khác chị che tai, bịt miệng hay khoanh tay trước ngực. Thỉnh thoảng chị xoa hông mình trong lúc chị xoay, nhưng chiếc bánh xe không bao giờ ngừng.

"Anh còn nhớ dì Phyllis không? Ở ngoài Minnowville ấy? Ông Garmer cho một trong mấy anh chở bà đến mỗi lần em sinh. Đấy là lần duy nhất em gặp bà. Nhiều lần em muốn đến nơi bà ở. Chỉ để nói chuyện. Em định xin bà Garner thả em xuống ở Minnowville trong khi bà đi họp. Đón em trên đường về. Em tin bà sẽ chịu nếu em yêu cầu. Em chưa hề yêu cầu, vì đấy là ngày duy nhất Halle và em có ánh sáng ban ngày để có thể nhìn thấy nhau. Vì thế không có ai. Ý em là, để nói chuyện cùng, người sẽ biết khi nào em nên nhai chút gì và đút cho đứa bé. Có phải điều ấy làm răng mọc, hay mình phải đợi răng mọc rồi mới cho đứa bé ăn thức ăn đặc? Bây giờ em biết rồi, vì Baby Suggs đã cho con bé ăn đúng cách, và một tuần sau khi em đến nó đã biết bò. Cũng không cản được nó. Nó thích những bậc thang đến mức bọn em phải sơn trắng mấy bậc thang để nó thấy được lối lên đầu cầu thang."

Lúc ấy Sethe mỉm cười vì hồi tưởng của mình. Nụ cười vỡ đôi và biến thành một hơi thở vào bất chợt, nhưng chị không rùng mình hay nắm mắt. Chị xoay vòng.

"Em ước gì mình đã biết nhiều hơn, nhưng, như em nói, không có ai cho em nói chuyện. Ý em là không có ai là phụ nữ. Vì thế em thử nhớ lại những gì em đã nhìn thấy chỗ em ở trước lúc đến Tổ Ấm. Những người phụ nữ ở đấy đã làm thế nào. Ồ, họ biết mọi chuyện – cách làm giỏ để treo trẻ con lên cây – để mình có thể thấy chúng không bị nguy hiểm trong khi mình làm việc trên đồng. Cũng như một loại lá họ cho chúng nhai. Em nghĩ là bạc hà, hay nguyệt quế. Có thể là lá dược thảo. Em vẫn chưa biết cách họ làm cái giỏ, nhưng dù sao em cũng không cần, vì việc của em là ở trong nhà và nhà kho, nhưng em đã quên mất là lá loại gì. Em có thể dùng được nó. Em cột Buglar lại khi mình có bao nhiêu thịt lợn để xông khói. Lửa khắp nơi mà nó thì cái gì nó cũng chui vào. Nhiều lần em đã suýt mất nó. Có lần nó leo lên giếng, ngay trên miệng giếng. Em phóng đến. Chụp được nó

vừa đúng lúc. Vì vậy khi em biết mình sẽ thắng mỡ và xông khói và em không trông chừng nó được, em lấy sợi dây cột quanh cổ chân nó. Chỉ đủ dài để nó chơi lòng vòng đôi chút, nhưng không đủ dài đến giếng hay lửa. Em không thích làm thế, nhưng em không biết làm gì khác. Khó lắm, anh biết em muốn nói gì chứ? một mình và không có phụ nữ nào giúp đỡ. Halle tốt, nhưng anh ấy làm việc khắp nơi để trả nợ. Và khi anh ấy được nằm xuống ngủ, em không muốn làm phiền anh ấy với mấy chuyện ấy. Sixo giúp em nhiều nhất. Em chắc anh không nhớ chuyện này, nhưng Howard lọt vào phòng sữa và em tin là con Red Cora làm nát tay nó. Quay ngược ngón tay cái của nó lại. Khi em đến nơi, nó sắp cắn tay thằng nhỏ. Đến hôm nay em vẫn chưa biết em đã cứu nó bằng cách nào. Sixo nghe nó la hét và chạy đến. Anh biết anh ấy đã làm gì không? Xoay ngón tay trỏ lại và buộc nó ngang qua lòng bàn tay vào ngón tay út. Thấy không, em sẽ không bao giờ nghĩ ra được điều ấy. Không bao giờ. Sixo, anh ấy đã dạy em nhiều lắm."

Anh thấy choáng váng. Thoạt tiên anh nghĩ vì chị xoay tròn. Vòng quanh anh như chị đang vòng quanh đề tài. Vòng vòng, không bao giờ đổi chiều, một điều không chừng sẽ giúp đầu anh bớt choáng váng. Rồi anh nghĩ, Không, vì giọng nói của chị: giọng nói chị gần quá. Mỗi vòng chị xoay cách chỗ anh ngồi ít nhất ba thước, nhưng lắng nghe chị nói giống như có một đứa trẻ thì thầm vào tai gần đến nỗi người ta có thể cảm thấy môi nó đang hình thành lời nói mà người ta không hiểu nổi vì đôi môi quá gần. Anh chỉ nghe thấy các mảnh của lời chị nói – cũng không sao, vì chị chưa nói đến phần chính – câu trả lời cho câu hỏi anh chưa hỏi thẳng, câu hỏi nằm trong mảnh báo anh đưa cho chị xem. Và cũng nằm trong nụ cười. Vì anh cũng mỉm cười, khi anh đưa nó cho chị xem, để khi chị phá lên cười vì trò đùa – sự lẫn lộn đã đặt khuôn mặt chị vào chỗ đáng lẽ phải có khuôn mặt của một người phụ nữ da đen nào khác – anh sẽ sẵn sàng cười chung với chị. "Em tin nổi không?" Anh sẽ hỏi. Và chị sẽ khúc khích cười: "Stamp mất trí rồi. Mất trí hoàn toàn."

Nhưng nụ cười của anh không có dịp nở rộng ra. Nó treo lơ lửng, nhỏ bé và lẻ loi, trong khi chị xem xét mảnh báo và trả nó lại cho anh.

Có lẽ vì nụ cười, hay có thể vì chị nhìn thấy tình yêu lúc nào cũng sẵn sàng trong mắt anh – dễ dàng và thẳng thắn, cách những con ngựa, thiên thần và trẻ con nhìn một người: với tình yêu người ấy không cần phải xứng đáng – mà chị tiếp tục và kể cho anh nghe điều chị chưa kể với Baby Suggs, người duy nhất chị cảm thấy cần phải giải thích cho nghe về mọi chuyện. Nếu không chị sẽ nói điều tờ báo nói chị nói và chỉ thế thôi. Sethe chỉ nhận biết được bảy mươi lăm chữ in (nửa số chữ ấy có mặt trong mảnh báo), nhưng chị biết những chữ chị không hiểu cũng không giải thích được mọi chuyện rõ hơn chị. Chị thử vì nụ cười và tình yêu thẳng thắn.

"Em không cần phải nói với anh về Tổ Ấm – nó đã là cái gì – nhưng chắc anh không biết em cực khổ ra sao mới rời được chỗ ấy."

Chụm hai tay che ngang khuôn mặt, chị tạm ngừng để cân nhắc tầm cỡ của phép lạ, mùi vị của nó.

"Em đã làm được. Em và con đã thoát được. Cũng không có Halle bên cạnh nữa. Cho

đến lúc ấy đó là điều duy nhất em đã làm một mình. Quyết định. Và kết quả thành công đúng như dự tính. Em và con ở đây. Tất cả con em và em. Em sinh tụi nó và em đưa tụi nó thoát và chuyện ấy không phải là ngẫu nhiên. Em đã làm được chuyện ấy. Em được giúp đỡ, dĩ nhiên, nhiều lắm, nhưng vẫn là em làm; em nói, Đi nào, và Bây giờ. Em phải canh chừng. Em dùng cái đầu của em. Nhưng hơn thế nữa. Một cảm giác ích kỷ em chưa từng biết đến bao giờ. Em thấy thích. Thích và đúng. Em to lớn, Paul D, và sâu và rộng và khi em dang tay ra tất cả con em có thể vào trong vòng tay ấy. Em rộng như thế đấy. Hình như em thương con em hơn sau khi em đến đây. Hay có thể em không thể thương tụi nó đúng mức ở Kentucky vì tụi nó không phải là của em để mà thương. Nhưng khi em đến đây, khi em nhảy xuống chiếc xe ngựa – nếu em muốn em có thể thương bất cứ ai trên đời. Anh có hiểu em đang nói gì không?"

Paul D không trả lời vì chị không chờ và không muốn anh trả lời, nhưng anh biết chị muốn nói gì. Lắng nghe lũ chim bồ câu ở Alfred, Georgia, và không có quyền hay được phép hưởng thụ điều ấy vì sương mù, bồ câu, nắng, đất đỏ, mặt trăng – tất cả ở đấy thuộc về bọn đàn ông có súng. Vài đứa nhỏ người, và những đứa to con nữa, đứa nào anh cũng có thể bẻ gãy như một cành cây nếu anh muốn. Bọn đàn ông biết nam tính của chúng ở trong những cây súng và thậm chí không ngượng ngùng rằng nếu không có tiếng súng lũ cáo cũng sẽ cười vào mặt bọn chúng. Và bọn "đàn ông" này, những kẻ khiến ngay cả chồn cáo cũng cười, nếu người ta cho phép chúng cười, có thể ngăn không cho người khác nghe tiếng bồ câu hay yêu ánh trăng. Vì vậy anh phải tự bảo vệ và yêu những thứ nhỏ nhoi. Chọn ngôi sao bé nhất trên bầu trời làm của riêng. Ngoẹo đầu khi nằm xuống để thấy ngôi sao thương yêu trên bờ rãnh trước khi ngủ. Trộm những cái liếc e thẹn về phía nó giữa những tàng cây trong lúc bị xích trong hàng. Lá cỏ, tắc kè, nhện, chim gõ kiến, bọ, tổ kiến. Cái gì lớn hơn thế là không được. Người đàn bà, đứa trẻ, anh em – ở Alfred, Georgia, tình yêu lớn như thế sẽ chẻ toạc con người ra. Anh biết đúng điều chị muốn nói: đến chỗ người ta có thể yêu bất cứ cái gì người ta chọn – không cần được cho phép thèm muốn – đấy mới thật là tự do.

Xoay tròn, xoay tròn, bây giờ chị gặm nhấm một điều khác thay vì đi đến điểm chính.

"Em có một miếng vải bà Garner cho em. Vải hoa. Có hoa nhỏ ở giữa những hàng sọc. Chừng một mét – chỉ đủ làm khăn quàng đầu. Nhưng em muốn may một chiếc áo cho con bé con của em. Màu đẹp lắm. Em không biết gọi màu ấy là màu gì: màu hồng nhưng pha lẫn màu vàng. Em định may áo cho con bé đã lâu, và anh biết không, như một con khờ em bỏ quên miếng vải ở Tổ Ấm. Chỉ khoảng một mét vải, mà em lần lữa hoài vì em mệt hay không có thì giờ. Vì vậy khi em đến đây, ngay cả trước khi họ cho em ra khỏi giường, em may cho con bé một cái gì nho nhỏ với mảnh vải Baby Suggs có. Em chỉ muốn nói rằng đấy là niềm vui ích kỷ trước kia em chưa hề có. Em không thể để tất cả trở lại như lúc trước, và em không thể để con bé hay đứa con nào khác sống dưới quyền thầy giáo. Chuyện ấy là không được."

Sethe biết vòng tròn chị xoay quanh phòng, anh, vấn đề, sẽ vẫn chỉ là một. Rằng chị không thể thu nhỏ vòng xoay lại, chỉ đúng chỗ cho người nào phải hỏi han. Nếu họ không hiểu ngay – chị sẽ không bao giờ có thể giải thích được. Vì sự thật đơn giản, không phải là

kể lể dông dài về áo hoa, cũi cây, sự ích kỷ, dây buộc cổ chân và giếng. Đơn giản: chị đang ngồi xổm trong vườn và khi thấy bọn chúng đến và nhận ra mũ của thầy giáo, chị nghe tiếng đôi cánh. Như những con chim ruồi thò mỏ nhọn như kim xuyên qua khăn choàng đầu vào tóc chị và vỗ cánh. Và nếu chị có nghĩ đến điều gì, thì đấy là Không. Không. Khôngkhông. Khôngkhôngkhông. Đơn giản. Chị chỉ lao đi. Gom tất cả những mảnh đời chị đã tạo ra, những phần quý giá và tốt lành và đẹp đẽ của mình, và mang, đẩy, kéo chúng qua tấm màn, ra ngoài, qua bên kia, nơi không ai có thể làm hại chúng. Qua bên kia. Ra khỏi chỗ này, nơi chúng sẽ an toàn. Và đôi cánh chim ruồi tiếp tục đập. Sethe lại ngừng trong vòng xoay của chị và nhìn ra ngoài cửa sổ. Chị nhớ lúc sân trước có rào với một cái cổng lúc nào cũng có người cài và mở chốt trong thời gian I24 là một trạm dừng bận rộn. Chị không nhìn thấy bọn đàn ông da trắng kéo nó đổ, nhổ cột hàng rào và đập nát cái cổng, để I24 tan hoang và phơi bày đúng lúc mọi người không còn ghé ngang nữa. Chỉ có cỏ dại cao đến vai của đường Bluestone ghé đến.

Lúc chị từ nhà giam trở về, chị đã mừng vì hàng rào không còn. Đấy là chỗ bọn chúng buộc ngựa – nơi chị nhìn thấy, trong lúc chị đang ngồi xổm trong vườn, chiếc mũ của thầy giáo bập bềnh trên thanh hàng rào. Đến lúc chị đối diện với hắn, nhìn thẳng vào mắt hắn, chị ôm trong tay thứ làm hắn dừng sững lại. Hắn lùi một bước với mỗi nhịp đập của trái tim con bé cho đến khi cuối cùng không còn nhịp nào.

“Em chặn được hắn,” chị nói, nhìn đăm đăm chỗ trước kia là hàng rào. “Em mang con em đi và để tụi nó ở chỗ tụi nó được an toàn.”

Tiếng ầm ầm trong đầu của Paul D không ngăn anh nghe thấy chị đã tự khen mình trong lời nói vừa rồi, và anh chợt nghĩ điều chị muốn cho con chị chính là điều thiếu vắng ở I24: sự an toàn. Đấy là nhắn gửi đầu tiên anh nhận được ngày anh bước qua cánh cửa. Anh nghĩ anh đã biến căn nhà thành an toàn, đã xua nguy hiểm đi, đập hồn ma tan tành, đuổi nó ra khỏi chỗ này, cho nó và mọi người khác thấy sự khác biệt giữa con la và cái cày. Và vì chị không tự mình làm thế trước khi anh đến, anh nghĩ đấy là vì chị không thể làm được. Rằng chị sống với I24 trong cam chịu, biết lỗi và bất lực vì chị không có lựa chọn nào khác, rằng không có chồng, con trai, mẹ chồng, chị và đứa con gái khờ khạo phải ở đây một mình xoay sở. Cô gái Tổ Ấm có đôi mắt lạnh lẽo và khó khăn anh biết là vợ của Halle, vâng lời (như Halle), nhút nhát (như Halle), và làm việc như điên (như Halle). Anh đã lầm. Cô Sethe này mới. Chị không phiền vì có hồn ma trong nhà chị, cũng như chị không ngại chào đón một mụ phù thủy có giày mới vào ăn ở trong nhà. Cô Sethe này nói đến yêu thương như bất kỳ người đàn bà nào khác, nói đến quần áo trẻ con như bất kỳ người đàn bà nào khác, nhưng ý nghĩa của những điều chị nói có thể chẻ vỡ xương. Cô Sethe này nói đến an toàn với một lưỡi cưa. Cô Sethe mới này không biết nơi thế gian chấm dứt và nơi cô bắt đầu. Đột nhiên anh thấy điều Stamp Paid muốn anh thấy: quan trọng hơn điều Sethe đã làm là điều chị tự nhận. Điều ấy khiến anh hoảng sợ.

“Tình thương của em quá mức”, anh vừa nói vừa nghĩ, Con quỷ đang nhìn mình: nó ở ngay trên đầu mình và đang nhìn mình qua sàn nhà.

“Quá mức?” Chị nói, nghĩ đến Chỗ Quang, nơi tiếng vang từ lệnh truyền của Baby Suggs đã đập vỡ lớp vỏ của những hạt dẻ ngựa. “Tình thương chỉ là có hay không có. Tình thương lạt lẽo đâu phải là tình thương.”

“Phải. Nhưng tình thương của em không có kết quả, phải không? Nó có kết quả không?” Anh hỏi.

“Có kết quả,” chị nói.

“Kết quả ra sao? Con trai em không biết bỏ đi đâu. Một con gái chết, đứa kia không chịu rời khỏi sân nhà. Nó có kết quả chỗ nào?”

“Tụi nó không ở Tổ Ấm. Thầy giáo không bắt được tụi nó.”

“Có thể còn có thứ tệ hơn thế.”

“Việc của em không phải là biết cái gì tệ hơn. Việc của em là biết cái gì là tệ và giữ con em xa khỏi thứ em biết là tệ hại. Em đã làm thế.”

“Điều em đã làm là không đúng, Sethe.”

“Chẳng lẽ em nên về đấy? Chẳng lẽ lại mang con em quay lại đấy?”

“Có thể có cách nào đấy. Cách nào khác.”

“Cách nào?”

“Em có hai chân, Sethe, không phải bốn,” anh nói, và ngay lúc đó một khu rừng trồi lên ở giữa họ, lặng lẽ và không một lối đi.

Sau này anh tự hỏi điều gì đã khiến anh nói thế. Những con bê thời tuổi trẻ? Hay niềm tin rằng anh đang bị nhìn qua trần nhà? Anh đi từ xấu hổ của anh qua xấu hổ của chị nhanh làm sao. Từ bí mật nhà lạnh của anh thẳng đến tình yêu quá mức của chị.

Trong lúc ấy khu rừng mọc lên ở giữa họ, khiến khoảng cách giữa họ thành rõ rệt và xa xôi.

Anh không đội mũ lên ngay. Đầu tiên anh mân mê nó, quyết định sẽ đi như thế nào, làm sao để anh đi ra chứ không phải là chạy trốn. Và quan trọng là anh sẽ không đi mà không nhìn lại. Anh đứng dậy, quay nhìn lên thang lầu trắng. Quả thật cô ta ở đấy. Đứng thẳng như một đường kẻ, quay lưng lại phía anh. Anh không vội vã ra cửa. Anh đi chậm rãi và khi đến cửa anh mở ra trước khi bảo Sethe chừa phần ăn tối cho anh vì anh có thể về trễ. Đến lúc ấy anh mới đội mũ lên.

Dễ thương thật, chị nghĩ. Anh hẳn nghĩ rằng mình sẽ không chịu nổi nếu anh nói câu ấy. Rằng sau tất cả những gì mình nói cho anh nghe và sau khi anh bảo mình có mấy chân, hai chữ “vĩnh biệt” sẽ làm mình vụn vỡ ra từng mảnh. Dễ thương chưa.

“Chào anh,” chị lẩm bẩm từ phía bên kia rừng cây.

PHẦN HAI

19

I24 ầm ĩ. Stamp Paid có thể nghe thấy tiếng nó từ tận ngoài đường. Ông bước đến căn nhà, đầu ngẩng cao hết mức để không ai có thể nói là ông lén lút, mặc dù trí óc lo âu của ông khiến ông cảm thấy mình đang thầm lén. Từ lúc ông đưa cho Paul D xem mảnh báo và biết anh dọn ra khỏi I24 trong cùng ngày, Stamp cảm thấy bứt rứt. Đã vật lộn với câu hỏi có nên nói cho một người đàn ông biết hay không về người đàn bà của anh ta, và rồi đã tự thuyết phục rằng ông nên nói, lúc ấy ông lại bắt đầu lo cho Sethe. Phải chăng ông đã ngăn cản cơ hội hạnh phúc duy nhất của chị với một người đàn ông tốt? Sự mất mát, lời đồn đại khơi khơi nổi lên trở lại từ người đàn ông đã giúp chị vượt sông, bạn của chị cũng như bạn của Baby Suggs, có làm cho chị bực mình?

"Mình già quá rồi," ông nghĩ, "mình nghĩ không rõ ràng nữa. Mình đã quá già và đã thấy quá nhiều." Ông nằng nặc rằng ông không muốn ai biết chuyện ông thổ lộ ở sân lò mổ – bây giờ ông tự hỏi ông đang bảo vệ ai. Paul D là người duy nhất trong thị trấn không biết chuyện. Tại sao tin tức đã đăng báo lại trở thành một bí mật phải thì thầm trong một sân lò mổ? Một bí mật đối với ai? Chính là với Sethe. Ông đã làm chuyện sau lưng chị, như một kẻ lén lút. Nhưng lén lút là nghề của ông – cuộc đời của ông, mặc dù luôn luôn vì một mục đích rõ ràng và thánh thiện. Trước Cuộc Chiến tất cả những việc ông làm đều là lén lút: đưa kẻ chạy trốn đến chỗ ẩn náu, đưa tin mật đến chỗ công cộng. Bên dưới rau quả hợp lệ của ông là người lậu ông chở qua sông. Ngay cả mấy con lợn ông làm thịt trong mùa xuân cũng phục vụ mục đích của ông. Có những gia đình sống bằng xương và lòng lợn ông chia cho họ. Ông viết và đọc thư cho họ. Ông biết ai bị bệnh phù và ai cần củi đốt, đứa trẻ nào có quà và đứa nào cần chỉnh đốn. Ông biết bí mật của sông Ohio và hai bên bờ của nó, những căn nhà trống và có người, người nhảy múa giỏi nhất, người nói dở nhất, ai có giọng hay và ai không hát nổi ra điệu. Không có điều gì thú vị giữa hai chân ông, nhưng ông nhớ ông đã từng có – khi sự thúc đẩy ấy thúc đẩy người bị thúc đẩy – và đấy là lý do tại sao ông cân nhắc rất kỹ và rất lâu trước khi mở chiếc hộp gỗ của ông và tìm mảnh báo mười tám năm trước cho Paul D xem làm bằng chứng.

Sau đó – chứ không phải trước – ông mới cân nhắc đến cảm giác của Sethe. Và sự cân nhắc muộn màng này khiến ông tự trách mình. Có lẽ ông nên im lặng, có thể dần dà Sethe sẽ tự mình nói cho Paul D biết, có thể ông không phải là người Chiến Binh cao thượng của

Christ như ông nghĩ, mà là một kẻ lắm chuyện bình thường và chất phác đã nhân danh sự thật và lời cảnh báo, những điều ông cho là quan trọng, để cắt ngang một chuyện đang diễn ra tốt đẹp. Bây giờ I24 đã trở lại như trước khi Paul D đến thị trấn – khiến Sethe và Denver lo lắng vì lũ quỷ ám mà ông có thể nghe thấy từ ngoài đường. Dù cho Sethe có thể xoay sở sống được với hồn ma đã trở về, Stamp không tin là con gái chị làm được. Denver cần một người bình thường trong đời nó. Do may mắn ông đã có mặt lúc nó mới sinh ra – trước khi nó biết nó sống – và ông ưu ái nó là vì thế. Chính vì nhìn thấy nó còn sống, và trông khỏe mạnh bốn tuần sau đó mà ông đã vui đến nỗi ông gom hết những trái dâu đen ngon nhất trong hạt mà ông có thể mang được và trước hết đút hai trái vào miệng nó, rồi mới biếu phần gặt hái nhọc nhằn của ông cho Baby Suggs. Cho đến hôm nay ông vẫn tin rằng dâu của ông (đã nhen nhóm bữa tiệc và việc bổ củi sau đó) là lý do Denver còn sống. Nếu ông không chẻ củi ở đấy, Sethe đã trét óc con mình lên gỗ ván. Lẽ ra ông nên nghĩ đến Denver, nếu không nghĩ đến Sethe, trước khi ông cho Paul D biết câu chuyện đã đuổi anh ra khỏi nhà, người bình thường duy nhất trong cuộc đời con bé từ lúc Baby Suggs qua đời. Và cái gai nhọn là ở ngay đấy.

Sâu sắc hơn và đau đớn hơn mối quan tâm muộn màng ông dành cho Denver hoặc Sethe là ký ức về Baby Suggs – ngọn núi trong bầu trời của ông – cháy lòng ông như đồng đô la bạc trong túi một tên khờ. Chính là ký ức về bà và niềm kính trọng mà bà xứng đáng làm ông ngẩng cao đầu bước vào sân I24, mặc dù ông nghe tiếng căn nhà từ ngoài đường.

Ông chỉ đặt chân vào nhà này một lần sau Nỗi Khốn Khổ (tên ông gọi sự phản ứng dữ dội của Sethe trước Đạo luật Đào tẩu[1]) để mang Baby Suggs thánh thiện ra khỏi nhà. Khi ông nhấc bà lên trong tay ông, bà nhìn ông như một cô gái, và ông hiểu nỗi vui thích bà hẳn phải cảm thấy khi biết rằng bà không phải trẹo nghiến xương hông nữa – rằng cuối cùng bà đã được nâng nhấc. Nếu bà chỉ đợi một chút thôi bà sẽ được thấy Cuộc Chiến chấm dứt và sự hào nhoáng ngắn ngủi ngay sau đó. Họ đã có thể ăn mừng với nhau; thỉnh thoảng đi nghe những bài giảng hay. Chuyện xảy ra là, ông đi một mình từ căn nhà vui vẻ này đến căn nhà hân hoan khác, uống thức gì được mời. Nhưng bà đã không đợi và ông giận hờn nhiều hơn tiếc thương khi dự đám tang bà. Lần đó Sethe và con gái mắt ráo hoảnh, Sethe không có chỉ dẫn nào ngoài "Mang bà đến Chỗ Quang," và ông đã gắng làm, nhưng ông bị cản trở vì luật lệ dân da trắng đặt ra về nơi chốn yên nghỉ của người chết. Baby Suggs nằm xuống cạnh đứa bé bị cắt cổ – sự gần gũi mà Stamp không chắc khiến Baby Suggs hài lòng.

Buổi lễ diễn ra trong sân vì ngoài ông ra không ai muốn vào I24 – một xúc phạm Sethe trả lời bằng một xúc phạm khác khi chị từ chối không dự buổi lễ do mục sư Pike chủ trì. Thay vì thế chị đến phần mộ, thi đua im lặng với nó trong khi chị đứng đấy, không hát chung những bài thánh ca mà những người khác hát với tất cả tâm hồn. Sự lăng mạ ấy làm nảy sinh một lăng mạ khác từ những người đi đám tang: về lại sân nhà I24, họ ăn thức ăn họ mang đến và không đụng đến thức ăn của Sethe, người không đụng vào thức ăn của họ và cấm Denver đụng vào. Thế nên Baby Suggs thánh thiện, đã cống hiến cuộc đời tự do của mình cho sự hòa hợp, bị chôn cất giữa điệu múa thường tình của lòng kiêu hãnh, sự sợ hãi, sự kết án và nỗi hằn học. Gần như tất cả mọi người trong thị trấn mong Sethe sẽ gặp lúc khó khăn. Những lời tuyên bố quá đáng của chị, tính tự lập của chị dường như đòi hỏi

chuyện ấy, và Stamp Paid, người chưa từng cảm thấy một giọt ác ý nào trong cuộc sống trưởng thành của mình, tự hỏi phải chăng sự mong đợi của dân thị trấn, rằng trường hợp của Sethe là "kiêu hãnh trước suy tàn"[2], không rõ cách nào đã lây sang ông – điều ấy sẽ giải thích được tại sao chưa cân nhắc về cảm giác của Sethe hay nhu cầu của Denver ông đã đưa cho Paul D xem mảnh báo.

Ông hoàn toàn không biết sẽ nói gì hoặc làm gì khi và nếu Sethe mở cửa và nhìn vào mắt ông. Ông sẽ sẵn sàng ngỏ ý giúp đỡ chị, nếu chị muốn ông giúp, hay nhận lấy cơn giận dữ của chị, nếu chị có ẩn chứa nỗi giận hờn nào về ông. Hơn thế, ông tin vào trực giác của mình để sửa lại những cư xử không phải nếu có của ông với những người thân của Baby Suggs, và dẫn dắt ông vào trong và xuyên qua sự quỷ ám ngày càng mạnh hơn mà I24 đang phải chịu, chứng cớ cho sự quỷ ám ấy là những tiếng nói ông nghe thấy từ ngoài đường. Ngoài ra, ông sẽ dựa vào quyền năng của Chúa Jesus để đối phó với những thứ cổ xưa hơn nhưng không mạnh hơn chính bản thân Ngài.

Ông không hiểu được những điều ông nghe thấy trong lúc ông bước đến gần hàng hiên. Ở ngoài đường Bluestone ông tưởng mình nghe thấy những tiếng nói vội vã hòa lẫn vào nhau – ầm ĩ, bức xúc, tất cả nói cùng lúc nên ông không thể hiểu họ đang nói gì và về ai. Lời nói không hẳn là vô nghĩa, và ngôn ngữ cũng không lạ. Nhưng thứ tự các chữ có cái gì sai và ông không sao diễn tả hay giải thích chúng được. Ông chỉ nghe rõ được hai chữ *của tôi*. Phần còn lại ngoài tầm với của đầu óc ông. Dù vậy ông vẫn bước tiếp. Khi ông đến bậc thềm, những giọng nói đột nhiên giảm đi thành nhỏ hơn tiếng thì thầm. Ông dừng lại. Những giọng nói đã thành những tiếng lẩm bẩm ngắt quãng – như những âm thanh riêng tư của một người đàn bà khi người ấy tưởng mình đang một mình và không ai nhìn mình làm việc: tiếng tắc lưỡi khi chị hụt lỗ xâu kim, tiếng rên khẽ khi chị thấy một miếng mẻ nữa trên cái đĩa tốt duy nhất của chị, tiếng cãi vả nho nhỏ, thân thiết khi chị chào lũ gà mái. Không có gì gay gắt hay làm giật mình. Chỉ là cuộc đối thoại riêng tư mãi mãi xảy ra giữa phụ nữ và những việc làm của họ.

Stamp Paid giơ nắm tay để gõ vào cánh cửa ông chưa bao giờ gõ (vì nó luôn mở hay được mở cho ông) và không thể làm được. Tất cả sự đền bù ông trông đợi từ những người da đen đã chịu ơn ông là quyền được bỏ qua nghi thức gõ cửa ấy. Một khi Stamp Paid đã mang cho ai một chiếc áo choàng, lấy tin cho ai, cứu mạng ai, hay sửa thùng chứa nước của ai, ông tự cho mình cái quyền bước vào cửa nhà người ấy như là cửa nhà ông. Vì những cuộc thăm viếng của ông mang lại lợi ích, bước chân ông hay tiếng ông gọi qua cửa nhà được chào đón vui vẻ. Thay vì bỏ qua đặc quyền duy nhất ông tự cho mình, ông hạ tay xuống và rời hàng hiên.

Ông cố gắng nhiều lần: quyết định thăm Sethe, vượt qua những giọng nói vội vã, ầm ĩ, đến tiếng lẩm bẩm sau đó và ngừng lại, cố nghĩ xem ông phải làm gì ở cửa nhà. Sáu lần trong sáu ngày ông bỏ lối ông thường đi và cố gõ cửa I24. Nhưng sự lạnh lẽo của cử chỉ gõ cửa – dấu hiệu ông thực là kẻ lạ ở cổng nhà – làm ông choáng ngợp. Lần bước đi trở ra trong tuyết, ông thở dài. Tinh thần sẵn sàng, nhưng xác thịt yếu đuối[3].

Trong khi Stamp Paid quyết định thăm viếng I24 vì Baby Suggs, Sethe đang cố gắng làm theo lời khuyên của bà: *bỏ tất cả xuống, gươm và khiên*. Không chỉ xác nhận lời khuyên của bà, nhưng thật sự làm theo. Bốn ngày sau khi Paul D nhắc chị nhớ chị có mấy chân, Sethe lục trong đống giày của những người lạ tìm đôi giày trượt băng chị chắc chắn có trong ấy. Trong khi bới lục, chị ghét mình vì đã quá tin tưởng, quá nhanh chóng nhượng bộ khi Paul D hôn lưng chị bên bếp lò. Đáng lẽ chị phải biết rằng một khi biết chuyện anh sẽ cư xử như những người khác trong thị trấn. Hai mươi tám ngày có bạn bè phụ nữ, mẹ chồng, và tất cả con cái của chị cùng một nơi, hai mươi tám ngày chị là một thành viên của lối xóm, thật ra có lối xóm của riêng chị – tất cả đã qua lâu rồi và sẽ không bao giờ trở lại. Không còn nhảy múa ở Chỗ Quang hay những lần cho ăn vui vẻ. Không còn những cuộc bàn bạc, ào ạt hay bình lặng, về ý nghĩa đích thực của Đạo luật Đào tẩu, Lệ phí Bồi thường[4], Con đường của Chúa và ghế quỳ của người da đen[5]; chống nô lệ, giải phóng nô lệ, luật bầu cử[6], những người Cộng hòa, Dred Scott, học chữ, xe ngựa bánh to của Sojourner[7], Hội Phụ nữ Da đen ở Delaware, Ohio, và những vấn đề hệ trọng khác đã giữ họ ngồi trong ghế, cào xước ván lót sàn nhà hoặc khiến họ đi lại trong đau khổ hay mừng rỡ. Không còn bồn chồn đợi tờ *Sao Phương Bắc* hay tin về một vụ tấn công bị đẩy lùi. Không còn thở dài thêm vì một sự phản bội hay vỗ tay mừng một chiến thắng nhỏ.

Tiếp theo hai mươi tám ngày vui sướng ấy là mười tám năm chê trách và một cuộc sống đơn độc. Rồi vài tháng của cuộc sống đầy ánh nắng mà mấy chiếc bóng nắm tay nhau trên đường đã hứa hẹn với chị, những lời chào ướm thử từ những người da đen khác khi chị ở bên cạnh Paul D, một cuộc sống gối chăn cho chị. Ngoại trừ bạn của Denver, tất cả vết tích nhỏ nhất của cuộc sống ấy đã biến mất. Phải chăng đấy là khuôn mẫu? Chị tự hỏi. Mỗi mười tám hay hai mươi năm, cuộc sống không chịu nổi của chị sẽ bị xáo lên bằng một hào quang ngắn ngủi?

Ôi chao, nếu chuyện đã thế – thì chuyện là như thế.

Chị đang quỳ gối, cọ sàn nhà, Denver theo sau chị với mấy tấm giẻ lau, thì Thương hiện ra và nói: “Mấy thứ này làm gì?” Quỳ gối, tay cầm bàn cọ, chị nhìn cô gái và đôi giày trượt băng cô đang giơ lên. Sethe không trượt băng được lấy một bước nhưng ngay lúc ấy chị quyết định theo lời khuyên của Baby Suggs: *để tất cả xuống*. Chị để thùng nước lại. Bảo Denver lấy khăn choàng và bắt đầu tìm những chiếc giày trượt băng khác chị chắc chắn ở đâu đó trong đống giày. Ai thương hại chị, ai đi ngang liếc vào nhìn xem chị sống thế nào (kể cả Paul D) sẽ khám phá ra người đàn bà đã bị quăng vào đống rác lần thứ ba vì yêu con mình – người đàn bà ấy đang lướt đi vui vẻ trên một dòng suối đóng băng.

Cẩu thả, vội vã, chị quăng giày ra xung quanh. Chị tìm thấy một lưỡi giày trượt – của đàn ông.

“Ôi dào,” chị nói.”Mình thay phiên. Một người hai giày trượt, một người một giày trượt và giày thường cho người kia.”

Không ai thấy họ ngã.

Nắm tay, chống đỡ cho nhau, họ xoay tròn trên băng. Thương mang đôi giày trượt, Denver mang một chiếc giày trượt, lướt một chân qua lớp băng trơn láng. Sethe nghĩ hai chiếc giày của chị sẽ giữ cho chị vững vàng và giúp chị bám vào mặt băng. Chị đã lầm. Bước hai bước lên trên mặt dòng suối, chị mất thăng bằng và ngã ngồi xuống. Hai cô gái, cười thét lên, nhập bọn với chị trên mặt băng. Sethe cố đứng dậy và khám phá ra không những chị có thể xoạc chân ngang ra, mà làm như thế còn làm đau. Xương chị trồi lên ở những chỗ không ngờ và tiếng cười cũng thế. Trượt theo vòng tròn hay đường thẳng, cả ba người không thể đứng thẳng hết một phút, nhưng không ai thấy họ ngã.

Mỗi người dường như đang giúp hai người kia đứng thẳng, thế nhưng mỗi cú ngã tăng gấp đôi niềm vui thích của họ. Cây sồi và thông xào xạc hai bên bờ bao quanh họ và thấm đẫm tiếng cười của họ trong khi họ chống chọi với trọng lực của quả đất để nắm lấy tay nhau. Váy họ mặc bay tung như những đôi cánh và da họ đổi thành màu xám chì trong cái lạnh và ánh sáng đang phai.

Không ai thấy họ ngã.

Cuối cùng, mệt nhoài, họ đặt lưng nằm xuống và thở dốc. Bầu trời trên đầu họ là một cõi khác. Những ngôi sao mùa đông, gần đến nỗi như liếm được, đã mọc trước hoàng hôn. Trong một lúc, khi nhìn lên, Sethe bước vào sự an bình mà chúng trao tặng. Rồi Denver đứng dậy và thử lướt một mình một đường dài. Mũi chiếc giày trượt duy nhất của nó đụng vào một chỗ băng gồ lên, và trong khi nó ngã, hai tay nó vung vẩy loạn xạ và vô vọng đến nỗi cả ba người – Sethe, Thương và chính Denver – cười cho đến phát ho. Sethe nhổm người bò dậy, tiếng cười vẫn rung động lồng ngực, làm ướt đôi mắt chị. Chị giữ như vậy một lúc, bò hai tay hai chân. Nhưng khi tiếng cười của chị tắt đi, dòng nước mắt không ngưng chảy và một lúc sau Thương và Denver mới biết chị đang khóc. Khi biết ra chúng vuốt nhẹ lên vai chị.

Từ khu rừng đi về, Sethe quàng tay qua hai cô gái đi hai bên chị. Cả hai cùng ôm eo chị. Lần lối qua mặt tuyết đông cứng, họ va vấp và phải giữ chặt lấy nhau, nhưng không ai thấy họ ngã.

Vào nhà họ thấy lạnh. Họ cởi giày, tất ướt, và mang tất len khô. Denver bỏ củi vào lửa. Sethe hâm nóng một chảo sữa và trộn mật mía và va-ni vào đó. Quấn mình trong chăn trước bếp lò, họ uống, quệt mũi và lại uống.

“Mình nướng vài củ khoai tây đi,” Denver nói.

“Để mai,” Sethe. “Đến giờ đi ngủ rồi.”

Chị đổ cho mỗi đứa thêm một chút sữa nóng ngọt. Lửa bếp bùng lên.

“Mắt dì khô chưa?” Thương hỏi.

Sethe mỉm cười. “Rồi. Mắt dì khô rồi. Uống đi. Đến giờ đi ngủ rồi.”

Nhưng không ai muốn rời cái ấm áp của chăn, lửa và mấy chiếc tách để đến cái lạnh lẽo của chiếc giường không sưởi. Họ tiếp tục nhấm nháp và nhìn lửa.

Khi có tiếng "tách" Sethe không biết đấy là cái gì. Sau đó, đã rõ ràng như ban ngày rằng tiếng "tách" đến ngay từ lúc đầu – gần như một nhịp đập, trước khi tiếng "tách" bắt đầu, trước khi chị nghe ba nốt nhạc, thậm chí trước khi giai điệu thành rõ ràng. Hơi nghiêng người đến phía trước, Thương âm ư nho nhỏ.

Lúc Thương âm ư xong là lúc Sethe nhớ lại tiếng "tách" – tiếng những mảnh rời đang nằm vào chỗ của mình. Sữa không đổ ra khỏi tách của chị vì tay chị không run. Chị chỉ quay đầu và ngắm nhìn khuôn mặt nghiêng của Thương: cằm, miệng, mũi, trán, được sao chép lại và phóng lớn thành chiếc bóng khổng lồ được ánh lửa ném lên bức tường đằng sau cô. Tóc cô, Denver tết lại thành hai mươi hay ba mươi bím, lượn về hai vai cô như những cánh tay. Từ chỗ chị ngồi Sethe không thể xem xét mái tóc cô, đường chân tóc, hoặc lông mày, hoặc đôi môi, hoặc...

"Mẹ chỉ nhớ," Baby Suggs nói, "nó thích cạnh bánh mì cháy như thế nào. Hai bàn tay nhỏ của nó, dù chúng đập vào mẹ, mẹ cũng không nhận ra."

...vết bớt, hoặc màu lợi răng, hình dáng đôi tai, hoặc...

"Này. Nhìn này. Đây là mẹ con. Nếu con không nhận ra mẹ bằng cách nhìn mặt, thì nhìn ở đây."

...những ngón tay, hoặc móng tay, hoặc thậm chí...

Nhưng chị còn nhiều thời gian. Tiếng "tách" đã kêu "tách"; mọi thứ đã ở đúng chỗ của nó hay đang chực chờ và sẵn sàng để trượt vào chỗ.

"Dì nghĩ ra bài hát đó," Sethe nói. "Dì nghĩ ra bài hát và hát cho con dì nghe. Không ai biết bài hát đó ngoại trừ dì và con của dì."

Thương quay nhìn Sethe. "Con biết nó," cô nói.

Một cái hộp đựng đầy châu báu tìm thấy trong một hốc cây phải được vuốt ve trước khi mở ra. Ổ khóa có thể bị gỉ sét hay đã gẫy rời khỏi chốt cài. Dù vậy người ta nên sờ đầu đinh, và thử sức nặng của thùng. Không nên đập vỡ thùng bằng đầu rìu trước khi nó được đào lên đàng hoàng từ ngôi mộ che giấu nó bao lâu nay. Không nên nghẹt thở trước một điều huyền diệu thật sự huyền diệu vì sự kỳ diệu đến từ nhận thức rằng phép lạ đã chờ đợi bạn ở đấy từ lâu.

Sethe chùi lớp sữa trắng bóng bám trong lòng chảo, mang gối từ phòng khách ra cho hai cô gái kê đầu. Giọng nói của chị không run khi chị bảo chúng giữ lửa – còn nếu không, thì lên gác.

Với những lời chỉ bảo ấy, chị quàng chăn quanh khuỷu tay và leo lên những bậc thang

trắng như một cô dâu. Bên ngoài, tuyết đông lại thành những hình dạng duyên dáng. Sự an bình của những ngôi sao mùa đông dường như vĩnh cửu.

Mân mê sợi dây vải và ngửi mùi da, Stamp Paid tiến lại I24 lần nữa.

"Xương cốt mình mỏi rồi," ông nghĩ. "Ngày nào mình cũng mệt, mệt tận xương, nhưng bây giờ cái mệt ngấm vào trong tủy. Baby Suggs chắc đã cảm thấy như thế khi bà nằm xuống và nghĩ đến màu sắc suốt quãng đời còn lại." Khi bà nói với ông mục đích của bà, ông nghĩ bà xấu hổ và xấu hổ đến nỗi không nói được rằng bà xấu hổ. Uy quyền của bà trên bục giảng, điệu múa của bà ở Chỗ Quang, Tiếng Gọi mạnh mẽ của bà (bà không thuyết giảng – nhất quyết rằng bà không biết đủ để giảng – bà đã gọi và đã được nghe) – tất cả đã bị nhạo báng và dè bỉu vì những giọt máu đổ ra trong sân sau nhà bà. Chúa khiến bà bối rối và bà xấu hổ vì Ngài đến nỗi không nói được. Thay vì thế bà bảo Stamp bà sẽ vào giường nằm để nghĩ về màu sắc của mọi thứ. Ông đã cố làm bà đổi ý. Sethe đang ở trong tù với đứa bé còn bú, đứa trẻ ông cứu. Hai đứa con trai chị đang nắm tay nhau trong sân, sợ không dám rời nhau ra. Người lạ và quen ghé qua để nghe thêm lần nữa chuyện đã xảy ra như thế nào, và đột nhiên Baby Suggs tuyên bố hòa bình. Bà bỏ cuộc. Đến lúc Sethe được thả ra bà đã nghĩ hết màu xanh dương và gần hết màu vàng.

Thoạt tiên ông thỉnh thoảng thấy bà trong sân, hoặc mang thức ăn đến nhà giam, hoặc mang giày vào thị trấn. Rồi dần dần ít đi. Lúc ấy ông tưởng nỗi xấu hổ làm bà liệt giường. Bây giờ, tám năm sau đám tang thiếu hòa khí của bà và mười tám năm sau Nỗi Khốn Khổ, ông đổi ý. Xương cốt của bà đã mệt và đáng khen cho quả tim nuôi sống nó rằng phải mất tám năm bà mới gặp được sắc màu ao ước. Sự mệt mỏi đã lấn chiếm bà, như đã lấn chiếm ông, một cách bất ngờ, nhưng kéo dài nhiều năm. Sau sáu mươi năm bị mất con cho những kẻ đã nhai nát đời bà và nhổ nó ra như một cái xương cá, sau năm năm tự do nhờ con út của bà, người mua tương lai bà bằng tương lai của mình, đổi chác, hay đại loại như thế, để bà có được một tương lai cho dù anh có tương lai hay không – để rồi cũng mất anh; có được một cô con gái và cháu nội và thấy cô con gái ấy giết bọn trẻ (hay gắng giết); thuộc về một cộng đồng của những người da đen tự do – yêu và được họ yêu lại, khuyên và được khuyên, bảo vệ và được bảo vệ, cho ăn và được mời ăn – và rồi thấy cộng đồng đó lùi ra xa – ôi, những chuyện ấy có thể làm mỏi mòn ngay cả Baby Suggs thánh thiện.

"Nghe này," ông bảo bà, "bà không bỏ được Lời Chúa. Bà được cho lời để nói. Tôi không cần biết cái gì xảy ra cho bà, bà không thể bỏ Lời Chúa."

Họ đang đứng trên đường Richmond, gót chân ngập trong lá vàng. Cửa sổ sáng đèn ở tầng dưới của những ngôi nhà rộng làm buổi chiều tối thêm tối. Mùi lá đốt gay gắt. Tình cờ, lúc ông bỏ túi một xu tiền thưởng cho món hàng ông giao, ông liếc sang bên kia đường và nhận ra người phụ nữ đang khập khiễng đi là bạn cũ. Đã nhiều tuần rồi ông chưa gặp bà. Ông lẹ làng băng qua đường, chân lội trong lá vàng. Khi ông chặn bà lại với một lời chào, bà đáp lại với một khuôn mặt vô hồn. Như thể bà là một cái đĩa. Với một cái giỏ đựng đầy giày trong tay, bà đợi ông bắt đầu, dẫn lối hay chia sẻ trò chuyện. Nếu mắt bà buồn bã ông có thể hiểu được, nhưng chỗ đáng lẽ có buồn rầu chỉ có thờ ơ.

“Đã ba thứ Bảy liền bà không đến Chỗ Quang,” ông bảo bà.

Bà quay đầu nhìn những căn nhà trên đường.

“Người ta đến,” ông nói.

“Người ta đến, người ta đi,” bà trả lời.

“Đây, để tôi mang cho.” Ông gắng cầm lấy cái làn của bà nhưng bà không chịu.

“Tôi phải giao hàng cho một nhà trên đường này,” bà nói. “Tên là Tucker.”

“Đằng kia,” ông nói. “Hai cây hạt dẻ trong sân. Có bệnh.”

Họ bước đi một chốc, ông đi chậm lại để chờ bà khập khiễng.

“Sao?”

“Sao cái gì?”

“Thứ Bảy sắp tới. Bà có định Gọi không?”

“Nếu tôi gọi họ và họ đến, tôi biết nói cái gì đây?”

“Nói Lời Chúa!” Ông kìm lại tiếng la của mình quá trễ. Hai người đàn ông da trắng đang đốt lá quay đầu về phía ông. Cúi thấp người, ông thì thầm vào tai bà, “Lời Chúa! Lời Chúa.”

“Đó là thêm một điều tôi bị tước mất,” bà nói, khi ông hô hào, năn nỉ bà dù sao đi nữa cũng đừng bỏ cuộc. Bà được ban cho Lời Chúa và bà phải nói. Phải nói.

Họ đã đến hai cây hạt dẻ và căn nhà trắng phía sau chúng.

“Bà hiểu tôi nói gì chưa?” ông nói. “Cây to như vậy, mà hai cây cộng lại không nhiều lá bằng cây dẻ gai non.”

“Tôi biết rồi,” bà nói, nhưng bà lại nhìn căn nhà trắng.

“Bà phải làm,” ông nói. “Bà phải làm. Không ai có thể Gọi như bà. Bà phải đến.”

“Điều tôi phải làm là vào giường nằm. Tôi muốn tập trung vào một điều gì đó vô hại trên cõi đời.”

“Bà đang nói cõi đời nào vậy? Không có gì vô hại ở dưới này.”

“Có. Màu xanh dương. Nó không hại ai. Màu vàng cũng không.”

“Bà vào giường để nghĩ về màu vàng?”

“Tôi thích màu vàng.”

“Rồi sao? Khi bà xong với màu xanh dương và màu vàng, rồi sao?”

“Không nói được. Đấy không phải là thứ có thể tính trước được.”

“Bà đổ lỗi cho Chúa,” ông nói. “Bà đang làm thế.”

“Không phải, Stamp. Không phải thế.”

“Bà nói là dân da trắng thắng rồi? Bà nói vậy?”

“Tôi nói họ vào sân nhà tôi.”

“Bà nói là không có điều gì đáng kể.”

“Tôi nói họ vào sân nhà tôi.”

“Sethe là người làm chuyện ấy.”

“Và nếu nó không làm?”

“Bà nói Chúa chịu thua? Không còn gì cho mình ngoài chuyện đổ máu của chính mình?”

“Tôi nói họ vào sân nhà tôi.”

“Bà đang trừng phạt Ngài, phải không?”

“Không giống như Ngài trừng phạt tôi.”

“Bà không thể làm thế, Baby. Như thế không đúng.”

“Có lúc tôi đã biết đúng là như thế nào.”

“Bà vẫn biết.”

“Điều tôi biết là điều tôi thấy: một bà da đen đang vác giày.”

“Ồ, Baby.” Ông liếm môi uốn lưỡi tìm lời đổi ý bà, làm nhẹ gánh cho bà. “Mình phải vững vàng. ‘Những chuyện này cũng sẽ qua.’ Bà đang tìm cái gì? Một phép lạ?”

“Không,” bà nói. “Tôi tìm thứ Chúa đặt tôi ở đây để tìm: cái cửa sau,” và khập khiễng đến ngay trước cửa sau. Họ không cho bà vào. Họ lấy giày khi bà đứng trên bậc thềm và bà tựa hông vào tay vịn bậc thềm trong khi người đàn bà da trắng đi tìm đồng mười xu.

Stamp Paid đổi đường đi. Giận đến mức không thể đưa bà về nhà và nghe thêm nữa, ông nhìn bà một lúc rồi quay đi trước khi khuôn mặt da trắng canh chừng ở cửa sổ nhà bên có kết luận gì.

Giờ đây, gắng đến I24 lần thứ nhì, ông hối tiếc buổi trò chuyện ấy: giọng cao kỳ của ông, việc ông không chịu thấy hậu quả của cái mệt tận trong xương tủy của người phụ nữ mà ông tin là một ngọn núi. Giờ đây, ông hiểu bà, thì quá trễ. Trái tim bơm tình yêu, cái miệng nói Lời Chúa, chúng không đáng kể. Họ vẫn vào sân nhà bà và bà không thể tán thành hay lên án sự lựa chọn khó khăn của Sethe. Cái này hoặc cái kia có thể đã cứu bà, nhưng bị yêu sách của cả hai bên đánh gục, bà vào giường. Cuối cùng bọn da trắng đã làm bà mệt nhoài.

Và ông nữa. Bây giờ đã là năm 1874 và bọn da trắng vẫn lộng hành. Da đen bị quét sạch khỏi các thị trấn, tám mươi bảy vụ hành hình không luật pháp chỉ trong một năm ở Kentucky, bốn trường học da đen cháy rụi, đàn ông trưởng thành bị đánh như trẻ con, trẻ con bị đánh như người lớn, phụ nữ da đen bị cưỡng hiếp hội đồng, của cải bị lấy đi, cổ bị bẻ gẫy. Ông ngửi thấy mùi da, da và máu nóng. Da là một chuyện, nhưng máu người nấu trong lửa hành hình lại là chuyện khác. Thối inh. Xông lên từ những trang báo *Sao Phương Bắc*, từ miệng nhân chứng, hằn trong nét chữ ngoằn ngoèo của những lá thư đưa tay. Thối inh trong những chi tiết của các văn kiện và bản kiến nghị đầy những chữ xét rằng và được đệ trình đến bất cứ cơ sở luật pháp nào chịu đọc. Nhưng những điều này không làm xương cốt ông mệt mỏi. Không một điều nào. Xương cốt ông mệt vì một sợi dây vải. Đang hết sức buộc chắc phà vào bờ sông Licking, ông nhìn thấy một cái gì màu đỏ dưới đáy phà. Với tay lấy nó, ông nghĩ nó là một chiếc lông chim đỏ kẹt vào phà. Ông kéo giật ra một sợi dây vải đỏ buộc một cuộn tóc xoăn ướt, vẫn còn dính vào mảng da đầu. Ông tháo sợi dây vải, để nó vào túi, và thả cuộn tóc vào đám cỏ dại. Trên đường về, ông dừng bước, nghẹn thở và choáng váng. Ông đợi cơn choáng váng qua đi trước khi tiếp tục về nhà. Một lúc sau, ông lại nghẹn thở. Lần này ông ngồi xuống bên một hàng rào. Nghỉ xong, ông đứng dậy, nhưng trước khi bước đi ông quay nhìn xuống con đường đang đi và nói, với lớp bùn đóng cứng và dòng sông phía xa, "Mấy người này *là* cái gì? Ngài bảo cho con biết đi, Jesus. Họ *là* gì?"

Khi về đến nhà ông mệt quá không ăn được thức ăn em gái và cháu trai ông nấu. Ông ngồi trên hàng hiên đến khuya trong cái lạnh và chỉ vào giường vì giọng em ông gọi đã bắt đầu lo âu. Ông giữ sợi dây vải. Mùi da đeo đẳng theo ông, và xương cốt đã yếu đi của ông làm ông nghĩ nhiều đến ước nguyện của Baby Suggs, ước nguyện được ngẫm nghĩ về những điều vô hại trên đời. Ông hy vọng bà đã chú tâm vào màu xanh dương, màu vàng, có thể màu xanh lá cây, và không bao giờ chú tâm vào màu đỏ.

Hiểu lầm bà, trách bà, nợ bà, bây giờ ông cần cho bà biết rằng ông biết, và làm lành với bà và thân nhân của bà. Vì vậy, mặc dù xương cốt ông mệt, ông tiếp tục đi qua những tiếng nói để gõ cửa I24 một lần nữa. Lần này, mặc dù ông chỉ hiểu được một chữ, ông tin mình biết ai đang nói. Những người bị gãy cổ, máu bị nấu trong lửa và những cô bé da đen đã mất dây vải buộc tóc.

Tiếng ồn lớn làm sao.

Sethe đã đi ngủ với nụ cười, náo nức muốn nằm xuống và lần mối chứng minh cho kết luận chị đã có. Nâng niu ngày và hoàn cảnh lúc Thương đến và ý nghĩa của nụ hôn ở Chỗ Quang. Thay vì thế chị ngủ và thức dậy, vẫn mỉm cười, trong buổi sáng rạng rỡ màu tuyết

trắng, đủ lạnh để người ta nhìn thấy hơi thở của mình. Chị nấn ná một chút để thu can đảm gạt chăn ra và chạm vào sàn nhà lạnh lẽo. Lần đầu tiên, chị sẽ đi làm muộn.

Dưới nhà chị thấy hai cô gái đang ngủ ở chỗ chị rời chúng đêm qua, nhưng tựa lưng vào nhau, cả hai quấn chặt trong chăn, thở vào gối. Ba chiếc giày trượt băng nằm bên cửa nhà, tất phơi trên một cái đinh sau bếp lò chưa khô.

Sethe nhìn khuôn mặt Thương và mỉm cười.

Lặng lẽ, cẩn thận chị bước vòng quanh cô để khơi lại lửa. Đầu tiên là chút giấy, rồi chút gỗ nhóm – không nhiều quá – chỉ chút xíu cho đến khi lửa đủ to để bỏ củi vào thêm. Chị cung cấp cho điệu vũ của nó cho đến lúc nó nhanh loạn cuồng. Khi ra ngoài lấy thêm củi trong kho, chị không để ý thấy những dấu chân đàn ông đông cứng. Chị vòng vội ra sau nhà, đến đống củi phủ đầy tuyết. Cạo tuyết xong, chị chất củi khô đầy hai tay. Thậm chí chị nhìn thẳng vào kho củi, mỉm cười, mỉm cười về những điều bây giờ chị sẽ không còn phải nhớ. Nghĩ, "Giận mình nó cũng không giận. Không tí nào."

Rõ ràng mấy chiếc bóng nắm tay nhau chị đã nhìn thấy trên đường không phải là Paul D, Denver và chị, mà là "ba chúng mình." Ba người níu vào nhau trượt băng tối hôm trước, ba người nhấm nháp sữa ngọt. Và vì chuyện là thế – nếu con gái chị có thể về nhà từ chốn vĩnh hằng – chắc chắn con trai chị có thể và sẽ trở về từ chỗ chúng đã đến.

Sethe dùng lưỡi che hàng răng cửa khỏi cái lạnh. Cúi lom khom với gánh nặng trong tay, chị vòng quanh nhà trở lại hàng hiên – không hề để ý những dấu chân đông cứng chị đặt chân vào.

Trong nhà, hai cô gái vẫn ngủ, mặc dù đã đổi vị trí cho nhau trong lúc chị vắng mặt, cả hai nhích gần đến lửa hơn. Đổ đống củi trên tay vào thùng làm chúng cựa quậy nhưng không thức giấc, Sethe nấu bếp hết sức nhẹ nhàng, không muốn làm hai chị em thức giấc, sung sướng thấy chúng ngủ bên chân chị trong lúc chị nấu điểm tâm. Đáng tiếc là chị sẽ đi làm muộn – thật đáng tiếc. Một lần trong mười sáu năm? Thật là đáng tiếc.

Chị đánh hai quả trứng vào nồi cháo ngô ngày hôm qua, nặn cháo thành bánh và rán chúng bằng vài miếng thịt lợn muối trước khi Denve tỉnh ngủ và rên lên.

"Đau lưng?"

"Vâng."

"Ngủ trên sàn nhà chắc là tốt cho con."

"Người con đau như dần ấy," Denver nói.

"Có thể là tại con bị ngã."

Denver mỉm cười. "Tối qua vui ghê." Nó quay người nhìn xuống Thương đang ngáy nhè

nhẹ. “Con có nên đánh thức chị ấy không?”

“Đừng, để nó nghỉ.”

“Chị muốn tiễn mẹ đi buổi sáng.”

“Chắc chắn nó sẽ được tiễn mẹ đi,” Sethe nói, và nghĩ, Nghĩ trước là tốt, trước khi mình nói chuyện với nó, để nó biết rằng mình biết. Nghĩ tới mọi điều mình không phải nhớ đến nữa. Làm như Baby nói: ngẫm nghĩ rồi để xuống hết – vĩnh viễn. Paul D thuyết phục mình rằng có thế giới ngoài kia và mình có thể sống trong thế giới ấy. Đáng lẽ mình phải biết rõ hơn. Đã biết rõ hơn. Những điều diễn ra ngoài cửa nhà mình không phải là chuyện của mình. Thế giới ở trong phòng này. Tất cả mọi điều, và mọi điều cần phải có, ở ngay đây.

Chúng ăn như đàn ông, ngấu nghiến và chăm chú. Nói ít, bằng lòng với sự bầu bạn của đứa kia và cơ hội nhìn vào mắt chị.

Giữa buổi sáng Sethe mới quàng khăn lên đầu và mặc áo ấm để chuẩn bị vào thị trấn. Và khi rời căn nhà chị không thấy những dấu chân hay nghe những tiếng nói vòng quanh I24 như một nút thòng lọng.

Lê bước trong những vết bánh xe, Sethe thích thú đến choáng váng vì những điều chị không còn phải nhớ.

Mình không cần phải nhớ gì hết. Mình cũng không cần cả giải thích. Nó hiểu hết. Mình có thể quên trái tim của Baby Suggs suy sụp như thế nào, làm cách nào mình và Baby Suggs đồng ý bệnh của bà là lao phổi khi không có dấu hiệu nào của nó trên đời. Mình có thể quên đôi mắt bà khi bà mang thức ăn cho mình, và bà bảo mình Howard và Buglar không sao nhưng không chịu rời tay nhau ra như thế nào. Chơi đùa như thế, nhất là ngủ như thế. Bà đưa thức ăn trong giỏ cho mình, những gói nhỏ để lọt qua được chấn song, thì thầm những tin tức: ông Bodwin sẽ đến gặp quan tòa – trong phòng làm việc của quan tòa, bà lặp đi lặp lại, trong phòng làm việc của quan tòa, như thể mình hay bà biết nó có nghĩa là gì. Hội Phụ nữ da đen ở Delaware, Ohio, đã viết bản kháng nghị xin cho mình không bị treo cổ. Rằng hai mục sư da trắng đến và nói họ muốn nói chuyện với mình, cầu nguyện cho mình. Rằng một ông nhà báo cũng đến. Bà nói cho mình nghe tin tức và mình nói mình cần một cái gì đó để đối phó với lũ chuột. Bà muốn đem Denver ra khỏi tù và đập tay khi mình không chịu để nó đi. “Hoa tai của con đâu?” Bà nói. “Mẹ sẽ giữ cho con.” Mình bảo bà tên cai ngục đã lấy đi, để bảo vệ mình khỏi chính mình. Hắn nghĩ mình có thể làm chuyện gì tai hại với cọng dây. Baby Suggs lấy tay che miệng. “Thầy giáo đi rồi,” bà nói. “Đệ đơn và rồi cưỡi ngựa đi. Họ sẽ cho con ra dự lễ an táng,” bà nói, “không phải lễ tang, chỉ có chôn cất,” và họ cho thật. Cảnh sát trưởng đi với mẹ và nhìn đi chỗ khác khi mẹ cho Denver bú trong xe ngựa. Cả Howard lẫn Buglar đều không cho mẹ lại gần, ngay cả sờ vào tóc chúng cũng không. Mẹ chắc có nhiều người ở đấy, nhưng mẹ chỉ nhìn thấy cái hộp. Mục sư Pike nói thật to, nhưng mẹ không nghe được chữ nào – ngoài hai chữ đầu, và ba tháng sau, khi Denver ăn được thức ăn đặc và họ thả mẹ ra, mẹ đi mua cho con một bia mộ, nhưng mẹ không có đủ tiền thuê đẽo đá nên mẹ trao đổi (có thể gọi là đổi chác) cái mẹ có và cho đến

hôm nay mẹ tiếc đã không hề nghĩ đến việc yêu cầu hắn tất cả mấy chữ: tất cả những gì mẹ nghe mục sư Pike nói. Thương Mến, con là như thế đối với mẹ và mẹ không cần phải tiếc vì đã mua có một chữ, và mẹ không phải nhớ lò mổ và những cô gái thứ Bảy hành nghề ở trong sân lò mổ. Mẹ có thể quên rằng điều mẹ làm đã thay đổi cuộc sống của Baby Suggs. Không còn Chỗ Quang, không còn bạn bè. Chỉ có đồ giặt và giày. Giờ đây mẹ có thể quên hết vì ngay sau khi mẹ dựng bia mộ cho con, con đã cho mọi người thấy sự hiện diện của con trong nhà và khiến mọi người lo nghĩ muốn điên đầu. Lúc ấy mẹ không hiểu. Mẹ tưởng con giận mẹ. Và bây giờ mẹ biết nếu đã giận mẹ, bây giờ con không còn giận nữa vì con đã trở về với mẹ và bấy lâu nay mẹ đã đúng: không có thế giới nào ở ngoài cửa nhà của mẹ. Mẹ chỉ cần biết một chuyện. Cái sẹo có xấu lắm không?

Trong khi Sethe đi bộ đến chỗ làm, lần đầu tiên muộn giờ trong mười sáu năm, được ấp ủ trong một hiện tại vĩnh cửu, thì Stamp Paid chống chọi với nhọc mệt và thói quen của một đời người. Baby Suggs không chịu đến Chỗ Quang vì bà tin họ đã thắng, ông không chịu chấp nhận chiến thắng đó. Baby không có cửa sau, vì thế ông phải chịu cái lạnh và bức tường tiếng nói để gõ vào cánh cửa bà có. Ông nắm chặt dải dây đỏ trong túi để lấy thêm sức mạnh. Mới đầu nhè nhẹ, rồi chặt hơn. Cuối cùng ông đập cửa rầm rầm – không tin nổi chuyện như vậy có thể xảy ra. Rằng cánh cửa của một căn nhà dân da đen ở không mở tung ra khi ông có mặt. Ông đến bên cửa sổ và muốn khóc. Họ quả thực có nhà, nhưng không ai đi về phía cửa chính. Vò mảnh dây vải đến gần rách, ông già quay xuống mấy bậc thềm. Bây giờ nỗi tò mò nhập chung lại với xấu hổ và nợ nần của ông. Hai tấm lưng khom quay về phía ông lúc ông nhìn vào cửa sổ. Một tấm lưng có cái đầu ông nhận ra, tấm lưng kia làm ông bối rối. Ông không biết cô ta và không biết cô ta có thể là ai. Không có ai, đâu có ai thăm viếng căn nhà ấy.

Sau bữa điểm tâm không ngon miệng ông đến gặp Ella và John để tìm xem họ biết những gì. Có lẽ ở đấy ông có thể biết phải chăng sau từng đó năm sáng suốt, ông đã đặt nhầm tên mình và ông còn một món nợ nữa. Sinh ra với tên Joshua, ông tự đặt lại tên khi trao vợ mình cho con trai ông chủ. Trao bà vợ, có nghĩa là ông không giết ai hết, kể cả chính mình, vì vợ ông đòi ông phải còn sống. Nếu không, bà lý luận, khi đứa con trai ông chủ đã chơi bà chán rồi, bà biết về đâu, với ai? Với món quà ấy, ông quyết định ông không còn nợ ai cái gì nữa. Bất kể nghĩa vụ của ông đã là gì, hành động ấy đã trả xong nợ. Ông nghĩ rằng tình trạng không nợ nần sẽ làm ông dễ cáu, phản bội – thậm chí say sưa, và theo một khía cạnh nào đó ông quả thật như thế. Nhưng ông không biết phải làm gì trong tình trạng không nợ nần ấy. Làm việc giỏi; làm việc dở. Làm việc ít, không làm việc. Rõ ràng, lộn xộn. Ngủ, thức dậy. Thích một người, không thích những người khác. Sống như thế dường như không hay ho gì và không mang lại cho ông sự thỏa mãn nào. Vì vậy ông nới rộng chuyện không nợ nần đến người khác bằng cách giúp họ trả và trả đứt những gì họ nợ vì khốn cùng. Kẻ chạy trốn bị đánh đập? Ông đưa họ qua sông và xem như họ đã trả hết nợ nần, đại loại là xóa nợ cho họ. “Bạn trả xong rồi; bây giờ cuộc đời nợ bạn.” Và cái mà ông nhận được, thật ra, là cánh cửa chào đón mà ông không bao giờ phải gõ, như cửa nhà John và Ella, ông đứng trước cửa và nói, “Ai trong đó?” một lần thôi là chị đã kéo bản lề.

“Bấy lâu nay ông ở đâu? Tôi bảo John nếu Stamp ở nhà thì trời chắc phải lạnh.”

“Ồ, tôi có ra ngoài.” Ông cởi mũ và xoa da đầu.

“Ra ngoài chỗ nào? Đâu có ngang qua đây.” Ella treo hai bộ đồ lót trên dây phơi sau bếp lò.

“Tôi qua bên Baby Suggs sáng nay.”

“Ông muốn cái gì ở đó?” Ella hỏi. “Có ai mời ông vào không?”

“Đó là thân nhân của Baby. Tôi không cần phải được mời để chăm sóc người nhà của bà.”

“Chậc.” Ella không lay chuyển. Chị đã là bạn của Baby Suggs và cũng là bạn của Sethe cho đến lúc khó khăn. Ngoại trừ một cái gật đầu ở buổi hội chợ, chị không màng đến Sethe.

“Có người mới ở đó. Phụ nữ. Tôi nghĩ không chừng cô biết.”

“Không có ai da đen mới trong thị trấn mà tôi không biết,” chị nói. “Cô ta như thế nào? Ông chắc không phải là Denver chứ?”

“Tôi biết Denver. Cô này gầy.”

“Ông có chắc không?”

“Tôi biết mình thấy cái gì.”

“Ở I24 ông có thể thấy đủ thứ.”

“Đúng thế.”

“Tốt hơn là hỏi Paul D,” chị nói.

“Tôi không biết hắn ở đâu,” Stamp nói, và đấy là sự thật mặc dù ông không cố gắng tìm Paul D cho lắm. Ông chưa sẵn sàng để đối diện với người đàn ông có cuộc sống đã bị ông thay đổi bằng tin tức ông mang đến vào lúc ca đêm.

“Anh ta đang ngủ trong nhà thờ,” Ella nói.

“Nhà thờ!” Stamp kinh ngạc và cảm thấy rất tổn thương.

“Ờ. Anh ấy đã hỏi mục sư Pike xem anh ấy có được phép ở trong tầng hầm không.”

“Trong đó lạnh như lòng từ thiện!”

“Tôi chắc anh ấy biết vậy.”

“Tại sao hắn làm thế?”

“Có lẽ anh ấy hơi tự ái.”

“Hắn không cần làm thế. Nhà nào cũng sẵn lòng cho hắn ở.”

Ella quay lại nhìn Stamp Paid. “Không ai đọc được ý nghĩ từ xa. Anh ấy chỉ cần hỏi ai đó.”

“Tại sao? Tại sao hắn phải hỏi? Không ai có thể mời sao? Chuyện gì xảy ra vậy? Từ lúc nào một người da đen đến thị trấn phải ngủ trong tầng hầm như một con chó?”

“Bớt bực đi, Stamp.”

“Không. Tôi sẽ còn bực cho tới khi có người hiểu biết và ít nhất cư xử như một người Cơ Đốc.”

“Anh ấy mới ở đó vài ngày.”

“Đáng lẽ phải là không có ngày nào! Cô biết hết chuyện mà cô không giúp đỡ anh ấy? Chuyện này nghe không giống cô, Ella. Tôi và cô đã kéo dân da đen ra khỏi sông nước hơn hai mươi năm. Bây giờ cô bảo là cô không thể cho một người chỗ ngủ? Một người đang có việc làm. Một người có thể tự lo được.”

“Anh ấy mà hỏi, thì cái gì tôi cũng cho.”

“Tại sao bỗng nhiên người ta lại phải hỏi cô?”

“Tôi không biết rõ về anh ấy lắm.”

“Cô biết hắn là da đen!”

“Stamp, đừng làm phiền tôi sáng nay. Tôi không thích đâu.”

“Là do cô ấy, phải không?”

“Cô nào?”

“Sethe. Hắn thích cô ấy và ở đó và cô không muốn dính dáng…”

“Khoan đã. Đừng có nói bừa.”

“Cô em, nhận đi. Mình bạn bè đã lâu, đừng giả vờ.”

“Ôi, ai biết được cái gì xảy ra ở đó? Coi này, tôi không biết Sethe hay người của chị ấy là ai.”

“Cái gì?!”

“Tôi chỉ biết là chị ấy lấy con trai của Baby Suggs và tôi không chắc đó là chuyện thật.

Anh ấy ở đâu, hả? Baby chưa bao giờ thấy chị ấy cho đến khi John mang chị ấy đến trước cửa với đứa nhỏ tôi buộc vào ngực chị ấy."

"*Tôi* buộc đứa nhỏ đó! Và cô quá lắm rồi. Cho dù nếu cô không biết, con của cô ấy biết cô ấy là ai."

"Thì sao? Tôi đâu có nói chị ấy không phải má tụi nó, nhưng ai nói được tụi nó có thật là cháu của Baby Suggs? Làm sao chị ấy đi mà chồng chị ấy không đi? Và ông nói tôi nghe xem, làm sao chị ấy sinh được đứa nhỏ một mình ở trong rừng? Nói cô da trắng ra khỏi đám cây và giúp chị ấy. Ông tin không? Cô da trắng? Ôi, tôi biết đó là loại da trắng nào rồi."

"Thôi đi, Ella."

"Bất cứ cái gì màu trắng trôi dạt trong rừng – nếu nó không có súng thì nó là thứ tôi không muốn *chút nào*."

"Sethe và cô là bạn mà."

"Ờ, cho đến khi chị ấy lộ nguyên hình."

"Ella."

"Tôi không có bạn nào lấy cái cưa tay để xẻ con mình."

"Cô quá trớn rồi."

"Không phải. Tôi có lý lẽ. Ông mới là không có."

"Mấy chuyện cô đang nói dính gì đến Paul D?"

"Cái gì làm anh ấy bỏ chạy? Ông nói tôi nghe."

"Tôi làm hắn bỏ chạy."

"Ông?"

"Tôi nói cho hắn nghe – tôi cho hắn xem tờ báo, về chuyện Sethe làm. Đọc cho hắn nghe. Hắn rời nhà Sethe cùng một ngày."

"Ông không nói cho tôi nghe. Tôi tưởng anh ấy biết."

"Hắn không biết gì. Ngoài chuyện hắn đã biết Sethe, từ lúc họ ở chỗ Baby Suggs ở trước kia."

"Anh ấy biết Baby Suggs?"

"Dĩ nhiên hắn biết. Biết Halle con bà ấy nữa."

“Và đi khỏi khi anh ấy biết chuyện Sethe làm?”

“Có vẻ cuối cùng hắn sẽ có chỗ ở.”

“Chuyện ông nói thay đổi mọi chuyện. Tôi nghĩ…”

Nhưng Stamp Paid biết điều chị nghĩ.

“Ông không đến đây để hỏi về anh ấy,” Ella nói. “Ông đến vì cô gái mới.”

“Đúng vậy.”

“Vậy Paul D phải biết cô ta là ai. Hay là *cái gì*.”

“Đầu cô toàn là chuyện ma quỷ. Nhìn đâu cô cũng thấy ma.”

“Ông cũng biết như tôi là người chết dữ thì không ở yên dưới đất.”

Ông không thể chối cãi điều ấy. Chính Jesus Christ đã không nằm yên, vì vậy Stamp ăn một miếng giò thủ của Ella để tỏ rằng ông không giận dỗi rồi đi tìm Paul D. Ông tìm thấy anh trên bậc thềm của nhà thờ Đấng Cứu Thế, hai tay kẹp giữa hai gối, mắt đỏ ngầu.

Sawyer la hét khi chị vào bếp, nhưng chị chỉ xoay lưng lại và với tay lấy khăn tạp dề. Bây giờ không có lối vào. Không có kẽ hở hay đường nứt. Chị đã cẩn thận không để cho bọn chúng vào, nhưng biết rõ rằng bất cứ giây phút nào bọn chúng cũng có thể rung chuyển chị, giật rời chị khỏi neo buộc của mình, thả những con chim ríu rít vào lại trong tóc chị. Bọn chúng đã rút cạn sạch sữa mẹ chị. Đã xẻ lưng chị thành cây sống. Đã đẩy chị vào rừng lúc bụng chị đang to. Tất cả tin về bọn chúng là tin xấu. Họ trét bơ vào mặt Halle, nhét sắt cho Paul D ăn, nướng giòn Sixo, treo cổ mẹ chị. Chị không muốn có thêm tin tức của người da trắng nữa, không muốn biết Ella và John và Stamp Paid biết gì, về thế giới được sắp xếp theo cách người da trắng thích. Tất cả tin tức về bọn chúng đáng lẽ phải chấm dứt với mấy con chim trong tóc chị.

Đã có lần, lâu lắm, chị dịu dàng, tin tưởng. Chị tin bà Garner và chồng bà nữa. Chị buộc đôi hoa tai vào váy lót để mang theo, để đeo thì ít mà để giữ thì nhiều. Đôi hoa tai làm chị tin mình có thể phân biệt bọn họ. Rằng cứ mỗi thầy giáo sẽ có một Amy, rằng cứ mỗi học trò sẽ có một Garner, hoặc Bodwin, hoặc thậm chí một ông cảnh sát trưởng, người đã dịu dàng chạm vào khuỷu tay chị và nhìn đi chỗ khác khi chị cho con bú. Nhưng dần dà chị đã tin tất cả những lời cuối cùng của Baby Suggs và chôn vùi tất cả hồi tưởng về bọn họ và may mắn. Paul D đào bới nó lên, trả lại cho chị thân thể của chị, hôn lưng bị cắt xẻ của chị, khuấy động ký ức của chị và mang thêm tin cho chị: tin sữa chua, sắt, gà trống mỉm cười, nhưng khi anh nghe tin *của chị,* anh đếm chân chị và thậm chí không nói một lời từ biệt.

“Đừng nói với tôi, ông Sawyer. Đừng nói gì với tôi sáng nay.”

“Cái gì? Cái gì? Cái gì? Chị cãi lại tôi à?”

“Tôi nói là ông đừng nói với tôi.”

“Chị khôn hồn thì làm bánh đi.”

Sethe lấy trái cây và cầm con dao nhỏ lên.

Khi nước trái cây rớt vào đáy lò và kêu xèo xèo, Sethe đã làm gần xong món khoai tây trộn. Sawyer vào và nói, “Đừng làm ngọt quá. Chị làm ngọt quá người ta không ăn.”

“Tôi làm như tôi vẫn làm.”

“Phải rồi. Ngọt quá.”

Không một miếng xúc xích nào. Đầu bếp có bí quyết làm xúc xích và quán Sawyer không bao giờ thừa xúc xích. Nếu Sethe muốn thì chị phải cất riêng ra ngay khi chúng chín. Nhưng có chút thịt hầm ăn tạm được. Vấn đề là bánh nướng của chị cũng đã bán hết. Chỉ còn bánh gạo và nửa chảo bánh gừng nấu hỏng. Nếu chị chú ý thay vì mơ mộng suốt buổi sáng, chị sẽ không phải thu lượm xung quanh như một con cua để tìm thức ăn bữa tối. Chị không biết xem đồng hồ, nhưng chị biết khi hai kim chụm lại như cầu nguyện ở trên đỉnh của mặt đồng hồ là chị xong việc ngày hôm ấy. Chị lấy một cái hũ có nắp kim loại, đổ đầy thịt hầm vào và gói bánh gừng trong giấy gói thịt. Mấy thứ này chị bỏ vào túi váy ngoài và bắt đầu dọn rửa. Không có thứ nào giống như những món đầu bếp và hai bồi bàn mang đi. Ông Sawyer kèm thêm bữa ăn trưa vào tiền lương – cùng với 3 đô la 40 xu một tuần – và ngay từ đầu chị nói cho ông hiểu là chị sẽ mang bữa ăn về nhà. Nhưng diêm quẹt, đôi khi chút dầu lửa, chút muối, bơ nữa – những thứ này chị cũng lấy, và cảm thấy xấu hổ, vì chị có tiền để mua. Chị chỉ không muốn phải ngượng ngùng khi đợi đằng sau tiệm Phelps, cùng với những người khác, tất cả dân da trắng ở Ohio được phục vụ rồi người chủ mới quay về phía những khuôn mặt da đen túm tụm nhìn qua lỗ cửa sau. Chị cũng xấu hổ vì lấy chúng là ăn cắp, và luận cứ của Sixo trong vấn đề này làm chị thấy thú vị nhưng không thay đổi điều chị cảm thấy, cũng như luận cứ ấy không làm được thầy giáo đổi ý.

“Mày đã ăn cắp con lợn con đó phải không? Mày đã ăn cắp con lợn con đó.” Thầy giáo trầm tĩnh nhưng cả quyết, như thể hắn chỉ hỏi cho có lệ – không chờ đợi một câu trả lời đáng nghe. Sixo ngồi đấy, thậm chí không buồn đứng dậy để xin xỏ hay chối cãi. Anh chỉ ngồi đấy, miếng thịt nạc trong tay, xương sụn túm tụm trong chiếc đĩa thiếc như những viên đá quý – thô, chưa đánh bóng, nhưng dù sao vẫn là của ăn cắp.

“Mày đã ăn cắp con lợn sữa đó, phải không?”

“Dạ không.” Sixo nói, nhưng anh biết đủ phép tắc để nhìn xuống miếng thịt.

“Mày dám bảo tao là mày không ăn cắp, trong khi tao đang nhìn thẳng vào mày?”

“Dạ không. Tôi không ăn cắp.”

Thầy giáo mỉm cười. “Mày có giết nó không?”

“Dạ có. Tôi giết nó.”

“Mày có xẻ thịt nó không?’

“Dạ có.”

“Mày có nấu nó không?”

“Dạ có.”

“Thế thì, mày có ăn nó không?”

“Dạ có. Tôi có ăn”

“Và mày nói với tao đó không phải là ăn cắp?”

“Dạ không.”

“Vậy nó là cái gì?”

“Cải thiện tài sản của ông.”

“Cái gì?”

“Sixo trồng lúa mạch để vùng đất cao tốt hơn. Sixo bón đất, cho ông có nhiều thu hoạch hơn. Sixo cho Sixo ăn, cho ông thêm sức làm việc.”

Khôn khéo đấy, nhưng thầy giáo vẫn đánh anh để cho anh biết rằng định nghĩa là của những người tạo ra định nghĩa – không phải của những kẻ bị định nghĩa. Sau khi ông Garner mất đi vì cái lỗ ở trong tai ông mà bà Garner nói là do màng nhĩ bị nổ vì đột quỵ và Sixo nói vì thuốc súng, tất cả mọi thứ họ đụng vào bị xem như là ăn cắp. Không chỉ là một bắp ngô, hay hai quả trứng trong sân chính con gà mái cũng không còn nhớ, tất cả mọi thứ. Thầy giáo lấy đi mấy khẩu súng của bọn đàn ông Tổ Ấm và, không còn thú rừng để đệm vào thức ăn của họ gồm có bánh mì, đậu, cháo ngô, rau và thêm một chút lúc mổ thịt, họ bắt đầu trộm cắp thực tình, và chuyện ấy không những trở thành quyền lợi của họ, mà là bắt buộc.

Lúc ấy Sethe hiểu, nhưng bây giờ với công việc được trả tiền và ông chủ khá tốt bụng đã chịu mướn một cựu phạm, chị khinh mình đã vì tự ái nên thấy trộm cắp tốt hơn đứng xếp hàng ở cửa sổ tiệm tạp hóa với những người da đen khác. Chị không muốn chen lấn với họ hay bị họ chen lấn. Cảm thấy sự phán xét hay lòng thương hại của họ, nhất là bây giờ. Chị dùng lưng cổ tay chặm mồ hôi trên trán. Ngày làm việc đã hết và chị đã cảm thấy náo nức. Từ lần trốn đi trước kia chị chưa bao giờ cảm thấy kích động như thế. Cho lũ chó trong ngõ ăn, nhìn chúng điên cuồng, chị bặm môi. Ngày hôm nay là ngày chị sẽ nhận lời đi nhờ xe nếu ai trên xe ngựa ngỏ lời mời. Sẽ không có ai mời, và trong mười sáu năm qua tự ái của chị đã không cho phép chị hỏi. Nhưng ngày hôm nay. Ồ, ngày hôm nay. Giờ đây chị muốn nhanh chóng bỏ qua được quãng đường dài đi bộ về nhà và ở đấy.

Khi Sawyer cảnh cáo chị về chuyện đi muộn lần nữa, chị hầu như không nghe thấy. Trước kia ông là người dễ mến. Kiên nhẫn, dịu dàng trong cách cư xử với người làm công. Nhưng sau cái chết của con ông trong Cuộc Chiến, mỗi năm ông càng lúc càng kỳ quặc hơn. Như thể ông đổ lỗi cho khuôn mặt da sậm của Sethe.

"Ờ há," chị nói, tự hỏi làm sao chị có thể đẩy thời gian đi qua nhanh và đến nơi không-có-thời-gian đang chờ đợi chị.

Chị không cần phải lo lắng. Quấn chặt trong khăn quàng, cúi khom người, khi chị cất bước đi về nhà đầu chị bận rộn với những điều chị có thể quên.

Tạ ơn Chúa, mẹ không phải nhớ hay nói điều nào vì con đã biết. Tất cả. Con biết mẹ không bao giờ muốn rời con. Không bao giờ. Mẹ chỉ nghĩ mẹ không được rời con. Khi xe lửa đến mẹ phải sẵn sàng. Thầy giáo đang dạy mẹ và những người kia những điều mẹ và họ không thể học. Mẹ không cần biết dây đo là gì. Ai cũng cười chuyện ấy – trừ Sixo. Anh ấy không cười chuyện gì hết. Nhưng mẹ không cần. Thầy giáo buộc sợi dây đo quanh đầu mẹ, ngang qua mũi mẹ, vòng ra sau lưng. Đếm răng mẹ. Mẹ nghĩ hắn khùng. Và những câu hắn hỏi khùng nhất đời.

Rồi mẹ và hai anh con đã khai hoang cánh đồng thứ nhì. Cánh đồng thứ nhất gần nhà có những thứ ăn ngay: đậu, hành, đậu ngọt. Cánh đồng kia xa hơn cho những thứ để lâu hơn, khoai tây, bí đỏ, đậu bắp, xà-lách. Chưa có bao nhiêu thứ mọc lên ở đấy. Vẫn còn sớm. Có thể có vài đám cải non, chỉ thế thôi. Mẹ và hai anh con nhổ cỏ dại và xới tơi đất để cho cây mọc được tốt. Sau đó mẹ và hai anh con đi về nhà. Mặt đất cao lên ở cánh đồng thứ nhì. Không hẳn là một ngọn đồi nhưng gần gần như vậy. Đủ cho Buglar và Howard chạy lên và lăn xuống, chạy lên và lăn xuống. Trong giấc mơ mẹ thường thấy tụi nó như vậy, đang cười vang, đôi chân ngắn mập mạp chạy lên đồi. Bây giờ mẹ chỉ còn thấy lưng tụi nó đang bước xuống đường ray xe lửa. Xa rời mẹ. Luôn luôn xa rời mẹ. Nhưng ngày hôm ấy tụi nó vui vẻ, chạy lên và lăn xuống. Vẫn còn sớm – mùa trồng trọt đã đến nhưng chưa có bao nhiêu thứ mọc lên. Mẹ nhớ cây đậu vẫn còn hoa. Cỏ thì mọc cao, đầy những nụ trắng và những đóa hoa đỏ cao người ta gọi là Diane và thứ gì đó màu xanh dương rất nhạt – màu sáng, như hoa ngô nhưng nhạt, nhạt hơn. Rất nhạt. Lẽ ra mẹ phải vội vã vì mẹ bỏ con trong cái rổ ngoài sân nhà. Xa chỗ mấy con gà bới nhưng ai biết đâu được. Mẹ nhẩn nha về nhưng hai anh con sốt ruột với mẹ vì cứ hai ba bước mẹ lại nhìn hoa nhìn trời. Chúng chạy đằng trước và mẹ để mặc chúng. Có cái gì dịu ngọt trong không gian vào khoảng thời gian ấy trong năm, và nếu ngọn gió nhẹ thổi, rất khó ở lại trong nhà. Khi về đến nơi mẹ có thể nghe Howard và Buglar cười gần khu nhà ở. Mẹ đặt cuốc xuống và đi cắt ngang sân bên để đến với con. Bóng râm đã xê dịch, vì thế đến lúc mẹ về mặt trời đang rọi ngay vào con. Ngay vào mặt con, nhưng con không thức dậy. Vẫn ngủ. Mẹ muốn ẵm con lên nhưng cũng muốn nhìn con ngủ. Không biết nên chọn cái gì, con có khuôn mặt dễ yêu nhất. Đằng kia, không xa lắm, là giàn nho ông Garner làm. Lúc nào cũng có nhiều dự định lớn, ông muốn làm lấy rượu để uống say. Chưa bao giờ giàn nho cho quả nhiều hơn một thùng mứt. Mẹ nghĩ đất ở đấy không hợp để trồng nho. Ba con nói là tại mưa, không phải tại đất. Sixo nói là tại sâu

bọ. Quả nho nhỏ và cứng. Chua như dấm nữa. Nhưng ở đấy có cái bàn nhỏ. Vì vậy mẹ ôm rổ đựng con và mang con đến giàn nho. Trong ấy mát và có bóng râm. Mẹ để con xuống trên cái bàn nhỏ và suy tính rằng nếu mẹ có một miếng vải mỏng thì sâu bọ và mọi thứ sẽ không chạm vào con được. Và nếu bà Garner không cần mẹ ở trong bếp, mẹ có thể lấy một cái ghế và mẹ và con sẽ ở đấy trong khi mẹ nhặt rau. Mẹ đi đến cửa sau để lấy miếng vải mỏng xếp trong máy nhồi bột. Mẹ thích cảm thấy cỏ dưới chân mẹ. Mẹ đến gần cửa và mẹ nghe tiếng nói. Mỗi chiều thầy giáo bắt mấy đứa học trò ngồi học sách một lúc. Nếu trời đẹp, bọn họ ngồi trên hàng hiên bên hông nhà. Cả ba đứa. Hắn nói và tụi nó viết. Hay hắn đọc và tụi nó chép lại điều hắn nói. Mẹ chưa bao giờ nói cho ai nghe điều này. Không nói cho ba con, hay bất cứ ai. Suýt nữa mẹ đã nói cho bà Garner nghe, nhưng lúc đó bà đã rất yếu và đang yếu hơn. Đây là lần đầu mẹ kể chuyện này và mẹ kể cho con nghe vì nó có thể giải thích được cho con một điều, mặc dù mẹ biết con không cần mẹ giải thích. Không cần mẹ kể lại hay thậm chí nghĩ đến. Con không cần phải nghe, nếu con không muốn nghe. Nhưng mẹ không thể không lắng nghe điều mẹ nghe ngày hôm đó. Hắn đang nói chuyện với học trò của hắn và mẹ nghe hắn nói, “Con đang làm đứa nào?” Và một trong hai đứa con trai nói “Sethe.” Lúc ấy mẹ ngừng lại vì mẹ nghe tên mình, và rồi mẹ bước vài bước đến chỗ mẹ có thể thấy bọn họ đang làm gì. Thầy giáo đang đứng gần một đứa học trò, một tay để sau lưng. Hắn liếm ngón tay trỏ một hai lần và lật vài trang. Chậm rãi. Mẹ sắp quay đi và tiếp tục đến chỗ miếng vải, thì mẹ nghe hắn nói: “Không, không. Không phải vậy. Bác nói để tính người của nó bên trái, tính thú của nó bên phải. Và đừng quên viết cho thẳng hàng.” Mẹ bắt đầu đi lùi lại, không cả nhìn phía sau để xem mẹ đang đi đâu. Mẹ chỉ nhấc chân và lùi ra sau. Khi mẹ đụng vào một thân cây da đầu mẹ rát bỏng. Một trong mấy con chó đang liếm một cái chảo trong sân. Mẹ đến giàn nho khá nhanh, nhưng không có miếng vải. Ruồi đậu đầy trên mặt con, chúng đang xoa hai chân trước vào nhau. Đầu mẹ ngứa ngáy ghê gớm. Như có ai đâm những chiếc kim nhỏ vào da đầu mẹ. Mẹ chưa bao giờ nói với Halle hay bất cứ ai. Nhưng cùng ngày hôm đó mẹ hỏi bà Garner một phần. Lúc ấy bà yếu. Không yếu như sau này, nhưng đang suy sụp. Dưới cằm bà mọc ra một cái bọng. Nó có vẻ không làm bà đau, nhưng làm bà yếu đi. Thoạt tiên bà dậy và nhanh nhẹn vào buổi sáng nhưng đến lần vắt sữa thứ nhì bà không đứng nổi. Kế đến bà bắt đầu ngủ dậy muộn. Ngày mẹ lên phòng bà, bà nằm trên giường cả ngày, và mẹ nghĩ mẹ sẽ mang cho bà xúp đậu và hỏi bà luôn thể. Khi mẹ mở cửa phòng ngủ, bà nhìn mẹ, đầu đội mũ đi ngủ. Lúc ấy mắt bà đã không còn bao nhiêu sức sống. Giày và tất của bà ở trên sàn vì thế mẹ biết bà đã thử cố gắng mặc quần áo.

“Con mang cho bà xúp đậu này,” mẹ nói.

Bà nói, “Ta nghĩ ta không nuốt nổi.”

“Bà hãy thử một chút,” mẹ bảo bà.

“Đặc quá. Ta chắc là xúp đặc quá.”

“Bà có muốn con lấy chút nước để pha loãng xúp ra không?”

“Không. Mang nó đi đi. Chỉ mang cho ta chút nước mát, thế thôi.”

“Dạ. Con hỏi bà một điều được không?”

“Cái gì đó, Sethe?”

“Tính chất là gì?”

“Cái gì?”

“Một chữ. Tính chất.”

“Ồ.” Đầu bà trăn trở trên gối. “Đặc điểm. Ai dạy con chữ đó?”

“Con nghe thầy giáo nói.”

“Đổi nước đi, Sethe. Nước này ấm.”

“Dạ. Đặc điểm?”

“Nước, Sethe. Nước mát.”

Mẹ để bình nước trên khay với xúp đậu trắng và xuống gác. Khi mẹ mang nước mát trở lại mẹ nâng đầu bà trên tay trong lúc bà uống. Phải mất một lúc bà mới uống xong vì cục bướu làm bà khó nuốt. Bà lại nằm xuống và chùi miệng. Bà có vẻ hài lòng vì được uống nước nhưng bà cau mày và nói: “Có vẻ như ta không thức dậy nổi, Sethe. Dường như ta chỉ muốn ngủ.”

“Vậy thì bà ngủ đi,” mẹ bảo bà. “Con sẽ lo mọi chuyện.”

Rồi bà tiếp tục: cái này thì sao? cái kia thì sao? Bà nói bà biết Halle sẽ không gây phiền phức, nhưng bà muốn biết thầy giáo có biết cách điều khiển mấy anh em Paul và Sixo không.

“Dạ thưa bà,” mẹ nói. “Có vẻ ông ấy biết.”

“Tụi nó có làm theo lời ông ấy bảo không?”

“Họ không cần lời sai bảo.”

“Tốt. Đó là ơn phước. Chắc một hai ngày nữa ta sẽ xuống gác được. Ta chỉ cần nghỉ ngơi thêm. Bác sĩ sắp trở lại. Ngày mai, phải không?”

“Bà nói đặc điểm, thưa bà?”

“Cái gì?”

“Đặc điểm?”

“Ừm. Thí dụ như, đặc điểm của mùa hè là cái nóng. Tính chất là đặc điểm. Một điều gì tự nhiên của một thứ.”

“Người ta có thể có nhiều hơn một đặc điểm không?”

“Người ta có thể có nhiều đặc điểm. Con biết đấy. Chẳng hạn một em bé mút ngón tay cái. Đấy là một đặc điểm, nhưng em bé còn có những đặc điểm khác nữa. Giữ con Billy xa con Red Cora. Ông Garner không bao giờ để nó sinh con hai năm một lần. Sethe, con có nghe không? Rời khỏi cửa sổ và lắng nghe này.”

“Dạ.”

“Mời em chồng ta lên đây sau bữa ăn tối nhé.”

“Vâng.”

“Nếu con gội đầu con có thể hết chấy.”

“Đầu con không có chấy, thưa bà.”

“Đầu con có cái gì cũng thế, nó cần được gội rửa, không cần gãi. Con đừng nói với ta là mình hết xà bông rồi.”

“Dạ không.”

“Được rồi. Ta nói xong rồi. Nói nhiều ta sẽ mệt.”

“Dạ.”

“Và Sethe, cám ơn con.”

“Vâng.”

Lúc ấy con còn nhỏ không nhớ được khu nhà ở. Hai anh con ngủ bên dưới cửa sổ. Mẹ, con và ba con ngủ cạnh tường. Tối hôm sau ngày mẹ nghe tại sao thầy giáo đo mẹ, mẹ ngủ không được. Khi Halle vào mẹ hỏi ba nghĩ gì về thầy giáo. Ba nói không có gì để nghĩ. Ba nói, Hắn là người da trắng, có phải không? Mẹ nói, Nhưng ý em là hắn có giống ông Garner không?

“Em muốn biết cái gì, Sethe?”

“Ông bà Garner,” mẹ nói, “họ không giống những người da trắng em đã gặp trước đây. Mấy người da trắng ở chỗ trại lớn trước khi em tới đây.”

“Mấy người này khác thế nào?” ba hỏi mẹ.

“Ôi,” mẹ nói, “chẳng hạn họ ăn nói nhỏ nhẹ.”

“Không ăn thua gì, Sethe. Điều họ nói giống nhau. To hay nhỏ cũng thế.”

“Ông Garner cho phép anh chuộc mẹ anh,” mẹ nói.

“Phải.”

“Vậy thì sao?”

“Nếu ông ta không cho, mẹ anh sẽ rớt vào bếp lò của ông.”

“Dù sao đi nữa, ông ấy chịu. Để anh làm việc trả nợ.”

“Ờ.”

“Thức dậy đi, Halle.”

“Anh nói, Ờ.”

“Ông ấy có thể nói không. Ông ấy đã không nói không với anh.”

“Không, ông ta không nói không với anh. Mẹ anh đã làm ở đây mười năm. Nếu bà làm thêm mười năm nữa, em nghĩ bà có làm nổi không? Anh trả nợ cho ông ta vì những năm cuối cùng của bà và bù lại ông ta có em, anh và thêm ba đứa đang lớn. Anh còn thêm một năm làm trả nợ, một năm nữa. Thầy giáo trong kia nói anh thôi đi. Lý do anh đi làm thêm không vững. Anh phải làm thêm nhưng làm thêm ở tại đây, ở Tổ Ấm.”

“Hắn có trả tiền thêm cho anh không?”

“Không.”

“Vậy thì làm sao anh trả hết nợ? Còn bao nhiêu?”

“123 đô la 70 xu.”

“Hắn không muốn được trả tiền lại sao?”

“Hắn muốn một thứ.”

“Cái gì?”

“Anh không biết. Một thứ gì đó. Nhưng hắn không muốn anh ra khỏi Tổ Ấm nữa. Hắn nói rằng để anh làm việc chỗ khác trong lúc bọn trẻ còn nhỏ không có lợi.”

“Còn tiền anh nợ thì sao?”

“Chắc hắn phải có cách khác để lấy lại.”

“Cách gì?”

“Anh không biết.”

“Vậy thì câu hỏi duy nhất là làm thế nào? Làm thế nào hắn lấy được?”

“Không. Đó là một câu hỏi. Còn một câu hỏi nữa.”

“Câu gì?”

Ba nhổm dậy và xoay người lại, vuốt những khớp ngón tay lên má mẹ. “Câu hỏi bây giờ là, Ai sẽ chuộc em ra? Hay anh? Hay nó?” Ba chỉ về phía con đang nằm.

“Cái gì?”

“Nếu tất cả lao động của anh là cho Tổ Ấm, kể cả việc làm thêm, anh còn gì để bán?”

Lúc đó ba quay người và ngủ lại và mẹ nghĩ mẹ sẽ không ngủ nhưng mẹ cũng ngủ một lúc. Mẹ thức dậy vì một điều gì ba đã nói, có lẽ, hay một điều gì ba không nói. Mẹ ngồi dậy như bị ai đánh, và con cũng thức dậy và bắt đầu khóc. Mẹ đu đưa con một chút, nhưng trong nhà không có nhiều chỗ, thế nên mẹ bước ra ngoài cửa để ẵm con đi dạo. Mẹ đi lên đi xuống. Đi lên đi xuống. Tất cả tối đen trừ ánh đèn trong khung cửa sổ cao nhất của căn nhà. Bà chắc vẫn còn thức. Mẹ không thể không nghĩ đến điều làm mẹ thức dậy: “Trong lúc bọn trẻ còn bé.” Ba nói thế và điều ấy khiến mẹ giật mình thức giấc. Nó theo mẹ suốt ngày, lúc nhổ cỏ, vắt sữa, lấy củi. Trong lúc này. Trong lúc này.

Đấy là lúc đáng lẽ ba mẹ phải bắt đầu toan tính. Nhưng ba mẹ không làm thế. Mẹ không biết ba mẹ nghĩ gì – nhưng rời khỏi Tổ Ấm đối với ba mẹ là vấn đề tiền bạc. Mua lấy tự do. Ba mẹ không nghĩ đến chuyện chạy trốn. Tất cả mọi người? Vài người? Đến đâu? Làm sao đi được? Rốt cuộc Sixo chính là người nhắc đến chuyện ấy, sau chuyện của Paul F. Bà Garner đã bán Paul F để cố gắng xoay sở. Bà đã sống hai năm bằng tiền bán Paul F. Nhưng mẹ đoán tiền hết rồi, vì vậy bà viết thư gọi thầy giáo đến quản lý trại. Đã có bốn người đàn ông Tổ Ấm mà bà vẫn tin rằng bà cần người em chồng và hai đứa cháu trai vì người ta nói bà không nên ở một mình với người da đen. Vì thế hắn đến, đội mũ lớn và đeo kính mắt và mang theo một xe ngựa đầy giấy tờ. Nói nhỏ nhẹ và canh chừng kỹ. Hắn đánh Paul A. Không nặng và không lâu, nhưng đấy là lần đầu tiên có người làm như thế, vì ông Garner không cho phép chuyện ấy. Lần kế tiếp mẹ thấy hắn, hắn có những cây roi đẹp chưa từng thấy. Sixo bắt đầu ngắm bầu trời. Bác là người duy nhất lẻn đi ban đêm và Halle nói vì thế bác biết về xe lửa.

“Hướng đó.” Halle chỉ tay về phía chuồng ngựa. “Chỗ ông đưa mẹ tôi đi.” Sixo nói hướng đó là tự do. Cả một đoàn xe lửa đi và nếu mình có thể đến đấy, không cần phải mua tự do.”

“Xe lửa? Nó là cái gì vậy?” Mẹ hỏi bác.

Lúc ấy họ thôi không nói chuyện trước mặt mẹ. Ngay cả Halle. Nhưng họ thì thầm với nhau và Sixo theo dõi bầu trời. Không phải khoảng trời trên cao, mà phía thấp nơi bầu trời sát với hàng cây. Người ta có thể biết đầu óc bác đã rời khỏi Tổ Ấm.

Kế hoạch của họ hay, nhưng khi thời điểm đến, bụng mẹ mang thai Denver đã lớn. Vì thế mẹ và các bác thay đổi kế hoạch một chút. Một chút thôi. Chỉ đủ để trét bơ vào mặt Halle, và rốt cuộc khiến Sixo cười, như Paul D đã nói với mẹ.

Nhưng bé con, mẹ mang được con đi. Hai anh con nữa. Khi tín hiệu xe lửa đến, chỉ có ba đứa con sẵn sàng. Mẹ không tìm thấy Halle hay ai hết. Mẹ không biết Sixo bị thiêu và Paul D đeo cái gông khó mà tin nổi. Mãi sau này mẹ mới biết những chuyện ấy. Vì thế mẹ gửi các con đến xe ngựa với người đàn bà đợi trong ruộng ngô. Ha ha. Sẽ không có cuốn sổ tay nào cho con mẹ và cũng không có dây đo. Những gì mẹ đã phải vượt qua sau đó, mẹ vượt qua được là vì con. Đi ngang qua mấy người đàn ông treo trên cây. Một người mặc áo sơ mi của Paul A nhưng không có chân hoặc đầu của bác. Mẹ đi luôn không dừng lại vì chỉ mình mẹ có sữa cho con, và thể theo ý Chúa, mẹ sẽ mang sữa đến cho con. Con nhớ điều ấy, phải không; rằng mẹ đã mang sữa đến? Rằng khi mẹ đến đây mẹ có đủ sữa cho tất cả?

Một khúc quanh nữa trên đường, và Sethe có thể thấy ống khói nhà chị. Trông nó không còn đơn độc nữa. Làn khói bốc lên từ một ngọn lửa, ngọn lửa đã sưởi ấm một thân thể, và thân thể ấy đã được hoàn trả lại cho chị – tựa hồ thân thể ấy chưa bao giờ rời khỏi, chưa bao giờ cần một tấm bia mộ. Và như thể trái tim đập trong thân thể ấy chưa ngừng đập một giây phút nào trong tay chị.

Chị mở cửa nhà, bước vào và khóa chặt cửa sau lưng.

Ngày Stamp Paid thấy hai tấm lưng qua cửa sổ và rồi xuống vội mấy bậc thềm, ông tin ngôn ngữ không hiểu được đang ầm ào quanh căn nhà là những lời lẩm bẩm của những người chết da đen giận dữ. Rất ít người da đen chết trên giường, như Baby Suggs, và ông chưa biết người nào, kể cả Baby, đã được sống một cuộc đời dễ dàng. Ngay cả những người da đen có học thức, bác sỹ, thầy giáo, nhà báo và nhà buôn, tất cả đều có cuộc sống khó khăn. Ngoài chuyện phải dùng đầu óc để tiến lên, họ mang trong đầu sức nặng của cả giống nòi. Họ cần phải có hai cái đầu. Dân da trắng tin rằng dù người da đen có phong cách như thế nào, dưới làn da đen vẫn là rừng rú. Dòng nước chảy xiết không lèo lái được, khỉ đong đưa gào thét, rắn đang ngủ, cây nhựa đỏ sẵn sàng uống dòng máu da trắng ngọt ngào của họ. Trong một khía cạnh nào đó, ông nghĩ, họ đúng. Người da đen càng ra sức thuyết phục dân da trắng rằng người da đen hiền lành bao nhiêu, lanh lợi và thương yêu bao nhiêu, có nhân tính bao nhiêu, họ càng phí sức thuyết phục dân da trắng một điều người da đen tin là chuyện đương nhiên bao nhiêu, thì rừng rậm càng trở nên sâu thẳm và rối rắm hơn bấy nhiêu. Nhưng người da đen đã không mang rừng rậm từ chỗ khác (sống được) đến chỗ này. Dân da trắng đã trồng rừng rậm ở bên trong người da đen. Và rừng rậm lớn lên. Rừng rậm lan rộng. Trong suốt cuộc đời và sau cái chết, nó lan ra, cho đến khi nó xâm lấn vào dân da trắng, người đã trồng nó. Chạm vào từng người một. Thay đổi và biến hóa họ. Làm họ máu me, ngớ ngẩn, tệ hơn chính họ muốn, vì họ quá sợ rừng rậm họ tạo ra. Con khỉ đang gào thét sống dưới làn da trắng của họ. Cây nhựa là cây của họ.

Trong lúc ấy, sự lan rộng bí mật của thứ rừng rậm mới của dân da trắng thầm kín, lặng lẽ, ngoại trừ thỉnh thoảng người ta có thể nghe tiếng nó lầm bầm ở những chỗ như I24.

Stamp Paid thôi cố gắng hỏi thăm Sethe, sau khi khổ sở gõ cửa và không được vào, và khi ông bỏ cuộc, I24 bị để mặc tự xoay sở. Khi Sethe khóa cửa nhà, rốt cuộc những người đàn bà trong nhà được tự do là người mà họ muốn, nhìn bất kỳ điều gì họ thấy và nói bất kỳ điều gì họ nghĩ.

Gần như thế. Trộn lẫn với những tiếng nói chung quanh căn nhà, mà Stamp Paid nhận biết được nhưng không hiểu được, là những ý nghĩ của những người đàn bà của I24, những ý nghĩ không nói nên lời, không nói thành lời.

20

Thương, nó là con gái tôi. Nó là của tôi. Thấy không. Nó tự nguyện trở về với tôi và tôi không phải giải thích gì cả. Trước kia tôi không có thì giờ để giải thích vì tôi phải làm nhanh chuyện ấy. Nhanh. Con bé phải được an toàn và tôi đặt nó ở chỗ nó sẽ được an toàn. Nhưng tình thương yêu của tôi mạnh mẽ và bây giờ nó đã trở về. Tôi biết nó sẽ về. Paul D đuổi nó đi nên nó không còn lựa chọn nào khác là trở về bằng da bằng thịt. Tôi dám cá là Baby Suggs ở cõi bên kia giúp. Tôi sẽ không bao giờ để nó đi. Tôi sẽ giải thích với nó, cho dù tôi không cần phải giải thích. Tại sao tôi làm thế. Nếu tôi không giết nó, nó sẽ chết ra sao và tôi không chịu được nếu điều ấy xảy đến với nó. Khi tôi giải thích nó sẽ hiểu, vì nó đã hiểu mọi thứ. Tôi sẽ chăm sóc nó như chưa bà mẹ nào chăm sóc một đứa con, một đứa con gái như thế. Sẽ không còn ai lấy được sữa của tôi ngoại trừ con tôi. Tôi chưa bao giờ phải cho ai sữa – và lần duy nhất tôi phải làm là vì sữa đã bị lấy cắp – tụi nó đè tôi xuống và lấy cắp sữa đi. Sữa của con tôi. Nan phải cho trẻ con da trắng bú và cả tôi nữa vì mẹ tôi ở trong đám lúa. Bọn con nít da trắng bú trước rồi tôi bú phần sữa còn lại. Hoặc là sữa không còn. Không có sữa bú cho riêng tôi. Tôi biết không có sữa thuộc về mình là như thế nào: phải tranh giành và la hét đòi sữa, và chỉ có chút ít sữa còn lại. Tôi sẽ bảo Thương như thế, nó sẽ hiểu. Nó là con gái tôi. Đứa con tôi xoay sở để có sữa cho nó và mang đến cho nó ngay cả sau khi tụi nó lấy cắp sữa đi, sau khi tụi nó đối xử với tôi như con bò, không, con dê, đằng sau chuồng ngựa vì chuyện ấy tồi tệ quá không xảy ra ở chỗ mấy con ngựa được. Nhưng tôi không quá tồi tệ không nấu ăn cho họ hay không chăm sóc bà Garner. Tôi chăm sóc bà như tôi chăm sóc chính mẹ tôi nếu mẹ cần tôi. Nếu họ để mẹ tôi rời ruộng lúa, bởi vì tôi là đứa con duy nhất bà không quăng đi. Tôi chăm sóc người đàn bà ấy cũng như tôi sẽ chăm sóc mẹ tôi nếu mẹ bị bệnh và cần tôi và tôi sẽ ở lại bên cạnh bà cho đến khi bà khỏe lại hay chết đi. Và tôi đã muốn ở lại sau đó, chỉ có điều Nan túm tôi đi. Trước khi tôi có thể kiểm chứng dấu vết. Đúng là bà, nhưng rất lâu tôi đã không tin như thế. Tôi nhìn khắp nơi tìm cái mũ ấy. Sau đó tôi bị nói lắp. Không hết nói lắp cho đến khi tôi gặp Halle. Ồ, nhưng tất cả đã qua rồi. Tôi ở đây. Tôi đã vượt qua. Và con gái tôi về nhà. Bây giờ tôi có thể nhìn mọi thứ trở lại vì nó cũng có ở đây để nhìn. Sau chuyện kho củi, tôi đã ngưng nhìn. Bây giờ, buổi sáng khi nhóm lửa tôi muốn nhìn ra cửa sổ xem trời nắng hay không. Nắng đến tay cầm ống bơm trước hay đến vòi nước trước? Xem cỏ màu xám xanh hay màu nâu hay màu gì. Bây giờ tôi biết tại sao Baby Suggs ngẫm nghĩ về màu sắc trong những năm cuối cùng của bà. Trước kia bà chưa bao giờ có thì giờ để nhìn, chứ đừng nói đến tận hưởng màu sắc. Bà mất một thời gian lâu để nghĩ xong màu xanh dương, rồi màu vàng, rồi màu xanh lá cây. Khi mất bà đang nghĩ đến giữa chừng màu hồng. Tôi không tin bà muốn nghĩ đến màu đỏ và tôi hiểu tại sao, vì tôi và Thương đã dùng màu đỏ quá nhiều. Thật thế, màu đỏ và bia mộ hồng nhạt của Thương là những màu sắc cuối cùng tôi nhớ được. Bây giờ tôi sẽ ngóng nhìn. Nghĩ xem mùa xuân sẽ như thế nào! Tôi sẽ trồng cà rốt chỉ để cho Thương nhìn thấy, và củ cần. Con có thấy củ cần bao giờ chưa, cô bé? Chúa chưa từng tạo ra cái gì đẹp hơn. Trắng và tím với một cái đuôi mềm và một cái đầu cứng. Con sẽ thích cầm củ cần trong tay và ngửi mùi nó như dòng suối khi ngập lụt, lạnh lẽo nhưng vui sướng. Thương, chúng mình

sẽ cùng nhau ngửi củ cần. Thương. Vì con là của mẹ, mẹ phải chỉ cho con thấy những thứ này, và dạy con những gì một người mẹ phải dạy cho con. Cũng buồn cười, cách người ta quên những thứ này và nhớ những thứ khác. Mẹ sẽ không bao giờ quên bàn tay của cô da trắng đó. Amy. Nhưng mẹ đã quên màu của từng ấy tóc trên đầu cô. Dù vậy chắc hẳn mắt cô màu xám. Dường như mẹ có nhớ. Tóc bà Garner nâu nhạt – lúc bà khỏe. Màu thẫm lại khi bà ốm. Trước kia bà là một người đàn bà mạnh mẽ. Và khi bà nói lảm nhảm, bà sẽ nói như thế. "Trước kia ta mạnh như một con la, Jenny." Gọi mẹ là "Jenny" khi bà lảm nhảm, và mẹ có thể làm chứng. Cao và mạnh mẽ. Bà và mẹ chẻ củi bằng hai người đàn ông. Bà rất buồn vì bà không thể ngẩng đầu lên khỏi mặt gối. Dù sao, mẹ vẫn không hiểu tại sao bà nghĩ bà cần đến thầy giáo. Mẹ tự hỏi không biết bà có sống sót như mẹ đã sống sót không. Lần cuối mẹ nhìn thấy bà, bà không làm được gì mà chỉ khóc, và mẹ không làm được gì cho bà ngoài việc lau mắt bà lúc mẹ nói cho bà nghe tụi nó đã làm gì mẹ. Phải có người biết chuyện ấy. Nghe chuyện ấy. Một người nào đó. Có thể bà sống sót. Thầy giáo sẽ không đối xử với bà như hắn đối xử với mẹ. Lần đầu tiên mẹ bị đánh đập cũng là lần cuối. Không ai giữ mẹ ở xa con mẹ được. Nếu mẹ không bận chăm sóc bà, có thể mẹ đã biết chuyện gì xảy ra. Có thể Halle đang định tìm gặp mẹ. Mẹ đứng bên giường bà chờ bà đi tiểu. Khi mẹ đưa bà trở lại giường bà nói bà lạnh. Trời nóng như lửa mà bà muốn đắp chăn ghép. Bà nói đóng cửa sổ lại. Mẹ nói không. Bà cần chăn, mẹ cần gió. Màn cửa vàng còn lay động, thì mẹ còn chịu được. Đáng lẽ mẹ nên nghe lời bà. Có thể âm thanh nghe như tiếng súng quả thật là tiếng súng. Có thể mẹ sẽ thấy người nào đấy hay cái gì đấy. Có thể. Dù sao đi nữa, có Halle hay không cũng thế, mẹ đã mang các con mẹ đến ruộng ngô. Jesus. Khi đó mẹ nghe tiếng lách cách ra hiệu của người đàn bà ấy. Bà ta nói: Còn ai nữa không? Mẹ nói mẹ không biết. Bà ta nói, Tôi đã ở đây cả đêm. Không đợi thêm được nữa. Mẹ ráng xin bà ta đợi. Bà ta nói, Không được. Đi nào. Chao! Không một người đàn ông nào xung quanh. Hai đứa con trai sợ. Con ngủ trên lưng mẹ. Denver ngủ trong bụng mẹ. Mẹ cảm thấy như lòng mẹ bị xẻ ra làm đôi. Mẹ bảo bà ta mang hết tụi con đi, còn mẹ phải trở lại. Nhỡ ra. Bà ta chỉ nhìn mẹ. Bà nói, Sao hả? Mẹ cắn rời một miếng lưỡi khi tụi nó xẻ lưng mẹ ra. Miếng lưỡi chỉ gắn liền với cái lưỡi mẹ một chút xíu. Không phải mẹ muốn thế. Mẹ cắn chặt hàm răng xuống nhằm vào lưỡi, một miếng lưỡi đứt ra. Mẹ nghĩ, Chúa ơi, mẹ sẽ tự ăn thịt mình. Tụi nó đào lỗ, đặt bụng mẹ vào lỗ, để không hại đến đứa bé. Denver không thích mẹ nói đến chuyện ấy. Nó ghét tất cả mọi thứ về Tổ Ấm ngoại trừ chuyện nó sinh ra như thế nào. Nhưng con đã ở đấy và dù lúc ấy con còn nhỏ không nhớ được, mẹ có thể kể cho con nghe. Giàn nho. Con nhớ không? Mẹ đã chạy rất nhanh. Lũ ruồi đến chỗ con trước mẹ. Đáng lẽ mẹ đã phải biết ngay con là ai lúc ánh nắng chiếu lấm tấm trên mặt con giống như lúc mẹ mang con đến giàn nho. Mẹ phải biết ngay lúc nước của mẹ vỡ. Nước của mẹ vỡ đúng vào phút mẹ nhìn thấy con đang ngồi trên gốc cây đốn. Và khi mẹ nhìn thấy mặt con, qua bao nhiêu năm vẫn giống nét mặt con lúc còn bé. Mẹ phải biết ngay con là ai vì chuyện con uống hết ly nước này đến ly nước khác đã chứng minh và liên hệ đến chuyện con nhỏ nước miếng lên mặt mẹ ngày mẹ đến I24. Mẹ đáng lẽ phải biết ngay, nhưng Paul D làm mẹ xao nhãng. Nếu không mẹ sẽ thấy dấu móng tay của mẹ rành rành ngay trên trán con ai cũng nhìn thấy. Dấu tay mẹ lúc mẹ nâng đầu con lên ở ngoài kho củi. Và sau đó, khi con hỏi mẹ về đôi hoa tai mẹ thường đong đưa cho con chơi, nếu không phải vì Paul D, mẹ đã nhận ra con ngay. Dường như bác muốn đuổi con đi ngay từ đầu, nhưng mẹ không chịu. Con nghĩ sao? Và

nhìn xem bác chạy mất như thế nào khi biết về chuyện mẹ và con trong kho củi. Ghê gớm quá bác nghe không nổi. Quá mức, bác nói thế. Tình thương của mẹ quá mức. Bác biết gì về tình thương? Bác sẽ vui lòng chết vì ai trên đời này? Bác có chịu cho một người lạ phần thân thể riêng tư của mình để đổi lấy công tạo tác? Cách nào khác, bác nói. Phải có cách nào khác. Để thầy giáo gom tụi mình đi, mẹ đoán thế, để hắn đo mông con trước khi hắn xé nó ra? Mẹ đã cảm thấy chuyện ấy như thế nào và mẹ sẽ không cho phép bất cứ ai còn sống hay đã chết làm cho con cũng cảm thấy thế. Không phải là con, không phải bất kỳ đứa con nào của mẹ, và khi mẹ bảo con thuộc về mẹ, mẹ cũng muốn nói mẹ là của con. Nếu mẹ không có con của mẹ, mẹ sẽ không muốn thở. Mẹ nói với Baby Suggs như thế và bà quỳ gối xuống cầu xin Chúa tha tội cho mẹ. Dù thế nào đi nữa, chuyện là như thế. Mẹ định mang tất cả chúng ta đến phía bên kia nơi mẹ của mẹ ở. Bọn chúng đã ngăn không cho mẹ mang chúng ta đến đấy, nhưng bọn chúng không ngăn được con đến đây. Ha ha. Con trở về đây như một cô bé ngoan, như cô con gái mà chính mẹ đã muốn trở thành như thế và đáng lẽ đã trở thành như thế, nếu mẹ của mẹ có thể rời ruộng lúa trước khi bị bọn chúng treo cổ. Con biết không? Bà đã ngậm hàm thiếc trong miệng nhiều lần quá nên bà mỉm cười. Bà cười khi bà không cười, và mẹ chưa bao giờ thấy nụ cười thật của bà. Mẹ tự hỏi họ đang làm gì khi bị bắt? Con có nghĩ là họ đang chạy? Không. Không phải. Vì bà là mẹ của mẹ và không có người mẹ nào muốn chạy trốn và bỏ lại con gái mình, phải không? Bà có muốn không? Để con gái lại trong sân với một người đàn bà cụt một tay? Mặc dù bà không thể cho con mình bú lâu hơn một hai tuần và phải đưa con mình đến bú một người đàn bà khác không bao giờ có đủ cho tất cả. Họ nói cái hàm thiếc làm bà cười khi bà không muốn. Như mấy cô gái thứ Bảy hành nghề trong sân lò mổ. Khi mẹ ra khỏi tù mẹ thấy họ rõ ràng. Họ đến lúc đổi ca thứ Bảy, lúc mấy người đàn ông lĩnh lương, và họ làm việc đó ở phía sau hàng rào, phía sau nhà xí. Vài người đứng mà hành nghề, dựa vào cánh cửa kho để dụng cụ. Khi đi khỏi họ cho người cai vài đồng năm xu, mười xu nhưng lúc ấy nụ cười của họ đã không còn. Vài người trong số họ uống rượu để không cảm thấy điều họ cảm thấy. Vài người không uống một giọt – chỉ chạy vội đến Phelps để mua những thứ mà con hay mẹ của họ cần. Hành nghề trong sân lò mổ. Một người đàn bà làm nghề ấy chắc hẳn không dễ và chính mẹ cũng đã suýt làm thế lúc mẹ ra khỏi tù và mua tên cho con, hoặc đại loại như thế. Nhưng anh em nhà Bodwin tìm cho mẹ việc nấu ăn ở quán Sawyer và khiến mẹ có thể cười một mình như bây giờ khi mẹ nghĩ đến con.

Nhưng con đã biết hết mọi chuyện vì ai cũng nói con thông minh và khi mẹ đến đây con đã biết bò. Cố leo lên cầu thang, vì vậy Baby Suggs cho sơn trắng mấy bậc thang để con có thể thấy đường lên đầu cầu thang, nơi không có ánh đèn. Chúa ơi, con thích bậc thang lắm.

Suýt nữa. Suýt nữa. Trở thành một cô gái thứ Bảy. Mẹ đã làm việc ấy ở tiệm người thợ đá. Từ đấy đến lò mổ chỉ là một bước ngắn. Khi dựng tấm bia mộ lên mẹ muốn vào nằm trong mộ với con, đặt đầu con lên vai và ủ ấm cho con, và đáng lẽ mẹ đã làm thế nếu Buglar và Howard và Denver không cần đến mẹ, vì lúc ấy tâm trí của mẹ không có nơi nương náu. Mẹ không thể nằm xuống với con lúc ấy. Dù mẹ muốn bao nhiêu đi nữa. Lúc ấy mẹ không thể bình yên nằm xuống ở bất cứ đâu. Bây giờ mẹ có thể. Mẹ có thể ngủ như người chết đuối, xin Chúa thương xót. Con gái tôi, nó đã trở về với tôi, và nó là của tôi.

21

Thương là chị tôi. Tôi đã nuốt máu chị cùng với sữa của mẹ tôi. Điều đầu tiên tôi nghe thấy sau thời gian không nghe thấy gì hết là tiếng chị đang bò lên gác. Chị là người bạn bí mật của tôi trước khi Paul D đến. Ông ta đã đuổi chị đi. Từ lúc tôi còn nhỏ chị là bạn tôi và chị giúp tôi đợi ba. Tôi và chị đợi ông. Tôi yêu mẹ tôi nhưng tôi biết mẹ đã giết một trong hai người con gái của bà, và vì thế tôi sợ bà, dù bà rất dịu dàng với tôi. Suýt nữa bà đã giết hai anh tôi và hai anh tôi biết thế. Họ kể cho tôi nghe những câu chuyện "chết đi – phù thủy!" để chỉ cho tôi cách giết phù thủy, nếu có bao giờ tôi cần làm thế. Có thể vì họ đã gần bị chết nên họ muốn chiến đấu trong Cuộc Chiến. Đấy là điều họ bảo tôi là họ sẽ làm. Tôi đoán họ thà ở chung với đàn ông giết người còn hơn là đàn bà giết người, và chắc chắn có một điều gì trong con người bà khiến bà cảm thấy bà có quyền giết con của mình. Lúc nào tôi cũng sợ điều xảy ra trước kia, điều đã khiến mẹ tôi cảm thấy bà có quyền giết chị tôi, có thể xảy ra lần nữa. Tôi không biết điều ấy là cái gì, tôi không biết điều ấy là ai, nhưng có thể có một điều khác đủ ghê gớm để bà lại làm như thế một lần nữa. Tôi cần biết điều ấy có thể là cái gì, nhưng tôi không muốn biết. Là gì đi nữa, nó cũng đến từ bên ngoài căn nhà này, bên ngoài khoảnh sân này, và nó có thể vào ngay trong sân nếu nó muốn. Vì vậy tôi không bao giờ rời khỏi nhà và tôi canh chừng ngoài sân, để nó không thể xảy ra nữa và mẹ tôi không phải giết luôn cả tôi. Tôi chưa rời I24 một mình từ lúc tôi đến nhà Lady Jones. Không bao giờ. Những lần khác – hai lần cả thảy – tôi đi chung với mẹ. Một lần để nhìn Baby Suggs được đặt xuống cạnh Thương, chị là chị tôi. Lần kia Paul D cũng đi cùng và khi chúng tôi trở về tôi nghĩ căn nhà vẫn còn trống từ lúc ông đuổi chị tôi đi. Nhưng không. Khi tôi về I24, chị đã ở đấy. Thương. Đợi tôi. Mệt mỏi trở về sau chuyến đi dài. Sẵn sàng để được chăm sóc, sẵn sàng để được tôi bảo vệ. Lần này tôi phải giữ mẹ tôi xa chị. Chuyện ấy khó, nhưng tôi phải làm. Tất cả tùy thuộc vào tôi. Tôi đã thấy mẹ trong một chỗ tối, với những tiếng cào. Mùi từ áo bà tỏa ra. Tôi đã ở với bà nơi có một thứ gì nhỏ bé theo dõi chúng tôi từ trong góc. Và chạm vào chúng tôi. Đôi khi chúng chạm vào chúng tôi. Tôi không nhớ chuyện ấy trong một thời gian dài cho đến khi Lord Nelson khiến tôi nhớ lại. Tôi hỏi bà có đúng thế không nhưng tôi không thể nghe bà nói và trở lại nhà Lady Jones không ích gì nếu tôi không thể nghe điều mọi người nói. Yên lặng quá. Khiến tôi phải đọc nét mặt và học cách đoán người ta đang nghĩ gì, để tôi không cần phải nghe điều họ nói. Đấy là lý do tại sao Thương và tôi chơi được với nhau. Không nói gì. Trên hàng hiên. Bên dòng nước. Trong căn nhà bí mật. Bây giờ tất cả tùy thuộc vào tôi, nhưng chị có thể nương dựa vào tôi. Tôi nghĩ ngày hôm ấy ở Chỗ Quang chị đã gắng giết bà. Giết bà để trả đũa. Nhưng rồi chị hôn cổ bà và tôi phải cảnh cáo chị về điều ấy. Đừng yêu bà quá. Đừng. Có thể trong người bà vẫn còn điều khiến bà thấy bà có quyền giết con mình. Tôi phải nói cho chị nghe. Tôi phải bảo vệ chị.

Đêm đêm mẹ cắt đầu tôi. Buglar và Howard bảo tôi mẹ sẽ làm thế và mẹ làm thật. Đôi mắt đẹp của bà nhìn tôi như tôi là kẻ lạ. Không ác độc hay gì khác, nhưng như thể tôi là một người mà mẹ đã tìm ra và thấy thương hại. Như thể mẹ không muốn làm nhưng mẹ phải

làm và chuyện ấy sẽ không đau. Rằng nó chỉ là một điều người lớn làm – như nhổ dằm ra khỏi tay, chặm góc khăn vào mắt nếu tro lọt vào. Mẹ nhìn sang Buglar và Howard – xem hai người có sao không. Rồi mẹ qua bên phía tôi. Tôi biết mẹ sẽ làm thành thạo, cẩn thận. Rằng khi cắt mẹ sẽ làm đúng cách, tôi sẽ không đau. Sau khi mẹ làm xong tôi nằm đó một phút chỉ với cái đầu của tôi. Rồi mẹ mang nó xuống dưới nhà để thắt bím tóc cho tôi. Tôi gắng không khóc nhưng chải đầu đau quá. Khi mẹ chải xong và bắt đầu thắt bím, tôi buồn ngủ. Tôi muốn ngủ nhưng tôi biết nếu ngủ tôi sẽ không tỉnh dậy. Vì thế tôi phải thức trong lúc mẹ làm, rồi sau đó tôi có thể ngủ. Cái đáng sợ là chờ mẹ đến làm. Không phải lúc mẹ làm, nhưng lúc tôi đợi mẹ làm. Ban đêm, chỗ duy nhất mẹ không thể đến bên tôi được là phòng của bà nội Baby. Phòng tụi tôi ngủ trên gác trước kia là phòng người làm công ngủ khi dân da trắng ở đây. Họ cũng có bếp bên ngoài nhà. Nhưng bà nội Baby đổi nó thành kho chứa củi và dụng cụ khi bà dọn vào. Và bà lấy gỗ đóng chặn cửa sau dẫn ra nhà kho vì bà nói không muốn đi lối đi ấy nữa. Bà xây tường bao xung quanh nó để làm kho, để nếu muốn đến I24 người ta phải đi ngang qua bà. Bà nói bà không màng thiên hạ nói gì về chuyện bà sửa ngôi nhà hai tầng giống như một căn nhà gỗ nơi người ta nấu ăn trong nhà. Bà nói họ bảo bà rằng khách mặc áo đẹp không muốn ngồi chung phòng với lò nấu và vỏ gọt và mỡ và khói. Bà nói bà chẳng màng. Ban đêm tôi an toàn trong căn phòng của bà. Tôi chỉ nghe thấy tiếng thở của mình nhưng đôi khi vào ban ngày tôi không thể biết là tôi đang thở hay người nào bên cạnh tôi đang thở. Tôi thường nhìn bụng con Here Boy nhô ra xẹp vào, nhô ra xẹp vào, để xem bụng nó có giống bụng tôi không, nín thở để không cùng nhịp thở của nó, thở ra để cùng nhịp thở với nó. Chỉ xem là tiếng thở của ai – thứ âm thanh như tiếng người ta thổi nhè nhẹ vào cái chai nhưng đều đặn, đều đặn. Phải chăng tôi đang tạo ra âm thanh ấy? Phải chăng là Howard? Ai đang tạo ra âm thanh ấy? Lúc đó ai cũng im lặng và tôi không nghe thấy bất cứ điều gì họ nói. Tôi cũng chẳng cần vì sự im lặng cho phép tôi mơ về ba nhiều hơn. Tôi vẫn biết ông sẽ đến. Ông đến chậm vì một lý do nào đấy. Ông bị rắc rối với con ngựa. Dòng sông lụt, tàu chìm và ông phải làm tàu mới. Đôi khi lý do là bọn hành hình hay cơn gió bão. Ông sẽ đến và đấy là một chuyện bí mật. Bề ngoài tôi yêu thương mẹ để mẹ không giết tôi, yêu bà ngay cả khi bà thắt bím tóc tôi buổi tối. Tôi không hề cho bà biết ba tôi đang đến tìm tôi. Bà nội Baby cũng nghĩ ông sẽ đến. Bà nghĩ thế một thời gian, rồi bà thôi nghĩ. Tôi thì vẫn nghĩ thế. Ngay cả khi Buglar và Howard trốn đi. Rồi Paul D đến đây. Tôi nghe tiếng ông dưới nhà, và mẹ cười, vì thế tôi tưởng ông là ba tôi. Không ai đến căn nhà này nữa. Nhưng khi tôi xuống người ấy là Paul D và ông không đến vì tôi. Ông muốn mẹ tôi. Lúc đầu. Rồi ông muốn chị tôi nữa, nhưng chị đuổi ông đi và tôi rất mừng là ông đi rồi. Bây giờ chỉ còn chúng tôi và tôi có thể bảo vệ chị cho đến khi ba tôi đến giúp tôi canh chừng mẹ và bất cứ cái gì vào trong sân nhà.

Ba tôi rất thích trứng rán chưa chín hẳn. Ba chấm bánh mì vào trứng. Bà nội hay kể cho tôi nghe chuyện của ba. Bà nói lúc nào bà làm cho ba một đĩa trứng chiên lòng đào, lúc ấy ba sẽ vui vẻ như thể đang mùa Giáng sinh vậy. Bà nói bà vẫn hơi sợ ba tôi. Bà nói ba tốt quá. Bà nói, từ lúc đầu ba đã tốt quá, không thích hợp với cõi trần. Điều ấy làm bà sợ. Bà nghĩ, ba tôi sẽ không bao giờ vượt qua được chuyện khó khăn. Dân da trắng hẳn cũng nghĩ như thế, nên bà và ba tôi không bao giờ bị chia cách. Vì thế bà có cơ hội hiểu ba, chăm sóc ba, và cách ba yêu mọi thứ làm bà sợ. Thú vật và dụng cụ và mùa màng và bảng chữ cái. Ba

tôi biết đếm trên giấy. Ông chủ của ba đã dạy cho ba. Ông chủ tình nguyện dạy mấy người khác nhưng chỉ mình ba muốn học. Bà nội bảo mấy người khác nói không. Một người có tên là một con số nói rằng học đếm sẽ khiến đầu óc chú ấy thay đổi – khiến chú quên đi những điều không nên quên và nhớ những điều không nên nhớ và chú không muốn rối trí. Nhưng ba tôi nói: nếu mình không đếm được người ta có thể lừa mình. Nếu mình không biết đọc người ta có thể đánh mình. Họ nghĩ điều ấy buồn cười. Bà nội nói bà không biết, nhưng chính vì ba tôi biết đếm trên giấy và đếm con số nên ba chuộc được bà ra khỏi nơi ấy. Và bà nói bà vẫn ước ao biết đọc Kinh Thánh như những mục sư thực thụ. Vì thế học là tốt cho tôi, và tôi đã học cho đến khi tất cả trở nên yên lặng và tôi chỉ còn nghe thấy âm thanh hơi thở của mình và của một người khác, người đã đẩy bình sữa trên bàn đổ xuống. Không có ai ở gần đấy. Mẹ đánh Buglar nhưng anh ấy đâu có đụng đến bình sữa. Rồi người kia xáo trộn quần áo đã là xong và vọc hai bàn tay mình vào mặt bánh ngọt. Hình như tôi là người duy nhất biết ngay người ấy là ai. Cũng như khi chị trở về tôi cũng biết chị là ai. Không phải biết lập tức nhưng ngay khi chị đánh vần tên chị – không phải đánh vần cái tên được đặt cho chị, mà là cái tên mẹ đã trả công người thợ cắt đá làm – tôi biết. Và khi chị hỏi về hoa tai của mẹ – điều tôi không biết – điều đó chỉ làm mọi chuyện rõ ràng hơn: chị tôi đã đến để giúp tôi chờ ba tôi.

Ba tôi là người thánh thiện. Ông có thể nhìn người ta và biết người ta đau chỗ nào và ông cũng chữa được cho người ta. Ông làm một thứ treo lưng chừng cho bà nội Baby, để khi thức dậy buổi sáng bà có thể tự kéo mình dậy khỏi sàn nhà, và ông làm một cái bục để khi đứng lên bục người bà không còn xiêu vẹo. Bà nội nói bà vẫn sợ người da trắng sẽ đánh đập bà trước mặt con bà. Bà cư xử và làm đúng mực mọi điều trước mặt con vì bà không muốn con nhìn thấy bà bị đánh đập. Bà nói rằng trẻ con sẽ nổi khùng nếu chúng thấy chuyện đó. Ở Tổ Ấm không ai đánh đập bà hay nói sẽ đánh đập bà, vì thế ba tôi không bao giờ thấy chuyện đó và không hề nổi khùng và ngay bây giờ tôi dám cá ông đang gắng đến đây. Nếu Paul D làm được, thì ba tôi cũng làm được. Người đàn ông thánh thiện. Lẽ ra chúng tôi phải ở bên nhau. Tôi, ông và Thương. Mẹ có thể ở lại, hay đi với Paul D nếu mẹ muốn. Trừ phi ba muốn mẹ, nhưng tôi không nghĩ ông sẽ muốn, vì mẹ đã để Paul D vào giường của mẹ. Bà Baby nói người ta xem thường bà vì bà có tám người con với những người đàn ông khác nhau. Dân da đen và da trắng đều xem thường bà là vì thế. Nô lệ lẽ ra không có vui thú của riêng mình, thân thể họ đáng lẽ không được vui thú, mà họ phải ra sức sinh nhiều con để chiều lòng chủ của họ. Tuy vậy, tận trong đáy lòng, họ lẽ ra không được vui thú. Bà nói tôi đừng nghe những điều đó. Rằng tôi phải lắng nghe thân thể tôi và yêu nó.

Căn nhà bí mật. Khi bà chết tôi đến đấy. Mẹ không chịu cho tôi ra ngoài sân và ăn với những người khác. Chúng tôi ở lại trong nhà. Chuyện ấy khiến tôi buồn. Tôi biết bà Baby thích họp mặt và những người đến họp mặt, vì nếu bà không thấy ai, không đi đâu thì bà sẽ buồn chán – chỉ toàn rầu rĩ và nghĩ về màu sắc và bà đã lầm lẫn như thế nào. Bà nghĩ về những lầm lẫn của trái tim và thân thể. Dù sao đi nữa dân da trắng cũng đã đến. Ở trong sân nhà bà. Bà đã làm đúng mọi chuyện và họ vẫn vào trong sân nhà bà. Và bà không biết phải nghĩ sao. Bà chỉ còn lại trái tim và bọn họ đã đập vỡ nó, vì thế ngay cả Cuộc Chiến cũng không làm bà xao động được.

Bà kể cho tôi nghe mọi chuyện về ba tôi. Ba làm việc chăm chỉ ra sao để chuộc tự do cho bà. Sau khi chiếc bánh ngọt bị phá hỏng và quần áo đã là bị xáo trộn, và sau khi tôi nghe tiếng chị tôi bò lên gác để về giường của chị, bà kể cho tôi nghe chuyện của tôi nữa. Rằng tôi có phước. Tôi sinh ra với nhiều ơn phước và luôn luôn được cứu. Và tôi không nên sợ hồn ma. Hồn ma sẽ không hại tôi vì tôi đã nếm máu chị khi mẹ cho tôi bú. Bà nói hồn ma trả thù mẹ và bà nữa vì bà đã không làm gì để ngăn cản chuyện ấy. Nhưng hồn ma sẽ không bao giờ hại tôi. Tôi chỉ phải coi chừng vì đấy là một hồn ma tham lam và cần rất nhiều tình thương. Nghĩ cho cùng, đó cũng là một điều tự nhiên. Và tôi thương. Thương chị. Tôi thương. Chị chơi với tôi và luôn luôn đến với tôi khi tôi cần chị. Chị là của tôi. Thương. Chị là của tôi.

22

Tôi là Thương và mẹ là của tôi. Tôi nhìn bà hái hoa ra khỏi lá bà để hoa vào rổ tròn bà không lấy lá bà đựng đầy rổ bà rẽ cỏ tôi muốn giúp bà nhưng những đám mây vướng lối làm sao tôi nói lên được những hình ảnh tôi không xa cách bà tôi không biết dừng nơi nào khuôn mặt bà là khuôn mặt tôi và tôi muốn ở nơi có khuôn mặt bà và nhìn khuôn mặt bà nữa một thứ nóng.

Tất cả là bây giờ luôn luôn là bây giờ tôi sẽ mãi co ro và nhìn những người khác cũng đang co ro tôi co ro mãi người đàn ông trên mặt tôi đã chết mặt ông ta không phải là mặt của tôi miệng ông thơm nhưng mắt ông khép kín vài người ăn đồ bẩn tôi không ăn những người đàn ông không có da mang cho chúng tôi nước tiểu buổi sáng của họ để uống chúng tôi không uống ban đêm tôi không thể nhìn thấy người đàn ông chết trên mặt tôi ánh sáng ban ngày xuyên qua những kẽ nứt và tôi có thể thấy đôi mắt khép kín của ông tôi không lớn lũ chuột nhỏ không đợi chúng tôi ngủ ai đó đang trăn trở như không có đủ chỗ để trăn trở nếu chúng tôi có thêm nước uống chúng tôi có thể nhỏ lệ chúng tôi không thể chảy mồ hôi hay đi tiểu vì thế những người đàn ông không có da mang mồ hôi và nước tiểu của họ đến cho chúng tôi một lần họ mang cho chúng tôi những viên đá ngọt để mút tất cả chúng tôi cố gắng bỏ thân thể của mình ở lại phía sau người đàn ông trên mặt tôi đã làm thế khó làm cho chính mình chết mãi mãi người ta chỉ ngủ một chút rồi trở về lúc đầu chúng tôi có thể nôn bây giờ chúng tôi không nôn bây giờ chúng tôi không thể răng của ông ta là những điểm nhọn màu trắng xinh xẻo có người đang run ở bên này tôi có thể cảm thấy như thế ông ta đang chống chọi dữ dội để rời bỏ thân thể mình như một con chim nhỏ run run không có chỗ để run vì thế ông không chết được người đàn ông chết của tôi bị kéo ra khỏi mặt tôi tôi nhớ những điểm nhọn trắng xinh xẻo của ông.

Bây giờ chúng tôi không co ro chúng tôi đang đứng nhưng chân tôi giống như đôi mắt người đàn ông chết của tôi tôi không thể ngã vì không có chỗ những người đàn ông không có da đang la lối tôi chưa chết bánh mì màu biển tôi đói quá không ăn được tôi khép mắt lại vì nắng những người có thể chết đi được chất thành đống tôi không thể tìm ra người đàn ông của tôi người có răng mà tôi thích một thứ nóng ngọn đồi nhỏ chất bằng xác người chết một thứ nóng những người đàn ông không có da dùng sào đẩy họ qua người đàn bà có khuôn mặt tôi muốn ở trong ấy khuôn mặt của tôi họ rơi vào biển màu bánh mì bà không đeo cái gì ở tai nếu tôi có răng của người đàn ông chết trên mặt tôi tôi sẽ cắn vòng tròn quanh cổ bà cắn nó rời ra tôi biết bà không thích nó bây giờ tôi có chỗ để co ro và nhìn những người khác co ro tôi co ro mãi ở bên trong người đàn bà có khuôn mặt của tôi ở trong lòng biển một thứ nóng.

Lúc đầu tôi có thể thấy bà tôi không thể giúp bà vì mây vướng lối lúc đầu tôi có thể thấy bà tai bà lấp lánh bà không thích vòng tròn quanh cổ bà tôi biết thế tôi nhìn bà chăm chăm để bà biết mây vướng lối tôi chắc bà nhìn thấy tôi tôi đang nhìn bà nhìn thấy tôi bà trút cạn đôi mắt bà tôi ở đấy chỗ có khuôn mặt bà và bảo bà mấy đám mây sặc sỡ vướng lối tôi bà

muốn hoa tai của bà bà muốn rổ tròn của bà tôi muốn khuôn mặt bà một thứ nóng lúc đầu những người đàn bà ở xa những người đàn ông và những người đàn ông xa những người đàn bà giông bão xô đẩy chúng tôi và trộn lẫn đàn ông vào nhóm đàn bà và đàn bà vào nhóm đàn ông đấy là lúc tôi bắt đầu ở trên lưng người đàn ông rất lâu tôi chỉ thấy cần cổ và hai bờ vai rộng của ông phía trên tôi tôi nhỏ bé tôi yêu ông vì ông có một bài hát khi ông quay đi để chết tôi thấy hàm răng của ông tiếng hát ông nhỏ ông hát về nơi có một người đàn bà hái hoa ra khỏi lá và đặt hoa vào một cái rổ tròn trước khi những đám mây đến bà đang co ro gần chúng tôi nhưng tôi không thấy bà cho đến khi ông khép kín mắt mình và chết trên mặt tôi chúng tôi như thế không có hơi thở từ miệng ông và chỗ đáng lẽ có hơi thở thì có mùi thơm những người khác không biết ông đã chết tôi biết bài hát của ông không còn thay vì thế bây giờ tôi yêu răng ông nhỏ xinh.

Tôi không thể mất bà lần nữa người đàn ông chết của tôi vướng lối như những đám mây sặc sỡ khi ông chết trên mặt tôi tôi có thể thấy mặt bà bà sắp mỉm cười với tôi bà sẽ mỉm cười đôi hoa tai lóng lánh của bà không còn những người đàn ông không có da đang ầm ĩ họ đẩy người đàn ông của tôi đi qua họ không đẩy người đàn bà có khuôn mặt của tôi qua bà đi vào họ không đẩy bà bà đi vào ngọn đồi nhỏ không còn bà sẽ mỉm cười với tôi bà sẽ mỉm cười một thứ nóng.

Bây giờ họ không co ro chúng tôi đang co ro họ đang trôi bồng bềnh trên mặt nước họ phá vỡ ngọn đồi nhỏ và đẩy nó qua tôi không thể tìm ra răng đẹp của tôi tôi thấy khuôn mặt da sậm sắp mỉm cười với tôi chính là khuôn mặt da sậm của tôi sắp mỉm cười với tôi vòng tròn sắt ở quanh cổ chúng tôi bà không có hoa tai lấp lánh trên tai hay một chiếc rổ tròn bà vào trong dòng nước với khuôn mặt của tôi.

Tôi đứng trong mưa rơi những người khác đã bị mang đi tôi không bị mang đi tôi rơi xuống như mưa tôi nhìn hắn ăn ở bên trong tôi co ro để khỏi rơi xuống cùng với mưa tôi sẽ rời ra từng mảnh hắn làm đau chỗ tôi ngủ hắn để ngón tay vào đấy tôi buông thức ăn xuống và vỡ ra từng mảnh bà đã lấy khuôn mặt của tôi đi không ai muốn có tôi để nói cho tôi nghe tên của tôi tôi đợi trên cầu vì bà ở dưới chân cầu ngày rồi đêm một lần nữa một lần nữa đêm ngày đêm ngày tôi đang đợi không có vòng tròn sắt quanh cổ tôi không có thuyền nào đi trên dòng nước này không có những đàn ông không có da người đàn ông chết của tôi không trôi ở đây răng ông ở dưới kia chỗ có màu xanh dương và cỏ khuôn mặt tôi muốn cũng ở đấy khuôn mặt sẽ mỉm cười với tôi sẽ mỉm cười ban ngày kim cương ở trong nước chỗ của bà và rùa ban đêm tôi nghe tiếng nhai và nuốt và tiếng cười tiếng cười thuộc về tôi bà là tiếng cười tôi là tiếng cười tôi thấy khuôn mặt bà chính là khuôn mặt tôi khuôn mặt sẽ cười với tôi ở chỗ chúng tôi co ro bây giờ bà sẽ mỉm cười khuôn mặt bà hiện ra qua làn nước một thứ nóng khuôn mặt bà là của tôi bà không mỉm cười bà đang nhai và nuốt tôi phải có khuôn mặt của tôi tôi đi vào đám cỏ mở ra bà mở cỏ ra tôi ở trong dòng nước và bà đang đến không có rổ tròn không có vòng tròn sắt quanh cổ bà bà đi lên chỗ có kim cương tôi theo bà bây giờ chúng tôi đang ở trong kim cương chính là hoa tai của bà khuôn mặt của tôi đang đến tôi phải có khuôn mặt ấy tôi đang tìm chỗ nhập vào tôi yêu khuôn mặt của tôi quá khuôn mặt da sậm của tôi gần bên tôi tôi muốn nhập vào bà thì thầm với tôi bà thì thầm tôi với tay đến bà nhai và nuốt bà chạm vào tôi bà biết tôi muốn nhập vào bà nhai và

nuốt tôi tôi không còn nữa bây giờ tôi là khuôn mặt của bà khuôn mặt của tôi đã bỏ tôi đi tôi thấy mình bơi đi một thứ nóng tôi thấy lòng bàn chân tôi tôi một mình tôi muốn là hai chúng tôi tôi muốn chỗ nhập vào tôi ra khỏi làn nước xanh sau khi lòng bàn chân tôi bơi đi xa tôi tôi trồi lên tôi cần tìm một chỗ ở không khí nặng tôi chưa chết tôi chưa chết có một căn nhà có điều bà thì thầm với tôi tôi ở chỗ bà đã nói cho tôi nghe tôi chưa chết tôi ngồi nắng khép mắt tôi lại khi tôi mở mắt tôi thấy khuôn mặt tôi đánh mất khuôn mặt của Sethe là khuôn mặt đã bỏ tôi đi Sethe nhìn thấy tôi nhìn thấy bà và tôi nhìn thấy nụ cười khuôn mặt mỉm cười của bà là nơi chốn của tôi nó là khuôn mặt tôi đánh mất bà là khuôn mặt của tôi đang mỉm cười với tôi rốt cuộc đang mỉm cười một thứ nóng bây giờ chúng ta có thể nhập vào một thứ nóng.

23

Tôi là Thương và bà là của tôi. Sethe là người hái hoa, những đóa hoa vàng nơi tôi ở trước khi tôi co ro. Bà hái hoa ra khỏi đám lá xanh. Bây giờ những đóa hoa ở trên tấm chăn ghép nơi chúng tôi ngủ. Bà sắp mỉm cười với tôi thì những người đàn ông không có da đến và mang chúng tôi vào trong ánh nắng với những người chết và đẩy họ xuống biển. Sethe đi vào biển. Bà vào đó. Họ không đẩy bà. Bà vào đó. Bà đang chuẩn bị mỉm cười với tôi thì thấy người chết bị đẩy vào biển bà cũng vào theo và bỏ tôi lại không có khuôn mặt của bà. Sethe là khuôn mặt tôi tìm thấy và mất đi trong dòng nước dưới cây cầu. Khi tôi vào, tôi thấy khuôn mặt của bà đến với tôi và đấy cũng là khuôn mặt của tôi. Tôi muốn nhập vào. Tôi cố nhập vào, nhưng bà trồi lên hòa vào những mảnh ánh sáng ở trên mặt nước. Tôi mất bà lần nữa, nhưng tôi tìm ra căn nhà bà thì thầm với tôi và bà ở đấy, rốt cuộc đang mỉm cười. Chuyện ấy thật tốt, nhưng tôi không thể mất bà lần nữa. Tôi chỉ muốn biết tại sao bà vào trong dòng nước ở chỗ chúng tôi co ro? Tại sao bà làm thế khi bà sắp sửa mỉm cười với tôi? Tôi muốn theo bà vào trong biển nhưng tôi không cử động được. Tôi muốn giúp bà hái hoa, nhưng khói súng khiến tôi không thấy được gì và tôi lạc mất bà. Tôi lạc mất bà ba lần: một lần khi bà đi hái hoa vì những đám mây khói sặc sỡ, một lần khi bà vào lòng biển thay vì mỉm cười với tôi, một lần dưới cây cầu khi tôi theo bà vào dòng nước và bà đi về phía tôi nhưng không mỉm cười. Bà thì thầm với tôi, nhai tôi, và bơi đi. Bây giờ tôi đã tìm ra bà trong căn nhà này. Bà mỉm cười với tôi và đấy là khuôn mặt của tôi đang mỉm cười. Tôi sẽ không mất bà lần nữa. Bà là của tôi.

*

Nói cho mẹ nghe sự thật. Con từ cõi âm về phải không?

Vâng. Con từ cõi âm về.

Con về vì mẹ?

Vâng.

Con nhớ mẹ?

Vâng. Con nhớ mẹ.

Con chưa hề quên mẹ?

Khuôn mặt mẹ là của con.

Con có tha thứ cho mẹ không? Con có ở lại không? Bây giờ con sẽ an toàn ở đây.

Những người đàn ông không có da ở đâu?

Ngoài kia. Xa lắm.

Bọn chúng vào đây được không?

Không. Chúng thử làm một lần, nhưng mẹ chặn chúng lại. Chúng sẽ không bao giờ trở lại.

Một người trong bọn chúng ở căn nhà con ở trước kia. Hắn làm con đau.

Bọn chúng không còn làm hại mình được nữa.

Hoa tai mẹ đâu?

Bọn chúng lấy đi mất rồi.

Những người đàn ông không có da lấy đi?

Phải.

Con định giúp mẹ nhưng đám mây vướng lối.

Ở đây không có mây.

Nếu họ để vòng sắt quanh cổ mẹ con sẽ cắn nó đi.

Thương.

Con sẽ làm rổ tròn cho mẹ.

Con về rồi. Con về rồi.

Chúng mình sẽ mỉm cười với con?

Con không thấy mẹ đang cười sao?

Con yêu khuôn mặt mẹ.

*

Mình chơi ở bên dòng suối.

Chị ở trong dòng nước ấy.

Mình chơi đùa lúc yên tĩnh.

Đám mây sặc sỡ và vướng lối.

Khi em cần chị, chị đến với em.

Chị cần gương mặt mẹ mỉm cười.

Em chỉ nghe được hơi thở.

Hơi thở không còn, chỉ còn lại hàm răng.

Bà nói chị sẽ không hại em.

Mẹ làm chị đau.

Em sẽ bảo vệ chị.

Chị muốn khuôn mặt mẹ.

Đừng yêu mẹ nhiều quá.

Chị yêu mẹ rất nhiều.

Hãy xem chừng mẹ, mẹ có thể làm chị mơ thấy ác mộng.

Mẹ nhai và nuốt.

Đừng ngủ khi mẹ thắt bím cho chị.

Mẹ là nụ cười, chị là tiếng cười.

Em canh chừng căn nhà, em canh chừng ngoài sân.

Mẹ bỏ chị lại.

Ba đang đến với tụi mình.

Một thứ nóng.

*

Thương

Chị là chị của em

Con là con gái của mẹ

Mẹ là khuôn mặt con, mẹ là con

Mẹ đã tìm được con, con đã về với mẹ

Con là Thương của mẹ

Con là của mẹ

Mẹ là của con

Chị là của em

*

Mẹ có sữa cho con

Con có nụ cười của mẹ

Em sẽ chăm sóc chị

*

Mẹ là khuôn mặt của con. Con là mẹ. Tại sao con là mẹ mà mẹ bỏ con?

Mẹ sẽ không bao giờ rời con lần nữa

Đừng bao giờ bỏ con lần nữa

Con sẽ không bao giờ rời mẹ lần nữa

Mẹ vào dòng nước

Em uống máu chị

Mẹ mang sữa cho con

Mẹ quên mỉm cười

Mẹ thương con

Mẹ làm con đau

Con trở về với mẹ

Mẹ bỏ con lại

*

Mẹ đợi con

Mẹ là của con

Con là của mẹ

Chị là của em

24

Đấy là một nhà thờ nhỏ xíu, không lớn hơn phòng khách của một ông nhà giàu. Những cái ghế dài không có lưng tựa, và, vì giáo đoàn cũng là ca đoàn, nhà thờ không cần ghế ngồi hát thánh ca. Vài giáo dân đã được giao việc xây một cái bệ để mục sư đứng cao trên giáo đoàn vài phân, nhưng việc ấy không hẳn là việc cấp bách, vì việc quan trọng là dựng một cây thánh giá trắng bằng gỗ sồi đã làm xong. Trước khi là nhà thờ Đấng Cứu Thế, tòa nhà là một tiệm bán đồ khô, không cần cửa sổ bên cạnh, chỉ cần cửa sổ phía trước để bày hàng. Những cửa sổ này đang được dán giấy che lại trong khi giáo dân cân nhắc xem nên sơn cửa sổ hay che màn – làm thế nào để có sự riêng tư mà không mất chút ánh sáng chiếu rọi. Mùa hè, cửa nhà thờ mở cho thoáng. Mùa đông, một cái lò bằng sắt ở giữa lối đi gắng hết sức sưởi ấm. Phía trước nhà thờ là một hàng hiên vững chắc nơi trước kia khách hàng thường ngồi, và lũ trẻ con cười nhạo thằng bé mắc kẹt cái đầu giữa những chấn song. Trong một ngày tháng Một có nắng và lặng gió, nếu cái lò sắt không được đốt lên, thật ra bên ngoài nhà thờ ấm hơn bên trong. Hầm nhà ẩm ướt khá ấm, nhưng không có ánh sáng rọi vào tấm nệm rơm hay bồn rửa mặt hay cái đinh có thể dùng để treo quần áo của một người đàn ông. Ánh đèn dầu trong hầm nhà ảm đạm, cho nên Paul D ngồi trên bậc thềm hàng hiên và tìm thêm hơi ấm từ chai rượu nhét trong túi áo choàng. Hơi ấm và mắt đỏ. Anh kẹp hai cổ tay giữa hai đầu gối, không phải để giữ yên tay mình, nhưng vì anh không có thứ gì khác để nắm. Lon thuốc lá của anh, bị thổi bật tung, vung vãi những thứ bên trong ra, những thứ mặc ý trôi nổi và biến anh thành con mồi và trò chơi của chúng.

Anh không thể hiểu tại sao chuyện ấy lâu đến thế mới xảy ra. Đáng lẽ anh nên nhảy vào lửa với Sixo, cười thỏa thích với Sixo. Sớm muộn gì anh cũng phải đầu hàng, tại sao không đầu hàng với tiếng cười, hét Bảy-Không! Tại sao không? Tại sao lại trì hoãn? Anh đã nhìn thấy anh mình vẫy tay từ giã trên phía sau chiếc xe bò, gà rán trong túi, mắt đẫm lệ. Mẹ. Cha. Anh không nhớ người này. Chưa bao giờ thấy người kia. Anh là đứa nhỏ nhất trong ba anh em (cùng mẹ khác cha) được bán cho Garner và được giữ lại ở đó hai mươi năm, bị cấm không được rời nông trại. Một lần, ở Maryland, anh gặp bốn gia đình nô lệ đã ở cùng với nhau một trăm năm: ông bà cố, ông bà nội, mẹ, cha, dì, cậu, anh chị em họ, con cái. Lai nửa trắng, lai trắng một phần, đen hoàn toàn, lai da đỏ. Anh nhìn họ với lòng nể sợ và ghen tỵ, và mỗi lần anh khám phá ra những đại gia đình da đen, anh bắt họ chỉ đi chỉ lại ai là ai, quan hệ thế nào, thật ra ai thuộc về ai.

"Người ấy là cô tôi. Người này là con cô ấy. Đằng kia là em họ ba tôi. Mẹ tôi lấy chồng hai lần – đây là em cùng mẹ khác cha của tôi và đây là hai con của nó. Vợ tôi..."

Anh chưa bao giờ có cái gì như vậy và khi anh lớn lên ở Tổ Ấm anh không thấy thiếu nó. Anh có anh em của mình, hai người bạn, Baby Suggs trong bếp, ông chủ dạy cho họ biết bắn súng và lắng nghe điều họ nói. Một bà chủ làm xà phòng cho họ và không bao giờ lớn tiếng. Suốt hai mươi năm tất cả bọn họ sống trong cái nôi ấy, cho đến khi Baby đi khỏi, Sethe đến, và Halle lấy chị. Halle tạo dựng gia đình với chị, và Sixo sống chết muốn tạo dựng gia đình

với Người-Đàn-Bà -Ba-Mươi-Dặm. Khi Paul D vẫy tay từ giã người anh lớn nhất, ông chủ đã chết, bà chủ lo lắng và chiếc nôi đã vỡ đôi. Sixo nói thầy thuốc làm bà Garner ốm. Nói ông ta cho bà uống thứ người ta cho ngựa giống uống khi chúng gẫy chân và người ta không có dư thuốc súng để giết chúng, và nếu không phải vì lề luật mới của thầy giáo, nó sẽ nói với bà như vậy. Họ cười nhạo nó. Sixo chuyện trò với vẻ thành thạo về mọi thứ. Luôn cả cơn đột quỵ của ông Garner, mà nó nói là do một phát súng gã hàng xóm ghen tỵ đã bắn vào tai ông.

"Thế máu đâu?" Họ hỏi nó.

Không có máu. Ông Garner về nhà, người gục trên cổ con ngựa cái của ông, toát mồ hôi và trắng xanh. Không có một giọt máu nào. Sixo lầm bầm, nó là người duy nhất không tiếc vì ông đã mất. Dù sao đi nữa, sau đó nó tiếc lắm, họ đều tiếc lắm.

"Tại sao bà ấy nhờ hắn?" Paul D hỏi. "Tại sao bà ấy cần thầy giáo?"

"Bà ấy cần người biết làm tính," Halle nói.

"Mày có thể làm tính."

"Không giỏi như vậy."

"Không đâu, tụi bay," Sixo nói. "Bà cần thêm một người da trắng ở chỗ này."

"Để làm gì?"

"Mày nghĩ sao? Mày nghĩ sao?"

Chuyện là thế. Không ai tính đến chuyện Garner chết. Không ai nghĩ ông có thể chết. Lạ lùng chưa? Mọi thứ tùy thuộc vào chuyện Garner sống. Không có cuộc sống của ông, cuộc sống của họ vỡ tan tành. Đấy không phải là nô lệ thì là gì? Lúc anh mạnh mẽ nhất, cao hơn những người đàn ông cao, và mạnh hơn đa số, chúng vặt lông bẻ cánh của anh, Paul D. Đầu tiên chúng lấy đi khẩu súng của anh, rồi ý nghĩ của anh, vì thầy giáo không nghe lời khuyên của lũ da đen. Tin tức họ nói ra, hắn gọi là cãi lại, và hắn nghĩ ra những cách trừng phạt khác nhau (mà hắn ghi chép lại trong cuốn sổ của mình) để cải tạo họ. Hắn than phiền rằng họ ăn nhiều quá, nghỉ ngơi nhiều quá, nói nhiều quá, và nếu so sánh họ với hắn, những điều này chắc chắn đúng, vì thầy giáo ăn ít, nói ít hơn và không nghỉ ngơi bao giờ. Một lần hắn thấy họ chơi đùa – một trò chơi ném bóng – và vẻ tổn thương sâu sắc của hắn khiến Paul D phải chơm chớp mắt. Hắn cũng hà khắc với học trò của hắn như với họ – ngoại trừ những cách trừng phạt.

Nhiều năm Paul D tin rằng những người Garner nuôi lớn thành đàn ông đã bị thầy giáo hạ thấp xuống thành những đứa trẻ con. Và họ đã chạy trốn là vì thế. Bây giờ, bị những thứ trong lon thuốc lá quấy rầy, anh tự hỏi thật sự có khác biệt nhiều không trong thời gian trước và sau thầy giáo. Garner gọi và tuyên bố họ là đàn ông – nhưng chỉ ở Tổ Ấm, và với sự cho phép của ông. Ông đặt tên cho điều ông thấy hay tạo ra điều ông không nhìn thấy?

Đấy là điều Sixo tự hỏi, thậm chí cả Halle. Với Paul D, rõ ràng lúc nào hai người ấy cũng là đàn ông, bất kể ông Garner có nói như thế hay không. Anh thấy bối rối vì không thể tự bằng lòng về nam tính của mình. Ồ, anh làm những việc của đàn ông, nhưng đấy là quà tặng của Garner hay là ý muốn của anh? Anh sẽ như thế nào, nếu anh không ở Tổ Ấm, không có Garner? Ở xứ của Sixo, hay xứ của mẹ anh? Hay, Chúa rủ lòng thương, trên con tàu? Có phải chuyện được như thế vì một người da trắng đã nói thế? Giả thử một buổi sáng nào đấy Garner thức giấc và đổi ý? Lấy lại lời ông đã nói. Liệu họ có chạy trốn không? Và nếu anh không chạy trốn, liệu mấy anh em Paul có ở đó trọn đời không? Tại sao mấy anh em cần cả đêm để quyết định? Để bàn thảo xem họ có đi cùng với Sixo và Halle hay không. Vì họ đã bị cô lập trong một lời nói dối tuyệt vời, xem cuộc đời của Halle và Baby Suggs trước khi đến Tổ Ấm là chuyện xui xẻo mà thôi. Mông muội, hay thấy những câu chuyện đen tối của Sixo là thú vị. Được bảo vệ và bị thuyết phục rằng họ đặc biệt. Không hề ngờ đến vấn đề ở Alfred, Georgia. Yêu quá nhiều dáng vẻ của trần thế, chịu đựng bất cứ điều gì và tất cả mọi điều, chỉ để sống sót ở nơi có trăng cho dù anh không có quyền có trăng. Yêu nhỏ giọt và bí mật. Tình yêu nhỏ bé của anh là một thân cây, dĩ nhiên, nhưng không giống như cây Anh Em – già cỗi, to lớn và mời gọi.

Ở Alfred, Georgia, có một cây dương nhỏ quá không đáng được gọi là cây non. Nó chỉ là một chồi cây không cao hơn eo anh. Thứ người ta cắt để làm roi ngựa. Bài-hát-giết-người và cây dương. Anh sống để hát những bài hát giết cuộc đời, và nhìn cây dương chứng thực cuộc đời, và không phút nào anh tin mình có thể chạy trốn. Cho đến khi trời mưa. Sau đó, lúc người Cherokee chỉ tay và bảo anh chạy theo những đóa hoa nở, anh chỉ muốn di chuyển, đi, bắt đầu hôm nay ở chỗ này và đến chỗ khác ngày hôm sau. Cam chịu cuộc sống không có cô dì, anh chị em họ, con cái. Thậm chí không có một người đàn bà, cho đến khi anh gặp Sethe.

Và rồi con nhỏ dời chỗ anh. Đúng ngay khi nỗi nghi ngờ, hối tiếc và tất cả những câu hỏi anh không hỏi đã được đóng gói cất đi, rất lâu sau khi anh tin rằng anh đã tự bắt buộc được mình hiện hữu, đúng vào lúc và ở nơi anh muốn định cư – con nhỏ dời chỗ anh. Từ phòng này qua phòng khác. Như một con búp bê vải.

Ngồi trên hàng hiên của nhà thờ tiệm-đồ-khô, ngà say và không có chuyện gì để làm, anh có thể nghĩ những ý nghĩ này. Những ý nghĩ chậm, băn khoăn, cắt sâu vào nhưng không chạm đến điều gì chắc chắn để một tên đàn ông có thể bám víu vào. Vì thế anh giữ yên cổ tay mình. Đi qua cuộc đời người đàn bà ấy, vào trong cuộc đời ấy và để cuộc đời ấy vào trong anh, đã đẩy anh đến sự suy sụp này. Ý muốn sống trọn đời với một người đàn bà là mới mẻ, và mất đi cảm xúc ấy, anh muốn khóc và nghĩ những ý nghĩ sâu sắc nhưng viển vông. Khi anh đang trôi dạt, chỉ nghĩ đến bữa ăn kế tiếp và giấc ngủ đêm, khi mọi thứ được gói kín trong ngực anh, anh không có cảm giác thất bại, hoặc nghĩ đến những chuyện không có kết quả. Bất cứ chuyện gì nếu có kết quả đã có kết quả. Bây giờ anh tự hỏi chuyện gì đã hỏng, và bắt đầu từ Kế Hoạch, mọi thứ đều hỏng. Đấy là một kế hoạch tốt. Được tính toán từng chi tiết, loại trừ tất cả khả năng sai lạc.

Sixo, đang buộc mấy con ngựa, nói tiếng Anh trở lại và kể cho Halle nghe điều Người-

Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm nói cho nó nghe. Rằng bảy người da đen ở chỗ cô đang nhập bọn với hai người nữa để đi về miền Bắc. Rằng trước đây hai người kia đã làm như thế và biết đường. Rằng một trong hai người, một người đàn bà, sẽ đợi họ trong ruộng ngô khi ngô mọc cao – bà sẽ đợi một đêm và nửa ngày hôm sau, và nếu họ đến bà sẽ đưa họ đến đoàn xe, nơi những người khác đang ẩn trốn. Rằng bà sẽ ra hiệu bằng tiếng lách cách. Sixo sẽ đi, người tình của nó sẽ đi, và Halle sẽ mang cả gia đình anh. Hai Paul nói họ cần thời gian suy nghĩ. Thời gian để tự hỏi họ sẽ về đâu, sống như thế nào. Làm việc gì, ai sẽ nhận họ, họ có nên thử đến chỗ Paul F; họ nhớ ông chủ của Paul F ở đâu đó có tên gọi là "dấu vết"? Họ trò chuyện hết một tối rồi mới quyết định được.

Giờ đây họ chỉ còn phải đợi đến mùa xuân, cho đến khi ngô mọc cao hết mức và trăng tròn hết mức.

Và tính toán kế hoạch. Họ nên đi buổi tối để bắt đầu sớm hơn, hay đi lúc bình minh để có thể thấy đường rõ hơn? Sixo nhổ toẹt vào đề nghị ấy. Đêm tối cho họ nhiều thời gian hơn cộng thêm sự bảo vệ của bóng tối. Nó không hỏi họ có sợ không. Nó xoay sở đi thử vài lần đến ruộng ngô ban đêm, chôn mấy tấm chăn và hai con dao gần dòng suối. Sethe có bơi nổi qua suối không? Họ hỏi nó. Khi ngô mọc cao, nó nói, dòng suối sẽ cạn. Không có thức ăn để giấu, nhưng Sethe nói chị sẽ lấy một hũ mật mía hay nước đường đen, và ít bánh mì khi gần đến lúc đi. Chị chỉ muốn biết chắc là có mấy tấm chăn ở chỗ đã định, vì họ sẽ cần chăn để buộc đứa bé vào lưng chị và đắp trong cuộc hành trình. Không có quần áo nào khác ngoài thứ họ đang mặc. Và dĩ nhiên không có giày. Hai con dao sẽ giúp họ ăn, nhưng họ cũng chôn dây thừng và một cái nồi nữa. Đấy là một kế hoạch tốt.

Họ theo dõi và học thuộc lòng thời khóa biểu của thầy giáo và của học trò hắn: khi nào bọn họ cần chuyện gì và cần ở đâu, mất bao lâu để làm xong chuyện ấy. Bà Garner ngủ say hết buổi sáng vì ban đêm bà trăn trở. Có ngày học trò và thầy giáo học cho đến lúc điểm tâm. Mỗi tuần một ngày bọn họ bỏ điểm tâm và đi mười dặm đến nhà thờ, lúc về bọn họ sẽ muốn có một bữa ăn tối thịnh soạn. Sau bữa ăn tối thầy giáo viết vào cuốn sổ của hắn, bọn học trò lau dọn, sửa hay mài dụng cụ. Công việc của Sethe bất định nhất vì chị luôn phải túc trực bên bà Garner, luôn cả ban đêm khi bà đau đớn quá hay yếu đuối quá hay thật ra là cô đơn quá. Vì thế, Sixo và hai anh em Paul sẽ đi sau bữa ăn tối và đợi người Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm ở trong lòng suối cạn. Halle sẽ mang Sethe và ba đứa nhỏ đến trước bình minh – trước khi mặt trời lên, trước khi lũ gà và bò sữa cần được chăm lo, để đến lúc đáng lẽ bếp lò phải tỏa khói, họ sẽ đến gần hay đã đến dòng suối nơi những người khác đã có mặt. Như vậy, nếu bà Garner cần đến Sethe trong đêm và gọi chị, Sethe sẽ có ở đấy để đáp lời. Họ chỉ phải đợi qua mùa xuân.

Thế nhưng. Mùa xuân Sethe mang thai và đến tháng Tám chị đã quá nặng nề chị có thể không theo kịp những người đàn ông, họ có thể cõng mấy đứa bé nhưng không cõng được chị.

Thế nhưng. Láng giềng không được Garner mời chào khi ông còn sống bây giờ tha hồ thăm viếng Tổ Ấm và có thể xuất hiện ở đúng chỗ nhưng không đúng lúc.

Thế nhưng. Con của Sethe không được chơi trong bếp nữa, nên chị phải chạy đi chạy về giữa nhà chính và khu nhà dành cho gia nhân – bồn chồn và bất lực ráng trông chừng chúng. Hai đứa con trai còn nhỏ không làm được việc của người lớn và cô bé gái mới chín tháng tuổi. Không có bà Garner giúp, công việc của chị tăng lên và thầy giáo cũng đòi hỏi nhiều hơn.

Thế nhưng. Sau cuộc nói chuyện về con lợn sữa, ban đêm Sixo bị cột chung với gia súc, và mọi thứ: thùng, vòng rào, chuồng ngựa, chuồng gà, phòng yên cương và cửa kho rơm đều bị khóa lại. Không có chỗ để chạy vào ẩn mình hay hội họp. Bây giờ Sixo ngậm một cái đinh trong miệng, để cởi dây thừng khi nó cần.

Thế nhưng. Halle bị ra lệnh phải làm thêm việc tại Tổ Ấm và không được đi đâu trừ những chỗ thầy giáo sai anh đi. Chỉ có Sixo, đã trốn đi gặp người tình nhiều năm, và Halle, được mướn ra ngoài nhiều năm, biết ở ngoài Tổ Ấm có cái gì và làm sao đến đấy.

Đấy là một kế hoạch tốt. Có thể thi hành kế hoạch ấy đúng cách dưới mũi bọn học trò rình rập và thầy giáo của chúng.

Thế nhưng. Họ phải thay đổi kế hoạch – chỉ một chút thôi. Đầu tiên họ đổi cách đi. Họ học thuộc lòng chỉ dẫn của Halle. Vì Sixo cần thời gian để tự cởi trói, nó sẽ mở cửa mà không làm động lũ ngựa và đi sau, nhập bọn với họ cùng với Người -Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm ở dòng suối. Cả bốn người sẽ đến thẳng ruộng ngô. Halle, người bây giờ cũng cần nhiều thời gian hơn vì Sethe, quyết định mang chị và bọn trẻ đi vào ban đêm, không đợi đến lúc rạng sáng. Họ sẽ đến thẳng ruộng ngô và không hội họp ở dòng suối. Ngô đã cao đến vai họ – nó sẽ không cao hơn nữa. Trăng đang tròn. Họ gần như không thể hái, hay cuốc, hay nhổ, hay nhặt, hay mang vác vì họ đang lắng nghe chờ tiếng lách cách không phải là tiếng chim hay tiếng rắn. Rồi giữa một buổi sáng, họ nghe thấy tiếng lách cách. Hoặc là Halle nghe thấy và bắt đầu ca cho mọi người nghe: “Im, im. Có ai gọi tên tôi. Im, im. Có ai gọi tên tôi. Ôi Chúa, ôi Chúa, tôi sẽ làm gì đây?”¹

Halle rời cánh đồng vào giờ nghỉ ăn tối. Anh phải đi. Anh phải báo cho Sethe biết anh đã nghe thấy tín hiệu. Chị đã ở trong phòng bà Garner hai đêm liền và anh phải cho chị biết đêm nay chị không thể ở đó. Hai anh em Paul nhìn anh đi. Dưới tàng cây Anh Em nơi họ đang ăn bánh ngô, họ nhìn anh bước đi. Bánh ngô ngon. Họ liếm mồ hôi trên môi để cho bánh thêm vị mặn. Thầy giáo và tụi học trò đã về nhà và đang ăn bữa tối. Halle bước đi nhanh. Anh không hát.

Không ai biết chuyện gì đã xảy ra. Trừ chỗ thùng đánh bơ, đấy là lần cuối có người nhìn thấy Halle. Paul D biết là Halle biến mất, không hề nói gì với Sethe, và lần kế tiếp người ta nhìn thấy anh, anh đang ngồi chồm hỗm, người dính đầy bơ. Có thể khi anh đến cổng và xin gặp Sethe, thầy giáo nghe giọng anh thoáng chút lo lắng – chút lo lắng sẽ làm hắn cầm lấy khẩu súng lúc nào cũng sẵn sàng hắn. Có thể Halle đã phạm sai lầm bằng cách nói “vợ tôi” theo cách nào đấy làm mắt thầy giáo lóe lên. Sethe nói rằng chị nghe thấy tiếng súng, nhưng không nhìn ra ngoài cửa sổ phòng ngủ của bà Garner. Nhưng ngày hôm ấy Halle không bị giết hoặc bị thương vì Paul D nhìn thấy anh sau đấy, sau khi Sethe chạy trốn mà

không có ai giúp, sau khi Sixo cười và anh của Paul D biến mất. Anh nhìn thấy Halle, người dính bơ và mắt trơ như mắt cá. Có thể thầy giáo đã bắn theo Halle, bắn vào chân anh, để nhắc anh đừng đi khỏi Tổ Ấm. Có thể Halle vào trong kho rơm để trốn và bị khóa cùng gia súc của thầy giáo. Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Halle đã biến mất và mọi người phải tự lo.

Sau bữa tối Paul A lại đi vác gỗ. Họ hẹn gặp ở nhà để ăn tối. Paul A không hề xuất hiện. Paul D đi đến dòng suối đúng giờ, tin tưởng, hy vọng rằng Paul A đã đi trước, chắc chắn rằng thầy giáo đã biết được điều gì đấy. Paul D đến dòng suối và suối đã cạn như Sixo hứa. Anh ở đấy với Người-Đàn- Bà-Ba-Mươi-Dặm đợi Sixo và Paul A. Chỉ có Sixo đến, cổ tay chảy máu, cái lưỡi liếm môi như một ngọn lửa xém.

“Mày có thấy Paul A không?”

“Không.”

“Halle?”

“Không.”

“Không có dấu hiệu gì của họ à?”

“Không. Khu nhà ở không có ai trừ bọn trẻ.”

“Còn Sethe?”

“Con cô ấy đang ngủ. Chắc cô ấy vẫn còn ở đó.”

“Không có Paul A, tao không đi được.”

“Tao không thể giúp mày.”

“Tao có nên trở lại tìm họ không?”

“Tao không thể giúp mày.”

“Mày nghĩ sao?”

“Tao nghĩ họ đi thẳng đến ruộng ngô.”

Lúc ấy Sixo quay sang người đàn bà và họ ôm chặt lấy nhau và thì thầm. Bấy giờ cô ta như được thắp sáng lên với một tia sáng từ bên trong. Trước đấy, khi cô ta quỳ với Paul D trên lớp sỏi trong dòng suối, cô ta chẳng là gì cả, chỉ một hình hài đang thở nhè nhẹ trong bóng tối.

Sixo sắp sửa bò ra để kiếm mấy con dao nó đã chôn lúc trước. Nó nghe thấy tiếng động. Nó không nghe gì hết. Quên mấy con dao đi. Ngay bây giờ. Ba người leo lên bờ và đi về

phía họ là thầy giáo, học trò của hắn và bốn người da trắng khác. Với những ngọn đèn. Sixo đẩy Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm và cô chạy dọc theo lòng suối. Paul D và Sixo chạy theo hướng ngược lại về phía khu rừng. Cả hai bị bao vây và trói lại.

Lúc ấy không khí ngọt ngào. Thơm hương những thứ ong mật thích. Bị trói lại như một con la, Paul D cảm thấy cỏ đẫm sương và mời mọc quá. Anh đang nghĩ về chuyện ấy và Paul A không biết đang ở đâu thì Sixo quay lại và chụp lấy nòng của khẩu súng trường gần nhất. Nó bắt đầu hát. Hai tên khác xô Paul D và trói anh vào một thân cây. Thầy giáo nói, "Để cho nó sống. Để cho nó sống. Tao muốn nó còn sống." Sixo vung tay và đánh gãy sườn một tên, nhưng tay nó bị trói nên nó không thể xoay trở khẩu súng. Bọn da trắng chỉ cần phải đợi. Có lẽ đợi cho bài hát của nó kết thúc? Năm khẩu súng chĩa vào nó trong khi bọn chúng lắng nghe. Paul D không nhìn thấy được bọn chúng khi bọn chúng bước ra xa ánh đèn. Cuối cùng một tên dùng súng đánh vào đầu Sixo, và khi nó tỉnh lại, trước mặt nó là ngọn lửa gỗ mại châu và nó bị cột ngang eo vào một thân cây. Thầy giáo đã đổi ý: "Không dạy được thằng này." Chắc hẳn bài hát đã thuyết phục hắn.

Ngọn lửa lụi dần và bọn da trắng bực mình vì chúng không sẵn sàng đối phó với tình trạng khẩn cấp này. Bọn chúng đến để bắt người, không phải để giết người. Bọn chúng chỉ có đủ lửa nấu cháo ngô. Củi khô khó kiếm, và cỏ thì ướt sương.

Trong ánh lửa nấu cháo ngô Sixo thẳng dậy. Nó đã hát xong. Nó cười. Giọng rúc rích như giọng hai đứa con trai của Sethe cười khi chúng lộn nhào trong rơm hay giỡn tung tóe nước mưa. Chân nó đang bị nấu, vải quần của nó bốc khói. Nó cười. Có điều gì đấy buồn cười. Paul D đang đoán điều ấy là gì khi nó ngưng cười và gọi, "Bảy-Không! Bảy-Không!"

Ngọn lửa bướng bỉnh, nhiều khói. Bọn chúng bắn nó để nó im miệng. Phải làm như thế.

Bị trói gông lại, bước qua những thứ tỏa hương thơm mà ong mật thích, Paul D nghe bọn đàn ông nói chuyện và lần đầu tiên biết giá của mình. Anh vẫn biết, hoặc tin rằng anh biết, trị giá của mình – như một người làm công, một người lao động tạo ra lợi nhuận cho nông trại – nhưng bây giờ anh khám phá ra giá trị của mình, tức là giá tiền. Giá tiền đô la cho sức nặng, chiều cao, trái tim, bộ óc, dương vật, và tương lai của anh.

Ngay sau khi bọn da trắng đến chỗ buộc ngựa và leo lên ngựa, bọn chúng lập tức bình tĩnh hơn, nói chuyện với nhau về khó khăn bọn chúng phải đương đầu. Những vấn đề. Những tiếng nói nhắc thầy giáo nhớ rằng mấy tên nô lệ này đã bị Garner chiều đến hư. Có luật cấm điều ông đã làm: để lũ mọi đen đi làm mướn thời giờ rảnh rỗi của chúng để tự chuộc mình ra khỏi vòng nô lệ. Thậm chí ông còn cho tụi nó mang súng nữa! Và lẽ ra ông phải cho lũ mọi đen ăn nằm với nhau để có thêm nô lệ? Không đời nào! Ông dự định cho chúng lấy nhau! Chuyện lạ chưa từng thấy! Thầy giáo thở dài, và nói, nào phải đâu hắn không biết? Hắn đã đến để chỉnh đốn lại nông trại này. Bây giờ nông trại có nguy cơ suy sụp còn hơn lúc Garner mất, vì nó đã mất ít nhất hai đứa da đen, và có thể là ba đứa vì hắn không chắc họ sẽ tìm ra đứa tên là Halle. Chị dâu của hắn yếu quá không giúp gì được và bây giờ hắn lại phải lo chuyện nô lệ chạy tán loạn thì thật là trời đánh. Hắn sẽ bán đứa này đây lấy 900 đô la nếu được, và cột chặt đứa đang mang thai, con của nó và đứa kia, nếu hắn

tìm ra được đứa kia. Với số tiền bán "đứa này" hắn có thể mua hai đứa nhỏ, mười hai hay mười lăm tuổi. Và có thể với đứa đang mang thai, ba đứa nhóc da đen của nó và đứa nhỏ trong bụng, hắn và hai thằng cháu trai của hắn sẽ có bảy đứa mọi đen và Tổ Ấm sẽ đáng để cho hắn phải chịu phiền phức.

"Lillian liệu có qua khỏi không?"

"Không chắc. Không chắc."

"Anh lấy em chồng của bà ấy, phải không?"

"Phải."

"Vợ anh cũng đau yếu?"

"Cũng hơi yếu. Bị sốt rồi chết."

"Ở vùng này anh không cần phải chịu cảnh góa vợ."

"Ngay bây giờ tôi chỉ nghĩ đến Tổ Ấm."

"Cũng khó mà trách anh. Chỗ đất đó tốt."

Bọn chúng đặt gông ba càng vào cổ anh để anh không nằm xuống được và xiềng hai cổ chân anh lại với nhau. Con số anh nghe bằng tai bây giờ ở trong đầu anh. Hai. Hai? Mất hai đứa da đen? Paul D nghĩ trái tim anh đang nhảy dựng lên. Họ đang đi tìm Halle, không phải Paul A. Họ chắc đã tìm thấy Paul A và nếu bọn da trắng tìm thấy ai thì người ấy chắc chắn đã gặp chuyện chẳng lành.

Thầy giáo nhìn anh rất lâu trước khi hắn đóng cửa căn nhà gỗ. Hắn nhìn thật kỹ. Paul D không nhìn lại. Trời đang mưa lâm râm. Cơn mưa tháng Tám trêu cợt, sẽ không kéo dài bao lâu. Anh nghĩ đáng lẽ anh phải hát cùng với Sixo. Hát to lên, hát câu gì lớn và cuồn cuộn để hợp với điệu hát của Sixo, nhưng lời hát làm anh khó chịu – anh không hiểu lời hát. Mặc dù lời hát chắc không phải là quan trọng, vì anh hiểu âm thanh: nỗi căm ghét buông thả đến mức nó như điệu múa juba.

Làn mưa nhẹ và ấm rơi rồi ngưng, rơi rồi ngưng. Anh nghĩ anh nghe thấy tiếng nức nở vọng đến từ cửa sổ phòng bà Garner, nhưng tiếng động ấy có thể là bất cứ cái gì, bất cứ ai, thậm chí một con mèo cái gọi đực. Mệt mỏi vì phải giữ cho đầu thẳng, anh tựa cằm lên cái gông và suy đoán làm cách nào cà nhắc đến bên tấm vỉ của bếp lò, nấu chút nước và thảy vào đấy một nắm bột ngô. Anh đang làm thế thì Sethe bước vào, đẫm nước mưa và bụng kềnh càng, nói rằng chị sẽ chạy trốn. Chị vừa về đến nơi sau khi mang các con chị ra ruộng ngô. Bọn da trắng không có ở đấy. Chị không tìm thấy Halle. Ai bị bắt? Sixo có thoát không? Còn Paul A?

Anh nói với chị những gì anh biết: Sixo chết, Người-Đàn- Bà-Ba-Mươi-Dặm chạy đi, và

anh không biết chuyện gì xảy ra với Halle hay Paul A. “Anh ấy ở đâu mới được chứ?” Chị hỏi.

Paul D nhún vai vì anh không lắc được đầu.

“Anh nhìn thấy Sixo chết? Anh có chắc không?”

“Chắc.”

“Khi chuyện xảy ra anh ấy có tỉnh không? Anh ấy có biết không?”

“Tỉnh. Tỉnh và cười.”

“Sixo cười?”

“Em phải nghe thì em mới tin được, Sethe.”

Áo của Sethe bốc hơi trước ngọn lửa nhỏ anh dùng để nấu nước. Di chuyển trong lúc bị đóng gông hai cổ chân không phải là dễ, và anh xấu hổ vì cái vòng cổ. Ngượng ngùng, nên anh tránh mắt chị, nhưng khi anh không tránh né, anh chỉ thấy màu đen trong mắt chị – không có lòng trắng. Chị nói chị sẽ đi, và anh nghĩ chị sẽ không đi được đến cổng, nhưng anh không ngăn cản chị. Anh biết sẽ không bao giờ gặp chị lần nữa, và ngay lúc đó trái tim anh ngừng đập.

Bọn học trò chắc đã mang chị đến kho lúa để vọc chơi ngay sau đó, và khi chị kể lại với bà Garner, chúng lấy chiếc roi da bò xuống. Có ai trên trần gian hay địa ngục nghĩ rằng chị sẽ vẫn chạy trốn? Chắc bọn chúng tin rằng, với cái bụng và cái lưng chị như thế, chị sẽ không đi đâu hết. Anh không ngạc nhiên khi nghe thấy chúng lùng tìm chị dưới Cincinnati, vì, nghĩ cho cùng, giá của chị cao hơn giá của anh, thứ của cải sinh sôi không cần tốn kém.

Nhớ lại giá của anh, cho đến từng xu, mà thầy giáo có thể thu được khi bán anh, anh tự hỏi giá của Sethe sẽ là bao nhiêu. Giá của Baby Suggs? Lúc trước Halle còn nợ bao nhiêu tiền ngoài sức lao động của anh? Bà Garner bán Paul F được bao nhiêu? Hơn chín trăm đô la? Hơn bao nhiêu? Mười đô la? Hai mươi? Thầy giáo chắc biết. Hắn biết giá của mọi thứ. Vì thế nên giọng hắn buồn bã khi hắn tuyên bố là không dạy Sixo được. Ai khờ đến nỗi đi mua một đứa mọi đen ca hát đang cầm một khẩu súng? Đang hét Bảy-Không! Bảy-Không! vì Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm của nó đã thoát được với hạt giống đang nở hoa của nó. Giọng nó cười lạ làm sao. Rúc rích và khoái chí đến nỗi nó làm lửa tắt. Anh nghĩ đến tiếng cười của Sixo, chứ không phải hàm thiếc trong miệng mình, khi bọn chúng cột anh vào xe bò. Rồi anh nhìn thấy Halle, rồi anh nhìn thấy con gà trống, đang mỉm cười như thể muốn nói, Khổ sở của mày chưa thấm vào đâu. Làm sao một con gà trống biết về Alfred, Georgia?

25

“Chào anh.”

Túi quần của Stamp Paid khẽ động đậy, vì ông vẫn đang mân mê dải dây đỏ.

Paul D nhìn lên, để ý cái túi bên động đậy và khịt mũi. “Tôi không biết đọc. Ông đưa thêm báo cho tôi, thì ông chỉ tốn thì giờ vô ích.”

Stamp kéo dải dây ra và ngồi xuống trên bậc thềm.

“Không. Cái này khác.” Ông vuốt dải dây giữa ngón trỏ và ngón cái. “Một thứ khác.”

Paul D không nói gì và hai người đàn ông ngồi im lặng một lúc.

“Chuyện này tôi thấy khó,” Stamp nói. “Nhưng tôi phải làm. Tôi cần nói với anh hai điều. Tôi sẽ nói điều dễ nói trước.”

Paul D cười khẽ. “Nếu chuyện là khó với ông, thì không chừng nó giết được tôi.”

“Không, không. Không phải vậy. Tôi đến tìm anh để tạ lỗi. Xin lỗi.”

“Xin lỗi chuyện gì?” Paul D thò tay vào túi lấy chai rượu.

“Anh chọn bất cứ nhà nào, bất cứ nhà nào của người da đen. Trong khắp Cincinnati. Chọn bất cứ nhà nào, và anh sẽ được mời đến ở. Tôi xin lỗi vì họ đã không mời hay không nói cho anh nghe. Nhưng anh muốn ở đâu cũng được. Nhà tôi cũng là nhà anh. John và Ella, cô Lady, Able Woodruff, Willie Pike – bất cứ ai. Anh chọn đi. Anh không cần phải ngủ trong hầm nhà, và tôi xin lỗi cho mỗi đêm anh phải ngủ ở đó. Tôi không biết làm sao ông mục sư ấy để cho anh làm thế. Tôi biết ông ấy từ hồi ông ấy còn bé.”

“Thôi đi, Stamp. Ông ấy có mời tôi.”

“Có mời? Rồi sao?”

“Ôi, tôi muốn, tôi không muốn, tôi chỉ muốn được ở một mình một chút. Ông ấy có mời. Mỗi lần tôi gặp ông ấy, ông ấy đều mời.”

“Vậy là tôi nhẹ gánh. Tôi tưởng ai cũng điên rồi.”

Paul D lắc đầu. “Chỉ có tôi thôi.”

“Rồi anh có định làm gì về chuyện ấy không?”

“Có. Tôi có mấy kế hoạch lớn.” Anh uống hai ngụm rượu.

Những toan tính trong chai rượu thì không lâu dài, Stamp nghĩ, nhưng ông biết nhờ kinh nghiệm bản thân rằng bảo người đang uống đừng uống thì chẳng ích gì. Ông khịt mũi và bắt đầu nghĩ đến cách nói đến điều thứ nhì ông định nói. Ít người ra khỏi nhà hôm nay. Kênh đào đã đóng băng, vì thế giao thông cũng đã ngưng. Họ nghe tiếng vó ngựa đi đến. Người cưỡi ngồi trên yên ngựa cao kiểu miền Đông nhưng dáng vẻ của anh ta là dáng vẻ thung lũng Ohio. Khi cưỡi ngang qua anh ta nhìn họ và bất chợt kìm ngựa lại, và đi lên lối đi nhỏ dẫn vào nhà thờ. Anh khom người về phía trước.

"Này," anh nói.

Stamp bỏ dây vải của ông vào túi. "Vâng, thưa ông?"

"Tôi đang kiếm một cô tên là Judy. Làm ở lò mổ."

"Tôi không nghĩ tôi biết cô ấy. Thưa ông, tôi không biết."

"Nói cô ở đường Plank."

"Đường Plank? Dạ thưa ông, đường Plank ở trên kia. Có lẽ khoảng một dặm."

"Ông không biết cô ấy? Judy. Làm ở lò mổ."

"Dạ không, nhưng tôi biết đường Plank. Khoảng một dặm ở đằng kia."

Paul D nhấc cái chai và tu. Người cưỡi ngựa nhìn anh và rồi nhìn Stamp Paid. Nới lỏng dây cương, anh ta quay ngựa về phía con đường, rồi đổi ý và quay trở lại.

"Này," anh bảo Paul D. "Trên kia có thánh giá, nên tôi đoán đây là nhà thờ hay trước kia đã là nhà thờ. Xem ra anh nên tỏ chút kính trọng, anh hiểu không?"

"Dạ thưa ông," Stamp nói. "Ông nói phải. Tôi đến để nói với anh ấy chuyện đó. Đúng chuyện đó."

Người cưỡi ngựa tắc lưỡi và con ngựa chạy nước kiệu. Stamp dùng hai ngón tay phải vẽ những vòng tròn nhỏ trong lòng bàn tay trái. "Anh phải chọn," ông nói. "Chọn bất cứ ai. Họ sẽ để anh yên nếu anh muốn. Nhà tôi. Nhà Ella. Nhà Willie Pike. Tụi tôi không khá giả, nhưng có đủ chỗ cho một người nữa. Khi anh trả được, thì anh trả chút ít, khi anh không trả được thì thôi. Suy nghĩ đi. Anh lớn rồi. Tôi không thể bắt anh làm điều anh không muốn, nhưng anh suy nghĩ đi."

Paul D không nói gì.

"Nếu tôi đã làm hại anh, thì tôi đến đây để đền bù lại."

"Không cần đâu. Không cần chút nào."

Bên kia đường một người đàn bà và bốn đứa trẻ đi ngang qua. Cô vẫy tay, mỉm cười.

“Chào. Tôi không dừng lại được. Gặp ông ở buổi họp nghe.”

“Tôi sẽ đến,” Stamp chào lại. “Đấy là một người nữa,” ông nói với Paul D. “Scripture Woodruff, em gái của Able. Làm ở xưởng thuộc da. Anh sẽ thấy. Ở lâu rồi, anh sẽ thấy không có người da đen ở đâu dễ thương hơn ở đây. Tính tự ái làm phiền họ một chút. Họ có thể khó chịu nếu họ nghĩ người nào đấy quá tự ái, nhưng thật ra họ là những người tốt và ai cũng sẽ cho anh đến ở.”

“Còn Judy thì sao? Cô ấy có cho tôi đến ở không?”

“Cũng còn tùy. Anh đang nghĩ chuyện gì?”

“Ông biết Judy?”

“Judith. Tôi biết hết mọi người.”

“Đường Plank?”

“Mọi người.”

“Rồi sao? Cô ấy có cho tôi ở không?”

Stamp cúi xuống và cởi dây giày. Mười hai cái móc đen, sáu cái phía dưới mỗi bên dẫn đến bốn cặp lỗ ở phía trên. Ông nới lỏng dây giày từ trên xuống dưới, cẩn thận chỉnh lại miếng lưỡi giày và buộc dây lại. Khi ông buộc đến mấy cái lỗ ông xoăn đầu dây lại trước khi xỏ nó vào lỗ.

“Để tôi nói cho anh nghe tại sao tôi có tên này.” Nút đã buộc chặt và cái nơ cũng thế. “Người ta gọi tôi là Joshua,” ông nói. “Tôi tự đặt lại tên,” ông nói, “và tôi sẽ nói cho anh nghe tại sao tôi làm vậy,” và ông kể cho anh nghe về Vashti. “Tôi không động chạm đến nó suốt thời gian ấy. Không một lần nào. Gần một năm trời. Khi chuyện bắt đầu tụi tôi đang trồng và chuyện chấm dứt khi tụi tôi thu hoạch. Tôi thấy thời gian hình như lâu hơn thế. Đáng lẽ tôi phải giết thằng đó. Vashti nói đừng, nhưng đáng lẽ tôi phải giết thằng đó. Hồi đó tôi không kiên nhẫn như bây giờ, nhưng tôi đoán có lẽ có một người khác cũng sốt ruột – vợ cậu chủ. Tôi muốn thử xem cô ta có chịu đựng hay hơn tôi không. Vashti và tôi ở ngoài đồng với nhau ban ngày và thỉnh thoảng nó đi suốt đêm. Tôi không bao giờ chạm vào nó và nếu tôi nói đến ba chữ với nó mỗi ngày thì tôi sẽ bị trời đánh. Có cơ hội là tôi đến gần căn nhà lớn để nhìn thấy vợ cậu chủ. Cô ta trông như một thằng bé con. Khoảng mười bảy tuổi, không chừng hai mươi. Cuối cùng tôi thấy cô ta đang đứng cầm ly nước bên hàng rào sân sau. Cô ta đang uống nước trong ly và nhìn quanh sân. Tôi đến gần. Đứng xa xa và giở mũ. Tôi nói ‘Xin lỗi, thưa cô. Xin lỗi?’ Cô ta quay nhìn. Tôi mỉm cười. ‘Xin lỗi. Cô có thấy Vashti không? Vashti vợ tôi?’ Nó bé chút xíu. Tóc đen. Mặt không lớn hơn bàn tay tôi, Cô ta nói, ‘Cái gì? Vashti?’ Tôi nói ‘Dạ, Vashti. Vợ tôi. Nó nói nó nợ nhà cô mấy quả trứng. Không biết nó đã mang tới chưa, cô có biết không? Nếu cô thấy nó là cô biết ngay. Nó đeo một dải dây đen trên cổ.’ Lúc ấy cô ta đỏ mặt và tôi biết là cô ta biết. Hắn cho Vashti sợi dây đó để đeo. Một sợi dây đen đính một mặt đá chạm. Nó thường đeo sợi dây mỗi khi đi gặp

hắn. Tôi đội mũ lên. 'Nếu cô gặp nó thì cô làm ơn nói với nó tôi cần nó. Cám ơn. Cám ơn cô.' Tôi đi trước khi cô ta nói nên lời. Tôi không dám nhìn lại cho tới khi tôi núp lại sau hàng cây. Cô ta đang đứng như lúc tôi đi, nhìn vào ly nước. Chuyện ấy không làm tôi được mãn nguyện như tôi nghĩ. Tôi cũng nghĩ không chừng cô ta sẽ chấm dứt mọi chuyện, nhưng chuyện vẫn tiếp tục. Cho đến một buổi sáng, Vashti vào nhà và ngồi bên cửa sổ. Hôm ấy là ngày Chủ nhật. Ngày Chủ nhật là ngày tụi tôi chăm bón mảnh đất riêng của mình. Nó ngồi bên cửa sổ nhìn ra mảnh đất. 'Em về rồi,' nó nói. 'Em về rồi, Josh." Tôi nhìn gáy của nó. Cái cổ của nó nhỏ lắm. Tôi quyết định bẻ gẫy cổ nó. Anh biết không, như một cành cây – chỉ bẻ cổ nó gẫy đôi. Tôi đã có lúc tồi tệ nhưng đó là lần tôi tồi tệ nhất."

"Rồi ông có làm không? Bẻ gẫy cổ vợ ông?"

"Có. Rồi tôi đổi tên."

"Làm sao ông ra khỏi nơi đó được? Làm sao ông lên đây được?"

"Bằng tàu. Ngược dòng Mississippi đến Memphis. Đi bộ từ Memphis đến Cumberland."

"Vashti nữa?"

"Không. Nó đã chết."

"Ôi trời. Ông buộc chiếc giày kia đi!"

"Cái gì?"

"Buộc giày trời đánh của ông lại. Nó ở ngay trước mặt ông. Buộc nó lại đi."

"Chuyện ấy có làm cho anh cảm thấy dễ chịu hơn không?"

"Không." Paul D quăng cái chai xuống đất và nhìn chằm chằm chiếc xe ngựa vàng trên nhãn hiệu của nó. Không có ngựa. Chỉ có một chiếc xe ngựa vàng che màn màu xanh dương.

"Tôi nói tôi có hai điều để nói với anh. Tôi mới nói có một điều. Tôi phải nói điều kia."

"Tôi không muốn biết. Tôi không muốn biết cái gì hết. Tôi chỉ muốn biết Judy có chịu cho tôi vào ở nhà cô ấy hay không."

"Tôi ở đó, Paul D."

"Ông ở đâu?"

"Ở trong sân. Khi cô ấy làm chuyện đó."

"Judy?"

"Sethe."

“Chúa ơi.”

“Chuyện không phải như anh nghĩ.”

“Ông đâu biết tôi nghĩ gì.”

“Cô ấy không điên. Cô ấy thương tụi nhỏ. Cô ấy chỉ cố tránh kẻ gây hại.”

“Đừng nói nữa.”

“Nhưng cô ấy lại gây hại nhiều hơn.”

“Stamp, để tôi yên. Tôi biết cô ấy từ hồi cô ấy còn con gái. Cô ấy làm tôi sợ, mà tôi biết cô ấy từ hồi cô ấy còn con gái.”

“Anh không sợ Sethe. Tôi không tin.”

“Sethe làm tôi sợ. Tôi làm tôi sợ. Và con nhỏ trong nhà cô ấy làm tôi sợ hơn hết.”

“Con nhỏ đó là ai? Nó từ đâu đến?”

“Tôi không biết. Một ngày kia nó hiện ra và ngồi trên một gốc cây đốn.”

“Hừm. Có lẽ anh và tôi là hai người duy nhất ngoài I24 nhìn thấy nó.”

“Nó không đi đâu bao giờ. Ông thấy nó ở đâu?”

“Ngủ trên sàn bếp. Tôi nhìn vào nhà.”

“Phút đầu thấy nó là tôi đã không muốn ở gần nó. Nó có cái gì là lạ. Cách nói lạ. Cư xử lạ.” Paul D thò mấy ngón tay vào dưới mũ và xoa hai bên thái dương. “Nó làm tôi nhớ đến một cái gì đó. Một điều đáng lẽ ra tôi phải nhớ.”

“Nó không nói nó ở đâu đến? Người nhà nó đâu?”

“Nó không biết, hay nói nó không biết. Tôi chỉ nghe nó nói chuyện ăn cắp áo của một bà và sống trên cây cầu.”

“Cầu loại nào?”

“Ông hỏi ai đó?”

“Quanh đây không có cây cầu nào tôi không biết. Nhưng không có ai ở trên cầu. Hoặc bên dưới cầu. Nó ở với Sethe bao lâu rồi?”

“Từ tháng Tám vừa rồi. Ngày có hội chợ.”

“Đó không phải là điềm tốt. Nó có ở hội chợ không?”

“Không. Tụi tôi trở về nhà thì thấy nó – ngủ trên một gốc cây đốn. Áo lụa. Giày mới tinh. Đen bóng.

“Thật hả? Có một đứa con gái bị nhốt trong nhà một thằng da trắng bên Deer Creek. Mùa hè vừa rồi người ta tìm thấy thằng da trắng chết và con nhỏ biến mất. Không chừng con nhỏ này là con nhỏ ở nhà Sethe. Người ta nói hắn đã nhốt con nhỏ từ hồi nó nhỏ xíu.”

“Ôi, bây giờ nó là bà chằng.”

“Nó làm cho anh đi? Không phải là chuyện tôi kể về Sethe?”

Paul D rùng mình. Cơn co thắt lạnh thấu xương làm anh ôm chặt lấy đầu gối. Anh không biết đấy là tại vì rượu dở, những đêm trong hầm nhà, do cơn sốt, hàm sắt, gà trống mỉm cười, chân cháy, người chết đang cười, tiếng cỏ rít, mưa, hoa táo, vòng cổ, Judy trong lò mổ, Halle trong bơ, cầu thang trắng như ma, cây anh đào, cái kẹp áo có mặt đá chạm, cây dương, mặt Paul A, xúc xích hay trái tim đỏ đã mất.

“Nói cho tôi nghe, Stamp.” Mắt Paul D ươn ướt. “Nói cho tôi nghe một điều thôi. Một tên da đen phải chịu đựng bao nhiêu? Nói cho tôi nghe. Bao nhiêu?”

“Hết sức mình,” Stamp Paid nói. “Hết sức mình.”

“Tại sao? Tại sao? Tại sao? Tại sao? Tại sao?”

PHẦN BA

26

I24 yên lặng. Denver, tưởng mình đã biết rõ im lặng, ngạc nhiên thấy cái đói có thể làm thế: làm người ta im lặng và mòn mỏi dần. Cách này hay cách khác, Sethe và Thương đều không biết đến hay không màng đến cái đói. Họ quá bận rộn dành sức đối chọi nhau. Vì thế nó là người phải bước ra ngoài lề của thế giới nó từng biết và chết, vì nếu không tất cả sẽ cùng chết. Làn da giữa ngón trỏ và ngón cái của mẹ nó mỏng như lụa tàu và chiếc áo nào trong nhà cũng quá rộng đối với chị. Thương dựa đầu vào lòng bàn tay, ở đâu ngủ đấy, và rên rỉ đòi thức ăn ngọt mặc dù cô đang to ra, phì ra mỗi ngày. Không còn gì ngoài hai con gà mái đẻ trứng, và một người nào đấy sắp phải quyết định xem thỉnh thoảng có một quả trứng đáng hơn hay hai con gà rán đáng hơn. Càng đói họ càng yếu, càng yếu họ càng yên lặng – sự yên lặng dễ chịu hơn những cuộc cãi vã cáu giận, cây cời tro quất mạnh vào tường, tất cả những la hét và khóc lóc đến sau khi họ đã vui vẻ chơi đùa hết tháng Một. Denver cũng chơi chung, hơi dè chừng theo thói quen, mặc dù nó chưa bao giờ được vui như thế. Nhưng một khi Sethe đã thấy vết sẹo, phần trên của vết sẹo Denver vẫn nhìn thấy mỗi khi Thương cởi áo – một vệt mờ nhỏ cong như nụ cười ở dưới cằm, chỗ nối liền đầu và cổ – từ lúc Sethe thấy vết sẹo ấy, sờ nó và nhắm mắt lại một lúc lâu, thì hai người loại Denver ra khỏi trò chơi. Những trò chơi nấu ăn, may vá, làm tóc và mặc diện. Những trò chơi mẹ nó thích đến nỗi càng ngày chị càng đi làm muộn hơn cho đến khi điều có thể dự đoán được xảy ra: Sawyer bảo chị đừng trở lại nữa. Và thay vì tìm việc khác, Sethe chơi với Thương nhiều hơn, và Thương không bao giờ chán bất cứ cái gì: bài hát ru, mũi may mới, đáy bát làm bánh, váng sữa. Nếu hai con gà chỉ có hai trứng, cô ăn cả hai. Mẹ nó hình như đã mất trí, giống như bà nội Baby đòi màu hồng và không làm những chuyện bà thường làm. Nhưng khác với Baby Suggs, chị loại Denver ra ngoài hoàn toàn. Thậm chí bài hát chị thường hát cho Denver, bây giờ chị chỉ hát cho mình Thương: “Johnny cao, Johnny lớn, Johnny đừng rời tôi.”

Thoạt tiên họ chơi chung. Trong một tháng trời Denver rất vui. Từ trượt băng dưới bầu trời đầy sao và uống sữa ngọt bên bếp lò ban tối đến trò chơi bắt dây Sethe làm cho chúng trong ánh chiều, và hình tạo bằng bóng trên vách lúc hoàng hôn. Đang giữa mùa đông mà Sethe đã toan tính trồng một mảnh vườn rau và hoa, mắt ngời sáng như trong cơn sốt – chị nói, nói mãi về những màu sắc của mảnh vườn ấy. Chị nghịch tóc Thương, thắt nó thành bím, đánh phồng nó, cột nó lên, thoa dầu cho nó, cho đến khi Denver cảm thấy lo lắng khi

ngắm chị. Hai người đổi giường và đổi áo. Quàng tay nhau khi bước đi và lúc nào cũng mỉm cười. Khi thời tiết ấm lên, họ quỳ gối trên sân sau vẽ kiểu khu vườn trong lớp đất còn quá cứng chưa cuốc được. Ba mươi tám đô la tiền để dành được tiêu vào thức ngon cho họ ăn và vật liệu may áo và dây lụa để họ diện, những vật liệu Sethe dùng để cắt và may như họ sắp phải đi đâu gấp. Những chiếc áo màu tươi – vải sọc xanh dương và in hoa sặc sỡ. Chị đi bộ bốn dặm đến tiệm của John Shilito để mua dây lụa vàng, những hạt nút bóng và những mảnh ren đen. Đến cuối tháng Ba cả ba người trông như những người phụ nữ của đoàn hội chợ đang ăn không ngồi rồi. Khi đã rõ rằng họ chỉ chú ý đến nhau, Denver bắt đầu rời trò chơi, nhưng nó theo dõi trò chơi, cảnh giác canh chừng dấu hiệu Thương bị nguy hiểm. Cuối cùng, tin chắc rằng Thương không bị nguy hiểm, và thấy mẹ nó vui vẻ như thế, cười như thế – làm sao có chuyện gì sai được? – nó bớt canh chừng và chuyện không vui xảy ra. Thoạt tiên vấn đề của nó là quyết định xem ai là người có lỗi. Nó nhìn mẹ nó, tìm một dấu hiệu cho thấy thứ ở bên trong người chị đã ra ngoài, và chị sẽ lại giết người. Nhưng Thương là người đòi hỏi. Cô lấy được bất cứ cái gì cô muốn, và khi Sethe không còn thứ gì để cho, Thương bày ra ham muốn. Cô muốn Sethe ở bên cô hàng giờ để ngắm lớp lá nâu chập chờn trong đáy dòng suối, chỗ Denver đã chơi với cô trong im lặng hồi còn bé. Bây giờ những người chơi đã thay đổi. Băng vừa tan hết, Thương liền nhìn khuôn mặt đang ngắm nhìn của mình, đang gợn sóng, gấp nếp, căng ra, biến vào những chiếc lá bên dưới. Cô nằm dài ra trên mặt đất, làm bẩn những lằn sọc sặc sỡ, và chạm mặt mình vào những khuôn mặt đang đong đưa. Cô hái đầy hết giỏ này đến giỏ khác những thứ đầu mùa trải ra trên mặt đất khi thời tiết ấm lên – hoa bồ công anh, hoa tím, hoa đầu xuân – và tặng cho Sethe, và Sethe trưng bày, nhồi nhét, buộc chúng khắp nhà. Mặc áo của Sethe, cô vuốt ve làn da mình. Cô bắt chước Sethe, nói như chị, cười như chị và chuyển động thân mình giống như chị trong cách đi đứng, cách chị cử động bàn tay, thở ra bằng mũi, giữ thẳng đầu. Đôi khi, nhìn thấy họ làm bánh hình người hay gắn vải vụn vào tấm chăn ghép của Baby Suggs, Denver thấy khó phân biệt được ai là ai.

Rồi tình trạng thay đổi và những cuộc cãi vả bắt đầu. Thoạt tiên không nhiều. Thương than phiền, Sethe xin lỗi. Sự cố gắng đặc biệt của người phụ nữ lớn tuổi tạo được ít vui thích hơn trước. Lạnh quá không nên ra khỏi nhà? Cái nhìn của Thương như nói, Thì đã sao? Quá giờ ngủ rồi, ánh sáng không đủ để may vá? Thương không nhúc nhích; nói "Cứ làm đi," và Sethe làm theo. Thứ gì cô cũng lấy cái tốt nhất – và lấy trước tiên. Ghế tốt nhất, miếng lớn nhất, đĩa đẹp nhất, dây lụa màu tươi nhất cho tóc cô, và cô càng lấy, Sethe càng nói, càng giải thích, càng diễn tả chị đã chịu đựng, đã trải qua bao nhiêu chuyện vì con của chị, xua ruồi trong giàn nho, bò trên gối đến cái chái. Không có chuyện nào tạo được ấn tượng như ý. Thương buộc tội chị đã bỏ cô lại. Không đối xử tốt với cô, không mỉm cười với cô. Cô nói họ như là một, cùng một khuôn mặt, tại sao chị có thể bỏ cô lại? Và Sethe khóc, nói chị không bỏ cô, hay định bỏ cô – rằng chị phải mang con chị đi, đi xa, rằng lúc nào chị cũng có sữa và chị cũng có tiền để mua bia mộ nhưng không đủ. Rằng chị luôn luôn dự định cho họ ở bên nhau ở cõi âm, mãi mãi. Thương không buồn nghe. Cô nói khi cô khóc không có ai ở đấy. Rằng đàn ông chết nằm trên người cô. Rằng cô không có gì ăn. Những hồn ma không có da thọc những ngón tay vào người cô và nói Thương trong bóng tối và mụ xấu xa trong ánh sáng. Sethe cầu xin tha thứ, chị đếm, chị liệt kê nhiều lần những lý do của

chị: rằng Thương quan trọng hơn, với chị Thương quan trọng hơn cả cuộc sống. Rằng chị sẵn sàng đổi chỗ với cô bất cứ lúc nào. Cho đi từng giây phút trong cuộc sống của chị, để Thương khóc bớt đi dù chỉ một giọt lệ. Cô không biết rằng chị đau lòng khi con chị bị muỗi cắn sao? Rằng bỏ cô nằm trên mặt đất để chạy vào nhà chủ làm chị điên lên? Rằng trước khi rời Tổ Ấm, mỗi tối Thương ngủ trên ngực chị hay cuộn tròn trên lưng chị? Thương chối. Sethe không hề đến với cô, không hề nói một lời với cô, không hề mỉm cười và tệ hơn hết không hề vẫy tay từ biệt hay thậm chí nhìn về phía cô trước khi chị chạy đi.

Một hai lần Sethe cố gắng cứng rắn – là người mẹ không cho phép con mình cật vấn, người mẹ có lời nói là luật lệ và người mẹ hiểu biết – thì Thương đập phá, gạt hết đĩa ra khỏi bàn, quăng muối trên sàn nhà, đập vỡ một mặt kính cửa sổ.

Cô không giống như họ. Cô là thú hoang, và không người nào nói: Cút đi, mày chưa biết điều thì đừng về. Không người nào nói: Mày mà giơ tay đánh tao thì tao sẽ đánh mày nhừ tử. Thân cây bị chặt, thì cành cây sẽ chết. Kính trọng cha mẹ thì mày sẽ được sống lâu trên đất Chúa đã ban cho. Tao sẽ quấn mày vòng quanh nắm cửa, không có ai làm thuê cho mày và Chúa không ưa những hành vi tồi tệ.

Không, không. Họ gắn lại đĩa, quét muối đi, và dần dà Denver nhận ra rằng nếu một buổi sáng nào đấy Sethe không thức dậy và cầm lấy con dao, thì không chừng Thương sẽ thức dậy và cầm lấy con dao. Dù nó rất sợ thứ bên trong người Sethe sẽ ra ngoài, nó xấu hổ khi nhìn thấy mẹ nó hầu hạ một cô gái không lớn hơn nó bao nhiêu. Khi nó thấy chị xách thùng tiểu đêm của Thương, Denver chạy vội lại đỡ lấy thùng cho chị. Nhưng nỗi đau khổ trở thành không chịu nổi khi họ chỉ còn một ít thức ăn, và Denver nhìn mẹ nó nhịn ăn – nhặt nhạnh chút rơi vãi quanh rìa bàn và bếp: cháo ngô dính vào đáy, lớp vỏ và da của mọi thứ. Một lần nó thấy chị thò ngón tay dài nhất vào sâu trong một hũ mứt rỗng trước khi rửa và cất hũ mứt đi.

Họ đâm ra mệt, và ngay cả Thương, đang phì ra, dường như cũng mệt mỏi như họ. Dù sao đi nữa, cô thay thế cái gầm gừ hoặc chắc lưỡi bằng cách vung cây cời lửa xung quanh mình và I24 thành yên lặng. Ngầy ngật và thờ ơ vì đói, Denver thấy lớp thịt giữa ngón trỏ và ngón cái của mẹ nó mỏng dần. Thấy mắt Sethe sáng nhưng vô hồn, nhanh nhạy nhưng trống rỗng, đang chú ý đến mọi thứ về Thương – lòng bàn tay muốt không một vết nhăn, vầng trán, nụ cười dưới cằm, cong quẹo và quá dài – mọi thứ ngoại trừ cái bụng phệ như cái rổ của cô. Nó cũng thấy tay chiếc áo hội chợ của chính mình phủ xuống hết những ngón tay, gấu áo lúc trước ngắn lộ cổ chân bây giờ kéo lê trên sàn nhà. Nó thấy họ cột dây lụa, diện đẹp, èo uột và đói ăn nhưng bị giam chặt trong một tình yêu làm tất cả mọi người mệt nhoài. Rồi Sethe oẹ ra một thứ mà chị chưa ăn và chuyện ấy như một phát súng làm Denver choáng người. Công việc đầu tiên của nó, bảo vệ Thương để Sethe không hại cô, đã đổi thành bảo vệ Sethe để Thương không hại chị. Bây giờ, rõ ràng mẹ nó có thể chết đi và bỏ lại cả hai, sau đó Thương sẽ làm sao? Bất cứ chuyện gì đang xảy ra, chuyện ấy chỉ công hiệu với ba người – không phải hai người – và vì cả Thương lẫn Sethe hình như không màng đến tương lai (Sethe vui khi Thương vui, Thương liếm láp lòng tận tụy như liếm kem sữa), Denver biết mọi chuyện tùy thuộc vào nó. Nó sẽ phải rời sân nhà; bước ra khỏi lề thế

giới đó, để hai người ở lại và đi xin sự giúp đỡ của một người nào đấy.

Người ấy là ai đây? Ai là người nó có thể đối diện, người sẽ không làm nó hổ thẹn khi người ấy biết ra mẹ nó ngồi lê la như một con búp bê vải, rốt cuộc đã suy sụp vì cố gắng chăm sóc và cố gắng đền bù. Denver biết về nhiều người lúc nó nghe mẹ và bà nó nói chuyện. Nhưng riêng nó, nó chỉ biết hai người: một ông già tóc bạc tên Stamp và Lady Jones. Và Paul D, dĩ nhiên. Và thằng bé đã hỏi nó về Sethe. Nhưng nhờ họ không được. Trái tim nó nhảy dựng lên và cái ngứa bỏng rát trong cuống họng làm nó nuốt hết nước bọt. Thậm chí nó không biết phải đi hướng nào. Khi Sethe còn làm ở tiệm ăn và nó có tiền mua sắm, nó rẽ tay phải. Lúc Denver đến trường của Lady Jones, nó rẽ tay trái.

Thời tiết ấm. Ngày đẹp trời. Bây giờ là tháng Tư, mọi thứ sống động và ngập ngừng. Denver quàng khăn lên tóc và vai. Mặc chiếc áo hội chợ tươi tắn nhất và mang đôi giày của một người lạ, nó đứng trên hàng hiên của I24, sẵn sàng để bị nuốt chửng vào thế giới bên ngoài hàng hiên. Ngoài kia nơi những thứ nhỏ cào xước và đôi khi sờ mó. Nơi lời nói có thể làm tai đóng kín lại. Nơi, nếu người ta một mình, cảm giác có thể bắt kịp và đeo theo người ta như một chiếc bóng. Ngoài kia nơi có những chỗ đã xảy ra những chuyện ghê gớm đến nỗi khi người ta lại gần những chỗ ấy, những chuyện ghê gớm sẽ xảy ra lần nữa. Giống như Tổ Ấm, nơi thời gian dừng lại, và như mẹ nó đã nói, nơi những chuyện xấu cũng đang chờ đợi nó. Làm sao nó biết được những nơi này ở đâu? Ngoài kia có nhiều người da trắng hơn – nhiều hơn rất nhiều – và làm sao nó biết họ như thế nào? Sethe nói nhờ cái miệng và đôi khi hai bàn tay. Bà nội Baby nói không có cách nào để tự vệ – họ có thể lùng sục mặc ý, đổi ý thế này thế khác, và thậm chí khi họ nghĩ rằng họ đang cư xử đúng mực, hành vi của họ vẫn còn khác xa hành vi con người.

“Họ đã cứu con ra khỏi tù,” có lần Sethe bảo Baby Suggs.

“Cũng là họ đã bỏ con vào tù,” bà trả lời.

“Họ đã chở mẹ qua sông.”

“Trên lưng con trai mẹ.”

“Họ cho mẹ căn nhà này.”

“Không ai cho mẹ cái gì cả.”

“Họ cho con việc làm.”

“Họ cho hắn một người đầu bếp con ạ.”

“Ồ, một số người đối với mình đàng hoàng.”

“Và mỗi lần như thế mình lại ngạc nhiên, phải không?”

“Trước kia mẹ không nói chuyện như thế này.”

“Đừng lời qua tiếng lại với mẹ. Họ đã vùi dập nhiều người dân mình hơn số dân của họ từ thuở khai thiên lập địa đến giờ. Bỏ gươm của con xuống. Đây không phải là trận chiến, mà là thảm bại.”

Nhớ lại những cuộc trò chuyện ấy và những lời cuối cùng và tối hậu của bà nó, Denver đứng trên hàng hiên, trong ánh nắng, và không thể đi được. Cổ nó ngứa, tim đập mạnh – và rồi Baby Suggs cười, trong trẻo hết mực. “Cháu muốn nói là bà chưa bao giờ kể cho cháu nghe về bang Carolina? Về ba cháu? Cháu không nhớ tại sao dáng đi của bà như vậy và đôi chân của mẹ cháu, đừng nói chi đến lưng mẹ cháu? Bà chưa hề kể cháu nghe những chuyện ấy sao? Vì thế mà cháu không bước xuống mấy bậc thềm được? Jesus Chúa tôi.”

Nhưng bà nói rằng không có cách nào để tự vệ.

“Không có.”

Vậy thì cháu phải làm sao?

“Cháu biết như vậy, và đi ra khỏi sân. Đi đi.”

Nó nhớ được. Hơn mười năm đã qua và nó nhớ lại lối đi. Bên tay phải là bốn căn nhà nằm cạnh nhau thành một hàng như những con chim hồng tước. Nhà đầu tiên có hai bậc thềm và một cái ghế đu trên hàng hiên. Nhà thứ hai có ba bậc thềm, một cây chổi dựng cạnh cột hàng hiên, hai cái ghế gãy và một cụm hoa đầu xuân bên hiên nhà. Mặt tiền nhà không có cửa sổ. Một thằng bé ngồi trên mặt đất gặm một cành cây. Nhà thứ ba có hai cửa sổ đằng trước với cửa chớp màu vàng, và hết chậu này đến chậu khác trồng cây lá xanh với những trái tim trắng hoặc đỏ. Denver có thể nghe thấy tiếng mấy con gà và tiếng đập của cánh cổng gài bản lề trẹo trọ. Ở nhà thứ tư, nụ của cây sung dâu đã rụng đầy trên mái nhà và làm sân nhà trông như có cỏ mọc. Một người đàn bà, đứng trong cánh cửa mở, giơ tay vẫy chào, rồi giữ nguyên bàn tay lại ở gần vai khi chị nghiêng người đến trước mặt nó để nhìn xem chị đang vẫy ai. Denver cúi đầu. Kế đến là mảnh đất nhỏ xíu được rào lại, bên trong có một con bò. Nó nhớ được mảnh đất nhưng không nhớ con bò. Dưới tấm khăn quàng đầu, da đầu nó ướt vì căng thẳng. Phía xa, tiếng nói, tiếng đàn ông vẳng đến, gần hơn theo mỗi bước đi của nó. Denver dán mắt xuống đường, nếu lỡ họ là dân da trắng, nếu lỡ nó đi nơi họ muốn đi, nếu lỡ họ nói một điều gì và nó phải trả lời. Giả thử họ nhảy chồm đến, chụp lấy nó, trói nó lại. Họ đang đến gần hơn. Có lẽ nó nên băng qua đường – ngay bây giờ. Người đàn bà vẫy tay nửa chừng với nó còn đứng trong cánh cửa mở không? Chị có sẽ đến cứu nó không, hay chị giận vì Denver không vẫy tay lại, nên chị sẽ không giúp chăng? Có thể nó nên quay lại, đến gần nhà của người đàn bà vẫy tay. Nó chưa kịp quyết định, họ đã ở ngay trước mặt nó. Hai người đàn ông da đen. Denver thở ra. Cả hai người chạm vào mũ và lẩm bẩm, “Chào. Chào.” Denver tin rằng mắt nó nói cám ơn nhưng nó không mở miệng kịp lúc để đáp lời. Họ đi sang bên trái nó và đi luôn.

Được an ủi và khích lệ trước lần gặp gỡ dễ dàng đó, nó đi nhanh hơn và bắt đầu chú ý nhìn ngắm khu xóm xung quanh. Nó kinh ngạc thấy những thứ trước kia to lớn bây giờ nhỏ làm sao: tảng đá bên đường ngày xưa chắn ngang tầm mắt nó, bây giờ là một hòn đá để ngồi. Những lối mòn dẫn đến những căn nhà không phải dài hàng bao nhiêu dặm. Thậm chí mấy con chó không cao đến gối nó. Những chữ mà những người khổng lồ khắc vào cây sồi bây giờ ngang tầm mắt nó.

Nó có thể nhận ra căn nhà ở bất cứ đâu. Hàng rào dựng cột nối bằng gỗ vụn bây giờ màu xám chứ không phải màu trắng, nhưng nó có thể nhận ra hàng rào ấy ở bất cứ đâu. Hàng hiên bằng đá có dây thường xuân bao quanh, cửa sổ che màn màu vàng nhạt, lối đi trải gạch dẫn đến cửa chính và lối đi lót ván dẫn ra phía sau, đi ngang qua cánh cửa sổ nơi nó đã nhón chân đứng nhìn qua bệ cửa. Denver sắp làm như vậy một lần nữa, khi nó nhận ra rằng lại bị bắt gặp nhìn chằm chằm vào phòng khách của Lady Jones thì sẽ ngớ ngẩn quá. Sự thích thú vì đã tìm ra căn nhà chợt tan biến trong nghi ngờ. Nhỡ bà không còn sống ở đây nữa? Hay không còn nhớ học trò cũ của bà sau từng đó năm? Nó biết nói gì đây? Denver run lên trong lòng, chùi mồ hôi trên trán và gõ cửa.

Lady Jones đến cửa, đinh ninh rằng nho khô đã đến. Căn cứ vào tiếng gõ nhẹ, đây chắc là một đứa bé bị mẹ sai mang nho khô đến, nho khô Lady sẽ cần nếu đóng góp của bà cho bữa ăn tối là đáng công. Sẽ có nhiều loại bánh đơn giản, bánh khoai tây. Bà đã miễn cưỡng tặng kỳ công của riêng bà, nhưng nói bà không có nho khô, vì thế hội trưởng nói nho khô sẽ được mang đến cho bà – sẽ kịp để bà không có cớ thoái thác. Bà Jones, ngại việc quấy bột mệt mỏi, đã hy vọng bà hội trưởng quên mất rồi. Lò nướng của bà đã lạnh lẽo cả tuần – đốt nó nóng đến đúng nhiệt độ sẽ là khủng khiếp. Từ khi chồng bà mất và mắt bà mờ đi, bà không còn thu vén nhà cửa đúng mực. Bà phân vân về chuyện nướng bánh cho nhà thờ. Một mặt, bà muốn nhắc mọi người nhớ khả năng nấu nướng của bà; mặt khác, bà không muốn phải nhắc nhở họ. Khi bà nghe tiếng gõ cửa, bà thở dài và đi ra cửa, hy vọng rằng ít nhất nho khô đã được rửa rồi.

Nó lớn hơn, dĩ nhiên, và ăn mặc như một cô gái làng chơi, nhưng Lady Jones nhận ra cô gái ngay. Khuôn mặt của bất cứ con nhà ai: đôi mắt tròn như đồng năm xu, bạo dạn nhưng nghi ngờ, hàm răng lớn và mạnh giữa đôi môi màu sậm rõ nét mở hé. Một vẻ dễ tổn thương nằm ngang sống mũi, phía trên má. Và làn da. Không tì vết, khít khao – chỉ đủ để bao bọc xương và không hơn chút nào. Bây giờ nó phải mười tám hay mười chín, Lady Jones nghĩ, nhìn khuôn mặt trẻ con như mới mười hai. Lông mày đậm, hàng lông mi dày trẻ thơ và tiếng gọi yêu thương rành rành sáng lung linh xung quanh những đứa bé cho đến khi chúng hiểu biết nhiều hơn.

“Denver,” bà nói. “Nhìn con kìa.”

Lady Jones phải nắm tay nó và kéo nó vào, vì cô gái chỉ có thể mỉm cười. Những người khác nói đứa trẻ này khờ, nhưng Lady Jones không bao giờ tin. Đã dạy nó, nhìn nó ngấu nghiến một trang sách, một quy tắc, một con số, bà biết hơn thế. Khi nó đột nhiên không đến nữa, Lady Jones nghĩ là tại đồng năm xu. Một ngày kia bà gặp bà nội ngu dốt của nó

trên đường, một mục sư giảng đạo trong rừng và vá giày, để bảo rằng năm xu ấy bà có thể cho nợ lại. Bà nội của nó nói không phải thế, con bé bị điếc, và Lady Jones nghĩ nó vẫn điếc cho đến khi bà mời nó ngồi và Denver nghe thấy.

"Cám ơn con đến thăm ta. Con đến có việc gì không?"

Denver không trả lời.

"Ôi, đâu ai cần lý do để thăm viếng. Để ta đi pha trà uống."

Lady Jones lai da trắng. Mắt bà màu xám và tóc vàng xoăn, mái tóc bà ghét từng sợi một – mặc dù ghét màu tóc hay ghét sợi tóc, chính bà cũng không rõ. Bà lấy người đàn ông có làn da đen nhất bà có thể tìm được, có năm đứa con đủ màu và gửi tất cả đến Wilberforce[1] sau khi dạy chúng cùng với những đứa trẻ khác trong phòng khách nhà bà tất cả mọi thứ bà biết. Làn da màu nhạt đã giúp bà được chọn vào trường dành cho trẻ em nữ da đen ở Pennsylvania và bà trả ơn lại bằng cách dạy những đứa trẻ không được chọn. Những đứa trẻ bà dạy là những đứa trẻ chơi đùa trong đất cát cho đến khi đủ lớn để làm những việc vặt. Người da đen ở Cincinnati có hai nghĩa trang và sáu nhà thờ, nhưng vì không có nhà thương hoặc trường học nào bị bắt buộc phải phục vụ họ, họ học và chết ở nhà. Trong thâm tâm, bà tin rằng, ngoại trừ chồng bà, cả thiên hạ (kể cả con bà) ghê tởm bà và mái tóc của bà. Bà vẫn thường nghe thấy những câu như "thật phí cả từng ấy màu vàng" và "đồ mọi đen trắng" từ khi bà là một cô bé trong một căn nhà toàn trẻ con với làn da như phù sa, nên bà hơi ghét mọi người vì bà tin rằng họ cũng ghét tóc bà y như bà ghét nó vậy. Được giáo dục cẩn thận và chặt chẽ, bà bỏ hiềm thù, lễ độ với tất cả, dành tình thương thật sự cho những đứa trẻ không được chọn của Cincinnati, một trong số ấy đang ngồi trước mặt bà trong một chiếc áo sặc sỡ đến mức nó làm tấm nệm thêu trên ghế xấu hổ.

"Con dùng đường nhé?"

"Vâng, cám ơn bà." Denver uống hết.

"Con uống nữa nhé?"

"Dạ thôi ạ."

"Đây. Con uống đi."

"Dạ."

"Gia đình con thế nào?"

Đang nuốt nửa chừng, Denver ngừng lại. Nó không biết làm sao để nói cho bà biết về gia đình nó, vì thế nó nói điều nó nghĩ đến nhiều nhất.

"Con muốn tìm việc làm, bà Lady ạ."

“Việc làm?”

“Vâng. Việc gì cũng được.”

Lady Jones mỉm cười. “Con làm được việc gì?”

“Con không biết làm gì hết, nhưng con sẽ học nếu bà có dư chút ít.”

“Dư chút ít?”

“Thức ăn ạ. Mẹ của con không được khỏe.”

“Ồ, con gái,” bà Jones thốt lên. “Ôi, con gái ơi.”

Denver ngẩng nhìn bà. Lúc ấy nó không biết, nhưng chữ “con” dịu dàng và nhân hậu ấy đã khai mở cuộc sống đàn bà của nó trong cõi đời này. Lối mòn nó lần theo để đến nơi chốn dễ thương và gai góc ấy được tạo thành bằng những mảnh giấy vụn có tên viết tay của những người khác. Lady Jones cho nó một ít gạo, bốn quả trứng và một ít trà. Denver nói nó không thể xa nhà quá lâu vì bệnh tình của mẹ nó. Liệu nó có thể làm việc vào buổi sáng không? Lady Jones bảo nó rằng không một ai, cả bà và những người bà biết, có thứ gì để trả công cho người khác làm việc họ có thể tự làm. “Nhưng nếu con chỉ cần thức ăn cho đến khi mẹ con khỏe lại, con chỉ cần nói ra như thế.” Bà nhắc đến việc hội đồng trong nhà thờ của bà được sáng lập ra để không ai phải đói. Điều ấy làm khách của bà xao động và nói, “Không, không,” như thể xin người lạ giúp đỡ còn tệ hơn là bị đói. Lady Jones từ giã nó và bảo nó trở lại bất cứ lúc nào. “Khi nào cũng được.”

Hai ngày sau Denver đứng trên hàng hiên và để ý thấy có cái gì nằm trên khúc cây đốn ở rìa sân. Nó đến xem và tìm thấy một bao đậu trắng. Lần khác là một đĩa thịt thỏ lạnh. Một buổi sáng một túi trứng nằm đấy. Khi nó nhấc túi lên, một mảnh giấy phất phơ rơi xuống. Nó nhặt lên và nhìn. “M. Lucille Williams” được viết bằng nét chữ to ngoằn ngoèo. Phía sau mảnh giấy là một cục hồ bột. Vì thế Denver đi ra thế giới bên ngoài hàng hiên lần thứ nhì, mặc dù khi trả chiếc giỏ nó chỉ nói “Cám ơn.”

“Không có gì,” ông Lucille Williams nói.

Suốt mùa xuân, thỉnh thoảng những cái tên xuất hiện gần bên hoặc ở trong những món quà thức ăn. Rõ ràng là để chảo hoặc đĩa được trả lại, nhưng cũng để cho cô gái biết, nếu cô muốn biết, ai là người tặng, vì một vài món được gói trong giấy, và mặc dù không có gì để trả lại nhưng tên người tặng vẫn có ở đấy. Nhiều tên có chữ X với hình vẽ xung quanh, và Lady Jones cố gắng chỉ ra cái đĩa hay chảo hay khăn bọc là của ai. Khi bà chỉ có thể đoán, Denver theo chỉ dẫn của bà và cũng cứ đi cám ơn – dù người ấy có đúng là người tặng hay không. Khi nó sai, khi người ấy nói, “Không phải. Đấy không phải là tô của dì. Tô của dì có vành màu xanh,” họ chuyện trò một chút. Tất cả mọi người đều biết bà của nó và thậm chí vài người đã nhảy múa với bà ở Chỗ Quang. Những người khác nhớ lại những ngày I24 còn là trạm dọc đường, chỗ họ tụ họp để lấy tin tức, nếm xúp đuôi bò, gửi con, cắt váy. Một người nhớ thuốc pha ở đấy đã chữa lành một người thân. Một người cho nó xem đường

viền của một chiếc áo gối, nhụy của những đóa hoa màu xanh nhạt quấn kiểu Pháp đã được thêu trong bếp của Baby Suggs dưới ánh đèn dầu trong khi mọi người bàn cãi về Lệ phí Bồi thường. Họ nhớ đến bữa tiệc có mười hai con gà tây và những bình đầy dâu dầm. Một người nói chị đã bọc ấm Denver khi nó mới một ngày tuổi và cắt giày cho vừa hai chân gớm ghiếc của mẹ nó. Có thể họ thương hại nó. Hoặc thương hại Sethe. Có thể họ ân hận vì những năm họ khinh khỉnh. Có thể họ chỉ là những người tốt bụng, chỉ có thể nhỏ nhặt lâu đến thế, và khi tai ương đến với một người trong bọn, họ dễ dàng làm ngay những gì có thể để ngăn nó lại. Dù sao đi nữa, họ thấy dường như lòng tự ái cá nhân và yêu sách cao ngạo trụ ở I24 đã không còn. Lẽ tự nhiên là họ thì thào, thắc mắc, lắc đầu. Vài người thẳng thừng cười nhạo những chiếc áo gái làng chơi của Denver, nhưng điều ấy không làm họ thôi quan tâm xem nó có thức ăn không và không làm họ thôi thích thú khi nghe tiếng "Cám ơn" nhỏ nhẹ của nó.

Ít nhất mỗi tuần một lần, nó đến thăm Lady Jones, bà vui lên đủ để nướng một ổ bánh nho khô đặc biệt cho nó, vì Denver thích ngọt. Bà cho nó một cuốn sách in những đoạn Kinh Thánh và lắng nghe trong khi nó đọc lẩm nhẩm hay gần như hét lên. Đến tháng Sáu Denver đã đọc và nhớ thuộc lòng tất cả năm mươi hai trang – mỗi trang cho một tuần trong năm.

Trong lúc cuộc sống bên ngoài của Denver khá hơn, đời sống gia đình của nó xấu đi. Nếu người da trắng ở Cincinnati cho phép người da đen vào nhà thương điên, họ có thể tìm thấy mấy người thích hợp ở I24. Khỏe hơn nhờ những món quà thức ăn, cả Sethe lẫn Thương đều không hỏi nguồn gốc, hai người đã đến một giai đoạn ngưng chiến của ngày tận thế do quỷ sứ hoạch định. Thương ngồi lê la, ăn, đi từ giường này đến giường khác. Đôi khi cô hét lên, "Mưa! Mưa!" và cào cổ mình cho đến khi những hạt máu đỏ như hồng ngọc tươm ra, màu máu càng đỏ hơn trên làn da đen tuyền của cô. Lúc đó Sethe thét lên "Đừng!" và đá đổ mấy cái ghế để nhào đến bên cô mà lau sạch những hạt châu trên cổ cô đi. Những lần khác Thương cuộn người trên sàn nhà, kẹp cổ tay giữa hai đầu gối, và nằm như vậy hàng giờ. Hay cô đến dòng suối, thò bàn chân vào nước và hắt nước lên cẳng chân. Sau đó cô sẽ đi tìm Sethe, di ngón tay trên răng chị trong lúc đôi mắt đen mở lớn của cô rơi lệ. Lúc ấy, Denver thấy hình như chuyện đã ngã ngũ: Thương trông như một bà mẹ đang nghiêng người về phía Sethe, Sethe là đứa trẻ đang mọc răng, vì ngoài những lúc Thương cần đến chị, Sethe thu mình trong chiếc ghế nơi góc nhà. Thương càng mập ra bao nhiêu, Sethe càng nhỏ lại bấy nhiêu; mắt Thương sáng lên bao nhiêu, thì đôi mắt không bao giờ nhìn lảng đi trước kia càng híp lại vì mất ngủ. Sethe không còn chải đầu hay vả nước lên mặt. Chị ngồi trong ghế, liếm môi như một đứa trẻ bị mắng trong khi Thương ngốn dần cuộc sống của chị, chiếm lấy nó, phình ra vì nó, cao lên vì nó. Và người đàn bà lớn tuổi hơn nhường hết mà không nói một lời.

Denver hầu hạ cả hai. Giặt giũ, nấu nướng, bắt buộc và dỗ dành mẹ nó thỉnh thoảng ăn một chút, gắng hết sức cung cấp thức ngọt cho Thương để cô dịu xuống. Khó biết được cô sẽ làm gì vào lúc nào. Khi trời nóng nực, cô có thể trần truồng bước quanh nhà hay quấn một tấm vải, bụng cô phưỡn ra như một quả dưa đoạt giải.

Denver nghĩ nó hiểu được mối quan hệ giữa mẹ nó và Thương: Sethe đang cố gắng đền bù cho lưỡi cưa tay và Thương đang bắt chị trả giá vì nó. Nhưng chuyện ấy sẽ không chấm dứt, và nhìn thấy mẹ nó giảm sút dần, nó xấu hổ và tức giận. Tuy thế, nó biết nỗi lo sợ lớn nhất của Sethe chính là nỗi lo sợ lúc ban đầu của nó – rằng Thương có thể bỏ đi. Rằng trước khi Sethe có thể làm cô hiểu được ý nghĩa của mọi chuyện – làm sao chị có thể kéo răng lưỡi cưa qua dưới cái cằm nhỏ, cảm thấy dòng máu trẻ thơ phọt ra như dầu trên hai bàn tay, giữ lấy mặt đứa bé để đầu nó còn dính lại, siết chặt nó để thu nhận được những cơn co giật của cái chết vẫn còn truyền qua cơ thể yêu mến ấy, cơ thể mụ mẫm và ngọt ngào cuộc sống – Thương có thể bỏ đi. Đi trước khi Sethe có thể làm cô nhận ra rằng còn có điều tệ hơn chuyện ấy – tệ hơn nhiều – điều đã khiến Baby Suggs chết, điều Ella biết, điều Stamp nhìn thấy và điều làm Paul D run rẩy. Rằng bất cứ người da trắng nào cũng có thể làm tình làm tội người da đen. Không chỉ bắt họ làm việc, giết họ, hay làm cho họ tàn tật, mà còn làm họ nhơ bẩn. Nhơ bẩn đến nỗi họ không thể yêu chính mình nữa. Nhơ bẩn đến nỗi họ quên mất họ là ai và không thể nghĩ ra. Và dù chị và những người khác đã trải qua và vượt qua chuyện ấy, chị không bao giờ có thể để cho nó xảy ra với con mình. Con chị là điều tốt đẹp nhất của chị. Người da trắng có thể làm nhơ bẩn chị thật, nhưng bọn chúng không thể làm nhơ bẩn điều tốt đẹp nhất của chị, điều kỳ diệu, đẹp đẽ nhất của chị – phần trong sạch của con người chị. Không có những giấc mơ không chịu nổi: không biết một thân mình không đầu không chân, treo trên cây với một tấm bảng, có phải là chồng chị hoặc Paul A không, con gái chị có trong số những bé gái bỏng sôi trong trận hỏa hoạn ở trường da đen không, chỗ kín của con gái chị có bị bọn du côn da trắng xâm phạm không, chúng có làm bẩn đùi con gái chị và quăng con gái chị ra ngoài xe bò không. *Chị* có thể phải hành nghề ở sân lò mổ, nhưng con gái chị thì không.

Và không ai, không ai trên trái đất này, sẽ liệt kê những tính chất của con gái chị bên phần dành cho thú vật trên trang giấy. Không, ồ không. Có lẽ Baby Suggs sẽ lo lắng đến chuyện ấy, và sống với khả năng chuyện ấy có thể xảy ra. Sethe không chịu như thế – và vẫn không chịu.

Denver nghe chị nói từ chiếc ghế nơi góc phòng của chị về chuyện này và nhiều chuyện khác nữa khi chị cố gắng thuyết phục Thương, người duy nhất chị cảm thấy cần phải thuyết phục, rằng điều chị đã làm là đúng đắn bởi chị đã làm điều ấy vì tình yêu chân thành.

Thương nhìn chị, hai bàn chân mập mạp trơn mịn của cô gác lên nệm của cái ghế đặt trước ghế cô đang ngồi, hai bàn tay mượt mà đặt trên bụng. Cô không hiểu bất cứ điều gì ngoài chuyện Sethe là người đã lấy khuôn mặt của cô đi, để cô co ro trong một chỗ rất tối, và quên mỉm cười với cô.

Denver, thật xứng là con gái của ba nó, quyết định làm chuyện cần làm. Quyết định thôi nương nhờ vào lòng nhân ái tặng cho một thức gì đấy trên gốc cây đốn. Nó sẽ làm mướn ở đâu đó, và mặc dù nó sợ bỏ Sethe và Thương một mình cả ngày, không biết một trong hai người có thể gây tai họa gì, nó nhận ra sự hiện diện của nó trong căn nhà ấy không ảnh hưởng đến những điều hai người kia làm. Nó nuôi họ sống và họ không buồn chú ý đến nó. Họ gầm gừ khi họ muốn, xụ mặt, đòi hỏi, khệnh khạng, co ro, khóc và khiêu khích nhau

suốt ngày đến mức gần như quá khích, rồi quá khích thật. Nó bắt đầu để ý rằng ngay cả khi Thương yên lặng, mơ mộng, lo chuyện riêng của mình, Sethe chọc cô nổi cơn lên. Thầm thì, lẩm bẩm biện hộ, cho Thương thêm chút tin tức để giải thích mọi chuyện đã như thế nào, và tại sao, và vì sao. Như thể Sethe không thật sự muốn được tha thứ; chị muốn bị trách móc. Và Thương giúp chị.

Ai đó phải được cứu, nhưng trừ khi Denver có việc làm, sẽ không còn ai để cứu, không còn ai để về gặp ở nhà, và cũng không còn Denver. Đấy là một ý nghĩ mới, có chính mình để bảo vệ và gìn giữ. Có thể nó đã không nghĩ đến điều ấy, nếu nó không gặp Nelson Lord đang rời khỏi nhà bà cậu đúng lúc Denver đi vào để cám ơn về món quà là nửa cái bánh nướng. Cậu chỉ cười và nói, "Hãy giữ gìn sức khỏe nhé, Denver," nhưng nó nghe câu nói ấy như thể đấy là những lời nhiều ý nghĩa. Lần cuối cùng cậu nói với nó lời nói của cậu đã bịt tai nó lại. Bây giờ chúng mở mang trí óc nó. Nhổ cỏ dại trong vườn, hái rau, nấu nướng, giặt giũ, nó suy tính những việc sẽ làm và làm cách nào. Nhà Bodwin chắc sẽ giúp vì họ đã giúp hai lần. Một lần giúp Baby Suggs và một lần giúp mẹ nó. Chẳng lẽ họ lại không giúp thế hệ thứ ba?

Nó đi lạc nhiều lần trên đường phố Cincinnati đến nỗi buổi trưa nó mới tới nơi, dù nó khởi hành từ lúc mặt trời mọc. Căn nhà nằm xa vệ đường với những cửa sổ rộng nhìn ra con đường ồn ào nhộn nhịp. Người đàn bà da đen ra mở cửa trước nói, "Có việc gì vậy?"

"Cháu vào được không ạ?"

"Cô muốn gì?"

"Cháu muốn gặp ông bà Bodwin."

"Cô Bodwin. Họ là anh em."

"Ồ."

"Cô muốn gặp họ làm gì?"

"Cháu đang tìm việc. Cháu nghĩ họ có thể biết vài nơi."

"Cô là người nhà của Baby Suggs, phải không?"

"Vâng."

"Vào đi. Cô để ruồi lọt vào." Chị dẫn Denver đến nhà bếp, nói, "Chuyện đầu tiên cô phải biết là gõ cửa nào." Nhưng Denver chỉ nghe thoáng qua vì nó đang bước lên một cái gì đó mềm màu xanh dương. Xung quanh nó là một thứ dày, mềm và màu xanh. Những tủ kính đầy những thứ lấp lánh. Sách trên bàn và kệ. Đèn màu ngọc trai trắng có đế kim loại bóng loáng. Và mùi hương như mùi nước hoa nó đổ ra trong căn nhà lục ngọc, chỉ có điều thơm hơn.

“Ngồi xuống,” người đàn bà nói. “Cô có biết tên tôi không?”

“Dạ không.”

“Janey. Janey Wagon.”

“Dì khỏe chứ ạ?”

“Cũng tàm tạm. Tôi nghe nói mẹ cô ốm, phải không?”

“Vâng.”

“Ai chăm sóc chị ấy?”

“Dạ cháu. Nhưng cháu phải tìm việc.”

Janey cười. “Cô biết không? Tôi ở đây từ lúc tôi mười bốn tuổi, và tôi nhớ như chuyện mới xảy ra ngày hôm qua, khi Baby Suggs thánh thiện đến đây và ngồi ngay chỗ cô đang ngồi. Ông da trắng mang bà ấy đến. Đấy là tại sao bà có cái nhà gia đình cô đang ở. Những thứ khác nữa.”

“Dạ.”

“Sethe bị bệnh gì?” Janey dựa vào bồn rửa và khoanh tay.

Đấy là một điều nhỏ nhặt để trả giá, nhưng với Denver chuyện ấy dường như to lớn. Sẽ không ai giúp nó trừ phi nó kể ra – kể tất cả. Nếu không, rõ ràng Janey sẽ không giúp và sẽ không để nó gặp anh em nhà Bodwin. Vì thế Denver kể cho người lạ này nghe điều nó chưa kể với Lady Jones, và đáp lại Janey nhận rằng anh em nhà Bodwin cần thêm người làm, dù họ không biết thế. Ở đấy chỉ có mình chị, và vì bây giờ chủ của chị già hơn, chị không thể chăm sóc họ được như trước kia. Chị phải ngủ lại đêm càng lúc càng nhiều hơn. Có lẽ chị có thể nói họ cho Denver làm buổi tối, đến ngay sau bữa tối chẳng hạn, có lẽ làm điểm tâm. Như thế Denver có thể lo cho Sethe ban ngày và kiếm chút đỉnh ban tối, như thế được không?

Denver đã giải thích rằng cô gái ở trong nhà nó, người gây bệnh cho mẹ nó là một người chị em họ đến thăm viếng, cũng bị ốm và làm phiền cả hai mẹ con. Janey có vẻ quan tâm đến tình trạng của Sethe hơn, và theo những gì Denver kể cho chị nghe thì người đàn bà đó dường như đã phát khùng. Đấy không phải là Sethe chị nhớ. Sethe này rốt cuộc đã mất trí, như Janey biết chị sẽ mất trí khi chị cố gắng làm tất cả một mình với vẻ cao kỳ. Denver ngồi không yên vì mẹ nó bị chê trách, nhấp nhổm trên ghế và dán mắt vào bồn rửa. Janey nói dông dài về lòng tự ái cho đến khi chị nhắc đến Baby Suggs, và chị nhắc đến bà với toàn lời lẽ ngọt ngào. “Tôi chưa bao giờ đi đến những buổi giảng trong rừng của bà, nhưng bà lúc nào cũng tử tế với tôi. Luôn luôn. Không ai được như bà.”

“Cháu cũng nhớ bà,” Denver nói.

“Đương nhiên là cô nhớ. Ai cũng nhớ bà. Đấy là một người đàn bà tốt.”

Denver không nói gì nữa và Janey nhìn khuôn mặt nó một lúc. “Không cậu anh trai nào của cô trở về xem mọi người ra sao phải không?”

“Dạ không.”

“Có tin gì của tụi nó không?”

“Dạ không. Không có tin gì.”

“Chắc tụi nó không ở nổi trong căn nhà đó. Nói cho tôi nghe, con nhỏ trong nhà cô. Người chị em họ. Cô ta có nếp nhăn nào trên bàn tay không?”

“Không,” Denver nói.

Janey nói, “Tôi đoán cuối cùng quả thật có Chúa trời.”

Cuộc phỏng vấn chấm dứt khi Janey bảo nó trở lại vài ngày sau. Chị cần thời gian để thuyết phục chủ của chị điều họ cần: người giúp việc ban đêm vì gia đình riêng của Janey cần chị. “Tôi không muốn bỏ mấy người này, nhưng họ không thể chiếm cả ngày lẫn đêm của tôi.”

Denver phải làm gì ban tối?

“Ở đây. Nếu lỡ ra.”

Lỡ ra cái gì?

Janey nhún vai. “Lỡ ra nhà cháy.” Rồi chị mỉm cười. “Hay thời tiết xấu làm đường lầy lội quá tôi không đến kịp để lo việc cho họ. Lỡ khách đến muộn cần phục vụ hay dọn dẹp. Bất cứ cái gì. Đừng hỏi tôi người da trắng cần cái gì vào ban đêm.”

“Trước kia họ đã là người da trắng tốt.”

“Ồ, phải. Họ tốt. Không thể nói họ không tốt. Tôi nói cho cô nghe, tôi không muốn đổi họ lấy hai người khác đâu.”

Với những đảm bảo đó, Denver ra về, nhưng là sau khi nó đã nhìn thấy một cậu trai da đen miệng đầy tiền ngồi trên một ngăn kệ bên cạnh cửa sau. Đầu cậu ngả về phía sau quá mức bình thường, tay đút vào túi. Phía trên cái miệng đỏ há to, khuôn mặt cậu chỉ có đôi mắt lồi như hai mặt trăng. Tóc cậu là một chùm đinh tròn thưa thớt. Và cậu đang quỳ. Miệng cậu, rộng như cái chén, giữ mấy đồng cắc dùng để trả cho người giao hàng hay một công việc nhỏ nhặt khác, nhưng cũng có thể đựng nút áo, kim cài hay mứt táo dại. Hàng chữ sơn ngang chiếc bệ cậu đang quỳ viết “sẵn sàng phục vụ.”

Janey lan truyền tin tức chị có được giữa những phụ nữ da đen khác. Con gái đã chết của

Sethe, con bé bị Sethe cắt cổ, đã trở về báo thù. Sethe mệt nhoài, vấy bẩn, đang chết, xoay vòng vòng, đổi hình dạng và nói chung là bị hành hạ. Rằng cô con gái này đánh đập chị, trói chị vào giường và rứt hết tóc chị. Phải mất nhiều ngày họ mới thổi phồng đúng mức câu chuyện và khiến chính họ lo lắng, và rồi bình tĩnh lại và lượng định tình thế. Họ chia thành ba nhóm: những người tin vào khả năng xấu nhất, những người không tin chút nào, và những người, như Ella, nghĩ thông suốt.

"Ella. Tôi nghe cái gì về Sethe vậy?"

"Tôi nghe nó ở trong nhà đó với Sethe. Tôi chỉ biết vậy thôi."

"Đứa con gái? Đứa bị giết?"

"Họ nói như vậy đó."

"Làm sao họ biết là nó?"

"Nó ngồi đó. Ngủ, ăn và làm giặc. Quất Sethe mỗi ngày."

"Thật vậy sao. Đứa bé?"

"Không. Lớn rồi. Như nó chưa hề chết."

"Chị nói là bằng da bằng thịt?"

"Tôi nói bằng da bằng thịt."

"Quất Sethe?"

"Như thể Sethe là bột làm bánh."

"Tôi đoán là Sethe cũng đáng đời."

"Không ai đáng bị như vậy."

"Nhưng, Ella..."

"Không có 'nhưng' gì hết. Điều công bằng không nhất thiết phải là đúng."

"Người ta không thể khơi khơi giết con mình."

"Không, và mấy đứa con không thể khơi khơi giết mẹ."

Hơn ai khác, Ella là người thuyết phục những người khác rằng Sethe cần được giải cứu. Chị là một người phụ nữ thực tế, tin rằng với mỗi thứ bệnh có một loại rễ người ta có thể nhai để chữa hoặc người ta phải kiêng dùng. Suy ngẫm, như chị gọi, khiến mọi thứ rắc rối và ngăn cản hành động. Không ai thương chị và chị sẽ không thích nếu họ thương chị, vì chị xem tình yêu là một căn bệnh trầm kha. Tuổi mới lớn của chị trôi qua trong căn nhà

nơi chị bị hai cha con chơi chung, những người chị gọi là "thấp hèn nhất." Chính bọn "thấp hèn nhất" đã làm chị ghê tởm tình dục và bọn chúng là mẫu mực chị dùng để đo lường mọi chuyện tàn bạo. Giết người, bắt cóc, hiếp dâm – bất kể là chuyện gì, chị lắng nghe và gật đầu. Không có gì so sánh được với bọn "thấp hèn nhất." Chị hiểu cơn thịnh nộ của Sethe trong kho củi hai mươi năm trước, nhưng không hiểu phản ứng của Sethe trong cơn thịnh nộ ấy, và nghĩ phản ứng ấy là tự ái, lầm lạc, và chính Sethe quá phức tạp. Khi Sethe ra khỏi tù và không có vẻ thân thiện với bất cứ ai, và sống như thể chị chỉ có một mình, Ella xem chị là thứ bỏ đi và không thèm màng đến chị.

Cô con gái, dù vậy, rốt cuộc hình như có chút hiểu biết. Ít nhất nó đã bước ra khỏi cửa, xin giúp đỡ khi nó cần và muốn làm việc. Khi Ella nghe rằng thứ này hay thứ kia đã trụ ở I24 và đang hành hạ Sethe, chuyện ấy làm chị nổi cáu và cho chị một cơ hội nữa để so sánh hiện thân của chính quỷ sứ với bọn "thấp hèn nhất." Cơn cáu giận của chị cũng có một điều rất riêng tư. Dù Sethe đã làm bất cứ chuyện gì, Ella không thích ý kiến cho rằng những lỗi lầm quá khứ sẽ ám ảnh hiện tại. Tội ác của Sethe khiến người ta choáng váng mặt mày và tự ái của chị thậm chí còn tệ hơn thế nữa, nhưng Ella không thể chấp nhận khả năng rằng tội lỗi đang tiến vào căn nhà, không bị kìm chế và xấc xược. Cuộc sống thường ngày đã lấy hết mọi thứ của chị. Tương lai là hoàng hôn, quá khứ là điều để bỏ lại sau lưng. Và nếu quá khứ không ở lại phía sau – người ta có thể phải đạp nó ra. Đời nô lệ, đời giải phóng – mỗi ngày là một thử thách và gian khổ. Không thể trông cậy vào cái gì trong thế giới nơi ngay cả khi người ta là lời giải đáp thì người ta cũng chính là vấn đề. "Cái ác đã đủ cho mỗi ngày," và không ai cần hơn nữa. Không ai cần con quỷ đã lớn khôn mang hiềm thù ngồi ở bàn. Khi nào hồn ma còn hiện hình từ chỗ ma quỷ – lắc đồ đạc, khóc lóc, đập phá và đại loại như thế – thì Ella còn tôn trọng nó. Nhưng nếu nó mang da thịt và vào dương gian của chị, thì chuyện lại khác. Chị không ngại nếu giữa hai cõi âm dương có chút liên lạc, nhưng đây là một cuộc xâm chiếm.

"Chúng ta sẽ cầu nguyện chứ?" Bọn đàn bà hỏi.

"Ừ," Ella nói. "Lúc đầu. Rồi mình phải làm đàng hoàng."

Ngày Denver đã định sẽ ở đêm đầu tiên ở nhà anh em Bodwin, ông Bodwin có chút việc ở rìa thành phố và bảo Janey ông sẽ đi đón cô gái mới trước bữa tối. Denver ngồi trên bậc thềm hàng hiên với một gói đồ trên gối, chiếc áo hội chợ đã bạc nắng thành màu cầu vồng dịu hơn. Nó đang nhìn về phía bên phải, về hướng ông Bodwin sẽ đến. Nó không thấy những người đàn bà đang tiến đến, từ từ tụ lại trong những nhóm hai hoặc ba người bên tay trái. Denver đang nhìn về phía tay phải. Nó hơi lo lắng, không biết nó có làm anh em Bodwins hài lòng hay không, và cũng băn khoăn vì khi ngủ dậy nó đang khóc vì giấc mơ về một đôi giày đang chạy. Nó chưa rũ bỏ được nỗi buồn của giấc mơ, và sức nóng của thời tiết đè nặng lên nó trong khi nó làm việc nhà. Nó đã gói một chiếc áo ngủ và một cái lược vào trong bọc từ rất sớm. Bồn chồn, nó mân mê nút buộc cái bọc và nhìn về phía tay phải.

Vài người mang thứ họ có thể mang và thứ họ tin sẽ công hiệu. Họ nhét chúng trong túi tạp dề, đeo chúng quanh cổ, để chúng nằm giữa ngực. Những người khác mang niềm tin Cơ

đốc – như khiên và gươm. Đa số mang mỗi thứ một chút. Họ không biết sẽ làm gì khi đến đấy. Họ chỉ khởi hành, đi xuống đường Bluestone và tụ họp lại vào giờ hẹn. Cái nóng làm vài người đàn bà đã hứa sẽ đi ở lại nhà. Những người khác tin vào câu chuyện và không muốn tham dự vào cuộc đối đầu và sẽ không đi cho dù thời tiết như thế nào. Và có những người như Lady Jones không tin câu chuyện và ghét sự ngu dốt của những người tin. Vì thế có ba mươi người đàn bà họp lại và bước chầm chậm, chầm chậm về phía I24.

Lúc ấy là ba giờ chiều một ngày thứ Sáu ẩm ướt và nóng đến nỗi mùi hôi thối của Cincinnati đã lan đến vùng quê: từ kênh đào, từ thịt treo và những thứ thối rữa trong hũ, từ những con thú nhỏ chết ngoài đồng, ống cống thành phố và các nhà máy. Mùi hôi, cái nóng, hơi ẩm – quỷ sứ chắc chắn sẽ lộ mặt. Nếu không thì ngày hôm ấy gần như là một ngày làm việc bình thường. Họ có thể đi giặt ở viện mồ côi hoặc nhà thương điên, gỡ hạt ngô trong lò xay hoặc đi làm sạch cá, rửa lòng lợn, ẵm trẻ con da trắng, quét dọn quán, cạo da lợn, ép mỡ, nhồi xúc xích hay trốn trong bếp quán rượu để cho dân da trắng không phải nhìn thấy họ đụng vào thức ăn của người da trắng.

Nhưng hôm nay thì không phải thế.

Khi họ họp lại, tất cả ba mươi người, và đến I24, điều đầu tiên họ thấy không phải là Denver ngồi trên bậc thềm, mà là chính họ. Trẻ hơn, mạnh hơn, thậm chí như những cô bé nằm ngủ trên cỏ. Cá bắn mỡ trong chảo và họ thấy mình múc khoai tây trộn kiểu Đức vào đĩa. Bánh trái cây ứa mật nhuộm tím răng họ. Họ ngồi trên hàng hiên, chạy xuống dòng suối, trêu chọc bọn đàn ông, bế trẻ em ngang hông hay, nếu họ là trẻ con, ngồi ôm cổ chân mấy ông già đang giữ tay họ và đu đưa người họ. Baby Suggs cười và khập khiễng đi giữa họ, giục họ vui thêm nữa. Những bà mẹ, bây giờ đã chết, nhún đôi vai theo tiếng kèn harmonica. Hàng rào họ đã tựa vào và leo qua không còn nữa. Gốc cây đốn đã chẻ toác ra như cái quạt. Nhưng họ đã từng ở đấy, vui vẻ và trẻ trung, chơi đùa trong sân của Baby Suggs, không cảm thấy sự ghen tị sẽ nổi lên ngày hôm sau.

Denver nghe tiếng rì rầm và nhìn sang bên trái. Nó đứng lên khi nó thấy họ. Họ tụm lại, rì rầm và thì thào, nhưng không bước vào sân. Denver vẫy tay. Vài người vẫy lại nhưng không đến gần hơn. Denver ngồi xuống trở lại, tự hỏi chuyện gì đang xảy ra. Một người đàn bà quỳ xuống. Nửa số còn lại cũng làm thế. Denver thấy những cái đầu cúi xuống, nhưng không nghe được tiếng người cầu nguyện chính – chỉ những âm tiết tán đồng nghiêm trang hòa theo: Vâng, vâng, vâng ồ vâng. Hãy nghe con. Hãy nghe con. Xin hãy làm, Chúa Trời, xin hãy làm. Vâng. Trong số những người không quỳ, một người đứng nhìn I24 chằm chằm, là Ella, gắng nhìn xuyên qua những bức tường, phía sau cửa, đến cái thứ thật sự ở bên trong. Có thật là cô con gái đã chết trở về không? Hay một đứa giả vờ? Nó có đang đánh Sethe không? Ella đã bị đánh mọi kiểu nhưng chưa từng bị đánh bại. Chị nhớ những chiếc răng hàm dưới chị đã mất vì một cái bừa và những vết sẹo dày như dây thừng quanh eo chị vì một cái chuông. Chị đã sinh ra một thứ lông lá màu trắng, con của bọn "thấp hèn nhất," nhưng không chịu cho nó bú. Nó sống năm ngày mà không kêu tiếng nào. Ý nghĩ rằng đứa nhỏ ấy cũng sẽ trở lại đánh chị khiến hàm chị nghiến lại, và rồi Ella hét lên.

Ngay lập tức những người đang quỳ và đứng làm theo chị. Họ ngừng cầu nguyện và lùi lại về điểm khởi đầu. Không có lời nói lúc khởi đầu. Chỉ có âm thanh lúc khởi đầu, và họ đều biết âm thanh ấy như thế nào.

Edward Bodwin đánh xe ngựa xuống đường Bluestone. Ông không hài lòng lắm vì ông thích cưỡi con Princess hơn. Người khom xuống, tay giữ dây cương, ông trông già đúng tuổi. Nhưng ông đã hứa với em gái rằng ông sẽ vòng lại đón cô gái mới. Ông không phải nghĩ đến lối đi – ông đi về hướng căn nhà nơi ông đã sinh ra. Có lẽ nơi ông đang đến khiến ông nghĩ đến thời gian – cách thời gian trôi rỉ rả hoặc nhanh chóng. Ông không nhìn thấy căn nhà đã ba chục năm. Không thấy cây óc chó đằng trước nhà, dòng suối phía sau nhà hoặc căn nhà hình hộp ở giữa. Không thấy cả cánh đồng cỏ bên kia con đường. Ông nhớ rất ít những chi tiết trong nhà vì gia đình ông rời vào thị trấn lúc ông ba tuổi. Nhưng ông nhớ rằng chuyện nấu nướng là ở phía sau nhà, ông không được chơi gần giếng, và những phụ nữ đã chết ở đấy: mẹ ông, bà ông, một người dì và một người chị trước khi ông sinh ra. Những người đàn ông (cha và ông của ông) dọn đi với ông và em gái ông đến đường Court sáu mươi bảy năm về trước. Dĩ nhiên là miếng đất rộng tám mươi mẫu hai bên đường Bluestone là điều chính yếu, nhưng ông có một cảm giác dịu dàng và sâu sắc hơn về căn nhà và đấy là lý do ông cho thuê căn nhà với giá rẻ nếu ông có thể, nhưng nếu không có tiền thuê ông cũng không phiền lòng vì người thuê ít nhất sẽ giữ căn nhà không bị suy sụp như trong trường hợp căn nhà bị bỏ không hoàn toàn.

Đã có lúc ông chôn một số thứ ở đây. Những thứ quý giá ông muốn bảo vệ. Lúc còn bé mỗi thứ ông sở hữu là của cải chung của gia đình. Sự riêng tư là cái thú của tuổi trưởng thành, nhưng khi ông đã trưởng thành, dường như ông không còn cần đến nó nữa.

Con ngựa phi nước kiệu và Edward Bodwin thổi mát hàng ria mép xinh xẻo của mình. Những người phụ nữ trong Hội đồng ý rằng, ngoài hai bàn tay ông, hàng ria mép là nét quyến rũ nhất của ông. Mượt và đen, nó đẹp hơn nhờ chiếc cằm cứng cỏi cạo nhẵn nhụi. Nhưng tóc ông bạc trắng, như tóc em ông – và đã bạc từ lúc ông còn trai tráng. Nó khiến ông trở thành người đáng nhớ và nổi bật nhất ở tất cả những buổi họp mặt, và những tay vẽ biếm họa đã sử dụng sự tương phản đầy kịch tích giữa mái tóc bạc và hàng ria mép rậm đen của ông bất cứ lúc nào họ diễn tả sự đối lập trong chính trị địa phương. Hai mươi năm trước, khi Hội ở đỉnh cao của phong trào chống nô lệ, màu râu tóc của ông dường như là trung tâm vấn đề. Đối thủ của ông gọi ông là "tên da đen tẩy da," và trong một chuyến đi đến Arkansas, vài người lái tàu trên sông Mississippi, bực bội vì những lái đò da đen cạnh tranh, đã bắt ông và bôi thuốc đánh giày đen lên mặt và tóc ông. Những ngày nồng nhiệt ấy đã qua rồi, còn lại chỉ là lớp bùn cặn của thù địch, những hy vọng không thành và những khó khăn không sửa chữa được. Nước Cộng hòa yên bình? Sẽ không có chuyện ấy trong suốt cuộc đời ông.

Với ông, ngay cả thời tiết cũng đã trở nên quá đáng. Hoặc là ông nóng quá, hoặc là ông lạnh cứng người, và ngày hôm nay thì nóng kinh khủng. Ông ấn mũ xuống để tránh nắng chiếu vào cổ và gây say nắng. Những ý nghĩ về cái chết không phải là mới mẻ đối với ông (ông giờ đây đã hơn bảy mươi tuổi), nhưng chúng vẫn khiến ông khó chịu. Trong khi ông

đến gần căn nhà cũ, căn nhà vẫn hiện ra trong giấc mộng của ông, ông càng cảm nhận rõ hơn thời gian trôi qua như thế nào. Đo lường bằng những cuộc chiến ông trải qua nhưng không tham gia (với người Miami, Tây Ban Nha, bọn ly khai), thời gian đi chậm chạp. Nhưng đo lường bằng sự chôn giấu những thứ riêng tư của ông, nó chỉ là cái chớp mắt. Hộp lính chì thật ra ở đâu? Và sợi dây treo đồng hồ không có đồng hồ? Và ông giấu chúng đi vì ai? Có lẽ là cha ông, một người rất mộ đạo, người biết điều Chúa biết và bảo cho mọi người biết điều ấy là gì. Edward Bodwin nghĩ cha ông là một người lạ lùng về rất nhiều phương diện, nhưng cha ông có một chỉ dẫn rõ ràng: cuộc sống con người là cao cả, tất cả cuộc sống con người. Và người con trai của cha ông vẫn còn tin điều ấy, mặc dù người con trai ấy ngày càng có ít lý do để tin. Không còn điều gì kích động như những ngày cũ khi họ viết thư, kiến nghị, họp hành, thảo luận, trưng tuyển, cãi vã, cứu vớt và xúi giục dấy loạn thẳng thừng. Tuy vậy những chuyện ấy có hiệu quả không nhiều thì ít, và khi chuyện ấy không có hiệu quả, ông và cô em gái đứng ra phá vỡ trở ngại. Như lúc người phụ nữ nô lệ chạy trốn về ở với mẹ chồng trong ấp của ông và lâm vào rắc rối do chính chị gây ra. Hội tìm cách dùng hành động giết con nít và tiếng kêu man dại để xây dựng một lập luận vững chãi hơn cho việc bãi bỏ nô lệ. Đấy là những năm tốt đẹp, đầy nước miếng vung vãi và lòng tin. Bây giờ ông chỉ muốn biết lính chì và dây đồng hồ của ông ở đâu. Như thế là đủ cho một ngày nóng chịu không nổi này: đón cô gái mới về và nhớ lại chính xác báu vật của ông nằm ở đâu. Rồi về nhà, ăn tối, và thể theo ý Chúa, mặt trời sẽ lặn một lần nữa để cho ông ơn phước của một đêm ngủ ngon.

Con đường gấp khúc như cái khuỷu tay, và khi ông lại gần căn nhà ông nghe tiếng của những người hát trước khi ông nhìn thấy họ.

Khi những người phụ nữ họp lại trước I24, Sethe đang đập vỡ tảng nước đá thành từng mảnh. Chị bỏ cái dùi nước đá vào túi tạp dề để múc nước đá vào bồn nước. Khi tiếng nhạc vẳng qua cửa sổ chị đang vắt tấm vải mát để đặt lên trán Thương. Thương đang nằm ườn trên giường trong phòng khách, mồ hôi dầm dề, cầm một viên đá muối trong tay. Cả hai người đàn bà nghe thấy tiếng nhạc cùng một lúc và cả hai ngẩng đầu lên. Khi tiếng hát to hơn, Thương ngồi dậy, liếm muối và đi vào căn phòng lớn hơn. Sethe và cô nhìn nhau và đi về phía cửa sổ. Họ thấy Denver ngồi trên bậc thềm và phía xa hơn, nơi bìa sân cạnh con đường, họ thấy những khuôn mặt chăm chú của ba mươi người phụ nữ hàng xóm. Vài người nhắm mắt, những người khác nhìn bầu trời nóng không mây. Sethe mở cửa và nắm lấy tay Thương. Họ đứng bên nhau trong khung cửa. Với Sethe, dường như Chỗ Quang đã đến với chị cùng với sức nóng và lá cây sôi âm ỉ, nơi tiếng hát của những người phụ nữ tìm kiếm sự kết hợp đúng mức, chìa khóa, mật mã, âm thanh mạnh mẽ hơn ngôn ngữ. Đem giọng này chất lên giọng khác cho đến khi họ tìm ra âm thanh ấy, và khi họ tìm ra, đấy là làn sóng âm thanh đủ rộng để vang sâu xuống dưới đáy nước và làm rụng những hạt dẻ. Làn sóng cuốn qua Sethe và chị run lên như một người vừa được rửa tội.

Những người đàn bà đang hát nhận ra Sethe ngay và ngạc nhiên vì họ không cảm thấy sợ khi nhìn thấy kẻ đang đứng bên cạnh chị. Đứa bé quỷ sứ khôn lanh, họ nghĩ. Và xinh đẹp. Nó mang hình dạng người phụ nữ mang thai, trần truồng và mỉm cười trong sức nóng của mặt trời buổi chiều. Đen như sấm chớp và bóng nhẫy, cô đứng trên đôi chân dài và

thẳng, bụng lớn và căng. Tóc cô xoắn quanh đầu như dây leo. Chúa ơi. Nụ cười của cô chói rạng.

Sethe cảm thấy mắt chị nóng bỏng và chị nhìn lên, có thể để nhìn cho rõ hơn. Bầu trời trong xanh. Không có dấu vết nào của cái chết trong màu lá xanh vô tận. Khi chị đưa mắt nhìn xuống những khuôn mặt âu yếm trước mặt chị, chị nhìn thấy ông. Ông đang điều khiển con ngựa đi chậm lại, đội mũ đen rộng vành, chiếc mũ che đi mặt ông nhưng không che được ý định của ông. Ông đang vào sân nhà của chị và ông đến để lấy điều tốt đẹp nhất của chị. Chị nghe tiếng những đôi cánh. Những con chim ruồi đâm chiếc mỏ nhọn như kim qua khăn quàng đầu vào tóc chị và vỗ cánh. Nếu chị có nghĩ đến một điều gì, đấy là không. Không không. Khôngkhôngkhông. Chị lao đi. Cái dùi nước đá không nằm trong bàn tay của chị, nó là bàn tay của chị.

Đứng một mình trên hàng hiên, Thương đang mỉm cười. Nhưng bây giờ bàn tay cô trống rỗng. Sethe đang chạy xa khỏi cô, chạy xa, và cô cảm thấy nỗi trống vắng trong bàn tay Sethe đã nắm. Bây giờ chị đang chạy vào giữa những khuôn mặt ngoài kia, nhập chung với họ và bỏ Thương lại. Một mình. Một lần nữa. Rồi Denver cũng chạy. Xa rời cô vào đám người ngoài kia. Họ làm thành một ngọn đồi. Ngọn đồi những người da đen đang rơi xuống. Và ở trên tất cả những người ấy, ngoi lên từ chỗ của hắn, một ngọn roi trong tay, người đàn ông không có da đang nhìn. Ông ta đang nhìn cô.

27

Chân trần và sáp hoa cúc
Cởi giày tôi, cởi mũ tôi
Chân trần và sáp hoa cúc
Trả giày tôi, trả mũ tôi

Tựa đầu tôi lên bao khoai tây
Sau lưng tôi quỷ len lén đến
Máy hơi nước rền rỉ cô đơn
Yêu nàng cho đến mù câm

Mù câm, mù câm
Mất trí vì cô nàng Tổ Ấm

Anh đến ngược lại lối anh đã đến. Đầu tiên là nhà lạnh, kho chứa, rồi nhà bếp trước khi anh đến mấy cái giường. Con Here Boy, yếu ớt và rụng lông từng mảng, ngủ bên ống bơm nước, vì thế Paul D biết Thương đã đi thật rồi. Biến mất, như vài người nói, nổ tung ngay trước mắt họ. Ella không chắc lắm. "Có thể như thế," chị nói, "có thể không. Có thể đang trốn trong rừng đợi một cơ hội khác." Nhưng khi Paul D nhìn thấy con chó già, chắc đã phải đến mười tám tuổi, anh biết chắc Thương không còn ở I24 nữa. Tuy vậy, khi anh mở cửa phòng lạnh, anh gần như chờ đợi nghe thấy tiếng cô nói. "Chạm vào tôi. Chạm vào tôi. Chạm vào bên trong tôi và gọi tên tôi."

Đây là tấm nệm rơm, phía trên có trải mấy tờ báo cũ bị chuột gặm bên lề. Lon mỡ. Mấy bao khoai tây nữa, nhưng bây giờ trống không, nằm chất đống trên sàn. Trong ánh sáng ban ngày anh không thể tưởng tượng được căn phòng như thế nào trong bóng tối với ánh trăng lọt qua những kẽ nứt. Và cả nỗi ham muốn đã nhận chìm anh ở đấy và bắt anh phải vật vã ngoi lên, ngoi lên và vào trong cô ta như thể cô ta là không khí trong lành trên mặt biển. Thậm chí chuyện làm tình với cô ta không có gì thích thú. Một thúc đẩy tồn tại ngu độn thì đúng hơn. Mỗi lần cô đến, kéo váy lên, cơn đói cuộc sống khiến anh choáng ngợp và anh không kìm chế nó được cũng như anh không kìm chế được hô hấp của mình. Và sau đó, vào bờ và thở dốc, giữa nỗi ghê tởm và xấu hổ của riêng mình, anh cũng biết ơn vì đã được đưa đến một chốn biển sâu nào đấy có lần từng là nơi chốn của anh.

Ánh sáng ban ngày lọt vào phòng làm ký ức tan đi, biến nó thành những hạt bụi lơ lửng trong ánh sáng. Paul D đóng cửa lại. Anh nhìn về phía căn nhà và, ngạc nhiên thay, nó không nhìn lại anh. Trút được gánh nặng rồi, I24 chỉ là một căn nhà dãi dầu mưa nắng cần được sửa chữa. Yên lặng, như Stamp Paid nói.

"Trước kia, xung quanh đấy có tiếng nói. Bây giờ nó yên lặng," Stamp nói. "Tôi đi qua vài lần và tôi không nghe thấy gì. Tôi đoán nó bị trị rồi, vì ông Bodwin nói ông sẽ bán nó càng sớm càng tốt."

“Đấy là tên của người cô ấy đã cố đâm? Người ấy phải không?”

“Ờ. Em ông nói nó toàn gây chuyện rắc rối. Bảo Janey là bà sẽ tống nó đi.”

“Còn ông ta?” Paul D hỏi.

“Janey nói ông không muốn bán nhưng sẽ không cản.”

“Họ nghĩ ai sẽ muốn căn nhà ngoài này? Người có tiền đâu muốn ở ngoài này.”

“Tôi chịu thua,” Stamp trả lời. “Chắc cũng lâu lắm ông mới bán được.”

“Ông ta không định báo cô ấy với cảnh sát?”

“Hình như là không. Janey nói ông chỉ muốn biết ai là người phụ nữ da đen trần truồng đứng trên hàng hiên. Ông nhìn cô ta kỹ quá nên ông không để ý Sethe đang định làm gì. Ông chỉ thấy vài người phụ nữ da đen đánh nhau. Janey nói ông nghĩ Sethe nhắm vào một trong mấy người đó.”

“Janey có nói gì khác với ông ta không?”

“Không. Cô ấy nói cô mừng là ông chủ cô không chết. Nếu Ella không đấm Sethe, cô nói cô sẽ làm. Cô sợ gần chết, chỉ sợ Sethe sẽ giết ông chủ cô. Cô và Denver cả hai sẽ phải đi tìm việc.”

“Janey nói với ông ta người đàn bà trần truồng là ai?”

“Nói với ông cô không thấy người nào.”

“Ông tin là họ thấy?”

“Ôi, họ thấy cái gì đó. Dù sao thì tôi tin Ella, và cô ấy nói cô nhìn vào mắt nó. Nó đang đứng cạnh Sethe. Nhưng theo cách họ tả lại, dường như nó không phải con nhỏ tôi nhìn thấy trong nhà. Con nhỏ tôi nhìn thấy người gầy. Đứa này béo. Cô ấy nói họ đang nắm tay và Sethe trông như một cô bé bên cạnh nó.”

“Một cô bé với một cái dùi nước đá. Cô ấy có đến gần ông ta lắm không?”

“Họ nói là Sethe đến gần sát ông. Trước khi Denver và họ chụp lấy Sethe và Ella đấm vào hàm cô ấy.”

“Ông ta phải biết Sethe muốn hại ông ta. Ông ta phải biết.”

“Có thể. Tôi không biết. Nếu ông ấy có nghĩ như vậy, tôi đoán ông quyết định không tin. Ông ấy là như thế. Ông là người sẽ không bao giờ từ bỏ chúng ta. Vững như đá. Tôi nói anh nghe, nếu Sethe đâm được ông ấy, đó sẽ là chuyện xấu nhất trên đời đối với tụi mình. Anh biết ông là người chủ chốt đã giúp cho Sethe không bị treo cổ, phải không.”

“Ờ. Trời đánh. Cô nàng đó điên. Điên.”

“Ờ, mà ai chẳng điên chứ?”

Rồi họ cười. Thoạt tiên là tiếng cười khàn khe khẽ, rồi lớn hơn và lớn hơn nữa cho đến khi Stamp lấy khăn tay trong túi ra và lau mắt trong khi Paul D dụi cổ tay vào mắt mình. Cảnh tượng cả hai không mục kích diễn ra trước mắt họ, và sự nghiêm trọng cũng như hỗn loạn của cảnh tượng ấy khiến họ rung lên vì cười.

“Mỗi lần có người da trắng đến cửa thì cô ấy phải giết ai đó sao?”

“Làm sao cô ấy biết được là có thể ông ta chỉ đến lấy tiền thuê nhà.”

“Cũng may là họ không đưa thư ra ngoài đó.”

“Sẽ không ai nhận được thư.”

“Trừ người đưa thư.”

“Đấy sẽ là lần đưa tin cực kỳ rủi ro.”

“Và là cuối cùng của hắn.”

Khi họ cười thỏa thích, họ hít sâu vào và lắc đầu.

“Và ông ta vẫn để Denver qua đêm ở nhà ông ta hả? Ha!”

“Thôi đi. Ê. Để Denver yên, Paul D. Tôi thương nó lắm. Tôi hãnh diện vì con bé ấy. Nó là người đầu tiên vật mẹ nó xuống. Trước khi bất cứ ai biết chuyện quỷ quái gì đang xảy ra.”

“Có thể nói là nó đã cứu mạng ông ta.”

“Có thể. Có thể,” Stamp nói, chợt nghĩ đến cái nhảy, cánh tay ông vung lên và cái vồ chộp khi ông cứu đứa bé tóc quăn khỏi bị vỡ sọ trong gang tấc. “Tôi hãnh diện vì nó. Nó đã lớn lên thành người. Thành người.”

Đúng thế. Paul D gặp nó sáng hôm sau trên đường anh đi làm và nó đi về. Gầy hơn, đôi mắt điềm đạm, nó nhìn giống Halle hơn bao giờ hết.

Nó mỉm cười trước. “Chúc buổi sáng tốt lành, bác D.”

“Đến bây giờ buổi sáng mới tốt lành đây.” Nụ cười của nó, không còn là nụ cười nhạo báng anh nhớ, trông ân cần và nhiều nét giống miệng của Sethe. Paul D chạm tay vào mũ. “Cháu thế nào?”

“Cháu không muốn than phiền, chẳng ích lợi gì.”

“Cháu đang về nhà?’

Nó nói không. Nó nghe rằng có việc làm buổi chiều ở xưởng may áo sơ mi. Nó hy vọng là với việc làm ấy và việc làm ban đêm ở nhà Bodwin, nó có thể để dành và giúp mẹ nó nữa. Khi anh hỏi ở nhà Bodwin nó có được đối xử đàng hoàng không, nó nói còn tốt hơn đàng hoàng nữa. Cô Bodwin dạy nó thứ này thứ kia. Anh hỏi thứ gì và nó cười và nói chuyện sách vở. "Bà nói cháu có thể đến Oberlin[1] học. Bà đang dùng cháu làm thí nghiệm." Và anh không nói, "Coi chừng. Coi chừng. Trên thế gian không có gì nguy hiểm hơn thầy giáo da trắng." Thay vì thế anh gật đầu và hỏi câu anh muốn hỏi.

"Mẹ cháu khỏe không?"

"Không," Denver nói. "Không. Không, không khỏe chút nào."

"Cháu nghĩ xem bác có nên ghé thăm không? Bà có chịu tiếp bác không?"

"Cháu không biết," Denver nói. "Cháu nghĩ cháu đã mất mẹ rồi, bác Paul D ạ."

Họ cùng im lặng một lúc và rồi anh nói, "Ờ, con nhỏ đó. Cháu biết đấy. Thương?"

"Dạ?"

"Cháu nghĩ cô ta chắc chắn là chị cháu?"

Denver nhìn xuống đôi giày mình. "Có lúc cháu nghĩ thế. Có lúc cháu nghĩ chị ấy là chị – còn hơn cả chị nữa." Nó nghịch với chiếc áo đang mặc, chùi một vết gì đấy. Đột nhiên nó nhìn vào mắt anh. "Nhưng ai biết điều ấy hơn là bác, bác Paul D? Ý cháu là, chắc chắn bác đã biết chị ấy."

Anh liếm môi. "Nếu cháu muốn biết ý kiến của bác..."

"Cháu không muốn," nó nói. "Cháu có ý kiến của cháu."

"Cháu lớn rồi," anh nói.

"Dạ phải."

"Chúc cháu may mắn với việc làm."

"Cám ơn bác. Và bác à, bác không cần phải tránh không đến nhà cháu, nhưng hãy cẩn thận khi bác nói chuyện với mẹ cháu, nghe bác?"

"Đừng lo," anh nói và rời nó lúc ấy, hay đúng hơn nó rời anh vì một chàng trai đang chạy về hướng nó, nói, "Này, cô Denver. Đợi đã."

Nó quay về phía anh chàng, khuôn mặt nó bừng sáng như thể có ai vừa bật vòi ga lên.

Anh không muốn rời đi vì anh muốn nói chuyện nhiều hơn, để hiểu những câu chuyện anh đã nghe bấy lâu: ông da trắng đến đưa Denver đi làm và Sethe đâm ông ta. Hồn ma

đứa bé trở về thành quỷ và sai Sethe đi hại người đã giúp chị khỏi bị treo cổ. Mọi người đồng ý ở một điểm: đầu tiên họ thấy nó rồi họ không thấy nó. Khi họ đẩy được Sethe xuống đất và lấy được cái dùi nước đá ra khỏi tay chị, nó đã biến mất. Sau này, một thằng bé loan ra rằng, lúc nó đang tìm mồi câu phía sau I24, gần dòng nước, nó thấy một người đàn bà lõa lồ, tóc là những con cá, đang chạy băng qua rừng.

Thật ra, Paul D không cần biết Nó ra đi thế nào và thậm chí tại sao. Anh muốn biết anh ra đi thế nào và tại sao. Khi anh nhìn mình qua đôi mắt của Garner, anh thấy một điều. Qua mắt của Sixo, một điều khác. Một người làm anh thấy mình đúng. Người kia làm anh xấu hổ. Như lần anh làm việc cho cả hai phe của Cuộc Chiến. Chạy trốn khỏi ngân hàng Northpoint và Công ty Đường sắt để gia nhập Trung đoàn Da màu thứ 44 ở Tennessee, anh tưởng mình đã đến nơi, chỉ để khám phá ra rằng anh đã đến một trung đoàn da đen khác đang thành lập dưới tay một viên chỉ huy ở New Jersey. Anh ở lại bốn tuần. Trung đoàn rã đám trước khi nó bắt đầu vì câu hỏi có nên cho lính mang vũ khí hay không. Không, họ quyết định như thế, và viên chỉ huy da trắng phải nghĩ xem anh ta phải ra lệnh cho họ làm cái gì thay vì giết những người da trắng khác. Vài ngàn trong số mười ngàn ở lại để dọn dẹp, khuân vác và xây dựng các thứ; những người khác trôi dạt đến một trung đoàn khác; đa số bị bỏ rơi, để mặc họ xoay sở với tiền công là cay đắng. Khi anh đang cố quyết định xem phải làm gì, một nhân viên của ngân hàng Northpoint bắt kịp anh và dẫn anh về Delaware, nơi anh làm việc như nô lệ một năm. Rồi Northpoint lấy ba trăm đô la để đổi lấy công lao động của anh ở Alabama, anh làm việc cho quân Phiến loạn ở đấy, đầu tiên là phân loại người chết và rồi nấu chảy sắt. Khi anh và nhóm của anh lục lọi bãi chiến trường, việc của họ là kéo quân miền Nam bị thương ra khỏi quân miền Nam đã chết. Cẩn thận, họ bảo. Cẩn thận. Người da đen lẫn da trắng, bịt mặt lên đến mắt, dùng đèn lần lối qua đồng cỏ, lắng nghe trong bóng tối tiếng rên của sự sống giữa sự im lặng thờ ơ của người chết. Đa số là trai trẻ, một số là con nít, và anh xấu hổ vì cảm thấy thương hại cho những kẻ anh tưởng tượng có thể là con của bọn lính gác ở Alfred, Georgia.

Năm lần thử anh không có được một lần thành công thực sự. Mỗi lần anh trốn (từ Tổ Ấm, từ Brandywine, từ Alfred, Georgia, từ Wilmington, từ Northpoint) đều đã hỏng. Một mình, không cải trang, làn da lồ lộ, tóc dễ nhớ và không có người da trắng nào bảo vệ, anh không bao giờ tránh được không bị bắt. Lần lâu nhất là khi anh chạy với bọn tù, ở lại với người Cherokee, theo lời khuyên của họ và ẩn náu nơi nhà người thợ dệt ở Wilmington, Delaware: ba năm. Trong tất cả những lần chạy trốn ấy anh không thể không kinh ngạc vì vẻ đẹp của mảnh đất không thuộc về anh. Anh trốn trong lòng của nó, lần mò đất của nó tìm thức ăn, bám vào bờ của nó để liếm nước và cố không yêu nó. Trong những đêm khi bầu trời trong sáng, trĩu nặng những vì sao của mình, anh bắt mình không yêu nó. Những nghĩa trang và những con sông vùng thấp của nó. Hoặc chỉ một căn nhà – đơn độc dưới một cây dâu dại. Có thể một con la đang bị cột và ánh nắng chiếu rất đẹp trên da nó. Thứ gì cũng có thể làm cho anh xao xuyến và anh rất cố gắng không yêu nó.

Sau vài tháng trên bãi chiến trường của Alabama, anh bị cưỡng bức lao động trong một lò đúc ở Selma cùng ba trăm người da đen bị bắt, bị cho mượn, hay bị mang theo. Anh ở đấy lúc Cuộc Chiến kết thúc, và đáng lẽ anh đã có thể dễ dàng rời Alabama khi được tuyên

bố là người tự do. Đáng lẽ anh đã có thể đi bộ từ lò đúc ở Selma thẳng đến Philadelphia, theo đường chính, hoặc bằng xe lửa nếu anh muốn, hoặc bằng tàu thủy. Nhưng chuyện không như thế. Khi anh và hai người lính da đen (bị bắt từ trung đoàn thứ 44 anh đã tìm kiếm trước kia) đi bộ từ Selma đến Mobile, họ thấy mười hai xác chết da đen trong mười tám dặm đầu tiên. Hai là phụ nữ, bốn là trẻ con. Anh nghĩ chuyến đi này chắc chắn là chuyến đi bộ của đời anh. Bọn Yankee miền Bắc đang cầm quyền để mặc cho bọn Phiến loạn miền Nam lộng hành. Họ đến vòng ngoài Mobile, nơi những người da đen đang đặt đường ray cho Liên bang, đường ray trước đó họ đã phá hủy cho phe Phiến loạn. Một người trong bọn anh, một binh nhì tên Keane, đã từng ở trong Trung đoàn Massachusetts thứ 54. Anh ta bảo Paul D họ được trả lương thấp hơn lính da trắng. Anh ta bực mình vì chuyện ấy, và họ đã cùng nhau từ chối đề nghị đền bù lại số tiền lương chênh lệch của Massachusetts. Paul D thích ý tưởng được trả lương để đánh nhau đến nỗi anh nhìn chàng binh nhì với sự ngưỡng mộ và ghen tị.

Keane và bạn anh ta, trung sĩ Rossiter, trưng dụng một cái xuồng nhỏ, và cả ba người lênh đênh trên vịnh Mobile. Ở đó chàng binh nhì vẫy một chiếc tàu có súng của Liên bang, tàu này nhận cả ba người. Keane và Rossiter lên bờ ở Memphis để tìm ban chỉ huy của họ. Thuyền trưởng cho Paul D ở lại đến tận Wheeling, West Virginia. Anh tự tìm đường đến New Jersey.

Lúc anh đến Mobile, anh đã thấy nhiều người chết hơn sống, nhưng ở Trenton, những đám đông người còn sống, không săn đuổi hay bị săn đuổi, cho anh một chút hương vị của cuộc sống tự do, ngon lành đến nỗi anh không bao giờ quên. Trong lúc anh đi dọc theo một con đường đông đúc đầy những người da trắng, những người không cần biết tại sao anh có mặt ở đấy, họ liếc mắt nhìn anh chỉ vì mớ quần áo ghê tởm anh đang mặc và mái tóc không tha thứ nổi của anh. Dù thế, không ai la hoảng lên. Rồi phép lạ xảy đến. Đứng trên một con đường trước một dãy nhà gạch, anh nghe một người da trắng gọi anh ("Ê này!") để giúp mang hai rương hàng xuống khỏi xe ngựa. Sau đó người da trắng cho anh một đồng cắc. Paul D đi lòng vòng với nó hàng giờ – không chắc nó có thể mua được cái gì (một bộ quần áo? một bữa ăn? một cái nhà?) và liệu có ai chịu bán hàng cho anh không. Cuối cùng anh thấy một người bán rau trên xe bò. Paul D chỉ một bó củ cải. Người bán rau đưa bó củ cải cho anh, lấy đồng cắc của anh và đưa cho anh nhiều đồng cắc hơn. Kinh ngạc, anh lùi lại. Nhìn quanh, anh thấy không ai để ý đến "sự lầm lẫn" hay để ý đến anh, vì vậy anh bước đi, vui vẻ nhai củ cải. Chỉ vài người đàn bà có vẻ hơi khó chịu khi họ đi ngang qua. Cuộc mua bán đầu tiên bằng tiền anh kiếm được khiến anh rạng rỡ, mặc dù củ cải đã héo khô. Lúc ấy anh quyết định rằng cuộc sống được ăn, đi bộ và ngủ bất cứ đâu là sướng nhất rồi. Và anh đã sống như thế bảy năm cho đến khi anh đến miền nam Ohio, nơi một bà già và một cô gái anh biết ngày xưa đã đến.

Bây giờ anh đến ngược lại với lần anh đi. Đầu tiên anh đứng phía sau, gần nhà lạnh, kinh ngạc vì những đóa hoa cuối hè mọc loạn xạ ở chỗ đáng lẽ phải có rau mọc. Cẩm chướng, hoa bìm tía, hoa cúc. Những cái lon nằm bừa bãi, nhét đầy những cuống thối của vài loại cây, những đóa hoa héo đi như những vết lở loét. Dây thường xuân chết quấn quanh thân cây đậu và những nắm cửa. Những tấm hình in trong báo đã phai mờ được

đóng đinh vào nhà xí và trên cây. Một sợi thừng không đủ dài để dùng làm việc gì khác ngoài trò chơi nhảy dây bị quăng đến gần bồn tắm; và hết hũ này đến hũ khác đựng đom đóm chết. Như căn nhà của một đứa bé, căn nhà của một đứa bé rất cao.

Anh bước đến cửa chính và mở cửa. Im lặng như tờ. Không có gì ở chỗ trước kia đã có lần một luồng sáng màu đỏ buồn bã thấm đẫm người anh, khiến anh dừng sững lại. Một khoảng trống không ảm đạm và thiếu thốn. Đúng hơn là nỗi thiếu vắng, nhưng một nỗi thiếu vắng anh phải quyết tâm vượt qua, cũng như khi anh tin Sethe và bước qua làn ánh sáng phập phồng. Anh liếc nhanh về phía cầu thang trắng lóa. Tay vịn của nó quấn đầy dây lụa, nơ, hoa chùm. Paul D bước vào nhà. Cơn gió nhẹ ngoài trời theo anh vào, lay động những dải dây lụa. Cẩn thận, không hẳn vội vã nhưng không để mất thời gian, anh leo lên những bậc thang sáng rỡ. Anh vào phòng của Sethe. Chị không có ở đấy và cái giường trông nhỏ đến nỗi anh tự hỏi làm sao anh và chị có thể cùng nằm trong ấy. Cái giường không trải khăn, và căn phòng ngột ngạt vì cửa sổ trên mái không mở. Quần áo sặc sỡ nằm trên sàn. Chiếc áo Thương mặc khi anh gặp cô lần đầu treo ở một cái móc trên tường. Một đôi giày trượt băng nằm nép trong một cái giỏ trong góc. Anh quay mắt lại chiếc giường và nhìn nó mãi. Với anh, dường như đấy không phải là chỗ của anh. Với một nỗ lực làm anh toát mồ hôi, anh buộc mình hình dung ra chính mình đang nằm đấy, và khi anh thấy hình ảnh ấy, anh phấn chấn lên. Anh đi đến phòng ngủ kia. Phòng ngủ của Sethe bừa bãi bao nhiêu thì phòng của Denver gọn ghẽ bấy nhiêu. Nhưng vẫn không có Sethe. Có thể chị đã đi làm lại vì đã khá hơn từ ngày anh nói chuyện với Denver. Anh xuống thang, để hình ảnh của mình không di dịch trên chiếc giường hẹp. Anh ngồi xuống cạnh bàn bếp. I24 thiếu vắng một điều gì đấy. Điều gì đấy lớn lao hơn những người sống trong ấy. Điều gì đấy ngoài Thương hay làn ánh sáng đỏ. Anh không thể biết điều ấy là gì, nhưng trong thoáng chốc nó dường như là tia sáng lóe lên từ một thứ thuộc về cõi khác, vừa chào mừng vừa trách móc, ngoài tầm hiểu biết của anh.

Bên tay phải của anh, qua cánh cửa phòng khách mở hé, anh nghe tiếng hát âm ư. Người nào đấy đang âm ư một điệu hát. Điệu nhạc dịu dàng và ngọt ngào, như một bài hát ru. Rồi vài chữ. Nghe như "Johnny cao, Johnny lớn, William dịu dàng cúi đầu khuất phục." Dĩ nhiên rồi, anh nghĩ. Chị ở đấy – và chị ở đấy thật. Chị nằm dưới tấm chăn ghép màu tươi tắn. Tóc chị, như đám rễ mềm mại đậm màu của những loài cây tốt, trải lượn trên mặt gối. Mắt chị, nhìn chăm chú ra ngoài cửa sổ, vô hồn đến nỗi anh không chắc chị sẽ nhận ra anh là ai. Trong phòng sáng quá. Mọi thứ trông rẻ tiền.

"Cỏ Jack mọc cao," chị hát. "Len cừu trên vai tôi, hoa mao lương và cỏ ba lá bay." Chị mân mê một chùm tóc dài.

Paul D hắng giọng để ngắt lời chị. "Sethe?"

Chị quay đầu. "Paul D."

"Ừ, Sethe."

"Em làm mực viết, Paul D. Hắn không làm được chuyện ấy nếu em không làm mực

viết.”

“Mực viết nào? Ai?”

“Anh đã cạo râu.”

“Ừ. Xấu không?”

“Không. Anh trông khá đấy.”

“Lừa mị của quỷ đấy. Anh nghe nói em không chịu ra khỏi giường?”

Chị mỉm cười, để nụ cười tắt đi và quay mắt lại phía cửa sổ.

“Anh cần nói chuyện với em.”

Chị không trả lời.

“Anh gặp Denver. Nó có nói với em không?”

“Nó về lúc ban ngày. Denver. Nó vẫn còn bên em, Denver của em.”

“Em phải dậy đi.” Anh bồn chồn. Chuyện này nhắc anh nhớ đến một điều gì đấy.

“Em mệt, Paul D. Mệt quá. Em phải nghỉ một lúc.”

Bây giờ anh biết anh nhớ đến cái gì và anh hét với chị, “Em không được chết. Đây là giường của Baby Suggs! Em đang định làm như thế phải không?” Anh giận đến nỗi anh có thể giết chị được. Anh kìm mình, nhớ lại lời cảnh cáo của Denver, và thì thầm: “Em định làm gì, Sethe?”

“Ồ, em chẳng có dự định gì. Chẳng có dự định gì.”

“Xem này,” anh nói, “Denver ở đây ban ngày. Anh ở đây ban đêm. Anh sẽ chăm sóc em, em nghe không? Bắt đầu từ bây giờ. Đầu tiên là, em có mùi hôi. Em ở đây. Đừng cử động. Để anh đi đun nước.” Anh ngưng lại. “Anh đun nước có được không Sethe?”

“Và đếm chân em hả?” Chị hỏi anh.

Anh bước lại gần hơn. “Xoa chân em.”

Sethe nhắm mắt và mím môi lại. Chị đang nghĩ: Không. Chỗ nho nhỏ bên cạnh cửa sổ này là điều tôi muốn. Và được nghỉ ngơi. Bây giờ không còn gì để xoa và không còn lý do để làm như thế. Không còn gì để tắm, cho dù anh biết cách. Anh có sẽ tắm cho chị từng phần không? Đầu tiên là mặt chị, rồi hai bàn tay chị, đùi chị, chân chị, lưng chị? Cuối cùng là bộ ngực mệt nhoài của chị? Và nếu anh tắm chị từng phần, những phần của chị có còn liền lại với nhau không? Chị mở mắt, dù biết nhìn ngắm anh là nguy hiểm. Chị nhìn anh. Nhìn làn da hột đào, nếp nhăn giữa đôi mắt sẵn lòng chờ đợi và chị nhìn thấy điều ấy – điều

trong con người anh, nỗi ơn phước đã biến anh thành một người đàn ông có thể bước vào một căn nhà và làm cho những người đàn bà khóc. Vì với anh, khi anh có mặt, họ khóc được. Khóc và kể cho anh nghe những điều họ chỉ kể cho nhau nghe, rằng thời gian không đứng yên, rằng chị đã gọi, nhưng Howard và Buglar tiếp tục bước theo đường ray xe lửa và không nghe thấy chị gọi, rằng Amy sợ không dám ở lại với chị vì chân chị xấu xí và lưng chị trông ghê gớm, và mẹ chị khiến chị đau lòng và chị không tìm thấy chiếc mũ của bà ở đâu cả và "Paul D?"

"Gì thế em?"

"Nó bỏ em đi rồi."

"Ừ, đừng khóc em."

"Nó là điều tốt đẹp nhất của em."

Paul D ngồi xuống chiếc ghế đu và ngắm tấm chăn ghép sặc sỡ màu sắc hội chợ. Hai tay anh buông thõng giữa hai gối. Anh có biết bao nhiêu cảm nghĩ về người đàn bà này. Đầu anh nhức. Đột nhiên anh nhớ đến Sixo đang tìm cách diễn tả cảm nghĩ của nó về Người-Đàn-Bà-Ba-Mươi-Dặm. "Cô ấy là bạn của tâm hồn tao. Cô ấy gom tao lại. Những mảnh con người tao, cô ấy gom về và trả lại cho tao theo đúng thứ tự. Mày biết không, có một người đàn bà là bạn của tâm hồn mình thì tuyệt."

Anh nhìn chăm chăm vào tấm chăn ghép nhưng anh đang nghĩ về tấm lưng sắt uốn của chị, cái miệng ngọt ngào vẫn còn sưng ở khóe vì quả đấm của Ella. Đôi mắt đen cứng cỏi. Chiếc áo ướt bốc hơi trước ngọn lửa. Sự dịu dàng của chị về cái vòng cổ của anh – như một chiếc lục lạc gợi chú ý của trẻ con, có ba càng sáu mươi phân uốn cong lên. Cách chị không hề nhắc đến nó hay nhìn nó, để anh không phải cảm thấy nỗi nhục nhã bị còng cổ như một con vật. Chỉ có cô Sethe này mới có thể để lại cho anh đàn ông tính của anh như thế. Anh muốn đặt câu chuyện của anh bên cạnh câu chuyện của chị.

"Sethe," anh nói, "anh và em, mình có nhiều chuyện ngày qua hơn ai hết. Mình cần những chuyện của ngày mai."

Anh nghiêng người xuống và cầm lấy tay chị. Với tay kia anh vuốt mặt chị. "Em là điều tốt đẹp nhất của em, Sethe. Là em." Những ngón tay nắm lại của anh giữ lấy những ngón tay chị.

"Là em ư? Là em ư?"

28

Có nỗi cô đơn có thể đu đưa. Hai cánh tay bắt chéo, hai gối co lên: ôm lấy, ôm lấy, không như chuyển động của con tàu, chuyển động này xoa dịu và giữ lấy người đu đưa. Nỗi cô đơn ấy ở bên trong – được bọc chặt như làn da bao quanh. Rồi có nỗi cô đơn lang thang. Đu đưa không giữ được nó. Nó sống một mình. Một thứ cô đơn buồn tẻ và dàn trải khiến tiếng chân bước của chính mình dường như vọng đến từ rất xa.

Mọi người biết gọi cô, nhưng khắp nơi không ai biết tên cô. Không được nhớ đến và không biết ở đâu, cô không thể bị lạc vì không ai tìm kiếm cô, và cho dù họ tìm kiếm, làm sao họ gọi cô nếu họ không biết tên cô? Mặc dù cô có đòi hỏi, cô không được người ta yêu cầu. Ở nơi đám cỏ cao mở ra, cô gái chờ đợi để được yêu và để buộc tội nổ tung lên thành những mảnh rời, để tiếng cười nghiến nát kia dễ dàng nuốt hết người cô.

Đó không phải là một câu chuyện để truyền lại.

Họ quên cô đi như một cơn ác mộng. Sau khi họ bịa ra những câu chuyện của họ, nhào nặn và tô điểm chúng, những người đã nhìn thấy cô trên hàng hiên ngày hôm ấy cố ý quên cô đi thật nhanh. Những người đã nói chuyện với cô, sống với cô, yêu cô, nhớ đến cô lâu hơn, cho đến khi họ nhận ra rằng họ không thể nhớ hay lặp lại một lời nào cô đã nói, và bắt đầu tin rằng cô chưa từng nói một lời nào ngoài những điều họ tự nghĩ ra. Vì thế, cuối cùng, họ cũng quên cô đi. Nhớ đến cô dường như là không khôn ngoan. Họ không hề biết cô co ro ở đâu hoặc tại sao, hoặc cô đã cần khuôn mặt của ai dưới làn nước đến như thế. Ở nơi ký ức về nụ cười dưới cằm của cô có thể đã tồn tại nhưng không tồn tại, một cái chốt đã cài lại, và trên mặt kim loại của nó, rêu màu táo xanh đã bám vào. Cái gì khiến cô nghĩ móng tay cô có thể mở được những cái khóa đã ướt nước mưa?

Đó không phải là câu chuyện để truyền lại.

Vì thế họ quên cô đi. Như một giấc mộng không đẹp trong một giấc ngủ không ngon. Dù vậy, đôi khi, tiếng chiếc váy xào xạc ngưng lại khi họ thức giấc, và những khớp ngón tay lướt qua đôi má đang ngủ dường như là của người đang ngủ. Đôi khi tấm hình của một người bạn thân hay họ hàng – đã được nhìn ngắm quá lâu – thay đổi, và một điều gì đó, quen thuộc hơn chính khuôn mặt thân ái ấy, đến thay vào. Họ có thể chạm vào điều ấy nếu họ muốn, nhưng họ không làm, vì họ biết nếu họ làm thế mọi chuyện sẽ thay đổi.

Đó không phải là câu chuyện để truyền lại.

Bên dòng nước phía sau I24, dấu chân cô lúc có lúc không, lúc có lúc không. Chúng quá quen thuộc. Một đứa trẻ hay một người lớn đặt chân mình vào những vết chân ấy, chúng đều vừa khít. Rút chân ra và những dấu chân lại biến mất như thể chưa có ai đã từng bước đi ở đấy.

Dần dà tất cả các dấu vết biến mất, và không chỉ có những dấu chân bị quên lãng, mà cả dòng nước và những gì ở dưới dòng nước ấy nữa. Còn lại chỉ là thời tiết. Không phải là hơi thở của kẻ đã bị quên lãng và không biết ở đâu, mà là gió trong mái hiên, hay băng giá mùa xuân tan vội. Chỉ là thời tiết. Chắc chắn không phải tiếng kêu réo đòi một nụ hôn.

Thương.

"Tiếng Pháp, có nghĩa là: Không, không, thưa cô, nhưng liệu tôi có thể mời cô cùng uống một ly không? (ND)."
"Điều luật của Mỹ quy định các sỹ quan cảnh sát phải cho người tình nghi biết một số quyền lợi pháp lý của mình trước khi bắt giữ và thẩm vấn họ (ND)."
"Gaius Cassius Longinus, một vị tướng của La mã và là một trong những người chủ mưu ám sát Julius Caesar. Vào năm 49 trước công nguyên, ông ta đã chống lại Caesar trong một cuộc nội chiến dưới quyền chỉ huy của Pompey, một vị tướng và đồng thời là một chính khách quyền uy của La mã. Dù được Caesar ân xá, Cassius sau đó đã trở thành nhân vật chủ chốt trong một âm mưu ám sát nhằm vào Caesar. Sau khi Caesar bị giết chết, ông ta lại xây dựng một đội quân để chống lại Mark Antony, tổng tư lệnh quân đội của Caesar và Tam đầu chế, bộ tam cai quản Rome sau khi Caesar bị ám sát. Cùng với người đồng mưu là Marcus Junius Brutus, một chính khách của La mã, Cassius bao vây quân thù của ông ta tại Philippi ở Macedonia nhưng sau đó đã bị đánh bại. Cassius tự sát để tránh bị kẻ thù của mình bắt sống (ND)."
"1. Diệu Ngọc, Đại Ngọc và già Lưu: Ba nhân vật trong tiểu thuyết 'Hồng Lâu Mộng' của Tào Tuyết Cần, Tần Khanh ví mình quê mùa như già Lưu (BTV)."
"2. Dương xuân Bạch tuyết: Tên một khúc cổ cầm, nghĩa bóng chỉ những người có trình độ thưởng thức nghệ thuật hết sức uyên thâm (BTV)."
"3. Ở Trung Quốc, cách gọi lấy tên thường chỉ dùng trong trường hợp thân mật, phần nhiều dùng để gọi trẻ em (BTV)."
"1. Trung Quốc có câu 'lên xe mới mua vé', nghĩa là 'ăn cơm trước kẻng' (BTV)."
"2. Tống Tử Quan Âm (Quan Âm cho con): Ở Trung Quốc, phụ nữ vô cùng sùng bái Quan Âm Bồ Tát. Trong Phật giáo, Quan Âm có một khả năng vô cùng đặc biệt so với các vị Phật, Bồ Tát... khác, đó là cho con. Phụ nữ Trung Quốc thường đến chùa để xin Quan Âm Bồ Tát cho con (cầu tự). Vì tên Tống Tử Ngôn và 'Tống Tử Quan Âm' có hai âm đầu đều phát ngôn là 'song zi', nên khi Tần Khanh không dám nói tiếp từ 'Ngôn', liền đổi sang 'Quan Âm'"
"3. Lương Chúc: Bản nhạc nổi tiếng của Trung Quốc, viết về câu chuyện tình yêu của Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài (BTV)."
"4. Hủ nữ thường được chỉ các cô gái thích Boy Love, truyện tình nam nam (BTV)."
"5. Tây Thi đậu phụ: Một nhân vật trong truyện của Lỗ Tấn (BTV)."
"6. Trong truyền thuyết nàng Mạnh Khương đi tìm chồng bị đi xay Vạn Lý Trường Thành. Cuối cùng biết tin chồng bị chết vùi trong Trường Thành, nàng Mạnh Khương đã khóc đổ cả Trường Thành. Tác giả ví bà mẹ của Tần Khanh chỉ có thể vì thua mạt chược mới có thể khóc lóc thảm thiết như nàng Mạnh Khương."
"7. Shota: Các bé trai (BTV)."
"1. Đạo Minh: Nam diễn viên nổi tiếng Trung Quốc (BTV)."
"2. Nguyên văn là 皮毛, vừa có nghĩa là hiểu sơ sơ, bề nổi, vừa có nghĩa là da lông (BTV)."
"3. Ở đây chỉ giấy đăng ký hết hôn (BTV)."
"4. 'Đoạn chương thủ nghĩa': Ban đàu để chỉ lối cắt những câu thơ trong 'Thi Kinh' để bày tỏ ý kiến của mình mà không cần xem xét đến văn cảnh. Sau được chỉ cách lấy thơ, văn hoặc lời nói của người khác ra làm dẫn chứng mà chỉ cần lấy bộ phận ngữ nghĩa phù hợp với ý kiến của mình."
"1. Cùng Dao: Ngôn ngữ mạng chỉ Quỳnh Dao vì phát âm hai từ Cùng Dao và Quỳnh Dao giống nhau, đều đọc là 'qiong yao'. Từ 'Dao' cũng có một từ nghĩa là 'lay, lắc', ý nói Tần Khanh lắc người Tiêu Tuyết nhiều quá (BTV)."
"2. Câu này nhắc đến tích Bá Nha Tử Kỳ tri âm tri kỷ. Sau khi Tử Kỳ mất đi, Bá Nha cắt đứt dây đàn vì không còn ai hiểu mình. ở đây Tần Khanh than thở nói chuyện với Tống Tử Ngôn không sao hiểu

được nhau (BTV)."
"3. Những đoạn trong ngoặc đơn chính là lời cảm thán của tác giả King Kong Barbie (BTV)."
"4. Trung Quốc chủ trương xây dựng 'xã hội hài hòa'. Xã hội hài hòa được định nghĩa là một xã hội dân chủ dưới chế độ pháp trị, dựa trên công bằng và pháp lý. Nhưng có rất nhiều người cho rằng chính sách này thủ tiêu tin tức về một số mặt trái của xã hội, không đảm bảo tự do ngôn luận nên châm biếm nó bằng một từ đồng âm là 'cua đồng'. Từ này xuất hiện chủ yếu ở Trung Hoa đại lục (BTV)."
"5. Trung Quốc chủ trương xây dựng 'xã hội hài hòa'. Xã hội hài hòa được định nghĩa là một xã hội dân chủ dưới chế độ pháp trị, dựa trên công bằng và pháp lý. Nhưng có rất nhiều người cho rằng chính sách này thủ tiêu tin tức về một số mặt trái của xã hội, không đảm bảo tự do ngôn luận nên châm biếm nó bằng một từ đồng âm là 'cua đồng'. Từ này xuất hiện chủ yếu ở Trung Hoa đại lục (BTV)."
"6. Kakashi: Tên nhân vật trong 'Nảuto' (BTV)."
"7. Inu Yasha: Tên nhân vật chính trong truyện tranh 'Inu Yasha' của Nhật, còn gọi là Khuyển Dạ Xoa (BTV)."
"11. 419: Đọc lên đồng âm với for one night (tình một đêm) (BTV)."
"9. Ngư Hương Nhục Ti: là một món ăn đặc trưng của Tứ Xuyên, gồm có nước sốt được làm bằng đường, dấm, xì dầu, hành, bột ngọt, nước luộc thịt và thịt lợn thái chỉ, xào chung với măng, môc nhĩ, ớt tươi, đảo thịt chung với nước sốt. Gọi là 'Ngư Hương' vì cách chế biến tương tự giống với cách người Tứ Xuyên chế biến cá, còn thực chất trong thành phần nguyên liệu không có cá Cung Bảo Kê Đinh: Cũng là một món ăn Tứ Xuyên, gồm có thịt gà thái hạt lựu, rán sơ rồi xào lẫn với ớt, lạc và thêm các gia vị vào (BTV)."
"1. Tứ hóa tức hiện đại hóa nông nghiệp, hiện đại hóa công nghiệp, hiện đại hóa quốc phòng, hiện đại hóa khoa học kỹ thuật (BTV)."
"2. TVB: Hãng phim nổi tiếng của Hồng Kông (BTV)."
"3. Cát Ưu: Một diễn viên nổi tiếng của Trung Quốc, các bộ phim nổi tiếng mà Cát Ưu tham gia như: 'Phải sống', 'Dạ Yến'... Diễn viên Cát Ưu để đầu trọc, ý của Tần Khanh ví mình rụng nhiều tóc sắp bị trọc đầu đến nơi (BTV)."
"4. A, H: Ám chỉ chuyện liên quan đến tình dục, rất mờ ám (BTV)."
"5. Tiểu thái gia: Nick name của nam diễn viên Trương Dịch (BTV)."
"6. Nhị nhân chuyển: Loại hình nghệ thuật hát, múa, diễn trò gồm có hai người, một nam một nữa (BTV)."
"7. 'Đại uyển': Một bộ phim hài nổi tiếng của Hồng Kông với sự góp mặt của các diễn viên Cát Ưu, Quan Chi Lâm, ... (BTV)."
"1. Hình ảnh nhân vật khóc lóc trong truyện tranh thường có mấy vạch đen kéo dài trên mặt (BTV)."
"2. Vì bắt gặp Tần Khanh đi cùng Tóc Vàng nên ngay lập tức ông nội liên tưởng tới chuyện vợ của Võ Đại Lang là Phan Kim Liên đầu độc chồng để theo Tây Môn Khánh trong 'Thủy Hử' (BTV)."
"1. Chữ đại (大) gần giống hình người dang hai chân hai tay (BTV)."
"1. Thác Hoàng Quả Thụ: Thác nước lớn nhất của Trung Quốc, thuộc tỉnh Quế Châu (BTV)."
"2. Tạm dịch: Một đời một kiếp một đôi, cùng nhớ nhau, cùng hướng về nhau nhưng lại không thể bên nhau."
"3. Hoàng liên: Một loại thuốc Đông y,c ó vị đắng, tính hàn (BTV)."
"1. Thần Châu Hành là một mạng điện thoại của Trung Quốc. Thần Châu Hành có câu slogan là' 'Thần Châu Hành, tôi thấy được'. Ở đây Tần Khanh giả vờ điện thoại bị mất sóng, nen mới nói lệch slogan của mạng điện thoại này (BTV)."
"2. Trong phim hoạt hình Naruto, Sasori là nhân vật ản trong con rối và điều khiển các con rối khác chống lại kẻ thù. hình dáng con rối mà Sasori ẩn thân rất xấu xí, nhưng diện mạo thật lại rất đẹp trai

(BTV)."
"3. AV: Phim khiêu dân của Nhật (BTV)."
"4. Truyện đam mỹ: Truyện về tình cảm giữa đàn ông và đàn ông."
"5. Câu thơ Kinh Kha ứng tác bên bờ sông Dịch khi được bạn hữu đưa tiễn đi vào nước Tần hành thích Tần Vương 'Phong tiêu tiêu hề, Dịch Thủy hàn. Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn' (Gió đìu hiu chứ, nước sống Dịch lạnh ghê. Tráng sĩ một đi không trở về). Theo 'Thích khach liệt truyện', 'Sử ký của Tư Mã Thiên' (BTV)."
"6. Taobao: Trang web bán hàng online lớn nhất Trung Quốc (BTV)."
"7. Xuân cung đồ: Trang vẽ các từ thế quan hệ của Trung hoa cổ đại (BTV)."
"8. Tần Khanh nhắc tới Ngu Công trong tích 'Ngu Công dời núi'. Ngu Công thực chất là ông lão họ Ngu, chữ Ngu trong họ của Ngu Công có nghĩa là ngu dốtm ngu ngốc (BTV)."
"9. Cách các hủ nữ phân biệt đâu là chồng (1) và đâu là vợ (0) trong quan hệ đồng tính nam (BTV)."
"10. Loli' Chỉ những bé gái, hoặc những cô gái có vóc người bé nhỏ, tính tình trẻ con (BTV)."
"1. Dịch Trung Thiên: Sinh năm 1947, người Trường Sa, Hồ Nam, Trung Quốc. Ông hiện là giáp sư của Học viện nhân văn, Đại học Hạ Môn. Ông có nhiều năm nghiên cứu văn họa, mỹ học, lịch sử... là học giả của chương trình 'Bách gia giảng đàn' của Đài truyền hình trung ương, rất được khán giả hoan nghênh. 'Bi kịch quá' là câu nói xuất hiện thường xuyên trong các buổi diễn giảng của ông (BTV)."
"1. Lưu Tường: Vận động viên điền kinh cấp một (chạy vượt rào một trăm mười mét0 của Trung Quốc (BTV)."
"2. Mã Cảnh Đào: Nam diễn viên nổi tiếng, trong mỗi phần cảnh có tình cảm kích động là diễn viên lại gào thét lời thoại."
"1 Hình 7.7 đưa ra một ví dụ. Khối lượng khớp lệnh khổng lồ và mức giảm giá mạnh của cổ phiếu Capital One Financial vào đầu tháng 10 năm 1998 mô tả một kỷ lục về khối lượng khớp lệnh lớn. Mức giá thấp nhất cho thấy giá cổ phiếu sẽ đổi chiều đi lên. Khối lượng khớp lệnh thường là dấu hiệu then chốt để chỉ sự chuyển hướng thị trường."
"3 Bảng 12.1 xuất hiện ở ví dụ."
"1\. Giạ (bushel): đơn vị đo thể tích (dùng để đong thóc, lúa…), tương đương 36 lít"
"1\. Sell stock (bán gốc): chơi chữ, cũng có nghĩa là bán cổ phiếu."
"1\. Dollar-a-year man: những ông chủ doanh nghiệp tình nguyện làm việc cho chính phủ Mỹ, đặc biệt là trong Chiến tranh Thế giới Thứ Nhất, và nhận mức lương tượng trưng là một đô-la một năm."
"1\. Phố Wall"
"2 Giá danh nghĩa: mức giá ghi trên một cổ phiếu, thường là 100 đô-la"
"1\. Pao: đơn vị trọng lượng của Anh, Mỹ; bằng 0,454 kg"
"1\. Trường hợp lừa đảo của Ponzi vào cuối thập niên l920 người đầu tư được Ponzi trả lợi nhuận bằng số tiền của người đầu tư mới cho đến khi sự việc bị đổ bể."
"2 Là một thương vụ bán một chứng khoán hay công cụ nào đó và tiếp theo là thương vụ mua mà chúng không đem lại lợi ích kinh tế. Nghiệp vụ này được xem là nghiệp vụ hư cấu. Nó có thể hiểu là tạo ra hoạt động mua bán giả tạo."
"3 Kỹ thuật lôi kéo bất hợp pháp bằng cách bù đắp lệnh mua và lệnh bán để tạo ra ấn tượng (giả tạo) hoạt động của chứng khoán, nhờ đó tạo cho giá tăng lên làm lợi cho những người tham gia vào mưu đồ này."
"1\. Là một thương vụ bán một chứng khoán hay công cụ nào đó và tiếp theo là thương vụ mua mà chúng không đem lại lợi ích kinh tế. Nghiệp vụ này được xem là nghiệp vụ hư cấu. Nó có thể hiểu là tạo ra hoạt động mua bán giả tạo."
"1\. Theo một câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp"

"1\. Một dãy núi nằm bên eo biển Gibraltar của vương quốc Anh"
"1\. Black Friday, thường chỉ ngày 24/09/1869."
"1\. Nguyên tác: “locking the stable after the horse was stolen”, nghĩa là khoá chuồng sau khi đã mất ngựa."
"1\. Phòng có tường lót đệm: căn phòng đặc biệt dành cho người điên; ở đây người nói muốn ám chỉ nhân vật “tôi” cũng bị điên."
"1. Đồ Tô: Một loại rượu ngon của Trung Hoa xưa."
"Trần Tầm phiên âm tiếng Trung là Chen Xun."
"Tạm dịch: Nước nhà dù hưng thịnh hay suy vong thì người đàn ông bình thường cũng phải có trách nhiệm."
"Chu Hoa Kiện (1960) là một ca sĩ trong làng nhạc Hoa ngữ Hồng Kông."
"Một loại hormone do cơ thể sản xuất ra khi bạn sợ hãi, tức giận hay thích thú, cái mà làm cho nhịp tim đập nhanh hơn và cơ thể chuẩn bị cho những phản ứng chống lại sự nguy hiểm."
"Châu Huệ Mẫn (1967) là ca sĩ, diễn viên được yêu mến ở Hồng Kông."
"Nàng công chúa có sức mạnh thần kì trong một bộ phim hoạt hình của Mĩ được công ti Filmation sản xuất năm 1985."
"Lão xá (1899 - 1966), tên thật là Thư Khánh Xuân, tự Xá Dư, là một nhà sáng tác tiểu thuyết và kịch của Trung Quốc. Đề tài khai thác chủ yếu của ông là viết về học sinh, trí thức và thị dân ở Bắc Kinh. Trà Quán là một trong hai tác phẩm nổi tiếng nhất của ông."
"Nữ nhà văn chuyên sáng tác dòng tiểu thuyết tình cảm của Đài Loan."
"Nữ nhà văn chuyên sáng tác dòng tiểu thuyết tình cảm của Đài Loan."
"Trung Quốc có tục lệ sờ khỉ đá đầu năm để tránh mọi bệnh tật, trừ tà."
"Nghệ nhân nổi tiếng trong lĩnh vực bình thư - kể chuyện dài, một hình thức văn nghệ dân gian của Trung Quốc."
"Trương Tín Triết (1967) ca sĩ nổi tiếng người Đài Loan."
"Là ca sĩ nhạc pop Trung Quốc. Cô nhanh chóng nổi tiếng khi giành giải quán quân trong cuộc thi Super Girls năm 2005."
"Trong tiếng Trung, từ “gà” có nghĩa bóng là gái bán hoa."
"Là một loại rượu vang được lên men từ quả nho hoặc nước quả nho, ngoài ra còn có thể được làm từ một số loại trái cây khác."
"Saint Seiya là bộ tranh truyện nổi tiếng của tác giả Masami Kurumada (Nhật Bản)."
"Hay chính là Tân Tây du kí là một cặp hai phim Hồng Kông của đạo diễn Lưu Trấn Vĩ phỏng theo bộ tiểu thuyết kinh điển Tây du kí của nhà văn Ngô Thừa Ân, cả hai bộ phim đều được công chiếu năm 1995 và nhận được phản ứng tích cực từ cả công chúng và giới phê bình."
"Vương Phi (1969) là một nữ ca sĩ, nhạc sĩ, diễn viên, người mẫu của Hồng Kông. Cô là một thần tượng tại khắp Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản và nhiều quốc gia khác."
"Còn có tên là Bạch quả là loài cây thân gỗ duy nhất còn sinh tồn trong chi Ginkgo, họ Ginkgoales."
"Bậc tiểu học của Trung Quốc từ lớp 1 đến lớp 6, bậc THCS từ lớp 7 đến lớp 9."
"(1) : Cổ Hoặc Tử (tạm dịch: Đứa nhóc hư) là bộ truyện tranh của Hồng Kông."
"(2) : Tên một loại nước ngọt đóng chai sản xuất vào những năm 1980 ở Trung Quốc."
"(3) : Tứ đại thiên vương là tên gọi thân mật của những người hâm mộ dành cho 4 ca sĩ, diễn viên Hồng Kông trẻ nổi tiếng cuối thập niên 1980 - đầu thập niên 1990; gồm Trương Ngọc Hữu (hát hay nhất), Quách Vũ Thành (nhảy đẹp nhất), Lưu Đức Hoa (diễn xuất hay nhất), Lê Minh (Phong độ, đẹp trai nhất)."

"(4) : Tiểu hổ đội gồm ba thành viên Ngô Kì Long, Trần Chí Bằng và Tô Hữu Bằng, là ban nhạc nổi tiếng của Đài Loan cuối thập kỉ 80, đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX."
"(5) : Cuộc thi tiếng hát truyền hình hay thần tượng âm nhạc dành cho nữ sinh do đài truyền hình Hồ Nam tổ chức từ năm 2004 đến 2006."
"Ban liên lạc là một bộ phận quan trọng của Hội sinh viên trong các trường đại học ở Trung Quốc. Nhiệm vụ chính của ban liên lạc là liên lạc với các tổ chức, đơn vị bên ngoài để xin tài trợ kinh phí cho Hội sinh viên và các hoạt động của hội."
"Rau thì là có âm Hán Việt là hồi hương."
"Vị thuốc Bắc dùng để giải nhiệt, tiêu độc, phòng bệnh."
"Trích trong câu thơ "Tăng kinh thương hải nan vi thủy, trừ khước Vu Sơn bất thị vân" của nhà thơ Nguyên Chẩn, ý muốn nói rằng đã yêu một người sâu sắc thì rất khó có thể quên."
"Tên Phương Hồi phiên âm tiếng Trung là Fang Hui, Thẩm Hiểu Đường phiên âm tiếng Trung là Shen Xiao Tang."
"Nhân vật võ hiệp truyền thuyết sống ở cuối nhà Minh, đầu nhà Thanh của Trung Quốc."
"Jeanne d'Arc (1412 – 1431) là một nữ anh hùng người Pháp trong cuộc Chiến tranh Trăm năm giữa Pháp và Anh. Ngày 16 tháng 5 năm 1920, Jeanne d'Arc được Giáo hoàng Biển Đức XV chính thức phong thánh và là thánh quan thầy Giáo hội nước Pháp."
"MC nổi tiếng của đài truyền hình Trung ương Trung Quốc."
"'Don't put all your eggs in one basket!'"
"Asset allocation."
"ETF - Exchange Traded Fund: Quỹ chứng khoán tổng hợp ETF (hay Quỹ trao đổi thị trường ETF). Đây là một quỹ do các nhà đầu tư góp vốn. Toàn bộ số tiền do các nhà đầu tư góp vốn sẽ được trải đều ra mua một loạt các cổ phiếu của một chỉ số nào đó như S&P 500 hay Nasdaq 100 hoặc một mã cổ phiếu đại diện cho một loại hàng hóa nào đó. Quỹ này cấp các chứng chỉ sở hữu cho các nhà đầu tư và chứng chỉ này cũng được niêm yết tại thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, giá của các chứng chỉ này biến động liên tục và có thể được mua bán suốt ngày. Còn quỹ tương hỗ được định giá một lần trong ngày và tất cả các giao dịch trong ngày được thực hiện theo giá đó. Quỹ ETF cũng mang lại một số lợi thế về thuế so với quỹ tương hỗ."
"Lấy từ trang web của Berkshire Hathaway và bản lưu mẫu đơn 13F ở Ủy ban Chứng khoán."
"Security Analysis."
"The Intelligent Investor."
"Common Stocks and Uncommon Profits."
"Gary Brinson, Randolph Hood và Gilbert Beebower, trích bài báo 'Các yếu tố quyết định hiệu quả danh mục đầu tư' của tờ Financial Analysis Journal, tháng 7/8, 1986."
"James Altucher, Trade Like Warren Buffett (Hoboken, N.J.: John Wiley & Sons, Inc., 2005)."
"Exit strategy."
"Lý thuyết chiết khấu dòng tiền phát biểu rằng giá trị của toàn bộ dòng tiền tạo ra tài sản (từ những thu nhập cố định cho đến các khoản đầu tư đối với toàn bộ doanh nghiệp) chính là giá trị hiện tại của dòng tiền được mong đợi trong tương lai, được chiết khấu về hiện tại với một mức chiết khấu hợp lý."
"Nhà đầu tư đôi khi băn khoăn không hiểu tại sao cổ phiếu Berkshire được niêm yết với giá cao đến vậy. Đơn giản đó là do Buffett từ chối việc chia tách cổ phiếu. Ông tin rằng việc chia tách cổ phiếu chẳng có ý nghĩa gì về mặt kinh tế. Có nhiều câu chuyện đồn thổi về Buffett, rằng đôi khi ông gởi lời chúc mừng sinh nhật đến bạn bè và chúc rằng họ sẽ sống thọ đến khi ông quyết định chia tách cổ phiếu của Berkshire."
"Bull market: thị trường giá lên; Bear market: thị trường giá xuống."

"Investors."
"Traders."
"Momentum."
"Momentum investors."
"Growth investors."
"1 USD = 100 cents (xu)."
"Owner's Manual."
"Due diligence."
"Exit strategy."
"Never marry a stock."
"Hedge Fund là loại quỹ đầu tư có tính đại chúng thấp và không bị quản lý quá chặt. Khái niệm 'Hedge Fund' không ám chỉ một loại pháp nhân riêng biệt của thị trường vốn, mà chỉ là cách gọi nhằm phân biệt các quỹ ít bị quản lý chặt chẽ. Thường các quỹ loại này chỉ giao dịch với một số lượng hạn chế các nhà đầu tư, vì thế mỗi nhà đầu tư phải góp vào những khoản tiền rất lớn theo phương thức 'gọi vốn không đại chúng' (private placement). Ngược với các Hedge Fund là các quỹ 'Mutual Funds' (thường gọi là quỹ tương hỗ) có tính đại chúng cao, hầu như mọi người đều có thể tham gia. Do không bị quản lý chặt, Hedge Fund thường rất linh hoạt trong các chiến lược đầu tư. Hedge Fund ra đời năm 1949 tại Mỹ. Một trong những người phát minh ra quỹ này là Alfred W. Jones. Loại quỹ đầu tư này chỉ thực sự bùng phát trên quy mô toàn cầu từ sau Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á 1997. Nếu năm 1990 cả thế giới chỉ có khoảng 500 Hedge fund với tổng trị giá khoảng 40 tỷ USD thì đến năm 2007, tổng số quỹ này đã vượt hơn 9.500 với tổng trị giá tài sản quản lý vào khoảng 2.000 tỷ USD."
"Câu này xuất hiện đều đặn hàng năm kể từ năm 1998 trong phần 'Tiêu chí Thu mua' trong các báo cáo thường niên của Berkshire Hathaway. Con số này trước năm 1998 nhỏ hơn con số trên. Như chúng ta đã thấy trong chương 3, hiện nay Buffett đang tìm kiếm những thương vụ mua lại công ty có thể có quy mô lên đến 60 tỷ USD."
"Fruit of the Loom cũng đã đồng ý mua lại công ty kinh doanh hàng may mặc riêng của VF Corp với giá 350 triệu USD."
"Kể từ đó, Berkshire đã bán phần nắm giữ của mình trong PetroChina. Buffett tuyên bố quyết định bán cổ phần của mình chỉ được dựa trên việc định giá mà thôi, chứ không liên quan gì đến việc cổ đông gây áp lực đòi hỏi phải rút vốn đầu tư vì mối quan hệ của PetroChina với chính quyền Sudan, khi họ bị cáo buộc phạm tội diệt chủng ở Dafur."
"Hầu hết các công ty nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Mỹ sử dụng một công cụ tài chính gọi là ADRs - American Depository Receipts. Cổ phiếu của các doanh nghiệp này không được bán trực tiếp cho các nhà đầu tư Mỹ mà do một số ngân hàng (gọi là depository bank) nắm giữ. Các ngân hàng này sau đó phát hành các ADRs và bán cho các nhà đầu tư. Mỗi ADRs tương đương với một giấy chứng nhận sở hữu một số lượng cổ phiếu nhất định. Như vậy thực chất các nhà đầu tư không mua cổ phiếu mà chỉ mua các chứng chỉ sở hữu cổ phiếu của các doanh nghiệp nước ngoài."
"'Financial weapons of mass destruction'."
"Nguyên văn: Sometimes a lemon is just a lemon."
"CEO - Chief Executive Officer: Giám đốc điều hành."
"Hall of Fame."
"CFO - Chief Financial Officer: Giám đốc tài chính."
"Black-Scholes option pricing model."
"Instantaneous standard deviation."
"Pha loãng cổ phiếu là việc phát hành thứ cấp thêm cổ phiếu phổ thông của một công ty cổ phần dưới

nhiều hình thức khác nhau theo quy định của pháp luật. Các hình thức phát hành thứ cấp của pha loãng cổ phiếu như sau: Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu; Cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu thưởng; Phát hành thêm cổ phiếu. Pha loãng cổ phiếu sẽ làm cho (1) Thu nhập trên đầu cổ phiếu sẽ giảm xuống do số lượng cổ phiếu tăng lên; (2) Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông hiện hữu bị thay đổi (số phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống); (3) Giá trị đơn vị cổ phiếu bị tăng lên hoặc giảm xuống căn cứ vào giá phát hành đợt cổ phiếu mới."
"Nguyên văn: A necessary evil."
"Tất nhiên, những người tự do sẽ chỉ ra những khoản thâm hụt ngân sách của chính quyền Bush. Tuy nhiên, thâm hụt là kết quả của việc gia tăng chi tiêu, chứ không phải là do giảm ngân sách thu từ thuế."
"Có thể lý luận rằng việc mua lại cổ phiếu vẫn là sự lựa chọn tốt hơn bởi chúng mang lại quyền quyết định cho nhà đầu tư. Xét cho cùng, nếu bạn không bán cổ phiếu đi thì bạn không phải gánh chịu một khoản thuế nào cả."
"'Wealth tax'."
"'Death tax'."
"Milton Friedman (1912 - 2006): Nhà kinh tế học người Mỹ đoạt giải Nobel Kinh tế năm 1976 vì những đóng góp trong lĩnh vực phân tích tiêu dùng, lịch sử và lý thuyết tiền tệ cũng như vì công lao của ông trong việc chứng minh tính phức tạp của chính sách ổn định kinh tế vĩ mô. Ông đã có những đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vi mô, lịch sử kinh tế và thống kê. Theo tờ The Economist, Friedman là nhà kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất nửa sau thế kỷ 20."
"Buffett không hiến tặng tất cả số tiền này trong một lúc. Ông sẽ cho đi khoảng 5% một năm. Chính phủ sẽ thu nếu Buffett chết trước khi toàn bộ số tiền được chi trả."
"Nguyên văn: 'irritional exurberance'."
"Momentum investing - tạm dịch là đầu tư xung lượng hay động lượng: Là chiến lược đầu tư nhắm vào việc tăng vốn dựa trên sự liên tục của các xu hướng đang tồn tại trên thị trường. Các nhà đầu tư momentum tin rằng những đợt tăng giá mạnh của một loại chứng khoán nào đó sẽ kéo theo những khoản lợi nhuận cộng thêm, hoặc ngược lại, những khoản sụt giảm giá trị tương ứng. Riêng 'momentum' được gọi là 'chỉ số xung lượng' dùng đo tốc độ thay đổi của giá đóng cửa, được sử dụng để nhận diện mức suy yếu của xu thế và các điểm đảo chiều. Chỉ số này thường bị đánh giá thấp do sự đơn giản của nó."
"Hệ số giá trên thu nhập (P/E) là một trong những chỉ số phân tích quan trọng trong quyết định đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư. Thu nhập từ cổ phiếu quyết định giá thị trường của cổ phiếu đó. Hệ số P/E đo lường mối quan hệ giữa giá thị trường (Market Price - P) và thu nhập của mỗi cổ phiếu (Earning Per Share - EPS) và được tính như sau: P/E = P/EPS. Trong đó, giá thị trường P của cổ phiếu là giá mà tại đó cổ phiếu đang được mua bán ở thời điểm hiện tại; thu nhập của mỗi cổ phiếu EPS là phần lợi nhuận ròng sau thuế mà công ty chia cho các cổ đông thường trong năm tài chính gần nhất."
"Hồ Tahoe dài 35km, rộng 19km ở miền Tây nước Mỹ, nằm dọc biên giới giữa các bang California và Nevada, là một thắng cảnh đẹp và hùng vĩ."
"Cục Quản lý Ô tô."
"Amelia Earhart (1897-1937): Nữ phi công Mỹ, nổi tiếng vì những chuyến bay xuyên Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Sự mất tích của bà trong chuyến bay cuối cùng gần đảo Howland ở Thái Bình Dương vẫn còn là điều bí ẩn."
"Sylvester Stallone (sinh năm 1946): Diễn viên điện ảnh Mỹ, nổi tiếng vì khắc họa được những nhân vật anh hùng trong các bộ phim hành động - phiêu lưu."
"Ban nhạc của Anh, do nữ nhạc sĩ Annie Lennox cùng Dave Stewart thành lập đầu thập niên 1980."
"Trong thần thoại Hy Lạp, Icarus làm đôi cánh bằng lông chim gắn sáp ong định bay thoát khỏi Crete

khi bị giam cầm. Khi mặt trời nung chảy sáp ong trên cánh, chàng bị rơi xuống biển và chết đuối"
"Nirvana: Trong giáo lý của đạo Phật, đạo Hindu và đạo Giai - na (ở Ấn Độ), là tình trạng tồn tại siêu việt, nằm ngoài giới hạn của cõi trần, thoát khỏi mọi hệ lụy."
"Bột mì hấp chung với cà chua, phó mát và nước sốt."
"Bruce Lee (1940-1973): diễn viên Mỹ gốc Hoa, rất nổi tiếng trong các phim võ thuật với tên Lý Tiểu Long. Anh chết vì chứng phù não cấp tính lúc tiếng tăm đang nổi như cồn."
"Áo da có mũ trùm đầu."
"Dặm Trung Quốc, khoảng 0,5 km."
"Quan nghe nhầm sweat socks (bít tất ẩm, bít tất đẫm mồ hôi) thành sweet suck (kẹo ngọt)."
"Quan nghe nhầm Irrigation (thủy lợi, tưới) thành Irritation (bị chọc tức)."
"Marco Polo (1254-1324): Du khách và tác gia người Venetia (Ý), đã viết về những chuyến đi và trải nghiệm ở Trung Hoa, cung cấp cho dân châu Âu cái nhìn trực tiếp về mảnh đất châu Á này và khơi dậy mối quan tâm giao lưu, buôn bán với châu Á."
"Tiếng Pháp trong nguyên bản."
"Howards End: Bộ phim được giải BAFTA của Anh năm 1993, dựa theo tiểu thuyết cùng tên của nhà văn E.M. Forster, xuất bản năm 1910. Tác phẩm phơi bày sự giả dối và bất lực của tầng lớp trí thức mơ hồ và sinh hoạt xã hội của giới thượng lưu"
"Lot: Trong Kinh Cựu ước, Lot là con trai của Haran, anh em với Abraham. Khi ở Sodom, Lot được các thiên thần báo trước thành phố này sắp bị hủy hoại, nên bỏ chạy nhưng không được ngoảnh nhìn lại. Vợ Lot đi sau chồng đã ngoảnh nhìn lại nên bị biến thành một cây cột bằng muối."
"Himalayas (ở Nepal): Hệ thống núi cao nhất thế giới, tạo thành biên giới tự nhiên phía bắc nước này. Hệ thống này có 8 trong 10 ngọn núi cao nhất thế giới, trong đó có Đỉnh Everest cao 8.850m"
"Khách Gia (nghĩa là khách hoặc người lạ): Dân du cư ở miền nam Trung Hoa. Họ thường bị dân địa phương nơi họ cư trú ngược đãi. Từ thế kỷ 14 dưới triều Minh, họ định cư tại tỉnh Quảng Đông. Một trong những nhân vật nổi tiếng nhất của dân tộc Khách Gia là Hồng Tú Toàn, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Thái Bình."
"Tấm choàng bằng chất dẻo tráng lớp nhôm mỏng nhằm hồi phục thân nhiệt khi bị nhiễm lạnh hoặc kiệt sức."
"Squaw Valley: Thung lũng thuộc dãy núi Sierra Nevada, phía đông bang California. Năm 1960 là nơi tổ chức Olympic Mùa đông, và từ năm 1970 Ủy ban Olympic Mỹ đã chính thức thành lập Trung tâm huấn luyện tại đây."
"John Muir (1838-1914): Nhà tự nhiên học, nhà thám hiểm và nhà văn Mỹ. Ông là người bảo vệ các khu vực tự nhiên và động vật hoang dã rất tận tụy, được tôn vinh và đặt tên cho nhiều địa điểm."
"Noah: Trong Kinh Cựu ước, Noah là hậu duệ đời thứ 10 của Adam. Được thần thánh báo trước, Noah đóng một con thuyền lớn, mang theo vợ và ba con trai cùng mỗi gia súc một cặp, đã sống sót qua trận Đại hồng thủy và trở thành cha của toàn nhân loại."
"Edvard Munch (1863-1944): Họa sĩ Na Uy, có nhiều bức tranh và tác phẩm đồ họa đầy suy tư và thống khổ, dựa trên những đau thương và ám ảnh của con người, phát triển trường phái biểu hiện trong nghệ thuật."
"Pompeii: Thành phố cổ ở vùng Campania (Italy), thành lập năm 600 trước Công nguyên. Thành phố này từng rất phát đạt, là nơi nghỉ dưỡng ưa thích của những người La Mã giàu có. Năm 63 Công nguyên bị hủy hoại vì động đất và năm 70 Công nguyên bị phá hủy hoàn toàn vì núi lửa Vesuvius phun trào."
"Hiroshima: Thành phố ở Tây nam Nhật Bản, tháng Tám 1945 bị Mỹ ném bom nguyên tử triệt hạ."
"Apocalypse: Ngày Tận thế (theo Sách Khải huyền thuộc bộ Kinh Tân ước"

"Bayard James Taylor (1825-1878): Nhà văn Mỹ."
"Moses: Trong Kinh Cựu ước, Moses là nhà tiên tri, nhà lập pháp Do Thái, đã sáng lập ra đất nước Israel."
"Turban: Khăn đội đầu của đàn ông đạo Hồi."
"Spanhơn: Giống chó lông mượt, tai to, cụp thõng xuống."
"Chihuahua: Giống chó nhỏ, lông mượt."
"Bốcxơ: Loại chó khỏe, lông mượt."
"Art Linkletter: Phát thanh viên đài Phát thanh và Truyền hình Mỹ gốc Canada, sinh năm 1912."
"Nàng Tiên Răng: Nàng Tiên trong các truyện dân gian cho thiếu nhi, lấy răng sữa đã rụng bọn trẻ con để dưới gối rồi thay bằng tiền hoặc một món quà nho nhỏ."
"Easter Bunny: Con thỏ tưởng tượng, sáng ngày lễ Phục Sinh mang giỏ quà đến cho trẻ con, thường giấu các quả trứng nhuộm màu trong đó cho các em tìm."
"Beatles: Ban nhạc rock Anh, được nhiều nhà phê bình lịch sử xã hội xếp là có ảnh hưởng sâu sắc và nổi tiếng nhất thế kỷ XX."
"Hailey Mills: Nữ diễn viên Anh, là con gái của nghệ sĩ nổi tiếng John Mills (1908-2005)."
"Shirley Temple: Diễn viên điện ảnh Mỹ sinh năm 1928, được coi là một trong những ngôi sao nhí nổi tiếng nhất trong lịch sử điện ảnh. Năm 1934, em đã đóng vai chính trong bốn bộ phim và đoạt giải Oscar vì những đóng góp xuất sắc cho các bộ phim này."
"Dwayne Hickman: Diễn viên điện ảnh Mỹ, đóng vai chính trong phim Cat Ballou cùng nhiều ngôi sao khác như Jane Fonda, Lee Marvin (đoạt giải Oscar vì vai diễn trong phim này)."
"Art Linkletter: Phát thanh viên Mỹ (gốc Canada), sinh năm 1912."
"Lizzie Borden (1860-1927): Con gái của chủ nhà băng giàu có nhất vùng sông Fall, Massachusetts. Năm 1892, Lizzie bị buộc tội giết chết cha đẻ và mẹ kế rất dã man, nhưng được trắng án tại phiên tòa. Tuy được tha bổng, song dân chúng vùng này ghét bỏ và xa lánh Lizzie suốt phần đời còn lại."
"Một trong những bộ phim do diễn viên điện ảnh nổi tiếng của Mỹ Douglas Fairbanks (1883-1939) thủ vai chính."
"Amelia Earhart (1897-1937): Phi công Mỹ, nổi tiếng vì những chuyến bay vượt Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Sự mất tích trong chuyến bay cuối cùng của bà gần đảo Howland (Thái Bình Dương) cho đến nay vẫn còn là điều bí ẩn."
"Ku Klux Klan: Thường gọi là Đảng 3 K, một tổ chức xã hội bí mật ở miền Nam nước Mỹ, thành lập sau Chiến tranh Nam-Bắc Mỹ (1861-1865), chủ trương dùng bạo lực, giết người, khủng bố người da đen, truyền bá tư tưởng coi người da trắng là ưu việt nhất."
"Plato (428-347 trước Công nguyên): Nhà triết học Hy Lạp, là một trong những nhà tư tưởng sáng tạo và có ảnh hưởng nhất đến triết học phương Tây."
"Khổng Tử (551 hoặc 552 - 479 trước Công nguyên): Nhà triết học và nhà giáo, một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Quốc."
"Đức Phật (563-483 trước Công nguyên): Nhà triết học Ấn Độ và sáng lập đạo Phật; sinh trưởng tại Lumbini, Nepal."
"Adolf Hitler (1889-1945): Nhà lãnh đạo chính trị, quân sự Đức và là một trong những tên độc tài khét tiếng nhất của thế kỷ XX, là kẻ gây nên Thế chiến II, chủ trương bài Do Thái hết sức tàn bạo."
"Etruscan: Ngôn ngữ cổ của người cổ đại sống tại Etruria, bị La Mã chinh phục vào thế kỷ II trước Công nguyên. Nền văn minh của họ phát triển rực rỡ từ năm 800 đến 300 trước Công nguyên"
"Dàn hợp xướng đã đoạt huy chương Nghệ thuật Quốc gia mùa thu năm 2003 do Tổng thống Mỹ trao. Đây là một giải thưởng danh giá, được Quốc hội Mỹ thông qua từ năm 1984."
"Henry David Thoreau (1817-1862): Nhà văn, nhà triết học, nhà tự nhiên Mỹ, tin vào tầm quan trọng

của chủ nghĩa cá nhân. Walden, hay Cuộc sống trong rừng (1854) là tác phẩm rất nổi tiếng, tiêu biểu cho triết lý sống và tính cách độc lập của ông"
"Muhammad Ali, sinh năm 1942, võ sĩ quyền Anh nổi tiếng của Mỹ, được tôn vinh là một trong những võ sĩ lớn nhất trong lịch sử thể thao. Là người da màu, tài năng, thích tranh cãi, ông được nhiều người hâm mộ cũng như bị nhiều đối thủ ganh ghét"
"Patty Hearst (Patricia Hearst), năm 1974 bị kết án bảy năm tù vì tham gia cướp nhà băng. Tháng 1/1979, sau khi thi hành án 22 tháng rưỡi, cô được thả nhờ lệnh ân xá của Tổng thống Jimmy Carter."
"Aztec: Thổ dân Mỹ ở Mexico."
"Sioux: Thổ dân Bắc Mỹ, nay sống chủ yếu ở Bắc và Nam Dakota."
"Dân Bangladesh hoặc bang Bengal thuộc Ấn Độ."
"Bali: Thổ dân ở đảo Bali, Indonesia."
"Bishop: Giám mục."
"Oahu: Hòn đảo đông dân nhất và lớn thứ ba trong quần đảo Hawaii."
"Frédéric Chopin (1810-1849): Nhạc sĩ và nhạc công dương cầm nổi tiếng của Ba Lan, thuộc trường phái lãng mạn, được tôn vinh là một trong những người có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử âm nhạc dương cầm."
"Ignace Jan Padarewski (1860-1941): Nhạc công dương cầm, nhạc sĩ và chính khách nổi tiếng của Ba Lan."
"Felix Mendelssohn (1809-1847): Nhạc sĩ nổi tiếng của Đức, một trong những người dẫn đầu trường phái lãng mạn trên thế giới đầu thế kỷ 19."
"George Gershwin (1898-1937): Nhạc sĩ Mỹ, tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng."
"Aaron Coplnad (1900-1990): Nhạc sĩ Mỹ, có ảnh hưởng lớn đến nền âm nhạc Mỹ trong suốt thế kỷ XX."
"Johann Sebastian Bach (1685-1780): Nhạc sĩ Đức, một trong những thiên tài âm nhạc của thế giới."
"Ludwig van Beethoven (1770-1827): nhạc sĩ Đức, được tôn vinh là nhạc công vĩ đại nhất của mọi thời đại."
"Robert Schumann (1810-1856): nhạc sĩ Đức, một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho trường phái âm nhạc lãng mạn thế kỷ 19."
"Auschwitz: trại tập trung giết người hàng loạt, khét tiếng tàn bạo của phát xít Đức, đặt tại ngoại ô thành phố Oświęcim (tiếng Đức là Auschwitz) ở miền nam Ba Lan."
"Ingrit Bergman (1915-1982): Diễn viên điện ảnh Thụy Điển, đoạt giải Oscar năm 1973. Bà đã đóng vai chính trong hơn ba chục bộ phim nổi tiếng như Cassablanca, Chuông nguyện hồn ai…"
"Lauren Bacall (sinh năm 1924): Diễn viên điện ảnh và sân khấu nổi tiếng của Mỹ, đoạt giải Tony Award năm 1970."
"Giống chó đầu to, khỏe và dũng cảm."
"Ban nhạc Mỹ gồm nhiều ca sĩ và nhạc công tài năng, có ảnh hưởng lớn của dòng nhạc blue."
"Ca sĩ nhạc pop của Mỹ, sinh năm 1944, nổi tiếng vì những bài hát châm biếm và nhiều bài hát được thu âm trong phim."
"Ca sĩ nổi tiếng của Mỹ, đã giành giải Grammy 1971."
"Tổ chức bảo vệ thiên nhiên và động vật hoang dã ở Mỹ và trên toàn thế giới."
"Tấm bảng có các chữ cái và chữ số, dùng chơi trò phụ đồng chén."
"Tuyệt (Quan nói tiếng Anh chưa sõi)."
"Sự đầu thai, tái sinh (reincarnation), Quan nghe nhầm thành sự đúc lại (recarnation)."
"Sự đầu thai, tái sinh (reincarnation), Quan nghe nhầm thành sự đúc lại (recarnation)."
"Quan nghe nhầm instinct (bản năng) thành stink (mùi thối)."

"Quan nghe nhầm instinct (bản năng) thành stink (mùi thối)."
"Vũ điệu truyền thống của các cô gái Hawaii"
"Jeopardy: Một trong những chương trình truyền hình Mỹ, ra đời năm 1964."
"Trợ cấp đơn giản của người lao động ở Mỹ."
"Tên nhân vật nữ luôn luôn lạc quan trong loạt truyện thiếu nhi của nhà văn Mỹ Eleanor Hodgman Porter (1868-1920)."
"Chương trình Giải trí và Thể thao của Mỹ, chiếu 24/24 giờ trong ngày trên truyền hình, hiện phủ sóng hơn 120 nước trên thế giới."
"Jimmy Durante (1893-1980): Diễn viên hài nổi tiếng của Mỹ, đặc biệt được nhớ tới vì cái mũi gồ và giọng nói rất trầm."
"Luise Rainer: Diễn viên điện ảnh nổi tiếng của Mỹ trong thế kỷ XX. Bà đoạt giải Oscar trong vai O-Lan, phim The Good Earth (năm 1937), kể về cuộc đời và vận may của một nông dân Trung Hoa, dựa theo tiểu thuyết của Pearl Buck xuất bản năm 1931."
"Grace Kelly (1929-1982): Diễn viên điện ảnh nổi tiếng tài sắc của Mỹ, đoạt giải Oscar năm 1954. Năm 1956, rời phim trường và kết hôn với ông hoàng Rainier III của Monaco (Các chú thích của người dịch)."
"Jelly-O: Thương hiệu món thạch tráng miệng."
"Natalie Wood: Diễn viên điện ảnh Mỹ, đóng vai nữ chính trong bộ phim âm nhạc Câu chuyện phương Tây (1961) giành 10 giải Oscar: đạo diễn xuất sắc nhất, hình ảnh đẹp nhất, âm nhạc hay nhất…"
"Natalie Wood: Diễn viên điện ảnh Mỹ, đóng vai nữ chính trong bộ phim âm nhạc Câu chuyện phương Tây (1961) giành 10 giải Oscar: đạo diễn xuất sắc nhất, hình ảnh đẹp nhất, âm nhạc hay nhất…"
"Thuỷ thủ Popeye: Loạt truyện tranh vui hành động của Mỹ, xuất hiện từ thập niên 1930 đến giữa những năm 1940."
"Loại chó săn nhỏ, chuyên sục hang bụi."
"Động Lourdes ở Pháp, là nơi năm 1858 cô gái Bernadette Soubirous 14 tuổi (sau này được tôn là Thánh Bernadette) khẳng định đã nhìn thấy Đức mẹ đồng trinh Maria hiển linh, ban cho nước suối gần động có khả năng chữa bệnh kỳ diệu. Hàng năm có hàng triệu người hành hương đến động này."
"Muammar al-Qaddafi, sinh năm 1942, lãnh tụ cách mạng của Libya, là người thiên về bạo lực, ông tận tuỵ với đạo Hồi, sốt sắng ủng hộ Liên minh Ả Rập và các sự nghiệp cách mạng."
"Quan cũng sai, đúng ra là stolen."
"Công ty Tiết kiệm và Cho vay."
"Vụ kiện năm 1973, tòa tối cao Hoa Kỳ quyết định phụ nữ có quyền nạo phá thai trong 6 tháng có mang đầu tiên."
"Tên nhà tư vấn trong chuyên mục và nhiều tác phẩm của nhà báo Mỹ Pauline Esther Friedman Phillips (bút danh Abigail Van Buren). Bà sinh năm 1918, nổi tiếng vì sự nghiệp báo chí và xã hội, là nhà từ thiện nhiệt thành"
"Bữa sáng bằng bột yến mạch trộn với nhiều loại quả khô và hạt"
"Hài cốt hóa thạch của loài người đã tuyệt chủng, sống vào khoảng 400.000 năm đến 500. 000 năm trước, ban đầu được phân loại là Pithecanthropus, nay được coi là nhánh phụ của Homoerectus."
"Công ty Federal Express, còn được gọi tắt là FedEx, là một trong những tập đoàn dịch vụ vận tải lớn nhất thế giới."
"Warren Edward Buffet (sinh ngày 30-8-1930 tại Omaha, Nebraska) là một nhà đầu tư chứng khoán, doanh nhân và một nhà nhân đạo người Mỹ"
"Robert Kaplan là giáo sư kinh tế của trường Kinh doanh Harvard."
"David Norton là nhà sáng lập kiêm Chủ tịch Công ty tư vấn CNTT Balanced Scorecard."

"Các bên liên quan mật thiết là thuật ngữ chỉ các các nhân, tổ chức có quan hệ mật thiết với doanh nghiệp. Họ quan tâm, chia sẻ những nguồn lực, chịu tác động hoặc trực tiếp tác động tới doanh nghiệp trong các chiến lược, kế hoạch, các hoạt động kinh doanh và có thể quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp."
"Charles Handy được coi là nhà triết lý kinh doanh nổi tiếng bậc nhất nước Anh, Giáo sư trường Đại học Kinh doanh London."
"Hãng Sirota Survey Intelligence là một công ty nghiên cứu nổi tiếng được thành lập từ năm 1972 có trụ sở tại New Jersey (Mỹ). Công ty này đã tổ chức nhiều cuộc nghiên cứu sâu rộng về thái độ của hàng triệu nhân viên làm việc trong các công ty thuộc danh sách Fortune 500 toàn cầu."
"CO2 Partners là một hãng đào tạo về kinh doanh và điều hành có trụ sở ở Minneapolis, Minnesota, nước Mỹ."
"Tower Perrin là một công ty tư vấn quản trị hàng đầu thế giới."
"Win-win (mọi người đều chiến thắng): là tên một phương pháp thúc đẩy công ty phát triển; lấy khách hàng, nhân viên, công ty làm trung tâm, với phương châm phát triển và quản lý động cơ, dẫn dắt thị trường, phương pháp khen thưởng và khuyến khích giúp các công ty hoàn thiện việc bán hàng và hiệu quả."
"Tên một phương pháp thúc đẩy công ty phát triển lấy khách hàng, nhân viên, công ty làm trung tâm, với phương châm phát triển và quản lí động cơ dẫn dắt thị trường, giải pháp khen thưởng và khuyến khích giúp các công ty hoàn thiện việc bán hàng và thể hiện."
"Cortisol là một loại hoóc môn corticosteroid được sản sinh bởi bộ phận tên là Zona fasciculata trên vỏ não thượng thận. Đây là hoóc môn vô cùng quan trọng và thường được xem là “hoóc môn stress” (hoóc môn bắt buộc). Nó làm tăng huyết áp, tăng lượng đường huyết và có tác động kháng miễn dịch (tức ngăn cản khả năng miễn dịch trong cơ thể)."
"Alan Greenspan là nhà kinh tế học và Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ liên bang Mỹ từ năm 1987 đến 2006."
"Washington Irving, nhà văn Mỹ đầu thế kỷ XIX."
"George Bernard Shaw là nhà soạn kịch người Anh gốc Ireland, đoạt giải Nobel Văn học năm 1925."
"Mahatma Gandhi (tên đầy đủ là Mohandas Karamchand Gandhi) là anh hùng dân tộc Ấn Độ, người đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Anh và giành độc lập cho Ấn Độ."
"Martin Luther King, Jr. là mục sư Baptist, nhà hoạt động dân quyền Mỹ gốc Phi, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1964."
"Norman Vincent Peale là một mục sư và tác giả của cuốn sách nổi tiếng The Power of Positive Thinking (Sức mạnh của suy nghĩ tích cực), là người khởi xướng thuyết “suy nghĩ tích cực”."
"Eleanor Roosevelt là phu nhân của Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt. Sau khi Roosevelt từ trần, bà tự gây dựng sự nghiệp với vai trò là một tác giả và diễn giả, và được xem như người phát ngôn cho các quyền con người. Bà là nhà tiên phong trong phong trào ủng hộ nữ quyền."
"Ralph Waldo Emerson (1803-1882) là nhà viết tiểu luận, nhà thơ, triết gia người Mỹ và cũng là người đi đầu trong phong trào tự lực cánh sinh và thuyết siêu nghiệm."
"Stephen Covey là tác giả cuốn sách 7 Habits of Highly Effective People (7 thói quen của người thành đạt)."
"Weston Agor là tác giả cuốn sách Intuitive Management (Quản lý trực giác)."
"David McNally và Karl Speak là hai tác giả của cuốn sách Be Your Own Brand: A Breakthrough Formula for Standing Out from the Crowd (Trở thành thương hiệu của chính mình: Công thức đột phá để nổi bật giữa đám đông)."
"Deepak Chopra là bác sĩ kiêm nhà văn Ấn Độ. Ông là tác giả của 38 cuốn sách về sức khỏe và tâm

linh."
"Bill George là Giáo sư bộ môn Thực tiễn quản lý của trường Kinh doanh Harvard, tác giả của hai cuốn sách nổi tiếng True North: Discover Your Authentic Leadership (Chính Bắc và khả năng lãnh đạo đích thực) và Authentic Leadership: Rediscovering the Secrets to Creating Lasting Value (Khả năng lãnh đạo đích thực: Tái khám phá bí quyết tạo ra giá trị lâu dài). Ông là cựu Chủ tịch và Giám đốc điều hành của hãng Medtronic. Ông cũng làm việc trong hội đồng quản trị của ExxonMobil, Goldman Sachs và Novarti."
"Gary Jacobs là Chủ tịch của CHCS Services, Inc, một công ty quản trị hàng đầu về bảo hiểm tuổi và chăm sóc người già."
"Peter Ferdinand Drucker (1909-2005), sinh tại thủ đô Vienna (Áo), lấy bằng Tiến sĩ Luật Quốc tế tại Đại học Frankfurt (Đức). Ông là tác giả nhiều cuốn sách quản lý nổi tiếng (Ví dụ: Những thách thức của quản lý trong thế kỷ XXI). Drucker nghiên cứu về kinh tế học và từng là nhà báo tại London (Anh), sau đó nhập cư vào Mỹ năm 1937. Ông đã viết 35 cuốn sách, trong đó có 15 cuốn về quản lý, 16 cuốn về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, 2 cuốn tiểu thuyết và 1 cuốn tự truyện."
"Lean Six Sigma: Là phương pháp kết hợp giữa Lean (loại trừ các phế phẩm trong quá trình sản xuất) với Sigma (loại trừ các biến động trong sản xuất dẫn đến phế phẩm và giảm thiểu các phế phẩm). Hai phương pháp này được triển khai đồng thời."
"21. Vivekananda là một trong những lãnh tụ tinh thần nổi tiếng nhất và có ảnh hưởng nhất của triết lý Vedanta, một trường phái triết học của Ấn Độ giáo xem xét bản chất của thế giới hiện thực."
"Sri Sri Ravi Shankar là người Ấn Độ, là nhà lãnh tụ tâm linh kiêm sáng lập Hội Nghệ thuật Sống − một tổ chức giáo dục và nhân đạo dựa trên tinh thần thiện nguyện."
"Anna Wise là tác giả của cuốn sách đáng chú ý Awakening the Mind: A Guide to Mastering the Power of Your Brainwaves (Đánh thức trí óc: Hướng dẫn làm chủ sức mạnh của sóng não)."
"Scott Bedbury là Giám đốc điều hành tập đoàn BrandStream, chuyên gia tư vấn hàng đầu của Seatle, người quản lý chiến dịch quảng cáo thành công “Just do it” của Nike và Giám đốc Marketing của Starbucks."
"Theo lý thuyết FLOW, điều kiện để đạt tới sự mãn nguyện bền vững (và nếu mọi chuyện diễn ra suôn sẻ thì sẽ có cả sự mãn nguyện có cơ sở vững chắc nữa) là việc tham gia vào các hoạt động hơi khó khăn một chút nhằm mục đích chống lại cảm giác buồn chán và đơn điệu, nhưng đồng thời lại không khó đến mức vượt quá khả năng của một cá nhân cụ thể để không tạo ra cảm giác thất bại trong đời, không khiến người ta chán nản."
"Dwight David 'Ike' Eisenhower (1890-1969) là ứng cử viên của Đảng Cộng hòa, ông đã được bầu Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953–1961)."
"Miller và Pruzan là đồng tác giả cuốn sách Leading with Wisdom và Spiritual-Based Leadership in Business"
"Robin Sharma là tác giả của nhiều cuốn sách như Family Wisdom from the Monk Who Sold His Ferrari; The Saint, the Surfer, and The CEO: A Remarkable Story About Living Your Heart’s Desires."
"G. P. Gupta là tác giả của nhiều cuốn sách về quản trị như Management by Consciousness; Management with a Difference."
"Selvazajan Yesudian là tác giả cuốn sách Yoga and Health."
"Albert Schweitzer (1875-1965) là một tiến sỹ, bác sỹ, nhà triết học, thần học người Pháp. Ông đoạt giải Nobel Hoà bình năm 1952 vì đã có công lớn trong giúp đỡ người dân châu Phi, bất chấp gian khổ, bệnh tật."
"Debashis Chatterjee là giáo sư giảng dạy Quản trị nhân lực tại nhiều trường đại học trên nước Mỹ, là

tác giả của các cuốn sách Leading Consciously; Managing Transitions; Light the Fire in Your Heart."
"Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832) được coi là một trong những vĩ nhân của văn học thế giới. Ông là một nhà thơ, nhà viết kịch, nhà văn, nhà khoa học, họa sỹ của Đức. Hầu hết các tác phẩm của ông trường tồn với thời gian, trong đó kịch thơ Faust được coi là một trong những đỉnh cao của nền văn chương thế giới."
"Jack Welch là cựu Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (CEO) tập đoàn General Electric (GE), tác giả cuốn sách nổi tiếng về đề tài lãnh đạo: 29 Leadership Secrets From Jack Welch."
"Marcus Buckingham là cố vấn, diễn giả nổi tiếng trong lĩnh vực lãnh đạo và thực hành quản lý đồng thời cũng là nhà tư vấn cao cấp của Tổ chức Gallup."
"Martin Seligman là nhà tâm lý học thuộc Đại học Pennsylvania (Mỹ)."
"Tập đoàn Enron là một trong những công ty năng lượng hàng đầu thế giới, gây ra một vụ bê bối tài chính lớn nhất nước Mỹ dẫn đến phá sản năm 2001."
"CEO: viết tắt của từ tiếng Anh Chief Executive Officer, có nghĩa là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc điều hành. CEO ở đây được hiểu là người lãnh đạo."
"1. Tổ chức quản lý phi lợi nhuận Peter F. Drucker Foundation (thành lập năm 1990), hiện nay là Học viện Lãnh đạo, có trụ sở tại New York (Mỹ) chuyên tư vấn và củng cố khả năng lãnh đạo của các tổ chức."
"Starbucks là thương hiệu cà phê hàng đầu thế giới."
"Lời rao thang máy là những lời súc tích, có kế hoạch cẩn thận, được chau chuốt, miêu tả về công ty bạn chỉ trong thời gian đi một lượt thang máy."
"Richard Branson là ông chủ Tập đoàn Virgin, được chính thức công nhận là thương hiệu nổi tiếng thứ ba ở Anh, cung cấp hầu hết các dịch vụ cần thiết trong sinh hoạt, đời sống, vui chơi giải trí v.v…"
"Nữ ca sĩ, nhạc sĩ người Anh."
"Người dẫn chương trình truyền hình người Anh."
"Phu nhân cựu Thủ tướng Anh Tony Blair."
"Nữ diễn viên và nhà văn Mỹ."
"Món hamburger của nhà hàng Mc. Donald’s."
"Nữ diễn viên người Úc."
"Ca sĩ nổi tiếng người Mỹ."
"Diễn viên, đạo diễn và nhà sản xuất phim người Mỹ."
"Hãng hàng không giá rẻ."
"Nguyên văn lingua franca: ngôn ngữ pha tạp dùng để giao tiếp giữa các cộng đồng không cùng ngôn ngữ."
"Chuỗi cửa hàng đồ nội thất cao cấp ở Anh."
"Hiệp hội bao gồm tám trường đại học nổi tiếng và lâu đời ở Bắc Mỹ. Cũng mang nghĩa thượng lưu, chọn lọc. (ND)"
"Hãng thời trang cao cấp. (ND)"
"Đơn vị đo chiều dài của Anh, tương đương 30,48 cm."
"Chuỗi cửa hàng bách hóa tổng hợp ở Anh."
"Một quận với nhiều chợ và cửa hàng nhộn nhịp ở London."
"Một khu trung tâm thương mại ở bắc London."
"Chú hề Ronald là biểu tượng của chuỗi cửa hàng đồ ăn nhanh Mc. Donald’s."
"Nguyên văn ‘organic’: là các loại sản phẩm được trồng, thu hoạch và chế biến theo qui trình hoàn toàn tự nhiên, thân thiện với môi trường không sử dụng hóa chất kích thích hoặc độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe."

"Món sa lát kiểu Pháp có rau diếp, quả ô liu đen, cá ngừ và trứng luộc trộn với nụ bạch hoa và cá trổng ướp dầu, rưới dầu dấm."
"Diễn viên và nghệ sĩ múa xinh đẹp người Pháp."
"Một bang ở Mỹ."
"Nhãn hiệu thời trang trẻ em và các lớp dành cho trẻ nhỏ vui chơi và cảm thụ âm nhạc."
"Hệ thống nhà tù công ở Vương quốc Anh."
"Nhãn hiệu nước giải khát và nước uống thể thao."
"Cách nói thông dụng để chỉ vùng đất phía tây nam nước Anh ngày nay."
"Cách nói chỉ vùng đất phía đông nước Anh."
"Trò chơi điện tử."
"Vé sử dụng phương tiện giao thông công cộng ở London."
"Con ở đây là tên viết tắt của Connor, nhưng trong tiếng anh cũng có nghĩa là sự lừa bịp hoặc từ viết tắt của convict: người bị kết án."
"Thắng cảnh tự nhiên ở phía nam nước Anh."
"Diễn viên người Anh thứ tư đóng vai bác sĩ trong serie phim viễn tưởng Dr. Who."
"Diễn viên người Anh thứ chín đóng vai bác sĩ trong serie phim viễn tưởng Dr. Who."
"Xe hơi siêu nhỏ của hãng Mercedes."
"Một loại nấm cục, mọc ngầm dưới đất có hương vị rất thơm ngon và có giá trị cao."
"Alcoholics Anonymous: Hội trợ giúp những người nghiện rượu từ bỏ rượu."
"Indie music là xu hướng âm nhạc ra đời từ cách đây vài thập kỉ. Vào khoảng những năm 1950, 1960 khi các hãng thu âm có quá nhiều quyền lực và tham gia sâu vào việc in đĩa của ca sĩ thì xu hướng này bắt đầu và nhanh chóng trở thành xu hướng âm nhạc thịnh hành trên thế giới. Indie là viết tắt của từ independent (nghĩa là độc lập). Những nghệ sĩ indie thường "bao thầu" tất cả các công đoạn để "tạo chế" ra một sản phẩm. Họ luôn làm việc với khẩu hiệu "do it yourself" nên chất nhạc của họ luôn lạ, có phần phóng khoáng, tự do và mang đậm dấu ấn cá nhân. (ND)"
"Kẹo cao su chứa nicotin thay thế thuốc lá dành cho người nghiện thuốc lá."
"Nhà xuất bản Mỹ chuyên về các ấn bản tạp chí về phong cách sống trong đó có Vanity Fair, Vogue, GQ, Architectural Digest, Bon Appétit..."
"1. Ông tổ của ký hiệu Morse."
"2.Một nhóm đảo dọc theo Đại Tây Dương nơi cộng đồng người da đen phần lớn đã được sống tự do trước khi có luật giải phóng nô lệ."
"3. Nơi những người Cherokee bị bắt phải dời đến sau khi người da trắng tìm thấy vàng trên đất của họ."
"4. James Edward Oglethorpe (1696-1785) là vị tướng của nước Anh, đồng thời là nhà sáng lập ra bang Georgia của Hoa Kỳ."
"5. Andrew Jackson (1767-1845) là tổng thống thứ bảy của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (1829–1837)."
"6. Bệnh đậu mùa."
"1. Một người phụ nữ trong Kinh Thánh bị biến thành cột muối khi bà làm trái lời dặn của Chúa và ngoái nhìn sau lưng."
"1. Trường đại học đầu tiên ở Mỹ nhận học sinh da trắng lẫn da đen."
"* Sông Ohio phân chia Kentucky, tiểu bang có luật nô lệ, và Ohio, tiểu bang không có luật nô lệ. Ở đây, Sethe chưa qua được sông, nên chị vẫn còn ở bên phía bờ nô lệ."
"1. Chỉ nhóm Ku Klux Klan, một hội đoàn da trắng chống bãi bỏ nô lệ bằng bạo động. Những người trong hội giấu mặt bằng cách trùm khăn trắng đục lỗ hở đôi mắt."
"1. Lời một bài hát của người da đen Mỹ, Dưới bờ sông."

"2. Những chi nhánh Cơ đốc của người da đen."
"1. Trường đại học da đen."
"1. Nô lệ trốn đến các tiểu bang không có chế độ nô lệ phải được trả lại cho chủ."
"2. Trích từ Kinh Thánh."
"3. Trích từ Kinh Thánh."
"4. Tiền bồi thường cho những tiểu bang miền Nam ủng hộ miền Bắc vì những tổn thất tài sản cá nhân do binh lính gây ra trong cuộc chiến Nam-Bắc."
"5. Bàn thảo về ưu đãi của Chúa đối với người da trắng, và chuyện người da đen phải ngồi ở một khu vực riêng trong nhà thờ."
"6. Thời đó, chỉ người da trắng là có quyền bầu cử."
"7. Sojourner Truth, sau khi được giải phóng nhờ tiểu bang New York bãi bỏ chế độ nô lệ, đã giúp đỡ những người nô lệ trốn đến vùng tự do, và tham gia vào phong trào bãi nô."
"1. Dearly Beloved (Thưa gia đình thân hữu): Mục sư thường dùng hai chữ này để bắt đầu một buổi lễ. Sethe chỉ nghe được hai chữ này và chị nghĩ mục sư chỉ đứa con gái đã chết của mình. (Tất cả các chú thích trong sách là của người dịch.)"
"2. Nguyên văn: Change of Life, chỉ thời kỳ mãn kinh của phụ nữ."
"(1) Anton Pavlovich Chekhov (1860–1904), nhà văn, nhà viết kịch người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới với thể loại truyện ngắn."

Table of Contents

LỜI DỊCH GIẢ
PHẦN MỘT
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
PHẦN HAI
19
20
21
22
23
24
25
PHẦN BA
26
27
28